

TIỂU THUYẾT CỔ TRUNG HOA
TAM NGÔN NHỊ PHÁCH

ĐỘC CHIÊM HOA KHÔI

Phạm Thị Hảo dịch

Phùng Mộng Long (1574 - 1646)

Sinh vào năm thứ 2 thời Vạn Lịch triều Minh và mất thời Thuận Trị triều Thanh, là tác giả của tiểu thuyết nổi tiếng “Đông Chu Liệt Quốc”. Trước đây, tác giả thường được coi là người Ngô huyện tuy nhiên gần đây, sau khi tái bản “Thọ Ninh đãi chí”, mới xác định rằng ông quê ở Trường Châu, Trung Quốc.

Phùng Mộng Long tự là Do Long, cũng có khi ký là Long Tử Do, quê ở Trường Châu, nay là Tô Châu, Giang Tô. Ông xuất thân từ gia đình có học vấn, từ nhỏ ông đã nổi tiếng tài hoa. Lúc còn trẻ, Phùng Mộng Long là người khá phong lưu, nhưng cũng lận đận trong thi cử. Năm 57 tuổi, ông được chọn làm Công sinh (tức Cử Nhân). Trong đời vua Sùng Trinh nhà Minh, ông giữ chức tri huyện tại huyện Thọ Ninh, Phúc Kiến. Lúc quân Thanh xua quân xuống vùng phía Nam, ông từng tham gia vào hoạt động chống Thanh, khi chính quyền Nam Minh bị tiêu diệt thì ông buồn rầu mà chết.

Cả cuộc đời Phùng Mộng Long gắn liền với việc nghiên cứu, chỉnh lí, sáng tác văn học phong tục, đạt được những thành tựu mà ít người sánh kịp. Một khối lượng đồ sộ gồm các tác phẩm sưu tầm, biên soạn và sáng tác đã được ông để lại với nhiều loại hình như văn học dân gian, sân khấu, truyện ngắn và cả tiểu thuyết.

Tiêu biểu là bộ Đông Chu Liệt Quốc của Phùng Mộng Long đã rất quen thuộc ở Trung Quốc và Việt Nam. Nội dung tác phẩm xoay quanh cuộc tranh giành đất đai cũng như quyền lực giữa các nước chư hầu thời Xuân Thu và Chiến Quốc, cụ thể là từ Chu U Vương nhà Chu đến khi Tần Thủy Hoàng diệt thâu 6 nước Sở, Hàn, Yên, Triệu, Ngụy, Tề, đưa thiên hạ về tay nhà Tần.

Tác phẩm thứ hai cũng rất đáng chú ý là bộ Tam Ngôn (nguyên bản Cổ kim tiểu thuyết) gồm các quyển Dự thế minh ngôn, Cảnh thế thông ngôn và Tỉnh thế hăng ngôn, lần lượt được khắc in vào trước sau niên hiệu Thiên Khải nguyên niên, Thiên Khải năm thứ 4 và Thiên Khải năm thứ 7 (1624-1627). Những tiểu thuyết trong Tam Ngôn có nguồn gốc khác nhau, tình huống khá phức tạp. Một bộ phận nhỏ là những “thoại bản” lưu truyền ở

các đời Tống, Nguyên, Minh được ghi chép sau đó được Phùng Mộng Long gia công sửa chữa, còn phần lớn là Phùng Mộng Long đã dựa vào những bút kí, tiểu thuyết, truyền kỳ, những mẩu chuyện lịch sử, dân gian thời trước để sáng tác nên.

TAM NGÔN NHỊ PHÁCH

Bản tiếng Việt © 2011 Công ty Sách Phương Nam & Phạm Thị Hào

Chọn dịch từ nguyên bản tiếng Hán: 三言二拍, 上海辞书出版社, 1997

(*Tam ngôn Nhị phách*, Thượng Hải Từ thư Xuất bản xã, 1997)

và: 三言二拍, 北京文学出版社, 2006

(*Tam ngôn nhị phách*, Bắc Kinh Văn học Xuất bản xã, 2006)

Mọi sao chép, trích dẫn phải có sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty TNHH Sách Phương Nam.

Sách được thực hiện bởi PHUONG NAM BOOK. Chuyển về ebook bởi ROMANCE BOOK.

Ebook được làm phi lợi nhuận. Hãy mua sách trong điều kiện có thể.

fb.com/romanbook

MỤC LỤC

TỦ SÁCH TINH HOA VĂN HỌC

LỜI GIỚI THIỆU

CÁC TRUYỆN TOÀN VĂN

Tưởng hưng ca thấy lại áo trên châu

Thương nhân họ Trình được thần biển giúp

CÁC TRUYỆN TÓM LƯỢC

Ở hiền gặp lành

Vì người yêu quên mạng sống

Thi phúc ở hiền

Đỗ Thập Nương giận ném hòm châu báu

Anh em trai mà khác giới

Tổng Tứ Công ghét kẻ > Hẹn ước trên thuyền

Hộ hoa sứ giả

Đánh đòn kẻ bạc tình

Một con chim giết chết bảy mạng người

Hai trái đào giết chết ba dũng sĩ

Kiều Thái Thú sắp xếp lại các cặp uyên ương

Hồn ma chia gia tài

Bán nhà chuộc bạn

Chuyển giả thành thật

Tháp Lôi Phong

Ngàn dặm đưa đường

Bách niên trường hận

Mười lăm quan tiền

Cùng đường sám hối

Tái sinh duyên

Gặp thời đổi vận

Sống phải chia lìa chết sẽ theo nhau

Ác giả ác báo
Kinh kim cương
Chiếc gương báu
Của phi nghĩa chẳng bền lâu
Một bát cơm cũng lo đền đáp
Vong ân phụ nghĩa

TỦ SÁCH TINH HOA VĂN HỌC

Tinh hoa văn học của nhân loại nào cũng cần được khám phá và tái khám phá. Mỗi tác phẩm lớn là một xứ sở kỳ diệu và mỗi lần ta tìm đến là thực hiện một cuộc phiêu lưu hoan lạc.

Dịch thuật, giới thiệu và biên khảo về những tác phẩm tinh hoa sẽ mở ra các lối cổng dẫn vào những cảnh tượng văn chương khác nhau, qua những không gian và thời gian vừa hiện thực vừa kỳ ảo.

Khát vọng hiểu biết và vui thú trong đời là bản tính của con người ở mọi nơi và mọi thời. Các tác phẩm văn chương thật sự vĩ đại đều mang lại hai điều đó: vui thú và hiểu biết. Nhưng hiểu biết là niềm vui hiếm khi tự đến một cách dễ dàng. Cần đón đợi và hồi đáp.

Mọi tác phẩm tinh hoa cần được đón đợi và hồi đáp trong niềm hân hoan có tên là “ĐỌC”.

ĐỌC. Cầm sách lên và đọc. Trong sách có bạn hiền, có người đẹp, có mọi thứ. Do vậy, chúng tôi chủ trương TỦ SÁCH TINH HOA VĂN HỌC, xem đó như cửa ngõ của hiểu biết và niềm vui.

CÓ NĂM CỬA:

• Kiệt tác:

Mỗi kiệt tác sẽ được dịch trọn vẹn và giới thiệu cả tác giả lẫn tác phẩm trong phối cảnh văn hóa những đặc điểm thiết yếu.

• Tuyển:

Tuyển chọn những tác phẩm ngắn của một tác giả, một nền văn học hay một chủ đề mang tính điển mẫu (thuộc vòng đời hay vòng mùa).

• Kiến thức:

Những kiến thức mà người đọc hiện đại cần có: trào lưu văn học, các nền văn học, thể loại được trình bày gọn nhẹ, dễ tiếp nhận.

• Nghiên cứu:

Các công trình chuyên sâu về một vấn đề văn học, một tác giả thiên tài, lý luận phê bình

• Mới:

Về các hiện tượng văn học mới xuất hiện của nước ngoài đang gây chú ý hoặc đoạt các giải thưởng lớn. Mong ước chúng tôi là TỦ SÁCH TINH HOA VĂN HỌC sẽ tiến bước bền vững và được đón nhận thân tình.

Tủ sách được biên soạn và dịch thuật từ những nhà giáo, dịch giả và nhà nghiên cứu có uy tín và tâm huyết với văn chương.

NHẬT CHIÊU

LỜI GIỚI THIỆU

Trong kho tàng văn học cổ Trung Quốc có nhiều đỉnh cao nghệ thuật không chỉ rạng rỡ cho văn hóa Trung Quốc mà còn được độc giả nhiều nước hâm mộ, đánh giá rất cao. Đó là những thành tựu thơ ca, từ phú, tản văn với những tác phẩm tiêu biểu như “Kinh Thi”, “Sổ Tử”, “Tản văn lịch sử”, “Tản văn Chư tử”, Thơ Đường, Thơ Tống nhiều thể loại khác như biên văn, tán khúc, tạp kịch, truyện ký, tiểu thuyết cũng có nhiều giá trị, trong đó tiểu thuyết là mảng văn học rất đáng chú ý.

Tiểu thuyết Trung Quốc vốn phát triển muộn hơn các thể loại khác. Trong khi thơ ca, từ phú, tản văn có những thành tựu huy hoàng từ thời Xuân Thu, Chiến Quốc (tức thế kỷ V-VI trước Công Nguyên), thì tiểu thuyết đương thời chỉ được xem là “Tiểu đạo”, là thứ ngôn luận tầm thường lưu hành nơi ngõ xóm, kể về những chuyện nhỏ mọn, vặt vãnh trong cuộc sống bình thường, không phải là thứ cao cả uyên thâm “ngôn chí”, “tải đạo”.

Sang đến đời Đường (thế kỷ VII) mới có loại truyện chí quái, truyền kỳ, chủ yếu ghi chép các chuyện lạ về tôn giáo, dã sử. Đến đời Tống, những chuyện đó được soạn lại rồi được nghệ nhân kể chuyện phối hợp các động tác minh họa diễn kể trong những dịp hội hè, họp mặt, vui chơi. Các truyện kể đó được tập hợp lại thành loại tác phẩm gọi là “Thoại bản”. Cuối đời Tống, Thoại bản được phổ biến rộng rãi. Rồi có những văn nhân dựa theo thoại bản biên soạn lại, có gia công thêm bớt, nhuận sắc, thành một loại gọi là “Nghĩ thoại bản”(mô phỏng theo thoại bản). Hình thức này tiếp tục phát triển ở đời Nguyên. Các tác phẩm Nghĩ thoại bản của hai thời Tống - Nguyên được tập hợp thành bộ “Tuyên Hòa di sự” gồm hai tập thuật các chuyện từ thời Nghiêu - Thuấn trở đi cho đến đời Tống.

Sang đời Minh, một số văn nhân lại làm việc nhuận sắc gia công cho các Nghĩ thoại bản, rồi tiến tới sáng tác ra những truyện ngắn viết bằng bạch thoại⁽¹⁾.

Loại tác phẩm này nội dung tương đối phong phú, đã có nhiều yếu tố tiểu thuyết và trở thành cơ sở quan trọng để các tiểu thuyết gia đời Minh - Thanh dựa vào viết thành những kiệt tác lớn như “Tam Quốc diễn nghĩa”, “Thủy Hử truyện”, “Tây Du ký”.

Như vậy, “Thoại bản” và “Nghĩ thoại bản” chính là khởi nguồn, là tiền thân của thể loại tiểu thuyết thời Minh - Thanh, một bộ phận văn học đã phát triển rực rỡ với con số hàng ngàn bộ trong đó nhiều tác phẩm ưu tú đã thành giá trị cổ điển được lưu truyền và ảnh hưởng sang nhiều nước, trong đó có Việt Nam ta.

Tác phẩm “Nghĩ thoại bản” tiêu biểu nhất và có ý nghĩa đặt cơ sở cho tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc là “Tam ngôn” và “Nhị phách” thường được gọi chung là “Tam ngôn - Nhị phách”. Người soạn “Tam ngôn” là Phùng Mộng Long. Người soạn “Nhị phách” là

Phùng Mộng Long người cuối đời Minh, sinh năm 1575 mất năm 1646, có tên chữ là Do Long, là Tử Do, có nhiều tên hiệu là Long Tử Do, Mặc Thám Trai chủ nhân, Cố Khúc Tán nhân. Ông quê Trường Châu (nay là thành phố Tô Châu tỉnh Giang Tô) xuất thân trong một gia đình có nhiều tài năng nổi tiếng. Anh trai ông là họa gia Phùng Mộng Quế, em trai là nhà thơ Phùng Mộng Hùng, ba anh em được người đương thời tôn xưng là “Ngô Hạ Tam Phùng” (Ba ông Phùng đất Ngô) và rất mến mộ. Phùng Mộng Long học rộng biết nhiều, có chí làm quan, song đi thi nhiều lần không đỗ. Ông từng đi khắp nơi vừa du lịch vừa dạy học để sinh sống. Năm Thiên Khải thứ hai (1662) ông trở về Thái Hồ ở được mấy năm thì gặp vụ biến Chu Thuận Xương phản nghịch. Do ông có giáo thiệp với Chu Thuận Xương nên Chu bị ngòì tù, ông cũng bị liên lụy. Cuối cùng rồi ông cũng được thoát nạn. Đến năm Sùng Trinh thứ ba (1630) ông lại đi thi và đỗ bậc Cống sinh, được bổ làm Huấn đạo Đan Bô, rồi chuyển đến Thọ Ninh làm Tri huyện 11 năm. Trong thời gian này ông có làm một việc được ca ngợi rất nhiều. Đó là, bấy giờ vùng này thịnh hành hủ tục dìm chết trẻ con gái. Ông đã tự tay khởi thảo cáo thị nghiêm cấm chuyện đó. Ông viết: “Mười tháng hoài thai, chịu bao đau đớn khổ sở, dù trai hay gái đều là cốt nhục sao lại nhẫn tâm

dìm chết? Huống chi, sinh nam chưa chắc đã hiểu thuận, sinh nữ vị tất đã hư hỏng”. Cáo thị đã được dán lên và lệnh cấm khắp nơi có kết quả ngay.

Năm Sùng Trinh thứ 17 (1664) quân khởi nghĩa Lý Tự Thành đánh vào Bắc Kinh, vua Sùng Trinh tự tử ở Môi Sơn. Phùng Mộng Long rất đau buồn trước tình thế hỗn loạn của đất nước. Quân Thanh kéo vào, dựng triều chính, ông ngậm ngậm ôm mộng trung hưng. Đến khi quân Thanh tiến đến phía nam, ông bắt đầu nỗ lực tuyên truyền chống Thanh, soạn ra sách “Trung hưng vĩ lược” đề phổ biến.

Năm Thuận Trị thứ ba triều Thanh (1646), vào mùa xuân, Phùng Mộng Long qua đời. Có thuyết nói ông bị quân Thanh giết chết.

Phùng Mộng Long trước sáng tác nhiều thơ văn, tiểu thuyết, hí khúc, đều có thành tựu. Ông từng cải biên các bộ tiểu thuyết trường thiên như “Bình yêu truyện”, “Tân liệt quốc chí”, biên soạn các bộ ca khúc dân gian “Sơn ca”, “Quả kỹ nhi”, biên tập gia công tập tán khúc “Thái hà tân tấu”, viết các truyện truyền kỳ “Song hùng ký”, “Vạn sự túa có tập “Mặc Hám Trai truyền kỳ định bản”. Về thơ, ông có tập “Thất lạc tề cao”. Tác phẩm tiêu biểu nhất của ông là “Tam ngôn” luôn được gắn liền với “Nhị phách” của Lãng Mông Sơ, trở thành tác phẩm khởi đầu quan trọng của văn học thông tục Trung Quốc.

Lãng Mông Sơ sinh năm 1580, mất năm 1664, tự Huyền Phòng, hiệu Sơ Thành, biệt hiệu Túc Không Quan chủ nhân, là người Ô Trình (nay là huyện Ngô Hưng tỉnh Triết Giang). Ông sớm có tài năng văn chương song lận đận trên đường khoa cử, đi thi mãi không đỗ. Năm 55 tuổi mới đỗ Cống sinh, được bổ làm Huyện Thừa Thiên Hải, sau làm thông phán Từ Châu.

Năm Sùng Chỉnh thứ 17 (1644) Lý Tự Thành tấn công Từ Châu, ông ngã bệnh qua đời.

Tác phẩm trước thuật của Lãng Mông Sơ rất phong phú. Các loại tạp luận kinh sử, tuyển bình thơ văn không dưới 20 loại song phần lớn bị thất tán. Được ghi trong “Tứ Khố toàn thư” thì có “Ngôn thi dục”, “Thi nghịch”, “Thi Kinh nhân vật khảo”, “Quốc môn tập”, “Nam âm tam lại”, “Đông Pha thiên hỷ tập”, “Hợp bình tuyển thi” và rất nhiều hí khúc. Cuối đời ông rất say mê việc in khắc các loại tiểu thuyết, hí khúc, khắc xong

dùng son và mực trang điểm thêm cho đẹp, có những bản in nhiều màu lại có xen thêm hình vẽ rất hấp dẫn. Ông từng khắc những sách “Thế thuyết tân ngữ”, “Tây Dương ký”, “Tỳ Bà”, “Nam Kha” đều rất sắc sảo đẹp mắt.

“Nhị phách” là tác phẩm tiêu biểu nhất của ông. Cùng với “Tam ngôn”, tác phẩm này đã trở thành đối tượng nghiên cứu không thể thiếu của các nhà tiểu thuyết học Trung Quốc.

“Tam ngôn” và “Nhị phách” đều là các bộ in gộp nhiều tập. “Tam ngôn” gồm 3 tập: “Dụ thế minh ngôn” (còn gọi là “Cổ kim tiểu thuyết”), “Cảnh thế thông ngôn” và “Tĩnh thế hằng ngôn”, mỗi tập 40 thiên, cả bộ 120 thiên. Những thiên truyện này có truyện cải biên bản cũ đời Tống - Nguyên - Minh, có truyện dựa theo tác phẩm văn ngôn (các bút ký, hý khúc, truyện truyền kỳ, truyện lịch sử, truyện truyền khẩu trong xã hội) rồi viết lại hoặc sáng tác thêm. Có nghĩa là “Tam ngôn” bao gồm cả sự chỉnh lý gia công cái cũ và độc lập sáng tác cái mới của nhà văn, là cơ sở của nghệ thuật tiểu thuyết bạch tho

“Nhị phách” gồm 2 tập: “Phách án kinh kỳ sơ khắc” và “Phách án kinh kỳ nhị khắc” mỗi tập 40 thiên, trong đó có 1 thiên trùng lặp, 1 thiên tạp kịch. Trong bài “Tựa tự viết” ký tên Tức Không Quán chủ nhân, tác giả nói rằng sách này “thu thập các truyện hay xưa nay rồi viết lại và mở rộng thêm ra “vậy nên tác phẩm toàn là sáng tác cá nhân. Tác giả căn cứ vào sử liệu và truyền thuyết dân gian rồi lựa chọn cái hay, sắp xếp diễn giải, hư cấu, viết thành tác phẩm của mình.

Nội dung trong “Tam ngôn” và “Nhị phách” rất phong phú, đề tài rất rộng, đề cập nhiều phương diện của cuộc sống xã hội. Có những truyện phản ánh nền chính trị đen tối, vạch trần tội ác bọn quan lại tham ô thối nát, xử án bất công. Có những truyện tán dương các ông quan tốt sáng suốt thương dân. Có những truyện chê trách hành vi bội tín, phi nghĩa, phụ bạc. Nhiều hơn cả là những tác phẩm miêu tả đời sống của tầng lớp thị dân nơi thị thành khi nền kinh tế thương nghiệp bắt đầu phát đạt giữa đời Minh, thể hiện phong phú và sinh động ý thức tư tưởng, ý chí đấu tranh phản kháng các quan niệm cũ, tinh thần tích cực và khát vọng muốn có đời sống tốt hơn của họ.

Một điều đáng chú ý là trong “Tam ngôn”, “Nhị phách”, tư tưởng “trọng nghề buôn” rất rõ, con người thương nhân được khẳng định. Phần nhiều họ là những nhân vật chính diện, chịu khó chịu khổ, trọng nghĩa khí, có đạo đức. Tiểu thương Thi Phúc trong “Thi Phúc ở hiền” tốt bụng, không tham lam. Chàng bán dầu Tần Trọng trong “Độc chiếm hoa khôi” (tên toàn văn là “Chàng bán dầu độc chiếm hoa khôi”) buôn bán thật thà nên thu hút được khách hàng.

Nghề buôn được xã hội nhìn nhận khác xưa, nếu trước kia địa vị xã hội được xếp theo trật tự “sĩ, nông, công, thương”, với “thương” ở hàng cuối, thì trong “Tam ngôn”, “Nhị phách”, buôn bán được xem là nghề chính đáng, thương nhân được nâng địa vị, trong nhiều truyện tả xã hội lưu truyền câu thường ngôn “Nhất phẩm quan, nhị phẩm khách”. Khách tức là khách thương. Nhiều truyện tả thương nhân giàu có lên, an hưởng sung sướng.

Một điểm đáng chú ý nữa là “Tam ngôn”, “Nhị phách” miêu tả nhiều về tình yêu và hôn nhân. Quan niệm mới mẻ chống lại đạo đức phong kiến thể hiện rất rõ. Qua các nhân vật, “tình” được coi trọng và được xem là cơ sở cho quan hệ nhân luân lý tưởng, “tình” là giá trị cao nhất của hôn nhân và gia đình. Đặc biệt khi đề cập chuyện tình cảm hôn nhân, nhân vật nữ luôn được khẳng định, thể hiện quan niệm chống lại đạo đức phong kiến truyền thống, ca ngợi hôn nhân tự chủ, đề cao nam nữ bình đẳng. Người phụ nữ nhìn nhận về giá trị con người để quyết định số phận cho mình cũng mới mẻ, thiết thực. Như trong truyện “Độc chiếm hoa khôi” miêu tả anh chàng Tần Trọng vừa nhìn thấy nàng hoa khôi nổi tiếng là “tay chân đờ đẫn, lòng dạ mê mết”, và nàng Dao Cầm vốn đang được các công tử hào hoa giàu có say đắm xu phụ lại chỉ xúc động trước anh chàng nhân hậu thật thà này, vì thấy đây mới là người “chí thành quân tử”, “hiếu lòng hiếu người”, rồi chủ động tỏ ý định muốn chàng làm chồng. Đến lúc Tần Trọng mặc cảm tự ti nghĩ rằng “con người quen sống sung sướng sang trọng sao có thể làm vợ kẻ bán dầu rong này được” thì nàng đã thề “sẽ áo vải cơm rau với nhau, chết không oán hận”⁽²⁾. Người phụ nữ còn có ý thức về nhân cách của mình, kiên quyết giữ gìn nhân cách đó. Nàng Đỗ Thập Nương trong truyện “Đỗ Thập Nương

giận ném hòm châu báu” là điển hình của sự bảo vệ nhân cách phụ nữ. Nàng là một kỹ nữ đã nổi danh song luôn mong mỗi có một tình yêu bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Nàng đã nhận lầm Lý Giáp là người “Trung hậu thành thật”. Khi thấy rõ được bản chất xấu xa của hắn, nàng đã dùng lời lẽ nghiêm khắc đúng đắn mắng cho cả bọn một trận rồi ôm hòm châu báu lao người xuống sông, dùng cái chết để bảo vệ cho lý tưởng tình yêu và nhân cách trong sáng của mình. Truyện “Đánh đòn kẻ bạc tình” (tên toàn văn: “Kim Ngọc Nô đánh kẻ bạc tình”) không chỉ để bảo vệ nhân cách và quyền lợi của phụ nữ mà còn phê phán bọn phụ tình bạc nghĩa: Kim Ngọc Nô thông minh xinh đẹp lại giỏi giang khéo léo, do gia cảnh biến đổi phải lấy anh học trò nghèo khó tên là Mạc Kê. Ngọc Nô đã hết sức giúp đỡ chồng học tập, cuối cùng anh ta thi đỗ, được bổ làm quan. Thành đạt rồi, anh ta thay dạ đổi lòng. Khi đi nhậm chức, nửa đường anh ta đẩy vợ xuống sông. Ngọc Nô được một ông quan là Hứa Đức Hậu cứu sống, nhận làm con nuôi. Sau Mạc Kê lại làm thuộc hạ của Hứa Đức Hậu, được ông này gả con cho, Mạc Kê mừng rỡ. Nhưng Hứa phu nhân đã bày kế cho Ngọc Nô đánh cho chú rể một trận tơi bời ngay lúc động phòng.

Trong các truyện miêu tả tình yêu và hôn nhân, phần lớn các nhân vật nữ được bênh vực hoặc ca ngợi, chứng tỏ các tác giả muốn thể hiện tư tưởng nam nữ bình đẳng, giải phóng phụ nữ, quan niệm mới mẻ so với đương thời.

“Tam ngôn”, “Nhị phách” có nét mộc mạc của loại văn học thông tục song đọc rất hấp dẫn. Các tác phẩm ưu tú đều có cốt truyện hoàn chỉnh, tình tiết khúc chiết, chi tiết phong phú, ắc họa cá tính nhân vật rất rõ.

Về thủ pháp nghệ thuật, hai bộ sách này rõ ràng là tinh tế hơn loại thoại bản nhiều, có thể thấy sự gọt giũa kỹ lưỡng khi miêu tả hoàn cảnh, động tác, đối thoại, chi tiết, đặc biệt là có chú ý miêu tả tâm lý. Nhiều chỗ miêu tả hoạt động tâm lý rất sinh động. Như truyện “Tuồng Hưng Ca thấy lại áo trần châu” tả anh chàng Hưng Ca đi buôn bán xa, ở nhà vợ đẹp bị người quyến rũ. Hưng Ca về thấy cái áo trần châu của mình đưa cho vợ giữ đã bị tặng cho người khác. Biết vợ có tư tình, chàng ta bỏ vợ nhưng trong lòng đau đớn giận hờn, rồi lại thương xót, hối hận và tự trách mình đã để nàng

tuổi trẻ mà vò võ một mình ở nhà, bao mâu thuẫn trong lòng giằng xé tâm can, những chi tiết được miêu tả rất kỹ.

Hay như chàng Tần Trọng trong “Độc chiếm hoa khôi”, gặp người đẹp thấy mê mẩn tâm thần, thấy nàng thân ái, bụng cũng tự tin, song nghĩ thân phận mình lại thấy tự ti, rất muốn cầu thân lại lo cầu chẳng được, cứ băn khoăn khắc khoải mãi, bao rối rắm phức tạp trong tận đáy lòng được khắc họa tường tận vừa hợp lý vừa hợp tình.

Nghệ thuật miêu tả tâm lý là một bước tiến triển rất quan trọng, vì trước kia, các loại truyền kỳ, chí quái, các loại sử truyện, thoại bản thường chỉ chú trọng miêu tả ngôn hình bên ngoài, ít tả hoạt động tâm lý của các nhân vật. “Tam ngôn”, “Nhị phách” đã mở ra một hướng khai thác mới cho nghệ thuật tiểu thuyết phát triển sau này.

Một thủ pháp thường dùng trong hầu hết các truyện là xen lẫn tình tiết bi và hài, tạo nên sự thú vị, đọc thấy chất vui nổi trội hơn nhiều. Như trong “Kiều Thái Thú sắp xếp lại các cặp uyên ương” tả bao chuyện buồn thương rắc rối vì hôn nhân bao biện song lại xen vào những chi tiết lý thú và kết thúc đầy kịch tính rất vui. Chuyện chú rể Mạc Kê bị vợ đánh trong “Đánh đòn kẻ bạc tình” khiến người đọc sau khi thương cảm cho cô dâu đã rất khoái trá ở đoạn kết. Truyện “Hồn ma chia gia tài” thì đúng là một màn hài kịch đặc sắc: để bệnh vực quyền lợi cho người em bị người anh tham lam chiếm đoạt hết gia tài cha để lại, Đẳng Đại Doãn đã dàn cảnh rồi trước mặt đông đảo mọi người, nói năng cử chỉ cứ như đang đối đáp với hồn người chết, và làm bộ nghe theo lệnh người chết, chia lại gia tài cho người em. Chi tiết vừa nghiêm túc vừa gây cười rất hấp dẫn.

Về nhân vật, các truyện trong “Tam ngôn”, “Nhị phách” nói chung đều dùng lối miêu tả chất phác truyền thống mà người Trung Quốc gọi là “bạch miêu”, song các hình tượng nhân vật phần lớn đều sinh động, có cá tính, những Tường Hưng Ca, Tam Xảo Nhi, Mụ Tiết, Đỗ Thập Nương, Dao Cầm, Tần Trọng không chỉ biểu hiện hình hài rõ nét mà còn bộc lộ cả những tình cảm tâm tư biến đổi phong phú và chân thật.

Về ngôn ngữ, “Tam ngôn”, “Nhị phách” là những tác phẩm tiểu thuyết ngắn đầu tiên viết bằng bạch thoại, thoát khỏi hằn lối văn cô đọng hàm súc

của tác phẩm văn ngôn, lời lẽ cũng trong sáng nhẹ nhàng và đặc biệt xen rất nhiều khẩu ngữ, do đó lời văn hoạt bát tự nhiên, rất hợp với khẩu vị của đại chúng và đó cũng chính là một đặc điểm của loại văn học thông tục.

Về việc tuyển dịch các tác phẩm để giới thiệu trong tập sách này, chúng tôi chủ trương chọn các truyện tiêu biểu, có ý nghĩa, từng được nhiều người yêu thích.

Vì mỗi truyện đều tương đối dài, nếu để nguyên tất cả thì tập sách quá dày, sẽ khó khăn trong việc in ấn nên chúng tôi dịch theo bản rút gọn của nhà xuất bản “Thượng Hải Từ thư” xuất bản năm 1977.

Nhưng, để độc giả thấy rõ kết cấu nội dung và chi tiết phong phú của nguyên bản, chúng tôi dịch trọn vẹn tác phẩm đầu tiên của “Tam ngôn”: “Tưởng Hưng Ca thấy lại áo trên châu” và một truyện trong “Nhị phách”: “Thương nhân họ Trình được Thần Biển giúp”. Ta sẽ thấy lối tả tỉ mỉ cụ thể và thảnh thơi có xen vào mấy câu thơ hoặc mấy lời dẫn vốn là dấu vết của loại thoại bản do các nghệ nhân dân gian diễn kể trong các sinh hoạt văn hóa rất phổ biến đương thời. Khi dịch, chúng tôi chú ý thể hiện lối văn mộc mạc, hoạt bát của nguyên bản. Một số cách xưng hô thời xưa như “hiền tể” (cha vợ gọi con rể), “tiểu tể” (con rể xưng với cha vợ), “quan nhân” (vợ gọi chồng hoặc cách gọi lịch sự đối với người đàn ông còn trẻ), “lệnh ái”, “lệnh lang” (gọi một cách kính trọng con gái, con trai của người đối thoại) và một số thành ngữ, từ ngữ Hán thông dụng dễ hiểu, chúng tôi không hiện đại hóa mà để nguyên cho phù hợp với phong vị của tác phẩm truyện cổ. Bản dịch thế nào cũng có chỗ cần sự góp ý của độc giả. Xin chân thành lắng nghe và trân trọng cảm ơn.

PHẠM THỊ HẢO

CÁC TRUYỆN TOÀN VĂN

Tưởng hưng ca thấy lại áo trần châu

(Tam ngôn)

“Sĩ chí thiên chung phi quý. Niên quá thất thập thường hy. Phù sanh thân hậu hữu thủy tri? Vạn sự không hoa du hý! Hưu sinh thiếu niên cuồng đăng. Mạc tham hoa tửu tiện nghi. Thoát ly phiền não thị hòa phi. Tùy phận an nhàn đắc ý”:

(Quan hưởng ngàn chung cũng chẳng quý.

Tuổi đã bảy mươi đã hiếm người.

Tiếng tăm hão, chết rồi, ai biết?

Muôn sự chẳng qua chỉ trò chơi!

Tuổi trẻ chớ buông tuồng phóng đăng.

Đừng ham hoa rượu dễ trôi xuôi>

Hãy tránh ưu phiền rắc rối.

Vui vẻ an nhàn theo số trời).

Đây là bài từ “Tây giang nguyệt”⁽³⁾, khuyên người nên an phận thủ thường, sống theo duyên phận, chớ để cho bốn thứ “tửu, sắc, tài, tình” làm tổn hại tinh thần, ảnh hưởng hành vi, dẫn đến chỗ muốn sướng mà chẳng được sướng, được lợi rồi lại mất lợi.

Nói đến bốn thứ trên thì “sắc” là lợi hại nhất. Mắt là môi giới cho tình, dẫn đến lòng sinh dục vọng. Khởi đầu là bụng dạ bồn chồn, sau đây là hôn phi phách tán. Nếu như nơi rừng liễu tường hoa, ngẫu nhiên hội ngộ thì cũng có thể sự việc tốt lành. Nhưng chẳng may lại lòng nọ dạ kia, làm thương phong bại tục, chỉ cốt vui thú chốc lát cho mình mà không nghĩ đến tình nghĩa trăm năm cho kẻ khác thì giả như người có thể thiếp xinh đẹp mà bị kẻ khác trêu ghẹo thì sẽ thấy ra sao? Người xưa có bốn câu thơ rất hay:

Nhân tâm hoặc khả mị

Thiên đạo bất sai di

Ngã bất dâm nhân phụ

Nhân bất dâm ngã thê

*(Lòng người có khi tối
Nhưng đạo trời chẳng sai
Ta không trêu vợ người
Vợ ta sẽ gặp may>*

Hôm nay tôi xin kể chuyện “Áo trâu châu” để thấy chuyện nhân quả báo ứng là có thật, nêu ra để các con trẻ lấy đó mà làm gương.

Truyện kể về một người họ Trương tên Đức, tiểu tự là Hưng Ca, người huyện Tảo Dương phủ Tương Dương tỉnh Hồ Quảng. Cha của Hưng Ca là Trương Thế Trạch, từ nhỏ đã thông thuộc đường đi Quảng Đông buôn bán. Trương Thế Trạch có vợ là La thị đã qua đời để lại con trai Hưng Ca mới lên 9 tuổi. Tình cha con quyến luyến nhưng lại không bỏ được con đường com áo ở Quảng Đông, vậy nên suy đi nghĩ lại mãi, Thế Trạch đành mang con đi theo, để dạy dỗ nó ít nhiều điều khôn nhẽ phải. Chú bé này nhỏ tuổi nhưng mặt mũi sáng sủa, má trắng môi hồng, cử chỉ đường hoàng, ăn nói lanh lợi, thông minh hơn cả người học thức, khôn ngoan chẳng kém kẻ tài ba. Mọi người đều xem là của quý vô giá.

Trương Thế Trạch sợ người ta đổ kỵ nên dọc đường không nói là con đẻ của mình mà nói là cháu đằng vợ họ La. Vốn là họ La cũng thường đi buôn bán ở Quảng Đông, họ Trương chỉ mới một đời chứ họ La thì đã ba đời, những nhà buôn bán trọ ở đó đều quen biết thân thiết. Việc Trương Thế Trạch đi buôn mới đầu cũng là do ông bố vợ họ La dẫn đi. Vì gần đây luôn bị kiện tụng, nhà họ La thất thế, ít qua lại vùng này, nay thấy Thế Trạch đem tới một cậu bé của nhà họ La mặt mũi xinh xắn, ứng đối thông minh thì ai cũng thích.

Trương Hưng Ca theo cha đi làm khách thương được mấy lần là đã thông thạo, mọi cách thức đều biết, cha rất vui mừng. Đến khi chàng ta 17 tuổi, cha ngã bệnh quy tiên. Cũng may lúc này còn đang ở nhà, không phải làm ma đất khách. Hưng Ca khóc lóc một hồi, rồi đành phải gạt lệ lo toan tang ma đại sự.

Đến hôm 49 ngày, họ hàng nội ngoại đều tới thăm viếng. Trong số khách có ông họ Vương là nhạc phụ tương lai của Hưng Ca, được bà con nhà họ Trương ân cần tiếp đãi. Trong khi trò chuyện, ai cũng khen Hưng Ca

trẻ người mà giỏi giang, việc lớn gia đình chỉ một mình anh ta lo toan tất cả. Chuyện qua chuyện lại, rồi có người nói: “Thưa cụ Vương, bây giờ lệnh ái đã trưởng thành, sao không nhân dịp này cho cô cậu làm đám cưới để chung sống với nhau?”

Ông Vương chưa quyết định. Rồi hôm đó từ biệt ra về.

Bà con họ Tưởng đợi xong xuôi việc tang lễ, lại tới thúc giục. Mới đầu Hưng Ca không chịu, sau bị thôi thúc mãi, cũng cảm thấy một mình cô quạnh, đành bằng lòng vậy. Bèn nhờ bà mối sang nhà họ Vương xin cưới. Ông Vương từ chối nói: “Có gì thì nhà tôi cũng phải sắm sửa ít đồ, làm ngay sao được. Vả lại tang chưa đầy năm, cũng chưa nên cưới, đợi sau sẽ bàn”.

Bà mối về nói lại, Hưng Ca thấy vậy cũng phải thôi, không dám cố xin.

Ngày tháng thoi đưa, chẳng mấy chốc đã qua một năm, Hưng Ca lễ trước bài vị cha rồi thay bỏ áo tang, lại nhờ bà mối sang nói, lần này mới được nhận lời. Một ngày sau tiến hành sáu lễ xong xuôi, rước cô dâu về nhà làm vợ.

Bài “Tây giang nguyệt” có câu: “Hiếu mặc phiên thành hồng mặc, sắc y hoán khứ ma y” (Màn tang chuyển thành màn đỏ, áo màu đổi lại áo gai).

Cô dâu này là con gái út của ông Vương, tên gọi Tam đại nhi, vì nàng ta sinh đúng ngày mùng 7 tháng 7 nên còn gọi là Tam Xảo Nhi. Nhà họ Vương có hai cô con gái lớn đã gả chồng, cô nào cũng xinh đẹp, khắp vùng đều khen, nên có mấy câu rằng: “Thiên hạ phụ đa nhân. Vương gia nữ sắc quả. Hữu nhân thú trước tha. Thăng tự vị phò mã” (Trong thiên hạ chẳng thiếu đàn bà, nhưng con gái nhà họ Vương thật hiếm có. Ai may mắn mà lấy được họ, thì khác nào được làm phò mã con vua).

Tưởng Thế Trạch nghe nói ông Vương có con gái đẹp bèn đem lễ vật sang xin ngay từ khi còn nhỏ, định nhân duyên sớm cho hai đứa trẻ. Nay cưới được về nhà rồi, thấy quả là xinh đẹp dịu dàng, so với hai cô chị còn hơn rất nhiều. Thật là: “Tây Tử nước Ngô chẳng bằng, Nam Hậu nước Sở còn kém”.

Tưởng Hưng Ca vốn người đàn ông hoàng, nay lấy được vợ mỹ nhân, đúng là tốt lúa đẹp đôi, vợ chồng yêu quý nhau, sống rất hạnh phúc.

Nhưng từ xưa đã vậy, khổ thường kéo dài, vui thường qua mau, hè qua đông tới, ầy chốc đã trọn kỳ tang. Hưng Ca một hôm nghĩ tới những ngày cha sống ở Quảng Đông, thế mà nay đã hơn ba năm. Ở đó vẫn còn nhiều món nợ chưa thu được. Đêm đó mới bàn cùng vợ, muốn lên đường đi một chuyến. Mới đầu vợ cũng bằng lòng, bảo “nên đi” nhưng sau lại nói đường xá xa xôi, vợ chồng đang ân ái mặn nồng, làm sao chia tay cho được. Nói rồi nước mắt tuôn rơi. Hưng Ca cũng thấy không xa nhau nổi, buồn bã một hồi rồi thôi không đi nữa. Thấm thoát, chẳng mấy chốc lại hai năm nữa trôi qua. Lần này Hưng Ca quyết định phải đi, bèn giấu vợ chuẩn bị hành lý, rồi chọn ngày lành, đến hôm trước khi đi năm ngày mới nói với vợ rằng: “Người ta thường bảo miệng ăn núi lở, vợ chồng ta rồi cũng phải thành gia lập nghiệp, sao có thể bỏ con đường cơm gạo đó được. Bây giờ là tháng hai, thời tiết ẩm áp, nếu không đi thì còn đợi đến bao giờ nữa?”

Biết không giữ nổi, Tam Xảo chỉ đành hỏi: “Chàng đi thì bao giờ về?”

Hưng Ca nói: “Ta đi lần này là bất đắc dĩ, chậm nhất là một năm sẽ phải trở về” Tam Xảo chỉ vào cây xuân trước nhà bảo rằng: “Sang năm, cái cây này nảy lá là thiệp đợi chàng về đây”. Nói rồi nước mắt lại như mưa. Hưng Ca lấy tay lau nước mắt cho nàng, bất giác nước mắt mình cũng rùng rùng, tình cảm ly biệt thật khôn tả xiết.

Đến ngày thứ năm, hai vợ chồng sụt sùi khóc lóc, trò chuyện suốt đêm, không ngủ chút nào. Đúng canh năm, Hưng Ca trở dậy sắp xếp hành lý, đem các đồ tể nhuyễn ông bà để lại giao hết cho vợ giữ, riêng mình chỉ đem theo ít bạc, sổ nợ và quần áo đồ dùng cần thiết. Gia nhân thì chỉ mang theo thằng nhỏ, còn người già thì để lại cho Tam Xảo sai bảo hàng ngày. Lại sắp xếp cho hai vú già chuyên lo bếp núc và hai a hoàn một đứa là Tình Vân, một đứa là Noãn Tuyết chuyên hầu hạ trong phòng bà chủ không được rời xa. Sắp xếp đâu vào đấy, Hưng Ca nói với vợ: “Nàng hãy chịu khó ở nhà chờ đợi. Vùng này bọn trai trẻ lêu lổng không ít, nàng lại là người xinh đẹp, chớ có ngó ngang gì trước cửa mà mang họa”.

Tam Xảo nói: “Chàng cứ yên tâm, đi sớm rồi về cho sớm!” Vợ chồng gạt nước mắt chia tay.

Thật là:

*Trên đời ngàn vạn điều đau khổ,
Chẳng gì hơn tử biệt sinh ly.*

Hung Ca trên đường đi, suốt ngày chẳng để ý chuyện gì, chỉ đau đáu nhớ vợ. Chẳng bao lâu đã tới Quảng Đông, tìm vào quán trọ. Bọn người quen biết xưa đều kéo tới gặp mặt. Bày rượu tiếp đãi suốt bao nhiêu ngày, chẳng lúc nào rảnh. Lúc ở nhà đã hao phí sức lực, lúc đi đường lại vất vả mệt nhọc, bây giờ lại ăn uống bữa bãi quá nên Hung Ca ngã bệnh. Suốt mùa hạ vẫn không khỏi, đến mùa thu thì chuyển thành bệnh ly. Ngày nào cũng phải mời thầy bắt mạch bốc thuốc điều trị, kéo dài mãi đến tận cuối thu mới khỏi. Thế là việc buôn bán phải gác lại, trước mắt thấy một năm không thể về được.

Tuy nhớ nhà song lâu dần rồi cũng quen.

Lại nói chuyện Tam Xảo Nhi ở nhà, từ khi chồng ra đi dạn dò như vậy, quả thật trong suốt mấy tháng trời nàng ta mắt không nhìn ra cửa, chân không bước khỏi lầu. Thời gian vun vút chẳng mấy chốc đã đến hết năm, nhà nào nhà nấy rộn ràng đốt pháo Tết, ăn cơm họp mặt vui vẻ. Tam Xảo Nhi trước cảnh đó càng thấy nhớ chồng, suốt đêm buồn ảo não. Thật là:

*Nén tàn, sầu khó cạn
Xuân về, người chẳng về
Sớm mai càng cô quạnh
Thay áo mới làm chi!*

Hôm sau, ngày mùng một Tết. Hai đứa a hoàn Tình Vân, Noãn Tuyết nài nỉ khuyên bà chủ ra phía trước cửa xem phong cảnh một chút. Căn nhà của họ Tưởng phía trước liền với đường phố, phía sau là phòng ở. Tam Xảo thường chỉ ở phía sau. Hôm nay bọn nó nói mãi đành phải đi ra phía trước, bảo mở cửa sổ, buông rèm xuống rồi nhìn ra ngoài. Ngoài phố thật là nhộn nhịp. Tam Xảo nói: “Bao nhiêu người qua lại mà không thấy một thầy bói nào. Phải chi có mà gọi lại bói xem tin tức của ông chủ”. Hôm nay ngày đầu năm, mọi người đều nghỉ chơi, ai mà đi bói toán” Noãn Tuyết tiếp lời: “Cô ơi, cứ để hai chúng con lo, nội trong năm ngày thế nào cũng tìm được một thầy bói”.

Đến ngày mồng bốn. Noãn Tuyết xuống lầu tiểu tiện, bỗng nghe ngoài phố có tiếng gõ tinh tang, tinh tang. Đó là thầy bói mù gõ rao mời khách. Noãn Tuyết vội vã, chạy ra ngoài gọi lão mù, rồi lại nhón chân chạy một hơi về lên lầu báo cho bà chủ. Tam Xảo bảo ngồi dưới nhà dưới, rồi xuống nghe thầy bói đoán giải. Ông thầy mù bắt đầu bói quẻ. Hai bà vú trong bếp nghe thấy rộn rã cũng chạy ra xem, rồi nói thay bà chủ: “Quẻ này xin hỏi về người đi xa”. Ông thầy mù hỏi: “Có phải vợ hỏi về chồng không?”. Bà già nói: “Phải”. Ông thầy nói: “Thanh long trị thế, tài hào phát động, nếu vợ hỏi về chồng thì người đi hiện đang ở nửa đường, vàng bạc lụa là nhiều lắm, gió bão thì tịnh không. Thanh long thuộc mộc, mộc vượng vào xuân, đã lên đường lúc lập xuân rồi. Cuối tháng này hoặc đầu tháng sau ắt sẽ về đến nhà. Mang theo nhiều của cải” Tam Xảo biếu ông ba phân bạc để ông ta đi, rồi vui mừng lên lầu. Thật là “Vọng mai chỉ khát, họa bính sung cơ” (Ngắm mai khỏi khát, vẽ bánh no lòng).

Phàm người đi đã không mong thì thôi, đã mong thì lòng dạ khắc khoải, lúc nào cũng bồn chồn. Tam Xảo tin lời thầy bói, chỉ một dạ nghĩ đến chuyện chồng về. Từ đó, cứ luôn luôn ra trước phía lầu, ngó qua rèm mà nhìn khắp phía. Mãi cho đến tuần đầu tháng Hai, cây xuân trước cửa đã nảy chồi mà vẫn chẳng thấy tăm hơi.

Nhớ đến lời hẹn của chồng trước lúc ra đi, Tam Xảo càng lo, một ngày mấy lần ngóng nhìn ra ngoài. Vừa hay lúc đó nhìn thấy một chàng trẻ tuổi tuấn tú. Đúng là “Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ. Vô duyên đối diện bất tương phùng”.

Chàng trẻ tuổi này là ai vậy? Vốn không phải là người vùng này mà là người huyện Tân An thuộc Huy Châu, họ Trần tên Thương, người ta thường gọi là Đại Hỷ Ca sau gọi là Đại Lang. Chàng ta tuổi mới 24, đẹp trai tuy không hơn được Tống Ngọc, Phan An song cũng không thua kém.

Đại Lang cũng đã mất cả song thân, gom tiền hai, ba ngàn lượng đến vùng Tương Dương này, mua gạo, đổ về bán, thường một năm đi và

Chàng ta ở ngoại thành, hôm nay ngẫu nhiên vào phố để đến cửa hiệu cầm đồ quen hỏi tin tức của nhà. Cửa hiệu đó ở ngay đối diện nhà họ Tưởng. Chàng ta ăn mặc thế nào? Đầu đội chiếc mũ bách trụ kiểu Tô Châu,

mình mặc áo dài lụa Hồ màu trắng như bụng cá. Trông hệt như cách ăn mặc của Tưởng Hưng Ca.

Tam Xảo nhìn xa, tưởng là chồng về, bèn vén rèm lên nhìn kỹ. Trần Đại Lang ngẩng lên, thấy một mỹ nhân rất trẻ ở trên lầu, thế là cứ chăm chăm nhìn không chớp mắt, trong lòng thấy rất thích.

Tam Xảo không ngờ là nhận nhầm. Thấy không phải chồng, nàng ngượng đỏ bừng mặt, bèn chạy vội vào nhà trong, ngồi tựa vào thành giường, trống ngực đánh thình thịch. Nào ngờ anh chàng Trần Đại Lang kia đã bị ánh mắt của người đàn bà hút hết hồn vía. Về đến chỗ ở, cứ nhớ mãi không sao quên nổi, bụng nghĩ: “Vợ mình ở nhà tuy có chút nhan sắc nhưng sao bằng phân nửa của nàng này. Nếu như gặp được nàng một đêm thì có tiêu hết cả số tiền cũng không uổng”. Rồi thở dài mãi. Bỗng chợt nghĩ ra ở hẻm phía đông có mộ Tiết bán đồ quý, thường quen biết giao dịch. Mộ này mồm mép khéo léo lại thông tỏ phố xá ngõ hẻm, nhà nào mà chẳng biết, phải đi bàn với mộ, nhất định là được.

Đêm đó chàng ta trần trọc mãi. Hôm sau mới tỉnh mơ đã dậy, kiếm chút nước lã rửa mặt, chải đầu rồi lấy một trăm lượng với hai đỉnh vàng lật đặt vào thành.

Chàng ta đi một mạch đến hẻm phía đông thành phố, đến gõ cửa nhà mộ Tiết. Mộ này đang đầu tóc bù xù, ngồi trong sân nhặt hạt châu. Nghe tiếng gõ cửa, mộ vừa thu hạt châu lại vừa hỏi “Ai đấy?”

Trần Đại Lang nói: “Có việc cần, đến muện sợ không gặp được”. Mộ Tiết hỏi: “Có cần già này đưa ít đồ trang sức bằng trân châu ra xem không?” Trần Đại Lang nói: “Trân châu cũng sẽ mua, song còn có việc rất cần bà đây”. Mộ Tiết nói: “Ngoài việc buôn bán loại hàng này, mọi việc khác già này không quen”.

Trần Đại Lang hỏi: “Nói ở đây được không?” Mộ bèn đóng cửa lại, mời chàng ta vào ngồi trong căn gác nhỏ rồi hỏi: “Đại quan nhân có việc gì sai bảo?”

Nhìn xung quanh thấy không ai bèn lấy bạc trong tay áo ra, bày lên bàn nói: “Một trăm lượng bạc này, bà nhận rồi tôi mới dám nói” - “Chưa biết đầu đuôi thế nào, nhận sao được?” Đại lang nói: “Hay bà chê ít?” Lại vội

vàng lấy ra hai đỉnh hoàng kim vàng óng đặt cả lên bàn, nói: “Mười lượng vàng này cũng xin biếu bà luôn. Nếu bà không nhận là bà cố ý không giúp rồi. Hôm nay tôi đến tìm bà chứ không phải bà đến cầu tôi. Chỉ vì chuyến làm ăn lớn này không có bà không xong nên tôi đặc biệt tới nhờ bà. Nếu làm không được thì số vàng bạc này bà cứ để mà dùng”. Xưa nay các mục mỗi lái buôn bán mục nào chẳng ham tiền bạc? Nhìn thấy những thứ trắng xóa vàng óng đó sao lại chẳng động tâm? Mục Tiết lúc này mặt mũi tươi cười: “Đại quan nhân sẽ khỏi phải trách, già này cả đời có bao giờ à uôm một đồng xu nào đâu. Hôm nay quan nhân sai bảo, già tạm nhận lấy, nếu việc làm không xong sẽ xin trả lại hết”.

Nói rồi cất vàng bạc vào túi, miệng nói: “Già này to gan lắm đấy!” Dem vào phòng trong cất giấu xong mục quay ra gạn hỏi: “Hãy tạm thời chưa nói cảm ơn, xin quan nhân cho biết cần tôi làm việc gì?”

Đại Lang nói: “Cấp thiết phải tìm ngay một báu vật cứu mạng. Không đâu có cả, chỉ có một nhà trên phố lớn có thôi, xin bà hãy đi mượn về đây!”

Mục Tiết cười: “Lạ thật! Già này ở đây hơn 20 năm, chưa từng nghe nói trên phố lớn có vật báu gì cứu mạng cả. Đại quan nhân bảo nhà đó là nhà nào?”

“Cái nhà lâu ở đối diện với hiệu cầm đồ Uông Triều Phụng là nhà ai vậy?”

Mục Tiết nghĩ một lúc rồi nói: “Đây là nhà của Tưởng Hưng Ca. Anh chồng đi ra ngoài buôn bán đã hơn một năm rồi, chỉ có cô vợ ở nhà”.

Đại Lang nói: “Cái vật báu cứu mạng cho tôi chính là phải mượn cô ấy đấy”. Rồi kéo ghế lại sát cạnh mục kể rõ sự tình của mình như thế,

Mục này nghe xong lắc đầu lia lịa: “Việc này khó lắm. Cô vợ này của Tưởng Hưng Ca mới lấy nhau chưa được bốn năm, vợ chồng như cá với nước, một bước chẳng rời. Bây giờ bắt đắc dĩ chồng phải ra đi, cô ta không hề bước chân xuống lầu, thật đứng đắn lắm. Anh chàng Hưng Ca này tính tình hơi cổ quái, hay cáu gắt, già này chẳng có đến nhà anh ta bao giờ. Ngay cả cô vợ mặt mũi ngấn dài thế nào cũng chẳng biết, làm việc này sao được? Quan nhân cho bạc nhưng già này bạc phúc, không nhận được rồi”.

Trần Đại Lang nghe nói vậy vội vàng quỳ xuống. Mụ Tiết kéo dậy thì chàng ta nắm chặt lấy tay áo miệng nói: “Cái mạng sống này của Trần Thương này đều trông nhờ ở bà. Bà phải nghĩ ra kế gì cứu sống tôi! Khi nào được việc, sẽ biếu bà thêm một trăm lượng bạc nữa. Nếu bà không làm thì bà phải chết ngay ở đây thôi”. Mụ Tiết luống cuống không biết làm sao, liền mồm nói: “Được, được, đừng có giết già này, đại quan nhân hãy đứng lên đi, già này sẽ nói”.

Lúc này Trần Đại Lang mới đứng dậy, vòng tay nói: “Có diệu kế gì, bà nói mau đi!”

Mụ Tiết nói: “Việc này phải tính từ từ, chỉ cần kết quả, đừng có kể thời gian, nếu cứ hẹn ngày tháng thì già này chịu” Trần Đại Lang nói: “Nếu quả làm được thì chậm mấy ngày không sao. Chỉ cần bà nói kế hoạch thế nào?”

Mụ Tiết nói: “Ngày mai, đừng sớm quá cũng đừng muộn quá, cứ ăn sáng xong ta gặp nhau ở hiệu cầm đồ Uông Triều Phụng. Quan nhân mang theo nhiều bạc vào, cứ nói là buôn bán với già này. Nếu thấy già này bước vào được cửa nhà họ Tưởng rồi thì quan nhân tới ngay” Trần Đại Lang nói: “Xin theo lời bà”. Rồi vui mừng mở cửa đi ra.

Ngày hôm sau, Đại Lang ăn mặc chỉnh tề, mang theo ba bốn trăm lượng bạc để trong một cái tráp lớn bằng da, bảo thằng nhỏ khoác đi theo đến hiệu cầm đồ. Nhìn sang căn lầu đối diện thấy cửa sổ đóng kín mít đoán chắc nàng ta không có nhà, bèn nói với người coi tiệm mượn một chiếc ghế đầu đặt ngay chỗ cửa ngòi ngóng. Một lúc sau, thấy mụ Tiết ôm một cái hòm nhỏ tới. Đại Lang bèn gọi lại hỏi: “Trong hòm có gì vậy?”. “Đồ trang sức bằng ngọc quý, đại quan nhân muốn dùng gì?”. “Tôi đang cần mua đây

Mụ Tiết bước vào cửa hiệu cầm đồ, chào người coi hàng rồi mở cái hòm ra thấy trong để hàng chục gói ngọc, lại có mấy cái hộp nhỏ đựng đồ trang sức rất đẹp, rất khéo trông lóa cả mắt. Đại Lang chọn ra mấy viên ngọc trắng lớn và một số trâm cài, bông tai, để vào một cụm rồi nói: “Tôi mua tất cả chỗ này.” Mụ Tiết liếc mắt nhìn rồi nói: “Đại quan nhân cần dùng thì lấy nhưng sợ người không chịu nổi món tiền to lớn này”. Đại Lang hiểu ý bèn mở cái tráp, lấy bạc nén ra bày trắng xóa rồi lớn tiếng nói: “Bằng này lẽ nào không mua nổi hàng của bà sao?”. Lúc này, có bảy, tám người

nhàn rồi cạnh đấy xúm lại xem. Mụ Tiết nói: “Già này đâu dám xem thường quan nhân. Số bạc này xin hãy thu lại đi, chỉ cần trả được giá là xong”. Hai bên bèn người ra giá cao, kẻ trả giá thấp, cách nhau một trời một vực. Người bán không chịu xuống giá. Đại Lang bèn cầm hàng lên, không chịu trả thêm, cố ý ra ngoài hiên lật đi lật lại xem kỹ từng món, cái nói giả, cái nói thật, nhắc đi nhắc lại lấp la lấp lánh. Người xung quanh đều đến xem, hết người nọ đến người kia cứ nắc nỏm khen mãi. Mụ Tiết quát âm lên: “Mua thì mua, không thì thôi, làm mất thời gian của người ta quá!”

Trần Đại Lang nói: “Sao lại không mua”. Hai người lại kỳ kèo một trận nữa. Vương Tam Xảo nghe thấy tiếng huyên náo ở trước cửa, bèn bước ra phía trước, vén rèm lên nhìn, thấy ngọc sáng long lanh, đồ quý óng ánh, trông rất thích. Lại thấy bà già với khách mua đang mặc cả mãi không xong, bèn bảo một a hoàn xuống gọi, bảo bà già mang hàng lên xem thử.

Tình Vân vâng lời đi sang, kéo vạt áo mụ Tiết nói: “Bà chủ tôi mời bà sang”.

Mụ Tiết cố ý hỏi: “Nhà ai vậy cơ?”

Tình Vân nói: “Nhà họ Tưởng ở ngay đối diện”. Mụ Tiết bèn giật lấy hết hàng, vội vàng gói lại, miệng nói: “Tôi không có rảnh mà lôi thôi mãi với ông”. Đại Lang nói: “Thế thêm một ít nữa có bán không?”

“Không bán, không bán. Giá như thế thì tôi đã bán hết từ lâu rồi”.

Vừa nói vừa cho hàng vào hòm, kh lại như cũ rồi ôm đi. Tình Vân nói: “Để cháu mang cho bà”. “Không cần đâu”. Thế rồi đi thẳng sang nhà đối diện.

Trần Đại Lang trong bụng mừng thầm, cũng thu chỗ bạc lại, chào người coi cửa hiệu rồi về. Thật là: “Mắt đã nhìn cò thắng. Tai đã nghe tin vui”.

Tình Vân dẫn mụ Tiết lên lầu gặp Tam Xảo. Nhìn thấy nàng mụ nghĩ: “Thật là người trời! Thảo nào mà Trần Đại Lang mê mết. Mình mà là đàn ông thì cũng đổ”. Rồi mụ nói: “Già này nghe tiếng bà là người hiền thực sáng suốt, nhưng không có duyên làm quen”.

Tam Xảo hỏi: “Bà cụ quý tính là gì?”. “Già này họ Tiết, nhà ở hẻm phía đông gần đây, cũng là lân lý với bà đấy mà”. Tam Xảo hỏi: “Những thứ vừa rồi sao bà không bán?”. “Không bán thì già này mang đi làm gì? Chỉ nực

cười cho cái ông khách ấy, được cái mẽ người tài giỏi nhưng không biết nhìn hàng”.

Nói rồi mở cái hòm, lấy ra mấy thứ trâm cài, bông tai cho Tam Xảo xem, miệng nói: “Bà xem, những thứ nữ trang này, đến tiền công làm cũng bao nhiêu đấy chứ!” Lại nhắc ra mấy chuỗi hạt châu nói: “Còn loại hạng nhất này, có nằm mơ!”. Tam Xảo hỏi chàng kia trả giá thế nào. Mụ Tiết nói: “Người nhà đại gia bao giờ cũng thấy nhiều biết rộng, so với bọn đàn ông kia tinh tường hơn chục lần”.

Tam Xảo gọi a hoàn pha trà. Mụ Tiết nói: “Khỏi phiền trà nước gì. Già này còn có việc cần phải đi sang phố đằng kia, gặp người khách này mất bao nhiêu thì giờ, đúng là mua bán chẳng xong, lỡ cả công chuyện. Bây giờ cái hòm này khóa rồi cứ để đây, nhờ bà giữ hộ, già này đi một lát sẽ quay lại ngay”. Nói xong đi ra. Tam Xảo bảo Tình Vân đưa bà ta xuống lầu. Ra khỏi cửa, bà ta đi về hướng Tây.

Trong bụng rất thích mấy thứ đồ đó, Tam Xảo cứ đợi bà ta đến để mua. Suốt năm ngày không thấy đến. Đến trưa ngày thứ sáu, trời bỗng đổ một trận mưa lớn. Chưa dứt tiếng mưa bỗng nghe tiếng gõ cửa côm cộp. A hoàn ra mở cửa, thấy mụ Tiết quần áo ướt sũng, cầm cái dù rách bước vào, miệng nói: “Tạnh ráo không chịu đi, cứ đợi mưa dầm dề!”. Rồi để cái dù cạnh cầu thang, lên lầu chào hỏi: “Thưa bà chủ, bữa trước tôi sai hẹn”. Tam Xảo vội vàng đáp lễ rồi hỏi: “Mấy hôm vừa rồi bà đi vậy?”

“Con gái mới sinh thêm đứa cháu ngoại, già này đến thăm. Ở lại mấy ngày, sáng nay mới về. Nửa đường trời mưa nên phải vào nhà người quen mượn cái dù, cũ rách nhưng không phải vận đen”.

“Bà được mấy người con trai con gái?”

“Chỉ một thằng con trai, lấy vợ rồi. Con gái thì có bốn cô, cô này là thứ tư, lấy làm lẽ cho ông Chu Triều Phụng ở Huy Châu, mở cửa hàng bán muối ở ngay phía ngoài cửa Bắc này”.

“Bà có nhiều con gái, sao không để họ làm cho. Mà bản hương bản địa thiếu gì người một vợ một chồng, sao lại đi lấy lẽ người khác quê?”. “Người khác quê nhưng có tình, tuy làm lẽ nhưng vợ cả chỉ ở tại nhà. Con gái tôi ở tại cửa hiệu, sai bảo kẻ hầu người hạ, quyền hành mọi thứ. Già này

mỗi lần đến thăm đều được đối đãi là bậc người trên. Bây giờ con gái để đưa con trai lại càng sướng nữa”.

Tam Xảo nói: “Thế cũng là nhờ bà mà được vậy”. Vừa lúc Tình Vân bung trà lên, hai người cùng uống. Lúc này mụ Tiết nói: “Hôm nay trời mưa, chẳng có việc gì, già này cả gan muốn bà cho xem một chút đồ trang sức của bà, được thấy đồ khéo đẹp cũng thích cái bụng”.

Tam Xảo nói: “Tôi sống cũng bình thường thôi, bà chớ có cười”.

Bèn lấy chìa khóa, mở rương hòm, lần lượt lấy ra rất nhiều vòng, xuyên, dây đeo. Mụ Tiết xem, khen mãi, rồi nói: “Bà có những đồ quý lạ thế này, còn để ý gì đến mấy thứ của tôi”. Tam Xảo nói: “Bà nói quá. Tôi đang muốn biết bà bán thực giá bao nhiêu?”. “Bà là người biết hàng biết của, tôi còn phải nói dông dài làm gì”. Tam Xảo thu các thứ lại rồi lấy cái hòm của mụ Tiết gửi ra đặt lên bàn bảo: “Bà mở ra kiểm lại cho rõ ràng”. Mụ Tiết nói: “Bà kỹ tính quá”. Rồi mở ngay cái hòm lấy ra từng thứ một. Tam Xảo trả giá cũng không chênh lệch mấy. Mụ Tiết chẳng tranh cãi gì, vui vẻ nói: “Như vậy thì cũng chẳng uống, tôi có thiệt bớt mấy quan cũng không sao”. Tam Xảo nói: “Có điều là hiện chưa đủ tiền, chỉ có thể đưa bà một nửa, đợi quan nhân tôi về sẽ trả hết. Cũng chỉ mấy ngày nữa là ông ấy về thôi”. Mụ Tiết nói: “Chậm vài ngày không sao, chỉ có là giá cả nhân nhượng nhiều quá thì bạc phải là bạc đủ tuổi đấy”. Tam Xảo nói: “Chuyện đó có khó gì”, bèn chọn ra mấy thứ trang sức vài hạt châu thật thích, gọi Tình Vân dọn rượu cùng ngồi uống với mụ Tiết. Mụ nói: “Quấy rầy làm phiền bà quá”.

Tam Xảo nói: “Thường cũng rảnh rồi thôi. Bà đến là có bạn trò chuyện. Nếu bà không ngại thì năng lại chơi”.

“Đa tạ bà có lòng yêu. Nhà tôi thì ồn ào không chịu được. Ở đây thanh tĩnh nhàn nhã quá”.

“Con trai bà buôn bán cái gì?”

“Cũng chỉ tiếp những ông khách mua bán hạt châu, hàng ngày kiếm chút rượu. Già này may mà cứ đi hết nhà này đến nhà kia, rất ít ở nhà nên cũng được. Nếu chỉ quần quanh trong sáu thước đất thì ngót chết mất”.

Tam Xảo nói: “Nhà tôi cũng gần, nếu không ngại thì cứ lại chơi chuyện văn”.

“Cũng chả dám đến quấy rầy nhiều”.

“Bà nói gì vậy?”

Chỉ thấy hai đứa a hoàn luân phiên đi đi lại lại, bày ra hai bộ bát đĩa, hai tô gà, hai bát thịt muối, hai đĩa cá tươi, rồi các loại rau trái, tất cả mười sáu cái bát đĩa.

Mụ Tiết nói: “Sao thịnh soạn thế này”.

“Toàn có sẵn cả, bà đừng chê dở nhé”.

Tam Xảo nói xong rót rượu mời mụ Tiết. Mụ Tiết đáp lễ lại, rồi hai người đối diện cùng uống. Tam Xảo tửu lượng cũng ụ Tiết lại là một cây rượu, giờ ăn uống thấy thỏa lòng, chỉ giận là gặp nhau muộn quá. Hôm đó ăn uống cho đến chập tối. Tạnh mưa thì mụ Tiết từ tạ xin về, Tam Xảo lại lấy ra chiếc chén lớn bằng bạc mời thêm mấy chén rượu nữa rồi cùng ăn cơm tối luôn. Nàng nói: “Bà hãy ngồi lại chút nữa, tôi xin gửi bà nửa số tiền”.

Mụ Tiết nói: “Muộn quá rồi. Bà cứ tự nhiên, chẳng vội gì đêm nay, để sáng mai tôi lại nhận cũng được mà. Cả cái hòm này, tôi cũng không mang về đâu, sợ đường bùn lầy trơn trượt khó đi”.

Tam Xảo nói: “Thế thì ngày mai tôi đợi bà”. Mụ Tiết chào rồi xuống lầu, cầm cái dù rách ra về.

Lại nói Trần Đại Lang chờ mãi đã mấy ngày mà vẫn bật vô âm tín. Hôm đó trời mưa, chàng ta đoán bà già này chắc ở nhà, bèn lội bùn đập nước vào thành để xem tin tức ra sao. Trước hết vào quán rượu uống mấy chén, ăn chút điểm tâm rồi đến nhà mụ Tiết, hỏi thăm thấy vẫn chưa về. Trời đã tối, đang tính quay về thì nhìn thấy mụ Tiết mặt tươi hơn hớn, chân bước xiêu vẹo, đang đi vào hẻm. Đại Lang đón mụ, vái chào rồi hỏi: “Chuyện bà nói thế nào rồi?”

Mụ vậy tay nói: “Còn sớm mà. Bây giờ mới gieo hạt thôi còn chưa nảy mầm, phải năm sáu hôm nữa, khai hoa kết quả rồi mới tới được miệng ông. Ông đừng có dò hỏi gì ở đây, tôi không rồi hơi”. Thấy mụ ta say. Đại Lang đành quay về.

Ngày hôm sau, mẹ Tiết mua một ít trái cây đầu mùa, ít thịt cá tươi, nhờ một người đầu bếp nấu thành món dâng hoàng, lại mua thêm hai bình rượu ngon, đưa đến nhà họ Trương.

Tam Xảo hôm đó chưa thấy mẹ, vừa bảo Tình Vân mở cửa ra ngắm thì đúng lúc mẹ tới.

Tình Vân báo cho bà chủ biết. Tam Xảo xem mẹ như khách quý, ra tận cầu thang đón. Mẹ Tiết cảm ơn một hồi rồi nói: “Hôm nay già này ngẫu nhiên có được ly rượu nhạt, đem tới uống với bà cho vui”.

Tam Xảo nói: “Bà lại đáp lễ rồi, tôi chả nên nhận đâu”. Mẹ Tiết cứ giục hai a hoàn bày cả lên bàn. Tam Xảo nói: “Bà bày về quá”. Mẹ Tiết cười: “Nhà nghèo, chả kiếm được gì ngon, chỉ chút rau dưa mời bà!”

Tình Vân lấy bát đĩa ra. Nỗn Tuyết đốt lò lên. Một lát, rượu được hâm nóng, mẹ Tiết nói: “Hôm nay là chút lòng của già này, xin mời bà chuyển sang ghế khách”. Tam Xảo nói: “Ở tại nhà tôi, ai lại thế!” Hai bên nhường nhau mãi, cuối cùng mẹ Tiết đành ngồi ghế khách. Thế là lần thứ ba gặp nhau, càng thấy thân thuộc.

Giữa chừng, mẹ Tiết hỏi: “Quan nhân nhà ta đi lâu thế chưa về, sao lại bỏ được bà ở nhà vậy?”. Tam Xảo nói: “Thế đấy, bảo đi một năm rồi về mà không hiểu sao lại thất hẹn thế”. Mẹ Tiết nói: “Theo già này thì bỏ một nương tử như hoa như ngọc thế này thì có kiếm hàng đồng vàng đồng ngọc cũng chẳng bằng”. Rồi lại nói: “Đại phàm những người đi giang hồ thường coi khách là nhà, coi nhà là khách. Như thằng con rể thứ tư của tôi là Chu Triều Phụng ấy, có vợ nhỏ rồi là sớm tối vui vầy còn nghĩ gì đến nhà nữa, có khi ba bốn năm mới về một lần. Ở chưa được hai tháng lại đi. Con vợ ở nhà một mình vò vố, có biết đâu chuyện bên ngoài của hắn”.

Tam Xảo nói: “Quan nhân nhà tôi thì không phải loại người như vậy”. “Tôi chỉ nói chuyện vậy thôi chứ đâu dám so sánh đất với trời”.

Hôm đó hai người uống say mềm mới chia tay. Ngày thứ ba, mẹ đến nhận nửa số tiền, Tam Xảo lại giữ lại ăn điểm tâm.

Từ đó trở đi, lấy lý do còn nửa món tiền, mẹ Tiết luôn luôn qua lại hỏi tin tức của Hưng Ca. Mẹ này miệng lưỡi nhanh nhẹn, nói chuyện rất vui, lại thân mật với cả bọn a hoàn nên ai cũng thích. Tam Xảo cứ một ngày không

thấy mụ là cảm thấy buồn tẻ, bèn bảo bọn gia nhân hỏi biết nhà để luôn luôn tới mời mụ. Trên thế gian này có bốn loại người nếu dính với họ là không thể rời được nữa. Bốn loại đó là: Tăng đạo, hành khất, kẻ ngồi dung và đàn bà khéo mồm. Ba loại đầu còn đỡ, chứ loại đàn bà mồm mép này có thể luồn lỏi khắp mọi nhà. Cứ bà nào cô nào sợ sự lạng lẽ cô đơn thì cần họ tới lui. Mụ Tiết này vốn là kẻ xấu bụng, nhưng bằng những lời lẽ ngọt nhạt đã được Tam Xảo xem như bạn thân thiết, không thể thiếu được. Thật đúng là: “Họa hổ họa bì, nan họa cốt. Tri nhân tri diện, bất tri tâm” (Vẽ hổ vẽ da, xương khó viết người, biết mặt, bụng không lường).

Trần Đại Lang mấy lần hỏi tin tức, mụ Tiết đều nói là chưa vội. Đến trung tuần tháng năm, tiết trời nóng dần, mụ Tiết trong khi trò chuyện với Tam Xảo chợt kể là nhà mình ở chật quá, lại hướng Tây, ngày hè rất khổ sở chứ không mát mẻ thoáng đãng như ở đây. Tam Xảo nói: “Nếu bà bỏ nhà được, đến đây ngủ cũng được đấy”. “Được thì được quá, chỉ sợ ông nhà về thôi”. “Ông ấy có về cũng không phải lúc nửa đêm canh ba đâu”. “Bà không thấy phiền thì tối nay tôi sẽ mang chăn màn tới làm bạn với bà được không?” Tam Xảo nói: “Chăn màn có cả rồi, không cần phải mang tới. Bà cứ về nói với nhà một tiếng rồi đến đây”.

Mụ Tiết nói với con trai, con dâu rồi chỉ mang theo hộp gương lược đi. Tam Xảo nói: “Bà thật lắm chuyện, chả lẽ nhà tôi không có dầu sáp gương lược sao mà phải mang tới?” Mụ Tiết nói: “Già này xưa nay sợ dùng chung chậu chải chung lược. Bà dùng những thứ sang tôi đâu dám dùng, còn của các cô kia thì cũng chịu, tốt nhất là mang của mình tới. Thế bà cho tôi ở phòng nào?” Tam Xảo trở khoang nhỏ trước giường mình nói: “Tôi định để bà ngủ chỗ này để hai ta gần gũi, đêm không ngủ được thì trò chuyện với nhau”.

Nói rồi lấy ra một tấm mùng bằng sa màu xanh nhạt bảo mụ tự treo lên, rồi cùng ăn uống với nhau một lúc mới đi ngủ. Hai đứa a hoàn vốn nằm chỗ trước giường chủ, nay có bà già thì chúng ra ngủ ở phòng gần cạnh.

Từ hôm đó, mụ Tiết cứ ban ngày len lỏi các phố buôn bán, chiều tối đến nhà họ Tường ngủ. Hai người nằm tuy cách cái màn song cũng giống như ngủ chung. Ban đêm cứ thì thà thì thầm người hỏi người đáp, mọi chuyện

phổ xá, cái gì cũng nói. Mụ Tiết có lúc loáng choáng, kể nhiều chuyện hồi trẻ đi với trai, khơi gợi lòng xuân của bà chủ này khiến gương mặt trẻ măng xinh đẹp đỏ bừng rồi lại nhạt, rồi lại đỏ bừng. Mụ già biết nàng đã động lòng.

Thời gian thấm thoát, lại đã đến mừng 7 tháng 7, sinh nhật của Tam Xảo. Sáng sớm, mụ Tiết đã chuẩn bị hai món để mừng. Tam Xảo cảm tạ, giữ mụ lại ăn mì, mụ nói: “Hôm nay già này bận lắm, để đến tối sẽ lại cùng bà xem Ngưu Lang Chức Nữ gặp nhau”. Nói rồi ra về

Xuống thang, đi được mấy bước thì gặp Trần Đại Lang. Trên đường không tiện nói chuyện hai người đi đến chỗ hẻm vắng. Đại Lang cau mày oán trách: “Bà nhiều khê quá, xuân qua hè lại, bây giờ đã sang thu rồi mà cứ hôm nay bảo chưa vội, ngày mai cũng chưa vội, không biết là tôi sốt ruột đến thế nào. Kéo dài đến mấy ngày nữa, chồng nàng ta về thế là chuyện này xuống sông xuống biển, hại chết tôi à! Xuống âm ty thế nào tôi cũng đòi mạng bà”.

Mụ Tiết nói: “Cậu đừng có cáu, già này đang định đến tìm thì vừa hay gặp ở đây. Việc có thành hay không là ở đêm nay, cậu cứ phải làm theo tôi bảo, như thế như thế. Phải hết sức khê khàng, đừng để ai biết”.

Đại Lang gật gật đầu: “Kê hay, kê hay! Xong được việc nhất định sẽ có hậu tạ”. Nói rồi hớn hờ bước đi.

Hôm đó, buổi chiều trời mưa nhỏ hạt, tối đến chẳng có trăng sao. Mụ Tiết mò mẫm dẫn Đại Lang đến mai phục chỗ phía trái gần đó, còn mình đến gõ cửa. Tình Vân thấp nển ra mở. Mụ cố ý sờ sờ vào ống tay áo nói: “Roi đâu mất chiếc khăn tay rồi. Cô Tình phiền cô tìm giúp một chút!”. Giọng dỗ dành khiến Tình Vân phải rọi đèn ra đường phố. Mụ già thừa cơ ra hiệu cho Đại Lang lén vào nhà, đến mai phục ở chỗ trống sau cầu thang. Rồi mụ già kêu lên: “Thấy rồi, thôi đừng tìm nữa!”. Tình Vân nói: “Hay quá đèn cũng vừa tắt, cháu đi thấp lại cho bà”. “Lối đi quen rồi chẳng cần đèn đâu”.

Hai người mò mẫm đóng cửa rồi lên lầu. Tam Xảo hỏi: “Bà mất cái gì vậy?”. Mụ Tiết rút cái khăn nói: “Cái oan gia này đây, tuy chẳng đáng mấy tiền nhưng là của khách hàng ở Bắc Kinh tặng, của ít lòng nhiều mà”. Tam

Xảo nói đùa: “Chứ không phải quà của ông già nào tặng hả?”. Mụ Tiết cười: “Đại khái cũng như thế”.

Tối đó, hai người vui vẻ uống rượu. Mụ Tiết nói: “Thức ăn ngon nhiều thế này, sao không cho bọn hầu hạ nhà bếp ăn với, bảo bọn chúng làm trò gì vui nhộn như ngày lễ đi!”. Tam Xảo liền lấy bốn bát thức ăn và hai bình rượu đưa cho bọn a hoàn đem xuống lầu. Hai vú già và một anh đàn ông ăn một lúc rồi đi nghỉ cả.

Trên này, mụ Tiết đang uống rượu hỏi: “Quan nhân sao mãi chưa về?”. Tam Xảo nói: “Thế đấy, tính ra đã một năm rồi”. Mụ Tiết nói: “Ngưu Lang Chúc Nữ một năm gặp nhau một lần, bà với ông nhà xa nhau hơn họ nửa năm. Người ta thường nói: “Nhất phẩm quan, nhị phẩm khách”, làm khách thương thì chỗ nào chẳng có chuyện phong hoa tuyết nguyệt. Chỉ khổ cho người đàn bà ở nhà thôi”. Tam Xảo thở dài cúi đầu im lặng. Mụ Tiết nói: “Già này lắm lời quá rồi. Đêm nay là ngày vui của Ngưu Lang, chỉ nên uống rượu vui vẻ, không nên nói chuyện buồn”. Nói rồi rót rượu mời bà chủ. Thấy đã ngà ngà, mụ đem rượu cho hai a hoàn, nói: “Đây là rượu chúc mừng cho Ngưu Lang Chúc Nữ, các cô hãy uống thêm vài chén, sau này lấy được ông chồng thương yêu nhau, một bước chẳng rời”. Hai đứa không chối được, gắng uống đến nổi say ngả say nghiêng. Tam Xảo bảo đi đóng cửa rồi cho chúng đi ngủ trước. Còn lại hai người uống thoải mái.

Khi ăn, mụ Tiết luôn miệng trò chuyện: “Bà lấy chồng lúc bao nhiêu tuổi?” - “Mười bảy tuổi” - “Thất thân muộn thế khổ thiệt, tôi mười ba tuổi đã thất thân rồi” - “Sao lấy chồng sớm thế?” - “Thật sự lấy chồng thì mười tám tuổi. Chẳng dẫu gì bà, hồi đó tôi học may vá ở nhà bên cạnh, bị thằng chồng nó dụ dỗ, lúc đó cũng ham thấy nó đẹp đẽ, thế là bị với nó. Lần đầu rất đau, hai ba lần sau thì sướng. Chắc bà cũng thấy thế chứ gì?”.

Tam Xảo chỉ cười. Mụ nói tiếp: “Cái chuyện ấy nếu chưa biết thì không sao, biết rồi không quên được, người cứ râm rứt, ban ngày còn đỡ chứ ban đêm thật khó chịu”. Tam Xảo hỏi: “Khi còn ở nhà bà đã ân ái nhiều lần như vậy, làm sao thành gái trinh mà đi lấy chồng được?”. “Mẹ tôi cũng biết chuyện tôi, sợ sinh chuyện bề mặt, mới bảo tôi cách làm cho thành đồng nữ,

tức là lấy nước vỏ thạch lựu nấu với phèn chua sống đem bôi. Rồi tôi giả bộ kêu đau thế là che mắt được”.

Tam Xảo lại hỏi: “Lúc còn chưa lấy chồng, ban đêm bà cũng thường phải ngủ một mình chứ gì?”.

Mụ tiết nói: “Còn nhớ hồi ấy ở nhà, anh trai tôi đi xa, tôi ngủ với chị dâu.” - “Hai người đàn bà ngủ với nhau thì có gì thú?”. Mụ bước sang ngồi sát vào người Tam Xảo nói: “Bà không biết đấy thôi, chỉ cần hai người hiểu nhau, biết lòng nhau, cùng thấy thú là cũng giải quyết được”. Tam Xảo gio tay ái vào vai mụ nói: “Tôi không tin, bà nói xạo”. Mụ thấy nàng ta lòng dục đã động, bèn cố ý khêu gợi, nói: “Tôi năm nay 52 tuổi rồi mà ban đêm thường cũng thấy không chịu được vì chuyện ấy, huống hồ bà còn trẻ, khỏe thật” - “Bà không chịu được thì đi hoang chứ?”. Mụ nói: “Hoa héo liễu khô rồi, bây giờ ai mà còn ham tôi nữa. Chẳng dẫu gì bà, tôi cũng có một cách tự cứu mình làm cho mình sướng.” - “Bà chỉ xạo, cách gì nào?” - “Để chút nữa lên giường ngủ tôi sẽ nói kỹ với bà”.

Lúc đó, có một con thiêu thân bay tới lượn quanh ngọn nến, mụ Tiết bèn cầm quạt đập, cố ý quạt lửa tắt luôn. Mụ nói: “Ấy à! Tôi phải tự đi tắt đèn thôi!”. Bèn mở cửa ra ngoài. Lúc này Trần Đại Lang đã bước lên thang lầu, phục sẵn cạnh cửa từ lâu rồi - đó đều là kế của mụ Tiết. Mụ nói: “Ôi quên mang cái châm đèn rồi”, lại bước quay trở lại đồng thời dẫn Đại Lang vào chỗ cái phản mình nằm, phục tại đó. Mụ xuống lầu một lát, quay trở lên nói: “Khuya quá rồi, bếp núc tắt hết lửa, làm thế nào đây?”. Tam Xảo nói: “Tôi quen ngủ có đèn rồi, trời tối mò mò sợ lắm”. Mụ Tiết nói: “Tôi cùng ngủ với bà được không?”. “Tốt quá!”. Mụ nói: “Bà lên giường trước đi, tôi đóng cửa rồi đến ngay”.

Tam Xảo cởi quần áo, trèo lên giường, nói: “Bà cũng mau đi ngủ đi”. Mụ đáp: “Vâng, tôi đến ngay đây!”. Nói vậy nhưng lại tới chỗ phản kéo Trần Đại Lang dậy, đẩy anh chàng mình trần như nhộng này đến giường của Tam Xảo.

Tam Xảo sờ sờ vào người, nói: “Bà nhiều tuổi mà người còn mượt mà thế!”. Chàng kia không nói gì, chui luôn vào chăn rồi ôm ghì lấy nàng ta mà hôn hít. Tam Xảo lại tưởng là mụ Tiết bèn cũng giang tay ôm chặt. Chàng

kia vờn mình thế là khởi sự. Nàng này một là do quá uống nhiều rượu, có ngà ngà say, hai là bị mẹ già khiêu khích, lòng dục nổi lên, nên chẳng kể gì nữa, đúng là: Một bên, thiếu phụ hoài xuân nơi khuê các, một bên tài lang mộ sắc chốn khách đình. Một bên chịu đựng đã lâu, nay như Văn Quân được gặp Trương Như, một bên trông ngóng mỗi mòn, nay như Tắt Chính hội cùng Trần Nữ. Nắng hạn gặp mưa lành, chẳng khác tha hương gặp cố tri.

Trần Đại Lang vốn là tay sành sỏi chuyện gió trăng, làm cho người đàn bà mê mẩn tâm thần chẳng còn biết gì khác nữa. Xong cuộc mây mưa, Tam Xảo mới hỏi: “Thế chàng là ai vậy?” Đại Lang mới đem đầu đuôi câu chuyện từ lúc thấy mặt rồi ái mộ, rồi năn nỉ nhờ mẹ Tiết bày kế thế nào thế nào kể hết, rồi nói: “Bây giờ là toại nguyện rồi, có chết cũng cam

Mẹ Tiết bước tới nói: “Chẳng phải già này to gan đâu mà chỉ là vì: một là thương bà chủ tuổi xuân đơn độc, hai là muốn cứu tính mạng Đại Lang. Hai người như vậy cũng là nhân duyên trời định, chớ chẳng phải do tôi”. Tam Xảo nói: “Chuyện đã thế rồi, nếu chồng tôi mà biết thì làm sao đây?”

Mẹ Tiết nói: “Chỉ có bà với tôi biết thôi, nay mua chuộc hai đứa a hoàn Tình Vân, Noãn Tuyết, không cho chúng nhiều lời thì còn có ai lộ chuyện nữa. Riêng già này thì chỉ làm sao cho đêm nào bà cũng được sung sướng thôi, có điều là sau này đừng có quên mẹ già đây”.

Đến thế này thì chẳng còn kể gì nữa, Tam Xảo lại cùng Đại Lang buông thả truy hoan, cho đến tận canh năm, trời đã sáng mà vẫn còn lưu luyến. Mẹ Tiết giục Đại Lang trở dậy rồi đưa chàng ta ra cửa.

Từ hôm đó, hôm nào họ cũng gặp nhau, khi thì Đại Lang đi cùng mẹ Tiết, khi thì tự tới một mình. Hai đứa a hoàn bị mẹ già ngọt nhạt dọa dẫm. Mẹ lại bảo bà chủ cho chúng mấy cái áo. Anh chàng kia đến thỉnh thoảng cho ít bạc vụn để chúng mua quà ăn khiến chúng vui vẻ, cứ việc mình mình làm. Đêm này qua đêm khác, đi ra đi vào do hai a hoàn này đưa đón, chẳng có trở ngại gì cả. Hai người như keo với sơn, sống như vợ chồng. Trần Đại Lang thật lòng kết với Tam Xảo, luôn luôn tặng nàng áo quần sang, đồ trang sức đẹp, lại trả cho nàng nửa số tiền còn nợ mẹ Tiết, rồi còn biếu mẹ Tiết một trăm lượng bạc.

Thấm thoát đã hơn một năm. Đại Lang đã tiêu hết ngàn lượng vàng. Tam Xảo cũng có hơn ba mươi lượng bạc đem tặng mẹ Tiết. Mẹ này chỉ cốt kiếm được số tiền bất nghĩa này nên chuyện gì cũng làm. Song người xưa có câu: “Ở đời chẳng có tiệc vui nào không tàn”. Trần Đại Lang bỏ bê việc buôn bán lâu rồi, bây giờ cũng phải trở về quê. Đêm đó chàng ta nói cho nàng biết. Hai người ân ái nặng nghĩa nặng tình, không muốn rời nhau. Tam Xảo tình nguyện thu gom đồ tế nhuyễn đi theo chàng ta để thành vợ thành chồng mãi mãi. Trần Đại Lang nói: “Không được đâu, chúng ta gặp nhau thế nào trước sau đều do bà Tiết nghĩ ra cả. Bây giờ ông chủ chỗ tôi ở là ông Lã thấy tôi đêm nào cũng vào thành lẻ nào lại không nghi hoặc. Rồi trên thuyền lại đông người, che giấu làm sao? Hai đứa a hoàn thì không thể mang theo, nếu chồng nàng về thế nào chả truy rõ căn nguyên. Thôi nàng hãy ráng đợi, đến ngày này năm sau, tôi sẽ đến đây kiếm một chỗ kín đáo rồi liên hệ báo cho nàng biết. Khi đó hai ta sẽ cùng đi, ma quỷ chẳng biết, vậy chẳng hơn sao?”

Tam Xảo nói: “Nếu năm sau chàng chẳng đến được thì làm sao?” Đại Lang bèn xin thề. Nàng nói: “Chàng đã thiết lòng thì kẻ này cũng không phụ nhau. Khi chàng về đến nhà rồi thì hãy gửi lá thư cho bà Tiết để kẻ này yên tâm”.

Đại Lang nói: “Ta sẽ nhớ kỹ, không để sai sót chút nào”. Mấy hôm sau, chàng ta thuê một chiếc thuyền, chuẩn bị đồ ăn đầy đủ rồi đến từ biệt Tam Xảo. Đêm đó lại càng quyến luyến, hai người cứ nói rồi lại khóc, rồi lại cuồng nhiệt ái ân, cứ thế suốt đêm không ngủ.

Đến canh năm Tam Xảo trở dậy, mở rương lấy ra một vật quý gọi là “áo trân châu” đưa cho Đại Lang và nói: “Chiếc áo này là vật gia truyền nhà họ Tưởng từ tổ tiên để lại, mùa hè mặc nó sẽ thấy mát lạnh. Bây giờ trời đang nóng dần, dùng tốt đấy. Thiếp tặng nó cho chàng làm kỷ niệm, mỗi khi mặc nó xem như có thiếp liền bên cạnh”.

Đại Lang khóc nghẹn lời, người sụm xuống. Tam Xảo tự tay khoác chiếc áo vào cho Đại Lang rồi bảo a hoàn mở cửa, đích thân đưa tiễn, nói đi nói lại lời từ biệt rất trân trọng.

Trần Đại Lang được chiếc áo trân châu, ngày ngày đều mặc sát bên mình. Đêm đến cởi ra cũng để vào trong chăn cùng ngủ, không lúc nào rời xa. Đường đi thuận buồm xuôi gió, chỉ hai tháng đã đến huyện Phong Kiều phủ Tô Châu. Nơi này là chỗ tụ tập nhiều người buôn bán, chàng ta liền đến một nhà buôn để bán hết hàng.

Bỗng một hôm, chàng ta đi dự bữa tiệc rượu của một người đồng hương, gặp một người dáng phong lưu đẹp đẽ. Người đó chẳng phải ai khác mà chính là Tưởng Hưng Ca.

Vốn là Hưng Ca mua được ở Quảng Đông một ít trân châu, đòi mỗi, trăm hương. Bọn bạn hàng bàn bạc bảo nên đến Tô Châu mà bán. Hưng Ca từ lâu đã nghe câu: “Trên có thiên đường, dưới có Tô Châu, Hàng Châu”, một bến lớn như thế này, nhất định phải đi một chuyến bán hết hàng rồi mới về. Thế là tháng 10 năm trước đến Tô Châu. Vì đổi tên giấu họ để buôn bán nên xưng là người họ La. Trần Đại Lang do đó không nghi hoặc gì. Hai người như bèo nước gặp nhau, dạng mạo tuổi tác xấp xỉ nên trò chuyện một lúc là thấy ái mộ. Biết được chỗ ở, hai người tới thăm viếng nhau, rồi thành thân thiết, đến gặp nhau luôn.

Hưng Ca thu hết tiền nợ chuẩn bị trở về, mới đến chỗ Đại Lang từ biệt. Đại Lang bày rượu khoản đãi, lại vui vẻ trò chuyện, tâm đầu ý hợp. Lúc này là hạ tuần tháng năm, trời rất nóng bức, hai người cởi áo ra để uống rượu. Thế là Đại Lang để lộ ra cái áo trân châu.

Hưng Ca kinh hãi, thấy lạ quá song không nhận, chỉ khen chiếc áo đẹp quá. Đại Lang nhân đã thân tình bèn hỏi: “Ở phố lớn nơi huyện của huynh có nhà của Tưởng Hưng Ca, huynh có quen không?”

Đại Lang nói: “Chẳng giấu gì huynh, tiểu đệ với ông ta có chút dây dưa”. Bèn đem chuyện tình cảm với Tam Xảo kể cho nghe, rồi kéo vạt áo trân châu ra, rung rung nước mắt nói: “Áo này chính là của nàng tặng cho đệ. Nếu huynh về đó, đệ có phong thư nhờ huynh chuyển hộ, sáng sớm mai đệ sẽ đưa đến chỗ huynh”.

Hưng Ca miệng thì nói: “Được chứ, được chứ!” nhưng trong bụng thì nghĩ: “Lại có chuyện lạ như vậy! Bây giờ có cái áo trân châu này làm bằng

chứng rồi, không còn sai vào đâu được nữa”. Rồi thấy đau đớn như kim châm vào ruột, thôi không uống nữa, vội vã đứng dậy từ biệt.

Về đến chỗ ở, nghĩ đến lại buồn, buồn rồi lại nghĩ, tức mình không có cách nào bay luôn về nhà. Ngay đêm hôm ấy, chàng ta thu thập các thứ, sớm hôm sau lên đường về ngay. Bỗng thấy trên bờ có người hồng học chạy tới, té ra là Trần Đại Lang, đem một bao thư lớn tới gửi, dặn đi dặn lại là nhớ chuyển hộ. Thấy thế, Hưng Ca tái mặt, cảm thấy sống dở chết dở, không nói ra lời. Đợi cho Đại Lang đi rồi, chàng ta mới mở bao thư ra xem thấy bên ngoài gửi cho bà Tiết, xé ra thấy một chiếc khăn lụa hồng đào, lại có một cái trâm nữa chứ. Trong thư thì viết: “Có hai vật mọn, phiền bà đưa giúp cho nương tử thương yêu Tam Xảo làm kỷ niệm. Hẹn gặp nhau vào mùa xuân năm tới. Trân trọng, trân trọng”.

Hưng Ca cả giận, xé vụn tờ thư ném xuống sông, cầm chiếc trâm ngọc kẹp vào ván thuyền bẻ gãy làm đôi. Xong rồi lại nghĩ: “Mình hồ đồ quá, sao không giữ lại làm chứng có?” Bèn nhặt lại trâm và khăn lên, gói lại một gói rồi giục cho thuyền đi.

Đi gấp về đến quê, vừa nhìn thấy đầu nhà mình bỗng rơi nước mắt nghĩ bụng: “Mới đầu vợ chồng yêu thương nhau biết bao nhiêu, chỉ vì mình tham cái lợi bằng đầu ruồi mà vứt bỏ nàng tuổi trẻ ở nhà vô võ cho nên mới ra nông nỗi này. Bây giờ hối hận thì sao kịp!”. Trên đường đi thì nóng lòng chỉ mong chóng tới, nay tới nhà rồi thì vừa hận, vừa đau cứ đi một bước lại dừng một bước. Vào đến nhà, đành nhẫn nhịn miễn cưỡng gặp nhau. Hưng Ca lẳng lẳng chẳng nói năng gì. Tam Xảo có tật giật mình, tự thấy xấu hổ quá, không dám bắt chuyện.

Cát hành lý xong, Hưng Ca bảo đi thăm ông bà nhạc rồi lên thuyền ở một đêm, sáng hôm sau về nói với Tam Xảo rằng: “Cha mẹ nàng đều bị bệnh, rất nguy cấp. Tôi qua tôi phải ở lại trông nom ông bà một đêm. Họ chỉ nhớ nàng, muốn gặp mặt. Tôi đã thuê sẵn kiệu để trước cửa, nàng mau đi về đi, tôi sẽ đi sau”.

Tam Xảo thấy chồng suốt đêm không về, thấy nghi nghi. Đến lúc thấy nói cha mẹ mình bị bệnh thì tưởng là chồng nói thật bèn cuống quýt đưa chìa khóa rương hòm cho chồng rồi gọi một vú già đi theo lên kiệu ngay.

Hung Ca gọi vú già lại, lấy trong tay áo ra một phong thư bảo đưa cho ông bố vợ và dặn: “Đưa thư xong, vú hãy theo kiệu về ngay!”.

Tam Xảo về nhà, thấy cha mẹ đều khỏe mạnh cả thì giật mình kinh hãi. Ông già Vương thấy con gái tự nhiên không gọi mà đến cũng thấy sợ. Bèn lấy phong thư từ tay bà vú ra đọc thì té ra là tờ ly hôn. Giấy viết thế này:

“Người viết giấy ly hôn là Tưởng Đức, người huyện Tảo Dương phủ Tương Dương. Từ nhỏ đã nhờ mối lái mà lấy Vương Thị làm vợ. Nhưng sau khi vắng nhà, vợ tôi có nhiều lỗi lầm, phạm vào điều thất xuất. Do nghĩ tình chồng vợ, không nỡ nói rõ làm gì, nay tôi bằng lòng đem trả về nhà mẹ đẻ, cho tùy ý cải giá, không có ý kiến gì khác. Ly hôn thị thực”.

Trong bao thư còn có một chiếc khăn tay hồng đào và một cây trâm bị bể gãy. Ông Vương xem rồi sợ hãi, gọi con gái ra hỏi chuyện vì Tam Xảo nghe nói bị chồng bỏ thì không nói gì cả chỉ sụt sịt khóc. Ông Vương hàm hàm đến ngay nhà con rể. Tưởng Hung Ca vội ra vái chào. Ông Vương đáp lễ rồi hỏi: “Hiền tể, con gái ta đường đường chính chính đến làm vợ anh, nay nó có tội gì mà anh lại bỏ nó? Anh phải nói cho rõ”.

Hung Ca nói: “Tiểu tể không tiện nói, xin cứ hỏi lệnh ái sẽ biết”. Ông Vương nói: “Nó chỉ toàn khóc, có chịu mở miệng ra đâu, làm ta cứ điên cả ruột. Con ta từ nhỏ đã thông minh hiểu biết ngờ đâu nó lại phạm tội. Nếu tội cũng nhỏ thì hiền tể hãy nể mặt ta mà tha thứ cho nó. Các con định hôn với nhau từ khi bảy, tám tuổi, sau khi thành vợ thành chồng chưa hề cãi cọ nhau, thế là rất hòa thuận. Bây giờ con đi buôn xa về, mới ở nhà được năm ba ngày thì có chuyện gì chướng tai gai mắt con chứ? Con mà độc ác như vậy thì người ta cười cho, rằng con bạc nghĩa vô tình”. Hung Ca nói: “Cha là bề trên, con không dám nhiều lời. Nhà con có cái áo trân châu là vật tổ tiên truyền lại, vẫn để cho Tam Xảo giữ, giờ chỉ hỏi chiếc áo đó còn không? Nếu còn thì không nói nữa, nếu không còn thì xin đừng trách làm gì?”.

Ông Vương vội quay về nhà, hỏi con gái: “Chồng con chỉ hỏi cái áo trân châu con giữ, con đem cho ai rồi?” Tam Xảo nghe hỏi đúng chuyện quan trọng nhất thì xấu hổ đỏ bừng cả mặt, không nói được gì, rồi khóc òa lên khiến Vương ông chẳng hiểu ra sao.

Bà Vương khuyên: “Con đừng có khóc mãi như thế, hãy nói sự thực thế nào cho cha mẹ biết để còn phân giải”. Tam Xảo vẫn không chịu nói, cứ nức nở khóc mãi không thôi. Ông Vương đành đưa tờ giấy ly hôn với chiếc khăn và cây trâm bị gãy cho bà Vương bảo cứ đồ dần rồi hỏi cho rõ chuyện.

Tam Xảo ngẫm nghĩ không hiểu sao chiếc áo trên châu lại bị bại lộ. Còn cái khăn và cây trâm gãy là ở đâu ra?

Nghĩ một hồi rồi bỗng nói: “À hiểu rồi, cái trâm gãy là tỏ ý cắt đứt tình cảm, còn cái khăn này là ý muốn ta tự tận đây. Chàng nghĩ đến tình vợ chồng nên không nỡ nói thẳng ra để giữ cho ta khỏi tai tiếng. Thương thay bốn năm ân ái mà nay quyết tuyệt một ngày. Đó chỉ là tại ta có tội, phụ tấm ân tình của chồng ta. Bây giờ có sống ở trên đời này cũng chẳng ra gì, chi bằng chết đi cho xong”.

Bà Vương biết ý con muốn chết bèn khuyên rằng: “Con nghĩ cạn lắm, mới hơn hai mươi tuổi đầu, bông hoa còn chưa nở trọn, việc gì phải chết. Biết đâu chồng con hồi tâm nghĩ lại. Mà nếu nó không nghĩ lại, quyết bỏ thật thì người đẹp dễ như con lo gì không có ai cầu. Con cứ yên tâm mà sống, đừng có sầu muộn nữa”.

Tam Xảo chẳng biết làm sao, đành phải thôi.

Tướng Hưng Ca lấy hai sợi dây trói Tình Vân và Noãn Tuyết lại tra khảo, hỏi cho ra đầu đuôi. Mới đầu chúng không chịu nói, sau đau quá không chịu nổi, phải kể hết ngọn ngành, mới biết mọi chuyện đều do mụ Tiết bày ra. Sáng sớm hôm sau Hưng Ca dẫn một tốp đến nhà, đánh cho mụ Tiết một trận tơi bời. Mụ biết mình có tội, chẳng dám ho he. Hưng Ca thấy vậy cũng hả giận, bèn gọi mỗi bán hai đũa a hoàn đi. Rồi lên lầu thu thập các đồ tế nhuyễn còn lại cùng các đồ vật, tất cả có mười sáu cái rương và hộp, lớn có, nhỏ có đem khóa kín lại. Vì sao làm vậy, vì nghĩ tình vợ chồng biết mấy yêu thương, nay bỏ nhau rồi lòng đau như dao cắt, nếu nhìn thấy vật sẽ lại nhớ tới người, vậy thì còn mở ra xem làm gì nữa?

Giờ sang chuyện khác. Ở Nam Kinh có ông Tiến sĩ họ Ngô tên Kiệt được bổ làm tri huyện Triều Dương thuộc Quảng Đông, trên đường đi nhậm chức có qua Tương Dương. Vì không mang theo gia đình nên có ý muốn kiếm một người thiếp đằm đẹp. Có gặp nhiều cô gái song ông ta không thấy

ung. Bấy giờ nghe nói ở Tảo Dương có con gái nhà họ Vương nhan sắc xinh đẹp, nổi tiếng cả huyện, bèn bỏ ra món tiền nhờ mối đến cầu thân. Ông Vương cũng bằng lòng, chỉ e con rể cũ lời qua tiếng lại, bèn đích thân đi đến nhà họ Tưởng nói chuyện với Hưng Ca. Hưng Ca không ngăn trở gì cả. Tối hôm trước ngày cưới, Hưng Ca thuê người khiêng mười sáu cái rương và hộp vắn khóa kín chưa hề động đến kèm theo cả chìa khóa chuyển đến thuyền của tri huyện họ Ngô nói là của bồi thường cho Tam Xảo đi lấy chồng. Tam Xảo thấy trong lòng thật hổ thẹn. Mọi người biết chuyện người thì khen Hưng Ca trung hậu, kẻ thì cười chàng ta ngốc nghếch, có kẻ còn mắng là không có chí khí. Thật là lòng người chẳng giống ai.

Lại nói chuyện Trần Đại Lang, sau khi bán hết hàng ở Tô Châu, trở về Tân An, lòng dạ lúc nào cũng chỉ nghĩ đến Tam Xảo, sớm tối luôn luôn nhìn chiếc áo trên châu mà thở dài sườn sượt. Vợ là Bình Thị biết chắc cái áo có gì kỳ quặc bèn lừa lúc chồng ngủ, lấy trộm rồi giấu lên trần nhà. Đại Lang ngủ dậy lấy áo mặc không thấy bèn hỏi Bình Thị, Bình Thị khóc lóc cãi cợt với chồng âm ỉ đến mấy ngày.

Buồn bực quá, Trần Đại Lang thu gom một ít tiền bạc rồi mang theo đũa tiểu đồng, lại đi Tảo Dương. Gần đến Tảo Dương không may gặp một bọn cướp cướp sạch, thằng tiểu đồng bị chúng giết chết. Đại Lang nhanh chân chạy núp đằng sau bánh lái nên may mắn sống sót. Lúc này nghĩ về nhà cũng chẳng được, thôi hãy tạm đến chỗ ở trọ cũ chờ gặp được Tam Xảo, mượn nàng một ít rồi lo chuyện khôi phục lại làm ăn. Thế rồi buồn bã mà rời thuyền lên bờ.

Đến nhà ông chủ họ Lã ở ngoại thành Tảo Dương, chàng kể hết mọi chuyện rồi nói: “Bây giờ tôi phải nhờ bà Tiết bán hạt châu để mượn người quen ít vốn buôn bán”. Ông Lã nói: “Đại Lang không biết à, cái bà Tiết ấy vì rủ rê vợ Tưởng Hưng Ca làm chuyện đồi bại, năm ngoái Hưng Ca về đòi vợ cái áo trên châu gì đó. Cô vợ đã tặng nó cho tình nhân rồi còn nói năng gì được. Thế là Hưng Ca bỏ vợ, cho về nhà, bây giờ chị ta chuyển sang làm lẽ ông Tiến sĩ họ Ngô ở Nam Kinh. Mụ Tiết đó bị nhà họ Tưởng đánh cho tơi tả, ở đây không được đã chuyển sang huyện bên rồi”.

Đại Lang nghe tin như bị dội thùng nước lạnh. Thế rồi đêm hôm đó ngã bệnh. Bệnh ngày càng nặng, vừa tương tư vừa uất ức lại vừa sợ hãi, chàng ta nằm liệt hơn hai tháng trời không đỡ. Phiên ông chủ quá, Đại Lang phải cố gắng viết một lá thư nhờ ông Lã mượn người chuyển về quê bảo người thân đến đưa mình về nhà. Vừa hay khi đó ông Lã có người thừa sai quen biết có việc chuyển công văn đi Huy Ninh, rất tiện đường, bèn bảo Đại Lang bỏ ra năm lượng bạc đưa cho viên thừa sai, nhờ việc đó.

Bình Thị được thư bèn thu thập tiền nong, lại xin cha cho mang theo con trai và con dâu đi cùng, rồi thuê một cái thuyền đi Tương Dương. Đến nơi thì Trần Đại Lang đã qua đời từ mười hôm trước rồi. Ông Lã bỏ ra ít tiền khâm liệm. Bình Thị khóc ngất đi, hồi lâu mới tỉnh, vội thay quần áo tang rồi xin ông Lã cho mở nắp quan tài để nhìn mặt chồng, nói sẽ mua một chiếc quan tài khác khâm liệm lại. Ông Lã nhất định không chịu, Bình Thị không làm sao được đành mua gỗ đóng một cái quách bao ngoài áo quan, mời các nhà sư đến làm lễ siêu độ cho chồng. Ông Lã đòi lại hai mươi lượng bạc các khoản, còn thì muốn làm gì thì làm, ông ta mặc kệ.

Hơn một tháng sau, Bình Thị chọn ngày tốt để đưa linh cữu về quê. Ông Lã thấy người đàn bà này tuổi còn trẻ lại có nhan sắc, chắc cũng chẳng ở vậy được, nghĩ đến con trai mình là Lã Nhị còn chưa có vợ, có sẵn người ở đây, sao ta không giữ ở lại, sau này thành sự chẳng tiện sao! Bèn mua rượu mời con trai Bình Thị là Trần Vượng uống rồi nói rõ ý định, lại nhờ vợ Trần Vượng tìm cách nói khéo khéo xem sao. Nếu thuận lợi sẽ có hậu tạ. Vợ Trần Vượng là đứa ngu ngốc, có biết tế nhị là gì, chẳng đo lường cao thấp, nói luôn cho mẹ chồng biết. Bình Thị nghe nói cả giận bèn tát luôn cho mấy cái và chửi cho một trận, lại cạnh khéo cho nhà chủ mấy câu nữa. Ông Lã cụt hứng, tức đấy mà chả dám nói năng gì. Bèn xui Trần Vượng trốn đi. Trần Vượng cũng thấy chuyện đã dở quá rồi bèn bàn với vợ, hai đứa lấy hết cả tiền bạc cùng đồ trang sức, ngay đêm đó đi biệt luôn.

Ông Lã đã biết rõ nhưng lại trách Bình Thị rằng: “Nhẽ ra không nên đem cái bọn mất dạy ấy đi theo, còn may là chúng lấy đồ của cha mẹ mình, chứ nếu lấy của nhà khác thì có phải lỗi thôi không!”. Lại nói sợ linh cữu để lâu trở ngại, phải mau mang đi. Rồi lại nói đàn bà góa ở đây không tiện, nên

dọn đi chỗ khác. Bình Thị bị thúc bách không chịu nổi, đành thuê một gian nhà nhỏ để ở, mượn người khiêng linh cữu về quán tại đó. Cảnh ngộ thế lương này khỏi cần phải nói.

Bấy giờ ở cạnh có người đàn bà là Trương Thất Tẩu, rất lạnh lẽo, thấy Bình Thị cứ khóc lóc thì thường xuyên khuyên giải. Bình Thị cũng thường nhờ bà ta đem cầm hoặc bán cái quần cái áo để lấy tiền tiêu. Được mấy tháng thì hết cả quần áo để cầm cố. May là từ nhỏ đã có học chuyện may vá, mới định đến một nhà giàu nào đó làm việc nữ công để độ nhật. Khi bàn chuyện đó với Trương Thất Tẩu, bà này bảo: “Tôi chẳng tiện nói chứ chỗ nhà giàu chẳng phải là nơi người còn trẻ như chị vào ra. Rồi đến lúc muốn chết cũng chẳng được, mà sống thì phải được tử tế chứ, cuộc đời sau này còn dài, cứ làm mụ may vá thuê đến hết đời sao. Huống hồ lại bị tai tiếng, bị người ta coi rẻ, lại nữa, cái linh cữu này xử lý sao đây? Cũng là việc lớn của chị đấy. Rồi tiền thuê nhà, không lo được mãi đâu”.

Bình Thị nói: “Tôi cũng đã nghĩ đến những điều đó, nhưng mà chẳng biết làm sao”. Bà Trương nói: “Tôi có một cách chị đừng trách tôi nói nhé. Chị xa quê hàng nghìn dặm, một thân một mình, trong tay không có một xu, muốn đưa linh cữu này về quê chỉ là điều hảo huyền. Rồi chị thì ăn mặc thiếu thốn, sẽ khó mà giữ gìn. Mà giữ gìn mãi làm gì chứ? Theo ý ngu ngốc của tôi thì nên nhân lúc mình còn trẻ trung đẹp đẽ, tìm lấy một người tốt rồi sống với họ. Được ít tiền cưới, đem mua một miếng đất mà chôn chồng. Còn mình thì cũng có chỗ nương tựa, chẳng lo gì chuyện sống chết nữa”.

Bình Thị nghe nói cũng có lý, trầm ngâm một lúc rồi thở dài nói: “Thôi, thôi, tôi đem bán thân để chôn chồng, người ta cười thì cười!”

Trương Thất Tẩu nói: “Nếu chị quyết định thì hiện nay tôi đã có một nơi, người này cũng chạc tuổi chị, rất đường hoàng, lại giàu có”. Bình Thị nói: “Đã là phú gia thì họ chẳng chịu lấy người đã có một đời chồng rồi”.

Bà Trương nói: “Người này cũng đã bỏ vợ. Anh ta bảo với tôi rằng: Người chưa lấy chồng hay lấy chồng rồi cũng được, chỉ cốt giỏi giang xinh đẹp. Người như chị lo gì không vừa ý?”. Vốn là Trương Thất Tẩu nhận lời tìm giúp Trương Hưng Ca một người. Vì vợ trước là Tam Xảo đẹp quá, nên

bây giờ chỉ cần người đẹp. Bình Thị nhan sắc không được bằng Tam Xảo song cử chỉ nhanh nhẹn lòng dạ trong sáng, thấy cũng phù hợp.

Hôm sau, bà Trương vào thành nói chuyện với Hưng Ca. Nghe kể rõ con người như vậy Hưng Ca cũng mừng. Bình Thị không đòi lễ vật gì, chỉ cần nhất là mua được một miếng đất để mai táng cho chồng thôi. Bà Trương qua lại mấy lần, thế là hai bên thuận ý hết.

Sau khi xong việc cho chồng, tế lễ đầy đủ, Bình Thị khóc một trận thê thảm rồi cởi bỏ đồ tang. Đến hẹn, nhà họ Tưởng mang quần áo và đồ trang sức tới, lại chuộc chỗ quần áo đã cầm cố về. Rồi đêm động phòng hoa chúc từng bừng náo nhiệt.

Thật là:

Lệ cũ mọi điều quy củ

Tân hôn mỹ mãn ân tình

Tưởng Hưng Ca thấy Bình Thị cử chỉ đoan trang, lòng rất kính trọng. Một hôm, Bình Thị đang sắp xếp rương quần áo, Hưng Ca bước vào nhìn thấy cái áo trên châu. Chàng ta nhận ra, kinh hãi hỏi: “Áo này ở đâu ra vậy?” Bình Thị nói: “Chuyện kỳ quặc lắm”. Bèn kể hết mọi chuyện người chồng trước mặc nó, rồi vợ chồng cãi nhau, rồi giận dỗi xa nhau. Kể rồi lại nói: “Hồi trước gian nan quá, đã mấy lần tính đem cầm đi song thấy lai lịch nó không rõ, sợ có chuyện gì lôi thôi nên không dám để lộ cho người ta biết. Đến bây giờ thiếp cũng không biết nó ở đâu ra nữa.”

Hưng Ca hỏi: “Chồng cũ của mình là Trần Đại Lang còn gọi là Trần Thương, da trắng không để râu, tay trái để móng tay dài, phải không?”. Bình Thị nói: “Đúng rồi”. Hưng Ca lè lưỡi, chấp tay nhìn lên trời nói: “Như vậy là đạo trời rành rành, sợ thật!”. Bình Thị hỏi thế là sao? Hưng Ca nói: “Cái áo trên châu này vốn là báu vật của nhà ta. Chồng của nàng dan díu với vợ ta rồi được áo này làm kỷ niệm. Lúc gặp chồng nàng ở Tô Châu, ta trông thấy chiếc áo, biết rõ chuyện, bèn về bỏ vợ. Ai ngờ chồng nàng lại đi buôn rồi chết. Ta muốn tặc huyền có nghe nói nàng là vợ của thương nhân họ Trần nhưng đâu có biết chính là Trần Thương! Chẳng phải là quả báo sao?”. Bình Thị nghe nói nổi da gà. Từ đó càng sống gìn giữ phải đạo.

Có được vợ mới trông nom nhà cửa, một năm sau Hưng Ca lại đi Quảng Đông buôn bán. Rồi xảy ra chuyện: một hôm chàng ta đến huyện Hợp Phố bán hạt châu. Ông khách mua hàng đã già, chọn một hạt châu rõ to rồi lấy giấu đi luôn, hỏi không chịu nhận. Hưng Ca tức quá kéo tay áo lão để moi tìm không ngờ kéo mạnh quá khiến lão ngã lăn quay xuống đất. Vội tới nâng dậy thì lão đã tắt thở rồi. Con cháu và bà con xung quanh kẻ la người khóc. Rồi họ xông lại túm lấy Hưng Ca chẳng cho phân giải gì cả, đánh cho một trận tơi tả, rồi nhốt vào một cái phòng trống, ngay đêm đó viết đơn kiện, đợi sáng ra đưa lên quan huyện.

Quan huyện nhận đơn, song vì hôm đó có công sự nên ra lệnh giam lại, hôm sau sẽ xử.

Quan huyện này là ai vậy? Chính là Tiên sĩ họ Ngô tên Kiệt, người chồng sau của Tam Xảo. Ông này mới đầu trị nhậm huyện Triều Dương. Sau triều đình thấy ông thanh liêm, điều đến làm quan huyện Hợp Phố. Đêm hôm đó, Ngô Kiệt đọc kỹ đơn kiện, Tam Xảo rảnh rồi ngồi bên cạnh, ngẫu nhiên liếc nhìn thấy t người bị kiện là La Đức, thương nhân ở huyện Tảo Dương, đây chẳng phải Tướng Hưng Ca còn ai nữa? Nghĩ đến tình xưa, bất giác lòng thấy đau đớn, nàng khóc mà nói với chồng. “La Đức chính là anh của tiện thiếp, nhận thừa tự cho cậu thiếp họ La, không ngờ đi buôn bán mà phạm tội thế này. Xin quan nhân hãy vì thiếp mà cứu mạng cho anh ta được về quê”. Quan huyện nói: “Để xem xét thế nào đã, nếu quả có tội thì ta cũng khó mà tha cho được”. Tam Xảo nước mắt ròng ròng, quỳ xuống năn nỉ. Quan huyện nói: “Nàng đừng có lo, ta sẽ có cái lễ của ta”.

Sáng hôm sau thăng đường, Tam Xảo lại kéo tay áo, khóc nói: “Nếu anh thiếp không được cứu thì thiếp sẽ tự tận thôi, không còn thấy nhau nữa”. Quan huyện bắt đầu xử kiện. Đầu tiên hỏi đến vụ này. Chỉ thấy hai anh em Tống Phúc, Tống Thọ vừa khóc vừa thưa: “Bởi tranh giành nhau hạt châu, hấn xông tới đánh, cha chúng tôi ngã xuống chết. Xin quan xử cho”.

Quan huyện hỏi những người làm chứng, người thì nói đánh chết, kẻ thì nói xô ngã.

Tưởng Hưng Ca thưa: “Cha của họ lấy cắp hạt châu của tiểu nhân, tiểu nhân không chịu, tranh cãi với ông ta, ông ta già lão chân yếu, tự trượt chân ngã chết, không can gì đến tiểu nhân cả”.

Quan huyện hỏi Tống Phúc: “Cha ngươi bao nhiêu tuổi rồi?”. Tống Phúc nói: “Dạ sáu mươi bảy”.

Quan huyện nói: “Người già dễ choáng, vị tất đã do đánh chết”. Tống Phúc, Tống Thọ cứ khẳng khẳng nói là đánh chết. Quan huyện nói: “Có bị thương hay không còn phải kiểm nghiệm. Nếu nói bị đánh chết thì hãy đem thi thể ra để ở vườn sau, hết buổi sẽ khám nghiệm”.

Vốn nhà họ Tống này cũng là thuộc hàng phú quý có mặt mũi. Lão Tống đã từng làm lý trưởng, đời nào con cái chịu để cho mỗ xẻ thi thể. Hai người khẫu đầu nói: “Cha chúng con chết thế nào, mọi người đều thấy cả, chỉ xin quan lớn đến nhà chúng con chứng nghiệm chứ không nên mỗ khám”. Quan nói: “Nếu không thấy được dấu vết thương tích thì hung thủ đời nào chịu nhận tội?”.

Hai anh em nhà kia cứ xin mãi. Quan nổi giận nói: “Các ngươi không chịu cho khám nghiệm thì ta không hỏi tội được”. Bọn chúng rạp đầu xin xử lý sáng suốt cho. Quan phán: “Người gần 70 tuổi chết cũng là đến số, nếu như không bị đánh chết mà lại vu tội cho người bình thường thì người chết lại mắc thêm tội. Còn như các ngươi, làm con mà đã trông được cha đến nhiều tuổi thế rồi, nay lại khoác cho ông ấy thêm một điều ác để chết không yên thì trong lòng các ngươi có nở được không? Còn tên La Đức, chuyện đánh chết người là giả song xô người ngã là thật, nếu ta không phạt nặng hẳn thì các ngươi cũng không hả được giận. Vậy bây giờ ta bắt hẳn mặc tang phục cùng hành lễ với các ngươi, tất cả tiền chi phí cho việc tang ma, hẳn phải chịu hết. Các ngươi có đồng ý không?”.

Hai anh em nói: “Ngài xử như vậy, chúng con đâu dám không tuân theo”.

Hưng Ca thấy quan không dùng hình phạt, phân xử rõ ràng, vô cùng mừng rỡ. Thế là cả hai bên nguyên cáo bị cáo đều rạp đầu tạ ơn. Thật là: “Công đường tạo nghiệp dễ dàng thôi. Muốn tích âm công phải cứu người. Mất thấy đương triều Ngô Đại doãn. Giải oan xá tội, thấy đều vui”. Lại nói

Tam Xảo từ lúc chồng thẳng đường xử án, lòng cứ nóng như lửa đốt. Vừa nghe nói buổi xử kết thúc là đón hỏi ngay. Quan huyện nói: “Ta xử như vậy, như vậy. Vì nàng nên không làm khổ gì anh ta”.

Tam Xảo muôn ngàn tạ ơn. Rồi nói: “Thiếp với anh trai xa nhau đã lâu, muốn được gặp mặt để hỏi tin tức cha mẹ. Xin quan nhân hãy tìm cách cho anh em thiếp tương kiến, ơn này thật lớn vô cùng”. Quan huyện nói: “Việc này dễ thôi”. Thử nghĩ xem, Tam Xảo bị Tưởng Hưng Ca bỏ, ơn dứt nghĩa tuyệt, thế mà sao tình cảm lại như thế? Vốn là vợ chồng họ rất thương yêu nhau, bởi Tam Xảo làm điều sai trái nên Hưng Ca bắt đắc dĩ mà phải bỏ chứ lòng vẫn không nở, vì thế hôm nàng cải giá chàng đã đem mười sáu cái rương và hộp cho lại hết. Chỉ một việc đó đã khiến Tam Xảo vô cùng cảm động. Nay nàng được phú quý mà Hưng Ca lại gặp nạn hỏi không cứu sao được? Đó chính là tri ân báo ân vậy.

Lại nói Tưởng Hưng Ca tuân theo lệnh quan, thực hiện đầy đủ mọi điều, anh em nhà họ Tống thôi không nói năng gì cả. Tang ma cho ông già xong xuôi, sai nhân lại dẫn Hưng Ca về huyện đường báo cáo. Quan huyện gọi vào tư dinh, bảo ngồi, rồi nói: “Ông anh bị chuyện kiện cáo này, nếu không có lệnh muội nhiều lần xin cho thì bản chức có thể đắc tội rồi”. Hưng Ca không hiểu ra sao nên chẳng nói gì được. Một lát, quan huyện mời vào thư phòng rồi gọi tiểu phu nhân ra gặp mặt. Thử nghĩ mà xem, cuộc hội ngộ bất ngờ này có khác gì trong mơ? Hai người đó chẳng vái chào nhau, cũng chẳng nói năng gì, ôm chầm lấy nhau òa khóc, khóc thê thảm đến nỗi quan huyện đứng đó cũng động lòng nói: “Hai người hãy bớt đau thương đi, ta thấy tình cảm của các người không giống anh em, hãy nói rõ sự thật cho ta nghe rồi ta sẽ xử cho”.

Hai người vẫn khóc mãi không ai chịu nói. Bị quan gạn hỏi mãi, cuối cùng Tam Xảo mới đành quỳ xuống thưa: “Tiện thiếp có tội đáng chết ngàn lần, người này chính là chồng trước của thiếp”. Tưởng Hưng Ca thấy không thể dấu nữa cũng quỳ xuống kể hết sự tình từ chỗ hai người yêu thương nhau rồi Hưng Ca bỏ vợ, rồi vợ tái giá như thế nào nói cho quan huyện nghe. Nói xong hai người lại ôm nhau khóc đến nỗi tri huyện Ngô cũng nước mắt rùng rùng mà nói: “Hai người yêu thương nhau thế, làm sao ta nỡ

chia cắt các người. Cũng may là chưa có con cái gì nên ta ra lệnh cho hai người về lại với nhau”.

Hai người rập đầu bái tạ. Quan bèn sai đem một kiệu nhỏ đưa Tam Xảo ra khỏi nha môn, lại gọi phu khiêng mười sáu cái rương và hộp đi theo, bảo Hưng Ca nhận cả lấy. Rồi sai một viên lại hộ tống về quê. Thật đúng là:

*Châu về Hợp Phố càng thêm đẹp
Kiếm gặp Phong Thành sẽ rất linh
Kính phục Ngô công ân đức hậu
Tham tài, hiếu sắc xử công minh.*

Ông quan họ Ngô này sau được thăng vào bộ Lại ở Bắc Kinh, rất được sủng ái, rồi sinh được liên tiếp ba người con trai, đều học hành đỗ đạt, người ta bảo đó là ân đức được báo đền.

Còn Tướng Hưng Ca thì đưa Tam Xảo về, gặp gỡ với Bình Thị. Kể về hôn nhân thì Tam Xảo cưới trước, song lại đã bị bỏ. Còn Bình Thị thì cũng mai mối cưới xin chính thức, Bình Thị lại lớn hơn một tuổi, vậy nên để Bình Thị là chính phòng, còn Vương Thị là thứ phòng, hai người gọi nhau là chị em. Từ đó, một ông chồng hai bà vợ, sống đầm ấm với nhau đến già. Người sau có thơ rằng:

*Vợ chồng ân ái trước sau
Thê thành ra thiếp vẫn câu vện tuyền
Dữ lành, nhân quả nhãn tiền
Trời xanh ngay đó, lộ phiền cầu ai.*

Thương nhân họ Trình được thần biển giúp

Có người thương nhân ở Huy Châu họ Trình tên Tể, biểu tự Sĩ Hiền, thuở nhỏ đã từng học tập Thi, Thư. Song bấy giờ, theo phong tục ở Huy Châu, người ta xem nghề buôn bán là cao nhất, chuyện khoa cử chỉ là hạng dưới. Vì vậy đầu năm Chính Đức, Trình Tể cùng với anh trai là Trình Ân mang mấy ngàn lượng vàng đến Liêu Dương buôn các thứ nhân sâm, quả thông, da chồn, trân châu đủ loại. Mấy năm trời hao hụt cả vốn liếng, chẳng kết quả chuyến nào. Dân Huy Châu chỉ coi trọng lợi lộc nên người nào đi buôn về là bà con bè bạn, thê thiếp con cháu chỉ chú ý xem kiếm được bao nhiêu. Được nhiều thì ai cũng xu phụ kính trọng, được ít thì bị khinh rẻ chê cười.

Hai anh em Trình Tể vì làm ăn thua lỗ sợ về nhà xấu hổ, chẳng mặt mũi nào gặp lại các bậc cao niên ở Giang Đông nên không nghĩ đến chuyện về quê nữa. Bấy giờ ở Huy Châu có một hiệu buôn lớn, hai người vốn quen chuyện tính toán mua bán lời lãi, bèn xin vào đó làm. Họ cứ ban ngày coi chuyện sổ sách trong cửa hiệu, tối đến về chỗ nhà thuê để ngủ. Chỗ này có hai gian liền nhau, mỗi người ở một gian, giữa có vách gỗ ngăn, phòng rất hẹp lại chẳng có gì vui thú, song biết làm sao được, đành phải sống tạm như vậy.

Cứ thế được mấy năm. Năm đó là năm Mậu Dần, vào lúc cuối thu. Vùng này khí hậu thường rét sớm, lại gặp ngày mưa lớn suốt từ sáng đến tối, hai anh em Trình Tể người nào ở gian người ấy, cứ trùm chăn trên giường. Gió lạnh thấu xương, Trình Tể không sao ngủ được cứ trằn trọc mãi, rồi bất giác thấy nhớ quê. Chàng ta lại mặc áo vào, ngồi trên giường than thở mấy câu. Bỗng nhiên cả gian phòng sáng trưng lên, mọi đồ vật đều nhìn thấy rõ mồn một. Trình Tể trong lòng nghi hoặc, lại thấy có mùi thơm rất lạ phả vào mũi, rồi hơi ấm tỏa khắp gian phòng, chẳng hề nghe thấy tiếng mưa nữa, cứ như là thời tiết tháng hai, tháng ba ở Giang Nam vậy. Trình Tể càng kinh ngạc, bụng nghĩ: “Chẳng lẽ ta nằm mơ ư”. Bèn đi ra

ngoài xem sao. Chỉ thấy ngoài trời tối đen, vừa mưa vừa gió, lạnh không sao chịu nổi. Vội quay trở vào, đóng kín cửa, lại thấy cảnh cũ: cả phòng sáng choang. Trình Tề nghĩ: “Chuyện quái dị đây!” Rồi thấy sợ sợ, không dám đi lại, cứ nằm trên giường mà kêu lên. Người anh ở gian bên chỉ cách có tám vách, song kêu đến khản cổ vẫn không thấy tiếng đáp lại.

Sợ quá, không làm sao được, Trình Tề chỉ đành trùm chăn kín mít, quay mặt vào vách, cố ngủ để khỏi nhìn thấy gì. Song trong đầu lại thấy rất rõ, tai nghe như thấy có tiếng xe ngựa rầm rập từ xa. Trên không trung có tiếng đàn sáo vang lừng từ phía đông nam vắng tới, chỉ một lát, thấy đến gần, rồi vào hẳn trong phòng. Trình Tề khẽ hé chăn nhìn trộm thì thấy ba mỹ nhân má hồng tóc mây, mắt long lanh, răng trắng bóng, ăn mặc rất sang trọng, giống như các bà hậu phi trong tranh vẽ, trên người toàn là đồ trang sức bằng vàng ngọc trông lóa cả mắt. Dung mạo và phong thái, người nào cũng như tiên trên trời chứ không giống người thường, tuổi chỉ khoảng ngoài đôi mươi. Có nhiều thị nữ theo hầu, cũng đều xinh đẹp, người nào việc nấy, đứng xếp thành hàng, người xách lò than, người phe phẩy quạt, người cầm kiếm, người ôm đàn, người bưng nén, người cầm sách, người mang đồ chơi.

Trong ba mỹ nhân đó, một người có vẻ sang trọng hơn bước tới bên giường, vuốt ve người Trình Tề một lát rồi mỉm cười, cất tiếng oanh thoả thê nói: “Ngủ say thật rồi ư? Ta không làm hại chàng đâu. Ta có duyên phận với chàng nên hôm nay đến đây để gặp mặt. Xin đừng nghi hoặc gì. Bây giờ ta đã tới thì sẽ không đi đâu, chàng có la lớn thì cũng chẳng ai nghe thấy, chỉ uống công chuốc khổ thôi. Chi bằng hãy mau trở dậy cùng nhau tương kiến”.

Trình Tề nghe nói, trong bụng nghĩ thầm: “Cái cảnh biến hóa lạ lùng này nếu không phải thần tiên thì ắt là ma quái, nàng ta muốn sắp đặt cho mình mà mình cứ nhất định không dậy, cứ nấp trong cái chăn này liệu có được không đây? Nàng nói là có duyên phận với mình, không hại gì mình, nhưng chưa chắc! Thôi mình cứ thử dậy xem sao”.

Trình Tề lồm cồm ngồi dậy, bước xuống giường, sửa sang vạt áo rồi quỳ xuống nói: “Trình Tề này là kẻ ngu phu dưới hạ giới, không biết chân

tiên giáng lâm nên không nghênh tiếp, thật đáng tội chết, xin rủ lòng thương!”.

Mỹ nhân vội đưa cánh tay ngọc ra đỡ chàng đứng dậy và nói: “Xin chàng chớ sợ hãi, hãy ngồi cùng thiếp”. Rồi dắt tay Trình Tể để ngồi quay mặt về hướng nam song song với mình. Hai mỹ nhân kia ngồi hầu, một người quay mặt về hướng tây, một người quay mặt về hướng đông. Yên vị đâu đó, hai mỹ nhân nói: “Cuộc hội ngộ đêm nay không phải ngẫu nhiên, xin đừng nghi hoặc gì cả”. Rồi sai thị nữ bày tiệc rượu, toàn là thức ăn sang quý bình sinh chưa thấy bao giờ. Trình Tể cầm đũa lên, lòng rất vui sướng. Mỹ nhân lại gọi đưa cái chén Hồng Ngọc liên hoa ra để mời rượu. Cái chén rất lớn, đựng đến một thăng rượu. Trình Tể vốn không uống được nhiều, ra sức chối từ. Mỹ nhân cười nói: “Chàng sợ say à? Rượu này không phải dưới trần làm, uống không say đâu, uống nhiều cũng không sao”. Rồi tự tay cầm chén đưa mời. Trình Tể lúng túng, chỉ đành tiếp lấy đưa lên miệng. Thứ rượu này vừa ngọt vừa thơm, uống vào thấy sáng khoái vô cùng, không có một chút gì khó chịu, có lẽ nước cam lồ cũng không bằng, Trình Tể thấy ngon quá, uống hết cả chén rượu. Mỹ nhân lại cười nói: “Đã tin thiếp chưa?” Lại mời tiếp mấy chén nữa. Cả ba mỹ nhân cùng bồi ẩm. Trình Tể càng uống càng thấy phấn chấn, không say chút nào. Cứ mời một chén, các thị nữ lại tấu nhạc bát âm, thanh điệu du dương khiến người nghe muốn siêu phàm thoát tục.

Rượu tàn, hai mỹ nhân kia đứng dậy nói: “Đêm đã khuya, chàng hãy cùng phu nhân đi nghỉ.” Rồi đi sửa soạn chăn gối đâu vào đấy, xong xuôi bước tới chỗ mỹ nhân đang ngồi quay mặt hướng nam, chào rồi đi. Các thị nữ cũng đi hết. Thoắt cái, mọi thứ dụng cụ bày biện đều biến sạch. Cửa thì đóng chặt, không biết chúng đi lối nào. Lúc này, chỉ còn một mình mỹ nhân ngồi lại. Nàng kéo tay Trình Tể nói: “Mọi người đi cả rồi, thiếp với chàng cởi áo đi ngủ thôi!” Trình Tể nghĩ bụng: “Giường của mình chăn vải đệm cỏ, làm sao để người đẹp ngủ cùng được?” Ngẩng đầu nhìn lại, thấy chăn gối đệm đều đã thay hết, toàn là thứ gấm thêu quý giá. Tuy có kinh ngạc, song chàng đã bay bổng tâm hồn, chẳng biết làm sao, đành cởi áo lên giường. Mỹ nhân cởi bỏ trâm cài, hoa tai, rồi từ từ gỡ tóc. Tóc nàng vừa dài

vừa đen, óng mượt rất đẹp. Rồi bỏ áo lót ra, thịt da trắng muốt mịn mà như mỡ đọng. Quay mình kê sát, Trình Tể thấy bủn rủn khắp người. Thật là đầy đặn, tuyệt vời, nuột nà, mềm mại. Buổi đầu mây mưa, màu trinh thâm đỏ, yêu kiều e ấp, như gần như xa.

Đang thì buồn tẻ nơi lữ khách, bất ngờ lại được sung sướng thế này, Trình Tể thật là hồn phách bay tận chín tầng mây. Mỹ nhân cũng xúc động, thỏ thẻ bên gối rằng: “Loài nguyệt hoa yêu nghiệt trên thế gian này thường chỉ hại người cho nên ai cũng sợ cũng ghét. Thiếp thì không phải loại đó, chàng đừng có nghi. Thiếp gặp gỡ chàng, tuy không làm lợi gì nhiều cho chàng song cũng có thể khiến chàng khỏe mạnh, cuộc sống đầy đủ. Nếu gặp hoạn nạn gì, cũng có thể xuất chút tài nhỏ để chu toàn cho chàng, song không thể tiết lộ cho mọi người biết, ngay cả ông anh ruột chí thân cũng không nên cho biết. Nếu giữ đúng lời thiếp dặn thì từ nay về sau sẽ xin hầu chuyện gối chăn, không dám sai nhãng. Nhưng nếu để lộ ra thì chẳng những thiếp không tới được mà còn có đại họa cho chàng, lúc ấy thiếp cũng chẳng cứu nổi. Chàng hãy cẩn thận!”

Trình Tể nghe nói thì mừng hết sức, bèn chấp tay thề rằng: “Tôi đây vốn là kẻ phạm nhân hèn hạ mà được hưởng hậu đức của chân tiên, dù có tan xương nát thịt cũng không báo đáp hết được. Nàng đã dặn vậy, tôi đâu dám quên. Nếu tôi sai lời thì có chết cũng không dám oán.”

Nghe thề xong, mỹ nhân mừng lắm, hai tay ôm lấy cổ Trình Tể mà nói: “Thiếp không phải là tiên mà là thần biển, vốn có duyên phận với chàng từ lâu nên đến để gặp nhau đây thôi”. Rồi trò chuyện triền miên, rồi ái ân đủ kiểu. Bỗng gà hàng xóm gáy hai lần báo sáng, mỹ nhân khoác áo vào nói: “Bây giờ thiếp đi, đến đêm lại tới, chàng hãy giữ gìn nhé”. Vừa nói xong, đã thấy hai mỹ nhân đêm qua và các thị nữ tề tựu trước giường, miệng nói: “Chúc mừng đức lang quân của phu nhân!”

Mỹ nhân bước xuống giường, các thị nữ hầu hạ rửa mặt chải đầu, lại cài trâm đeo hoa y hệt như đêm qua. Cầm tay Trình Tể, mỹ nhân dặn đi dặn lại chuyện đừng tiết lộ rồi cứ quyến luyến không nỡ rời xa. Đám phụ nữ dón tới giục đi, nàng còn quay lại mãi, thật là tình chồng vợ chôn nhân gian cũng chẳng ai yêu nhau nồng hậu đến thế.

Trình Tề đã bước xuống giường, mặc quần áo, rồi cứ đứng nhìn, như ngây như dại. Một lát sau, gian phòng lặng ngắt, chẳng thấy một ai nữa. Nhìn các cửa, vẫn thấy đóng kín như hôm qua. Lại nhìn vào phòng, chỉ thấy bộ nằm có phủ một lớp cỏ trên trái chiếu lau, trên chiếu có một chiếc chăn vải. Góc tường, lỏng chổng cái lò và ít than, lại có một dây chai lọ. Trông như nơi miếu cổ không người hương khói, lại giống như một phòng giam bản thủ lôi thôi. Trình Tề lạ lùng nghĩ: “Phải chăng mình vừa mơ?” Định thần nhớ lại, nào cảnh ăn uống vui cười, rồi giao hoan, rồi thê thốt, thật rõ ràng rành rành, tuyệt nhiên không phải là trong mộng. Nghĩ vậy lòng vừa nghi hoặc vừa sung sướng.

Lát sau, trời sáng rõ, Trình Tề nghĩ: “Mình phải sang phòng anh trai xem, không biết chuyện hồi đêm anh ấy có gặp không?”. Đến cửa, cất tiếng gọi: “Anh ơi!”

Trình Ân vừa dậy, thấy Trình Tề thì kinh ngạc kêu lên: “Sao hôm nay thần thái em lạ thế, khác hẳn mọi ngày, có chuyện gì vậy?” Trình Tề thấy phân vân, trong bụng thầm nghĩ: “Hay là quả có chuyện lạ thật nên anh ấy nghi?” Bèn giả vờ nói: “Anh em mình thời vận đen đui, vạ vật ở đây không biết bao giờ mới về nhà được. Đêm qua trời lạnh quá, lại buồn bã trong lòng, cứ trần trọc thở dài mãi, suốt đêm em không sao nhắm mắt được. Chắc anh có nghe thấy tiếng, mà có gì hay đâu, sao anh lại bảo thần thái em khác lạ?”

Trình Ân nói: “Anh cũng rét quá, lại nhớ nhà nữa, suốt đêm thức trắng, nghe bên phòng chú lặng lẽ như tờ. Chú ngủ say thế, sao lại bảo là có tiếng thở than?”

Trình Tề nghe nói vậy, biết anh trai không biết gì chuyện hôm qua, thấy yên tâm. Đợi anh rửa mặt chải đầu xong, hai người cùng đi đến cửa hiệu.

Người trong cửa hiệu ai trông thấy Trình Tề cũng ngạc nhiên kêu lên: “Sao hôm nay sắc diện của anh đẹp thế?” Trình Ân cười nói với em: “Tôi đã bảo mà!”

Trình Tề chỉ làm như không biết gì, cứ im lặng không đáp. Nhưng chàng ta tự thấy tinh thần mình rất sảng khoái, da thịt mình cũng mềm mại dễ chịu, khác hẳn mọi ngày, lòng thấy thích thú, lại lo nằng không đến nữa.

Ngày hôm đó, chàng ta cứ luôn luôn nhìn bóng mặt trời, thấy sao lâu tới thế. Đến lúc vừa chập tối là chàng ta về nhà ngay, giả vờ kêu đau bụng, đóng luôn cửa lại, ngồi yên lặng chờ đợi.

Đến lúc tiếng trống canh vừa cất lên thì trong phòng tự nhiên sáng trưng, lại y như quang cảnh tối hôm qua. Trình Tể đang trông ngóng thì thấy một cặp lò hương dẫn trước, sau đó là mỹ nhân đi tới ngay trước mặt. Thị nữ chỉ có mấy người, các loại vật dụng mang theo hầu rất ít. Hai mỹ nhân ngồi cạnh cũng không thấy tới. Mỹ nhân thấy Trình Tể ngồi ngang với mình thì cười, nói: “Chàng quả có lòng với thiếp, song phải trước sau như một mới được”. Bèn sai thị nữ chuẩn bị mời trà. Hai người vui vẻ trò chuyện thân ái nồng nhiệt hơn cả đêm qua. Lát sau tan tiệc, cùng nhau vào giường, thị nữ đều lui ra hết. Nhìn vào chăn đệm, không thấy ai vào sửa soạn mà vẫn thấy trên dưới toàn gấm thêu rất đẹp. Trình Tể nghĩ rằng: “Trên giường thế này, nhưng dưới đất rất nhiều bụi bẩn, để xem xem thế nào.” Nhìn xuống chỉ thấy sàn nhà trải đầy thảm gấm, không hở chỗ nào. Đêm đó hai người càng thân thiết hoan lạc hơn. Rồi lại giống hôm trước, gà gáy hai lần là mỹ nhân dậy trang điểm rồi đi.

Từ đó, cứ vậy thành lệ, không hề sai khác, mỗi lần tới đều cười nói râm ran, tiếng nhạc vang lừng, anh trai ở ngay sát vách mà không hay biết gì cả. Tình cảm ngày càng mặn nồng, Trình Tể muốn có cái gì là lập tức có ngay, rất là thần tốc. Một hôm, ngẫu nhiên nghĩ tới một chùm vải tươi còn lá xanh, mùi rất thơm ngon vừa được hái từ trên cây xuống. Vừa mới nói rằng chỉ vùng Dương Mai đất Giang Nam mới có, thế là tự nhiên cành vải Dương Mai rơi xuống ngay trước mặt, quả sai nhiều chi chít, rất thơm rất ngon. Lại một hôm nói đến chuyện chim Anh Vũ, Trình Tể nói: “Thấy bao có loại lông trắng mà chưa từng được thấy”. Vừa dứt lời, bỗng có mấy con Anh Vũ bay tới, có con màu trắng, có con đủ màu, con thì tụng kinh Phật, con thì đọc thơ phú, toàn tiếng Quan Thoại vùng Trung Nguyên.

Một hôm, Trình Tể nhìn thấy một người bán hai viên đá quý gọi là đá Ngạnh Hồng, lớn bằng đầu ngón tay cái, màu hoa đào, đòi giá 100 lượng. Đêm đó chàng ta nói chuyện ấy với mỹ nhân, miệng cứ xuýt xoa rằng loại này hiếm thấy lắm. Mỹ nhân cười, nói: “Chàng đúng là ếch ngồi đáy giếng,

tầm mắt hẹp quá. Thiếp sẽ cho chàng thấy đây.” Nói xong, lập tức thấy trong phòng đầy của lạ: san hô cao hàng trượng, minh châu lớn bằng quả trứng, đá quý năm màu có viên to bằng cái gùi, óng ánh lóa cả mắt. Trình Tể ngắm hết thứ nọ đến thứ kia, nhắc lên đặt xuống liền tay. Một lát sau, mọi thứ đều biến hết. Trình Tể nghĩ bụng: “Mình ban đêm muốn gì có nấy, thật đã toại lòng, nhưng ban ngày lại vẫn phải làm công cho người ta. Nàng đâu có biết được tâm sự của mình chứ”. Bèn đem chuyện mình trước đây buôn bán thua lỗ mất mấy ngàn lượng, đến nỗi phải long đong thế này, kể rõ cho mỹ nhân nghe, vừa kể vừa thở dài buồn bã. Mỹ nhân lại vừa cười vừa nói: “Đang vui sao lại nghĩ đến chuyện phạm tục ấy làm gì? Tuy nhiên, chẳng nên trách chàng vì đó là bản nghiệp của chàng mà, bây giờ thiếp sẽ cho chàng thấy một cảnh tượng”.

Vừa nói xong, bỗng thấy trước mắt xuất hiện đầy vàng bạc, chất cao đến tận xà nhà, nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Mỹ nhân trở đồng vàng bạc hỏi Trình Tể: “Chàng có muốn lấy không?” Vốn là lái buôn, nhìn thấy nhiều vàng bạc như thế sao mà chẳng thèm. Thế là hăng hái động tay động chân tính đến lấy. Mỹ nhân bèn lấy đĩa gấp một miếng thịt trong bát ném vào mặt Trình Tể rồi hỏi: “Miếng thịt này có dính được vào mặt chàng không?”. Trình Tể nói: “Đây là thịt con vật khác, làm sao dính vào mặt ta được”. Mỹ nhân bèn trở đồng vàng bạc nói: “Đây là vật của kẻ khác, sao có thể lấy làm của mình được? Nếu bây giờ có lấy đi một ít thì cũng không sao, chỉ có là nếu lấy vật phi pháp ắt sẽ mang họa. Người đời cứ lấy cái của không nên lấy, sau lại đánh mất nhiều gấp mấy lần. Nếu chàng muốn có vàng bạc thì phải tự mình đi kinh doanh, thiếp sẽ chỉ đường rồi ngầm giúp đỡ, như vậy sẽ tốt cho chàng hơn”.

Trình Tể nói: “Chỉ làm vậy cũng được”.

Bấy giờ đã sang đầu mùa hạ, có người buôn thuốc đến Liêu Đông. Thuốc bán được hết, chỉ còn hai thứ hoàng bá và đại hoàng là không ai mua, còn dư đến ngót trăm cân. Nhưng loại này cũng thường, chẳng đáng giá gì. Người buôn thuốc định bỏ đi. Mỹ nhân bèn bảo với Trình Tể: “Chàng nên mua lấy chỗ thuốc đó, sẽ lời nhiều lắm đấy”. Trình Tể tới hỏi, người bán chỉ mong rảnh tay nên được chút tiền là bán luôn. Trình Tể rất tin

lời mỹ nhân nên có gần mười lượng bạc mang theo đem mua hết chở về nhà. Anh trai Trình Ân thấy từng đồng thảo dược chất đầy, hỏi thấy bảo mua hết hơn mười lượng bạc thì la lớn lên: “Chú điên rồi à? Đem số bạc hữu dụng đổi lấy thứ vô dụng này, dù mua rẻ đấy nhưng đến bao giờ mới bán hết và thu hồi vốn chứ? Sao lại tính toán dở thế?”

Ai ngờ sau đó ít lâu, vùng Liêu Đông phát dịch bệnh, hai vị thuốc đó các cửa hiệu đều thiếu để bán, giá tăng vọt hẳn lên. Trình Tề bán được hết sạch, tất cả thu được hơn năm trăm lượng.

Ít ngày sau, có một lái buôn ở Thương Châu đến Liêu Đông bán loại đoạn nhiều màu. Giữa đường gặp mưa, đoạn bị ướt rồi thành loang lổ, không tấm nào còn nguyên vẹn. Chủ hàng ngày đêm lo lắng khóc lóc, sợ bán không được, chỉ mong có người mua là bán ngay, giá bao nhiêu cũng bán.

Mỹ nhân lại bảo Trình Tề: “Món này lại nên làm đấy”. Trình Tề bèn đem ngay năm trăm lượng bạc kiểm được lần trước mua luôn năm trăm tấm đoạn. Người bán hàng mừng quá. Trình Ân thấy vậy nói: “Chú bạc phước rồi, lần trước may mà được món tiền nhưng lần này xui rồi. Cái thứ đoạn này cốt ở màu sắc, màu sắc đẹp thì hai lượng một tấm còn là rẻ, thế nhưng bây giờ lôm đốm loang lổ thế này ai người ta mua. Thế là năm trăm lượng đổ xuống sông xuống biển rồi! Buôn bán như vậy, biết bao giờ mới kiếm đủ mà quay về nhà chứ?” Nói rồi rất giận. Bạn hàng biết chuyện đó, người thì tiếc hộ, người thì chê cười.

Nào ngờ thời vận lại tới. Chưa được một tháng, Ninh Vương ở Giang Tây làm phản, giết chết quan Tuần Vũ họ Tôn. Quan Phó sứ họ Hứa bèn kéo quân xuống phá An Khánh, chiếm Nam Kinh, giành quyền binh. Cả vùng Đông Nam chấn động. Triều đình cấp tốc điều quân Liêu Đông đi đánh dẹp phía nam. Hịch văn truyền tới, gấp như lửa cháy. Quân đội phải lo đầy đủ nhung trang, cờ xí, hạn kỳ rất gấp. Vùng biên địa này làm sao mà có ngay được nhiều vải đoạn. Thế là giá cao vọt lên, chỉ cần có là mua, không kể tốt xấu. Trình Tề đem bán được hết số đoạn loang lổ đó, giá được gấp ba. Vụ này trừ tiền vốn năm trăm lượng ra còn lời đúng ngàn lượng.

Lại đến mùa thu, có người thương nhân Tô Châu đem ba vạn tấm vải đến Liêu Dương bán. Đã bán dần dần được hai vạn bốn nghìn tấm rồi, còn lại số vải hơi thô hơn sáu ngàn tấm. Đột nhiên có thư nhà báo tin bà mẹ chết, thế là ông ta phải về gấp chịu tang. Mỹ nhân lại bảo Trình Tề: “Vụ này làm được”. Trình Tề hai lần được lợi rồi biết rằng linh nghiệm, vội tới tìm để trả giá mua. Ông nhà buôn này bán chỗ hàng trước đã lời nhiều, còn chỗ này là dư thừa, lại đang cần về nên chỉ cần có người mua tất cả là bán giá vốn luôn. Trình Tề bèn bỏ cả ngàn lượng ra mua hết sáu ngàn tấm vải đó. Đến tháng ba năm sau, Vũ Tông Hoàng Đế băng hà, cả nước phải chịu quốc tang. Vùng Liêu Đông ở tận biên giới, không sản xuất vải, bây giờ mọi người đều phải mặc áo trắng thì làm sao có nhiều vải như vậy? Thế là một tấm vải thô giá lên đến bảy tám đồng bạc, Trình Tề bán sáu ngàn tấm vải có được ba bốn ngàn lượng. Cứ như vậy, hễ gặp là làm, làm là thấy sự lạ, kiếm lời rất nhiều, không còn nhớ được lời bao nhiêu nữa. Trong vòng bốn năm năm đã được năm bảy vạn lượng, so với số thua lỗ trước kia, có được gấp mấy chục lần.

Thật là:

Người bỏ thì ta nhặt

Lời lãi thuộc về ta

Nhờ thần ngầm trợ giúp

Chớ tham lam quá đà

Lại nói chuyện khi Vương Ninh ở Giang Tây làm phản, mọi người đều kinh hãi, khắp nơi đồn đại lung tung, người thì nói vua mới đã lên ngôi ở Nam Kinh, người thì nói quân đội đã vượt qua sông Hoài, người thì nói quân đội đã vượt qua Lâm Thanh đến Đức Châu rồi. Một ngày mấy tin đồn khác nhau, chẳng biết đâu đúng đâu sai. Trình Tề thấy nhớ quê quá không sao yên lòng được, mới hỏi mỹ nhân rằng: “Cái bọn phản loạn ấy rút cục nó là cái gì vậy?” Mỹ nhân mỉm cười trả lời: “Bạc chân nhân tử đang ở giữa vùng Hồ Tương, có liên can gì đến bọn đó. Bọn đó tự tìm đến cái chết nên điên cuồng như vậy, chẳng bao lâu sẽ bị bắt hết thôi, không đáng lo đâu”. Bây giờ là hạ tuần tháng bảy, hơn một tháng sau, quả nhiên bọn đó bị Tuần vũ Vương Dương Minh bắt giải về kinh hết. Trình Tề thấy mỹ nhân nói

Thiên tử đang ở vùng Hồ - Tương, sợ rằng Giang Nam sẽ lại có chiến tranh nên trong lòng vẫn không yên, lại hỏi mỹ nhân. Nàng nói: “Không sao, không sao, đất nước sẽ yên lành, thiên hạ sẽ được hưởng phúc thái bình, chỉ một hai năm nữa thôi”. Về sau Gia Tĩnh nổi lên ở vùng Hồ Quảng, rồi đất nước đại thống yên bình, đúng như lời mỹ nhân nó

Đến năm Giáp Thân triều Gia Tĩnh, mỹ nhân cùng Trình Tề qua lại với nhau đã được bảy năm, tình cảm đậm thắm trước sau như một. Trình Tề đã có nhiều tiền của, lại thấy nhớ đến quê hương. Một đêm chàng ta nói với mỹ nhân: “Ta xa nhà đã hai mươi năm, chỉ vì thua lỗ vốn liếng nên không thể về được. Nay nhờ trời đã kiếm được khá nhiều, vượt cả mong ước, lại muốn cùng với anh trai về quê một chuyến, thăm vợ con rồi trở lại ngay, nhiều nhất không quá một năm, rồi ta lại được vui sống với nhau, không biết có nên không?” Mỹ nhân nghe xong kinh hãi kêu lên: “Mấy năm thương yêu nhau đến đây là hết ư? Thôi thì chàng hãy tự lo, tính sao cho hạnh phúc sau này, thiếp không thể hầu hạ bên cạnh nữa rồi”. Trình Tề nói: “Mong rồi sẽ được gặp lại, lòng ta đâu dám phụ ơn, sao nàng lại nói điều dứt khoát thế?”

Mỹ nhân khóc nói: “Cái số là như vậy, ta không thể làm chủ được”. Chưa dứt lời đã thấy hai mỹ nhân ngồi hướng Đông, Tây hồi mới gặp và các thị nữ đều đã tới đầy đủ. Âm nhạc lại tấu lên, tiệc rượu được dọn ra. Mỹ nhân tự đứng lên rót rượu mời, rồi kể lại chuyện khi mới gặp nhau cùng tình cảm yêu thương trong mấy năm trời. Cứ nói mỗi câu lại ghen ngào thương cảm. Trình Tề cũng bực bạch, tự thấy hối hận vì đã không giữ được lời hẹn ước, giận mình không thể nhào thân xuống đất, đập đầu vào tường được. Hai người lưu luyến mãi, không nỡ xa nhau. Các thị nữ tiến tới bẩm: “Thưa, số trời đã hết rồi, xe hầu đã sẵn sàng, xin mời phu nhân lên đường thôi, không nên đau thương quá như vậy”.

Mỹ nhân cầm tay Trình Tề, rơi lệ mà dặn rằng: “Chàng sắp có ba cái nạn lớn, phải luôn luôn chú ý đề phòng, đến hạn thiếp sẽ tự đến cứu. Qua được các nạn đó rồi thì sẽ tốt lành cho đến hết đời. Khi nào tuổi thọ tới số, thiếp đã đợi chàng ở Bồng Lai tam đảo để ta nối lại tiền duyên. Chàng cần giữ lòng thanh tịnh, chăm làm việc thiện để giúp thêm cho lòng mong mỏi

của thiếp được thực hiện. Thiếp với chàng tuy ở cách xa nhau, song nhất cử nhất động của chàng thiếp đều biết hết. Nếu như chàng làm điều gì dở, thậm chí sa ngã, vi phạm đạo trời, thì thiếp chẳng thể chu toàn được. Thôi ngày gặp còn xa, chàng hãy cố gắng lên!”

Dặn đi dặn lại mãi, có đến hàng chục lần. Trình Tề lúc này thậm chí bàng hoàng chẳng nói được lời nào, chỉ đành nhất nhất nghe theo và tuôn rơi nước mắt mà thôi. Thật là:< />

Trên trời ngàn vạn điều đau khổ

Khô đâu bằng tử biệt,

khô đâu bằng hội ngộ lại phân ly

Đất rộng trời cao còn có chuyện

cùng trời cuối đất

Nhưng nỗi đau này dằng dặc chẳng hạn kỳ.

Một lúc sau, gà gáy râm ran, thị nữ giục giã, bèn quyết liệt chia tay.

Mỹ nhân còn quay lại nhìn ba, bốn lần rồi mới biến hẳn. Song vẫn còn thấy:

Đế sâu rên rỉ, đèn lẻ chập chờn

Gió lạnh náo nê, nhạc ngựa lạnh canh

Thế rồi: mặt trời mọc lên phía Đông

Sông Ngân nhấp nhánh phía Tây

Chỉ trong khoảnh khắc, đất trời cách biệt.

Trình Tề đau lòng quá, cứ ngẩng nhìn không trung mà khóc mãi. Khóc lên thành tiếng, anh trai Trình Án ở vách bên nghe thấy, chứ không như trước đây, làm gì cũng chẳng hề hay biết. Trình Án thấy tiếng em trai khóc, vội choàng dậy hỏi nguồn cơn. Trình Tề lúng búng: “Chỉ là nhớ nhà thôi”. Miệng gắng nói vậy song giọng vẫn nức nở. Trình Án nói: “Anh em ta lưu lạc mãi không thể về được, nhưng mấy năm nay buôn bán đã kiếm được nhiều, muốn về cũng không khó gì, sao mà chú lại khóc thảm thế? Xưa nay chú có như vậy đâu, chắc là có chuyện gì đau buồn lắm mà chú giấu anh phải không?” Thấy anh nói trúng, biết không thể nói quanh nữa Trình Tề bèn kể hết đầu đuôi, những gì năm xưa gặp gỡ mỹ nhân, rồi đêm đêm ân ái

cùng nhau, rồi vì sao mà buôn bán kết quả dẫn đến giàu có, đó đều là do mỹ nhân bảo giúp. Trình Ân kinh hãi vô cùng vội ngẩng lên trời vái lạy.

Ngày hôm sau, kể lại với bạn hàng, thế là trong ngoài thành Liêu Dương ai cũng biết chuyện lạ Trình Hiền Sĩ gặp Thần Biển. Từ đó, Trình Tể cứ suốt ngày buồn bã như người mất hồn, rồi cùng anh trai bàn bạc chuyện thu xếp về phương nam. Bấy giờ có ông chú làm Vệ Kinh Lịch ở Đại Đồng, đã lâu lắm không được gặp, Trình Tể mới nghĩ: “Lần này về nhà, không biết bao giờ mới lại lên phía bắc, ta nên nhân dịp đến đó thăm chú một chút”.

Bèn sắp xếp hành lý nhờ anh trai đưa lên thuyền đi trước, còn chàng ta thì thuê một con ngựa cưỡi đến Đại Đồng thăm chú, Họ hàng ruột thịt lâu lắm mới gặp nhau, ông chú giữ lại mấy ngày, không đi ngay được. Đêm đó ngủ mơ thấy mỹ nhân đến giục: “Tai họa đến rồi, sao còn không mau đi đi?” Trình Tể nhớ lại lời dặn lúc chia tay bèn vội vàng xin cáo từ chú. Ông chú lại giữ ăn cơm, đến chiều tối mới ra khỏi thành Đại Đồng. Lúc này trời đã tối, Trình Tể nghĩ có đi cũng chẳng được bao nhiêu đường đất, chi bằng nghỉ lại ở ngoài thành rồi mai đi sớm. Nhưng ngủ được đến canh ba thì lại mộng thấy mỹ nhân tới giục: “Đi mau! Đi mau! Họa lớn đến bây giờ, chậm trễ là không thoát được đâu.”

Trình Tể kinh hãi tỉnh hẳn, chẳng biết còn sớm tối gì, vội vã cưỡi ngựa chạy bốn, năm dặm đường, chỉ nghe thấy nổ liên hồi, quay lại nhìn chỗ ngoài thành thấy lửa cháy ngút trời, sáng rực như ban ngày. Thì ra có vụ quân biến ở Đại Đồng. Hỏi vì sao lại xảy ra quân biến, thì ra viên Tham tướng ở Đại Đồng là Giải Giám không cấp đủ lương ăn cho quân sĩ nên quân sĩ hô hào nhau giết chết Giải Giám. Quan Tuần vũ Trương Văn Cầm phải yết bảng chiêu an mới được yên. Trương Văn Cầm ngầm điều tra biết được mấy kẻ cầm đầu bèn sai người đi tróc nã. Quân sĩ lại âm ỉ lên, muốn giết chết Trương Tuần Vũ rồi chiếm Đại Đồng, chống lại triều đình. Thế là lòng tìm tất cả các trai tráng trong ngoài thành để cùng làm phản. Họ đốt đuốc đi khắp nơi, gặp người buôn bán nghỉ trong quán trọ đều bắt hết, không ai được thoát. Trình Tể mà chậm trễ một chút thì bị bắt rồi. Đây là đại nạn đầu tiên chàng ta được Thần Biển cứu thoát.

Chạy đến gần cửa quan, ban đêm nằm ngủ lại thấy mỹ nhân tới giục: “Hãy nhân lúc trời còn sớm, lập tức qua cửa quan ngay, chậm một bước là sẽ bị cái họa lao tù”. Trình Tể lại kinh hãi. Những người cùng ngủ trong quán trọ chưa có ai dậy, một mình chàng ta vội vã chạy qua cửa quan, lọt được vào thành. Đi được mấy dặm, bỗng nghe nói có công văn nói rằng vì Đại Đồng có phản loạn, sợ có gian tế len lỏi và kinh sư cho nên tất cả những ai từ Đại Đồng đến mà không phải là công sai hay nha lại có giấy tờ chứng thực thì đều bắt giam hết, sau khi tra xét rõ mới tha. Những người cùng trọ với Trình Tể đêm hôm đó, phần lớn đều phải vào ngục, sau đến nửa năm mới được thả ra, có người bị nhiễm bệnh chết ngay trong tù. Trình Tể nếu không thoát đi lúc công văn chưa tới thì thôi cũng chẳng còn gì, cũng lại phải bảy tám tháng tù giam thôi. Đây là Thần Biển cứu chàng thoát khỏi tai họa thứ hai.

Trình Tể lên được thuyền ở Lộ Hà, gặp được anh trai, kể cho anh nghe chuyện gặp nạn giữa đường, được báo mộng và thoát khỏi. Hai người cảm kích mãi.

Thế rồi họ đi tiếp không có chuyện gì. Đến Hồ Cao Bru phủ Hoài An, bỗng nhiên mây đen kéo dày đặc, gió dữ thổi ào ào, có lẽ giao long dưới nước cũng phải hãi hùng, mãnh hổ giữa đất trời cũng phải kinh sợ, thuyền đảo tròn thành, chồm lên ngụp xuống, mái chèo bị gãy, thế là thuyền quay nhào lộn, hầu như sắp chìm xuống Diêm vương nơi Thủy phủ.

Đang lúc gặp kỳ nguy cấp, Trình Tể bỗng ngửi thấy mùi hương ngào ngạt đầy thuyền, gió dữ ngừng thổi. Trong chốc lát, mây đen tan hết, có một đám mây màu xuất hiện trên thuyền, trong mây có hình bóng một mỹ nhân, nửa thân trên thì thấy rất rõ, nửa thân dưới thấp thoáng dưới ánh sáng. Trình Tể biết Thần Biển lại đến cứu mình đây, từ biệt nhau quá lâu, không được gặp gỡ nên chàng ta vô cùng xúc động, nước mắt đầm đìa, cứ hướng vào đám mây mà cúi đầu vái lạy. Mỹ nhân trong đám mây cũng chấp tay đáp lễ, vẻ mặt thương cảm rất lâu. Người trên thuyền đều không nhìn thấy gì cả, chỉ thấy Trình Tể nhìn vào khoảng không mà thi lễ. Họ kinh ngạc, hỏi Trình Tể kể rõ nguyên do, thế là mọi người đều kính cẩn chiêm ngưỡng. Vậy là lần đại nạn thứ ba được Thần Biển đến cứu. Từ đó trở đi không còn lần nào

Về sau, Trình Tể đến 60 tuổi mà trông dung nhan chỉ như người chưa đến 40, rõ ràng là do gặp gỡ dị nhân. Nếu làm theo lời hẹn với mỹ nhân thì một ngày nào đó chàng ta sẽ được lên cõi tiên Bồng Lai Tam Đảo. Nhưng không biết có phải là do Trình Tể là một người buôn bán, là kẻ thường tục, nên không có được sự kỳ ngộ đó hay không?

Nói ra thì không tin, song chuyện này quả là có thật. Mới hay những chuyện thần tiên quỷ quái trên đời này, vị tất đều là bịa ra cả. Có thơ làm chứng như sau:

*Lưu lạc vùng biên một khách thương
Được gặp thần tiên, chuyện lạ thường.
Thương nhau tha thiết do duyên phận?
Kể rõ, người nghe cũng đoạn trường.*

CÁC TRUYỆN TÓM LƯỢC

Ở hiền gặp lành

(Tam ngôn)

Ở ngoài cửa thành phía đông huyện Vô Tích phủ Thường Châu vùng Giang Nam có nhà họ Lữ được ba anh em trai, anh cả tên là Lữ Ngọc, anh hai tên là Lữ Bảo, còn em út tên là Lữ Trân. Lữ Ngọc lấy vợ họ Vương, Lữ Bảo lấy vợ họ Dương, cả hai người đều rất xinh đẹp. Lữ Trân thì còn nhỏ chưa làm bạn với ai.

Vương Thị sinh được một con trai tên là Hỷ Nhi, mới được sáu tuổi, một hôm đi chơi với bọn trẻ con rồi không về nhà. Hai vợ chồng Lữ Ngọc vô cùng lo lắng, đi tìm kiếm mấy ngày vẫn không thấy.

Lữ Ngọc trong dạ buồn phiền, mới đến nhà giàu kia vay một ít tiền làm vốn để ra ngoài buôn bán, định nhân tiện thăm dò tin tức con trai. Một hôm, anh ta gặp một người buôn vải rủ cùng đến Sơn Tây bán hàng. Chẳng ngờ sau khi đến Sơn Tây, gặp nạn mất mùa liên tiếp, tiền bán hàng không thu nổi, không sao trở về được. Ít lâu sau, Lữ Ngọc lại bị bệnh nặng, phải uống thuốc chữa trị suốt ba năm trời mới khỏi. Thế rồi, mãi mới đòi được tiền bèn lên đường về quê.

Một buổi tối, đi tới nơi gọi là Trần Lưu, Lữ Ngọc nghỉ ở nhà vệ sinh một cái túi vải đen. Mở ra thấy toàn là bạc trắng, ước độ hai trăm lượng. Anh ta đứng ở chỗ nhà vệ sinh đợi suốt một ngày, không thấy ai đến tìm của mất, hôm sau đành phải lên đường đi tiếp.

Đi được khoảng hơn năm trăm dặm thì đến Túc Châu, Lữ Ngọc vào nghỉ ở một nhà trọ. Cùng phòng có một người khách nữa. Hai người trò chuyện với nhau, chợt ông khách kể là năm ngày trước ở Lưu Châu, ông đi nhà vệ sinh làm mất một cái túi vải trong đựng hai trăm lượng bạc. Lữ Ngọc bèn hỏi tên họ và nơi ở của ông khách, ông ta nói mình họ Trần, có mở một cửa hàng bán lương thực ở Dương Châu.

Lữ Ngọc nói: “Tôi họ Lữ, người ở Vô Tích, đi Dương Châu cũng thuận đường, tôi có thể đi cùng bác rồi đến thăm nhà luôn”.

Ông khách kia chẳng nói gì, cũng bằng lòng ngay. Hai người cùng đi với nhau, chưa tới một ngày đã tới Dương Châu. Lữ Ngọc bước vào cửa hàng nhà họ Trần, lại hỏi chuyện ông Trần đánh mất bạc ở Trần Lưu. Anh hỏi cái túi đó làm sao, ông Trần nói nó màu đen, trên có thêu chữ “Trần” bằng chỉ trắng.

Lữ Ngọc nói: “Tôi nhặt được ở Trần Lưu một cái túi vải giống như bác nói, bác thử xem có đúng cái bác mất không?” Ông Trần cầm lấy xem nói ngay: “Đúng rồi”, lại nhìn trong túi thấy số bạc vẫn còn nguyên vẹn. Cảm động quá, muốn chia đôi số bạc tặng Lữ Ngọc một nửa. Lữ Ngọc nhất định không nhận, ông Trần chỉ đành bày tiệc khoản đãi.

Trong lúc ăn, ông Trần hỏi Lữ Ngọc con bao nhiêu tuổi. Lữ Ngọc rơi nước mắt nói: “Tôi chỉ có một đứa con trai, mấy năm trước bị lạc mất rồi, bây giờ vẫn chưa được tin tức gì, lần này về nhà định nuôi một đứa để nó giúp đỡ, chỉ có là khó mà gặp được”.

Ông Trần nói: “Mấy năm trước, nhà tôi có bỏ ra ba lượng bạc mua được một thằng nhỏ rất xinh xắn, lại rất ngoan. Nếu anh ưng thì tôi xin tặng anh để tỏ chút lòng cảm tạ”.

Rồi ông cho gọi Hỷ Nhi tới. Lữ Ngọc nghe tên gọi giống như tên con trai mình, thấy hơi lạ. Đến lúc Hỷ Nhi bước tới trước mặt, Lữ Ngọc hỏi: “Cháu vốn là người ở đâu ai đem bán cháu tới đây?”

Thằng nhỏ nói: “Cháu chỉ nhớ cha cháu là Cả Lữ, còn hai người chú nữa, mẹ cháu họ Vương, nhà ở phía ngoài huyện Vô Tích, lúc nhỏ bị người ta lừa đem bán tới đây”.

Lữ Ngọc nghe xong ôm chầm lấy Hỷ Nhi òa khóc: “Con ơi, ta chính là Cả Lữ ở Vô Tích đây, là cha ruột của con đây. Lạc mất con suốt bảy năm trời, ngày nay lại được gặp”. Ông Trần đứng bên cũng mừng rỡ. Đêm đó hai cha con nằm cùng giường trò chuyện suốt đến sáng.

Sáng sớm ngày hôm sau, Lữ Ngọc chào từ biệt để ra về, ông Trần giữ lại một ngày, bày tiệc khoản đãi, lại lấy 20 lượng bạc ra tặng. Lữ Ngọc chối mãi không được, đành phải nhận, trong bụng nghĩ thầm: “Cha con mình được gặp nhau thế này là do mình làm điều thiện nên Trời thưởng cho. Hai

chục lượng bạc này cũng không phải là tiền của mình, ta nên cúng vào chùa để tích ít công đức

Hai cha con từ biệt nhà họ Trần rồi thuê một chiếc thuyền nhỏ, từ biệt Dương Châu. Thuyền đi được mấy dặm, bỗng nghe bên sông có tiếng huyên náo. Thì ra có một chiếc thuyền bị đắm, người rơi xuống nước ra sức kêu cứu. Người trên bờ kêu chiếc thuyền nhỏ cạnh đấy vớt giúp, nhưng người trên thuyền nhỏ không chịu vì không có tiền thưởng. Mọi người đang la lối tranh cãi nhau.

Lữ Ngọc nghĩ bụng: “Cứu một mạng người bằng xây bảy cấp phù đồ, sao mình lại không dùng hai chục lượng bạc này làm tiền thưởng để họ tìm vớt, làm vậy cũng là việc thiện mà!”.

Thế là anh ta la lớn: “Tôi sẽ xuất tiền thưởng! Nếu cứu được mạng mọi người, tôi sẽ biếu tất cả 20 lượng bạc cho các người!”

Bọn người trên thuyền kia nghe nói có hai chục lượng bạc tiền thưởng bèn tranh nhau tới cứu. Một lúc sau, cứu được tất cả. Lữ Ngọc đem số bạc phân chia. Những người được cứu sống đều đến tạ ơn, trong số đó có một người thấy Lữ Ngọc bèn gọi: “Anh ơi, anh từ đâu tới thế?”

Lữ Ngọc quay nhìn thấy đó là Lữ Trân, em trai út của mình, Lữ Ngọc bảo Hỷ Nhi chào chú, rồi đem chuyện trả lại bạc cho người và gặp được con trai kể lại, Lữ Trân kinh ngạc mãi không thôi.

Lữ Ngọc mới hỏi em: “Làm sao chú lại đến đây?” Lữ Trân nói: “Chuyện dài lắm, kể không hết ngay được. Từ khi anh đi, thẩm thoát đã ba năm, có người bảo anh bị bệnh ở Sơn Tây đã qua đời rồi. Anh hai tin là như vậy, chị dâu cũng để tang. Mấy ngày trước, anh hai lại ép chị dâu đi bước nữa, chị dâu không chịu, bảo em phải đích thân đến Sơn Tây dò la tin tức của anh xem thế nào, không ngờ lại được gặp nhau ở đây. Thôi anh đừng nán ná nữa hãy mau về nhà cho chị dâu yên tâm. Nếu chậm e sẽ sinh chuyện”.

Lữ Ngọc nghe xong vội vã bảo chở thuyền về nhà ngay. Lại nói Vương Thị sau khi nghe được tin dữ của chồng, mới đầu không tin, song Lữ Bảo nói chắc như đinh đóng cột, chị ta đành phải tin và đổi mặc đồ tang

Lữ Bảo lòng dạ quỷ quái, ngầm có chủ ý, hấn khuyên chị dâu cải giá cốt để có được ít sính lễ. Hấn bảo vợ là Dương Thị khuyên nhủ chị dâu nhưng Vương Thị kiên quyết không nghe. Vương Thị nghĩ thầm: “Trăm nghe không bằng một thấy, bảo rằng chồng ta đã chết, song tận ngoài ngàn dặm, biết thật hay giả”. Chị ta năn nỉ với chú em út Lữ Trân, rằng hãy đích thân đi Tây Sơn hỏi cho kỹ. Nếu quả thực anh chú đã chết rồi thì mang về một khúc xương cũng được.

Lữ Trân đi rồi, Lữ Bảo càng sống bừa bãi, ngày nào cũng đánh bạc, thua hết tiền, chẳng còn nơi nào mà moi tiền được nữa. Bỗng ngẫu nhiên gặp một người Giang Tây đang muốn tìm vợ, Lữ Bảo bèn hứa gả chị dâu cho ông ta. Nghe nói vợ Cả Lữ rất đẹp, ông ta bèn vui vẻ xuất ra 30 lượng bạc.

Được bạc rồi, Lữ Bảo nói với ông ta rằng: “Chị dâu tôi cả thẹn, nếu cứ tự nhiên nói về với ông thì nhất định chị ấy chẳng chịu đâu. Vậy nên đêm nay, ông cho mấy người đem kiệu đến, lặn lẽ vào nhà tôi, nếu gặp người chít khăn tang thì đúng là chị ấy, cứ lẳng lặng đừng nói gì, kéo ngay lên kiệu đưa xuống thuyền chở đi là xong”.

Ông kia nghe xong lập tức đi chuẩn bị. Lữ Bảo về nhà, nói riêng cho vợ là Dương Thị biết. Dương Thị và Vương Thị xưa nay rất thân với nhau, thấy chồng mình làm việc tệ hại như vậy, trong lòng rất áy náy, song chẳng có cách nào ngăn cản chỉ đành báo trước cho Vương Thị biết. Vương Thị nghe nói vậy thì khóc òa lên. Dương Thị khuyên giải một lúc chị mới nín khóc nói rằng: “Đã bắt tôi lấy người ta thì sao lại bắt chít khăn tang mà đi? Phiền thím hãy kiếm cho tôi cái khăn đen vậy!”. Dương Thị thăm thấy ngượng, bèn vội vã đi tìm, nhưng lúc này thì tìm đâu ra. Vương Thị nói: “Thím thì dù sao cũng không đi đâu, hãy đổi tạm cho tôi cái khăn đen của thím, được không?”.

Dương Thị bèn cởi khăn đen ra đổi lấy khăn tang chít lên đầu mình.

Đến tối, người Giang Tây cùng một tốp người mang theo đèn đuốc và khiêng một chiếc kiệu thẳng đến nhà họ Lữ. Họ đẩy cửa vào, nhìn thấy một người chít khăn tang bèn bắt luôn mang đi. Dương Thị la lớn: “Không phải đâu!” Song bọn này chẳng kể gì cả cứ ấn chị ta vào kiệu rồi khiêng chạyay.

Vương Thị thăm tạ trời tạ đất rồi đóng cửa lại. Sáng hôm sau, Lữ Bảo vui vẻ về nhà, thấy người mở cửa là chị dâu thì giật nảy người. Vào trong không thấy vợ mình đâu, lại thấy trên đầu chị dâu chít khăn đen, lại càng nghi hoặc. Hắn bèn hỏi: “Chị dâu, vợ tôi đâu rồi?”

Vương Thị cười thâm, trả lời: “Tôi qua bọn người Giang Tây cướp đi rồi!”

Lữ Bảo nói: “Sao lại thế được? Chị dâu, sao chị lại không chít khăn tang?”

Vương Thị bèn kể lại chuyện đôi khăn. Lữ Bảo đấm ngực dậm chân mãi không thôi, vốn là định tâm bán chị dâu, nào ngờ lại là bán chính vợ mình. Bây giờ người ta đã chở thuyền đi rồi, mà ba chục lượng bạc thì chỉ canh bạc đêm qua đã thua mất quá nửa. Có muốn cưới một con vợ khác cũng khó lòng. Rồi hắn nghĩ cách: chẳng gì cả, lại tìm một lão khách nữa đem bán chị dâu đi, thế là chẳng còn lo tiền lấy vợ khác nữa.

Hắn vừa định ra ngoài thì thấy có bốn, năm người tiến vào, nhìn kỹ thì ra là anh cả Lữ Ngọc và em út Lữ Trân cùng với thằng cháu Hỷ Nhi với hai người phu vác hành lý hàng họ.

Lữ Bảo tự thấy chẳng còn mặt mũi nào mà nhìn nhau nữa, bèn chuồn ra cửa sau, đi biến mất.

Vương Thị đón chồng vào nhà, lại thấy con trai trở về đã lớn, lòng vui khôn xiết. Lữ Ngọc mới đem đầu đuôi câu chuyện từ lúc ra khỏi nhà ra sao kể hết một lượt. Vương Thị cũng kể chuyện người Giang Tây cướp Dương Thị đi, Lữ Bảo trốn theo cửa sau cho chồng nghe.

Lữ Ngọc nói: “Nếu như tôi tham hai trăm lượng bạc đó thì làm sao có chuyện cha con gặp lại nhau? Nếu như tôi tiếc hai chục lượng bạc không cứu những người chìm thuyền thì làm sao có chuyện anh em mình gặp nhau? Nếu như anh em không gặp nhau thì sao biết được tình hình ở nhà? Có thể thấy rằng hôm nay vợ chồng gặp lại, cả nhà cốt nhục đoàn viên, đó là do trời định cả. Còn như thằng em tệ bạc bán gia cũng là thân làm thân chịu, hoàng thiên báo ứng đó thôi, thật chẳng có sai tí nào!”

Từ đó Lữ Ngọc càng một lòng hành thiện, gia cảnh ngày càng tốt đẹp.

Vì người yêu quên mạng sống

(Tam ngôn)

Thời Nam Tống, ở phủ Lâm An có một nhà kia họ Lạc tên Mỹ Thiện. Ông Lạc này có người con trai tên gọi Lạc Hòa, mặt mũi thanh tú, người lanh lợi khôn ngoan. Lúc còn nhỏ, Lạc Hòa được gửi nuôi ở nhà ông cậu trong thành phố là An Tam Lão, nhân tiện sang học ở lớp học tư bên cạnh, tức là nhà họ Hỷ.

Nhà họ Hỷ có một cô con gái tên gọi Thuận Nương, nhỏ hơn Lạc Hòa một tuổi. Hai đứa trẻ cùng học với nhau, mọi người trong lớp học này thường nói đùa rằng: “Hai đứa mày tên ghép lại sẽ thành ‘Hỷ lạc hòa thuận’, thật là trời đặt sẵn một đôi”.

Hai đứa nhỏ cũng đã hơi hiểu biết, nghe nói vậy cũng thấy vui thầm trong bụng và ngầm tính chuyện phu thê. Khi Lạc Hòa được 12 tuổi, cha mẹ đón về nhà, Thuận Nương thì cứ phải ở chôn thân khuê làm công việc nữ công. Thế là hai trẻ không được gặp nhau nữa.

Ba năm sau, vào lúc gần tiết thanh minh, ông cậu An Tam Lão cho cháu đi thăm phần mộ, nhân tiện đi chơi Tây Hồ. Hai cậu cháu xuống một chiếc thuyền, vừa ngồi yên chỗ thì thấy một đám phụ nữ bước lên. Nhìn kỹ, thì ra là hai mẹ con nhà họ Hỷ ở cạnh nhà cậu, cùng đi với một a hoàn, một bà vú.

An Tam Lão vội ước tới chào hỏi, lại gọi cháu lại để gặp. Lúc này Thuận Nương đã 14 tuổi, trông rất xinh đẹp. Lạc Hòa và Thuận Nương đã ba năm chưa thấy lại, nay lại gặp nhau trên Tây Hồ, nên bốn mắt luôn luôn nhìn nhau, cả hai đều lộ rõ vẻ yêu thích.

Thuyền tới ngôi đình giữa hồ, các khách nam đều lên đình đi dạo xem. Lạc Hòa thoái thác là đau bụng, ở lại trong thuyền, rồi tới trò chuyện với mẹ con Thuận Nương, tranh thủ liếc mắt cho Thuận Nương, hai người dường như hiểu ý nhau.

Ngày hôm đó, về đến nhà, Lạc Hòa nói với mẹ xin nhờ bà mỗi đến nhà họ Hỷ cầu hôn.

Bà mẹ là An Thị chẳng biết cao thấp gì hết, bèn giục Lạc công đi tìm bà mối. Lạc công nói: “Nhà họ Hỷ là danh gia, con gái của họ còn sợ không có ai cầu hay sao mà phải chịu kết thông gia với nhà mình? Nhờ người đến hỏi, họ lại cười cho ấy chứ”.

Lạc Hòa thấy cha mẹ không bằng lòng, bèn xin mẹ đi nhờ ông cậu giúp. Nào ngờ An Tam Lão cũng nói y như cha, thế là chàng ta thất vọng quá, suốt đêm thở dài không ngủ.

Hôm sau, trời vừa mới sáng, chàng ta bèn lấy giấy làm một cái bài vị, trên đề 7 chữ “Thân thê Hỷ Thuận Nương sinh vị” (bài vị sống của vợ thân thương Hỷ Thuận Nương). Rồi cứ mỗi ngày ba bữa đứng trước bài vị mà ăn. Buổi tối lại đặt bài vị ngay cạnh gối, gọi khê ba tiếng rồi mới ngủ.

Sau đó, cứ đến mấy ngày Tết Thanh minh, Trùng dương, Đoan ngo, Lạc Hòa lại sửa soạn nghi dung, mặc quần áo mới, qua qua lại lại giữa đám đông, mong mỗi Thuận Nương xuất hành, may ra được gặp.

Có mấy nhà cũng buôn bán như nhà họ Lạc, cũng có con gái, thấy Lạc Hòa đã lớn, đều đến cầu thân. Cha mẹ đã mấy lần đồng ý, song Lạc Hòa cứ không chịu. Chàng ta thề rằng nhất định đợi khi nào Thuận Nương đi lấy chồng rồi mới tính đến chuyện hôn nhân của mình.

Thật khéo làm sao, bên này Lạc Hòa thề không lấy vợ, thì bên kia Thuận Nương cũng không chịu lấy chồng. Ngày tháng thoi đưa, chẳng mấy chốc đã qua ba năm. Năm đó Lạc Hòa 18 tuổi, Thuận Nương cũng đã tròn 17.

Bấy giờ đúng vào năm hai miền Nam, Bắc thông hòa. Nước Kim phái một sứ thần tới Lâm An. Để khoản đãi sứ thần, ngày Lễ vua Thủy triều 18 tháng 8, triều đình dựng một cái giàn màu sắc rực rỡ ở bên sông rồi bày tiệc lớn ở đó để vua quan ngắm nước thủy triều lên. Nam nữ khắp thành đều tới xem rất đông vui.

Lạc Hòa biết tin cả gia đình họ Hỷ cũng đi xem thủy triều bèn ăn mặc chỉnh tề đi tới cửa sông Tiền Đường, nhưng chàng ta tìm mãi khắp nơi vẫn chẳng thấy Thuận Nương đâu. Cuối cùng, đi đến một chỗ gọi là “Bức tranh trời vẽ”, chỗ này thế nước lên rất lớn, luôn có người đứng không vững bị cuốn xuống nước.

Lạc Hòa đi một vòng ở đây, không thấy Thuận Nương, lại quay tìm lại, trong đám người đông nghìn nghịt, cứ đi một bước lại nhìn một lượt. Cứ thế rất lâu, bỗng thấy một bà đi đằng trước mặt, nhận ra là bà vú của Thuận Nương, bèn theo sát đằng sau. Đi được một quãng, quả nhiên thấy cả nhà họ Hỷ đang ngồi vừa uống rượu vừa xem nước.

Lạc Hòa không dám đến gần quá, chỉ đứng xa xa dăm dăm nhìn Thuận Nương, tức rằng không thể bước tới để ôm chặt lấy nàng mà nói đôi lời. Thuận Nương ngẩng lên nhìn, cũng nhận ra Lạc Hòa ở xa xa, thấy chàng bước rồi lại lùi trông rất hồi hộp thì lòng dạ không yên. Nhưng cha mẹ đang ở ngay bên cạnh, không rời nửa bước, không thể đến mà gặp chàng được.

Chính lúc hai người đang dăm dăm nhìn nhau thì bỗng nghe nói: nước triều lên rồi. Nghe chưa dứt lời đã thấy bên tai âm âm như trời long đất lở, ngọn triều cao đến mấy trượng dòn thẳng vào bờ. Mọi người hoảng hồn kêu ré lên chạy lùi về phía sau. Thuận Nương đang chỉ chăm chú nhìn Lạc Hòa, bất giác cuống lên chẳng biết cao thấp gì, lại cứ bước tới mấy bước, bỗng trật chân một cái, lập tức bị cuốn vào làn sóng.

Lạc Hòa thì đã cảnh giác, thấy được thế nước đang tới, vội quay mình chạy lên chỗ cao nhớ đến Thuận Nương, mắt nhìn Thuận Nương miệng kêu: “Tránh nước lên kìa!” Đột nhiên thấy Thuận Nương ngã xuống. Chàng hét hồn vội nhảy luôn đến chỗ đó. Vốn không biết bơi, chỉ vì người yêu mà chàng cuống lên chẳng kể đến sinh mạng mình nữa.

Vợ chồng ông Hỷ thấy con gái ngã xuống nước hoảng hốt hét lên: “Cứu người! Cứu người! Xin cứu con gái tôi, sẽ có trọng thưởng!” Một đám con trai biết bơi nghe nói có thưởng đều nhảy ra nhào lộn với sóng để vớt Thuận Nương.

Lại nói Lạc Hòa, vừa nhảy xuống là chìm ngay tận đáy nước, song cứ cảm thấy như đang mơ, chẳng đau đớn gì. Chàng ta cứ tự nhiên trôi đến miếu của vua thủy triều, thấy đèn nến sáng trưng, hương thơm ngát ngào. Chàng ta vái lạy, xin vua thủy triều cứu Thuận Nương. Vua thủy triều nói: “Thuận Nương ta đã lưu giữ tại đây rồi, bây giờ giao trả cho ngươi”. Nói xong có một tiểu quỷ dẫn Thuận Nương từ phía sau tấm màn đi ra.

Lạc Hòa lạy tạ vua thủy triều rồi đưa Thuận Nương ra khỏi miếu. Hai người vô cùng sung sướng, không nói được lời nào, chỉ ôm chặt lấy nhau, song cứ cảm thấy người nhẹ lâng lâng, lát sau cùng nổi lên mặt nước.

Bọn con trai kia thấy Thuận Nương trôi lên khỏi sóng, vội vàng xô tới. Đến khi nâng được lên khỏi mặt nước mới phát hiện ra là hai người. Thế là bốn, năm người kẻ khiêng đầu người khiêng chân, đưa cả lên bờ rồi nói với ông Hỷ rằng: “Xin chúc mừng, cứu được cả cậu con rể nữa”.

Mọi người tới xem, chỉ thấy hai người mặt đối mặt, ngực sát ngực, ôm nhau rất chặt, không sao gỡ ra được. Gọi mãi không tỉnh nhưng thân thể còn ấm, có vẻ như nửa sống nửa chết. Cả nhà họ Hỷ túm tụm lại khóc. Mọi người chen nhau đến xem, ai cũng bảo chưa thấy chuyện lạ như vậy bao giờ.

Lại nói ở nhà họ Lạc, khi nghe tin con trai đi xem nước thủy triều bị sóng cuốn xuống sông, ông Lạc kinh hãi, vừa đi vừa ngã, vội vã đến nơi, rẽ đám đông ra, nhìn thấy Lạc Hòa bèn gọi: “Con ơi!” rồi òa khóc lớn, vừa khóc vừa nói: “Con ơi! Khi sống con không được kết duyên chồng vợ, nào ngờ khi chết con lại được thành đôi!”.

Ông Hỷ mới hỏi vì sao nói vậy, ông Lạc bèn kể rõ chuyện trước đây ba năm con trai ông nhất định xin cầu hôn với Thuận Nương, rồi thề rằng quyết không lấy vợ trước khi nàng lấy chồng. Vợ chồng ông Hỷ nghe rồi mới trách: “Nhà họ Lạc cũng có bảy đời làm quan, cũng là vọng tộc, hai đứa chúng nó lúc nhỏ lại cùng học với nhau. Đã có ý ấy thì sao ông không nói sớm. Thôi bây giờ mọi người cùng gọi đi, nếu gọi được chúng tỉnh lại, tôi sẽ gả con gái tôi cho con ông”.

Thế là cả hai bên, nhà thì gọi con gái, nhà thì gọi con trai, gọi khoảng nửa tiếng đồng hồ, hai người dần dần mở mắt, bắt đầu có hơi thở, song bốn cánh tay vẫn không rời lỏng.

Ông Lạc nói: “Con trai hãy mau tỉnh lại đi, bên họ Hỷ đã bằng lòng gả Thuận Nương cho con làm vợ rồi!”

Chưa dứt lời đã thấy Lạc Hòa mở to mắt ra nói: “Nhạc phụ đừng có nói mà không giữ lời nhé!”

Rồi nhóm ngay dạy vái tạ vợ chồng ông Hỷ. Sau đó Hỷ Thuận Nương cũng tỉnh lại. Cả hai đều tỉnh táo như cũ, chẳng nôn ra tí nước nào, khiến ông Hỷ và ông Lạc rất vui.

Ngày hôm sau, nhà họ Hỷ nhờ người làm mối đến nhà họ Lạc bàn chuyện hôn nhân, xin nhận Lạc Hòa làm con rể. Người làm mối chính là ông An Tam Lão. Nhà họ Lạc hoàn toàn bằng lòng. Thế là chọn được ngày lành, nhà họ Hỷ đưa đồ vàng bạc lụa là, trống kèn sôi nổi, đến đón Lạc Hòa về nhà thành thân. Từ đó, đôi vợ chồng ân ái vui vẻ thế nào, chuyện chẳng cần phải nói.

Tròn một tháng sau, Lạc Hòa và Thuận Nương chuẩn bị lễ vật để đi bái tạ miếu vua thủy triều.

Ông Hỷ thấy Lạc Hòa thông minh lanh lợi bèn mời danh sư đến nhà dạy cho. Sau Lạc Hòa được ghi tên lên bảng vàng.

Ngày nay, người Lâm An mỗi khi nhắc đến chuyện hôn nhân thường hay nhắc đến bốn chữ “Hỷ Lạc Hòa Thuận”.

Thi phúc ở hiền

(Tam ngôn)

Năm Gia Tĩnh đời Minh, ở trấn Thịnh Trạch huyện Ngô Giang tỉnh Giang Tô có một nhà kia chồng tên Thi Phúc, vợ là Du Thị, hai vợ chồng làm nghề nuôi tằm dệt lụa và chưa có con cái gì.

Một hôm, Thi Phúc đi chợ bán lụa, trên đường về nhặt được một cái bọc, mở ra thì thấy hơn sáu lượng bạc trắng. Mừng quá, anh ta nghĩ: “Nếu dùng chỗ này làm vốn, mua thêm một cái khung cửi thì sau mười năm có thể thành phú ông rồi”. Nhưng lại nghĩ: “Của này nếu là người nhà giàu đánh rơi thì chẳng qua cũng chỉ như cái móng tay, nhưng nếu là nhà nghèo như mình thì lại là sự sống của cả nhà!” Thế là anh ta nhất quyết trả lại số bạc cho người bị mất.

Thi Phúc cứ đứng chỗ đó đợi, đợi rất lâu, cuối cùng thấy một người làm ruộng còn trẻ tuổi hớt hơ hớt hải đi tới. Thi Phúc hỏi thì đúng là người bị mất túi bạc. Người đó cảm ơn rồi rít, rồi đưa cho Thi Phúc một nửa số bạc. Thi Phúc nói: “Nếu tôi muốn lấy bạc thì việc gì lại phải đứng đợi mãi ở đây?” Nói rồi trả lại luôn và vội vàng trở về nhà. Về đến nơi, anh ta kể lại với vợ, Du Thị rất là tán thưởng.

Từ đó, mỗi năm nuôi tằm đều có dư tiền. Gia cảnh dần dần khá hẳn lên. Trong mấy năm đã tăng thêm được ba bốn cái khung cửi dệt lụa, lại sinh được cậu bé bụ bẫm đặt tên là Quan Bảo.

Năm đó, vào mùa tằm, mới qua ba đợt tằm ngủ mà toàn thôn đã hết cả lá dâu. Nghe nói ở cạnh hồ Động Đình có lá dâu dư thừa, cả thôn hơn mười hộ bèn chuẩn bị chở thuyền đến mua. Thi Phúc cũng đi.

Thuyền đến bến Than Quyết thì trời gần tối. Mọi người bèn dừng lại nghỉ, chuẩn bị nấu cơm, song không tìm ra lửa đốt. Thi Phúc bèn hăng hái lên bờ đi kiếm.

Lúc này đúng kỳ tằm chín, nhà nuôi tằm rất kiêng người lạ vào nhà, vì thế Thi Phúc gõ cửa nhiều nhà, họ đều không mở. Cuối cùng, tới một nhà

mở cửa he hé, có một người đàn bà cho Thi Phúc vào châm lửa. Nói chuyện đôi câu, được biết thì ra chồng của chị là người đánh rơi bạc hồi đó, tên gọi Chu Ân. Thi Phúc và Chu Ân gặp nhau, vô cùng vui mừng. Vợ chồng Chu Ân biết Thi Phúc đi mua lá dâu, bèn đem tất cả số lá dâu còn dư của nhà mình cho hết Thi Phúc. Thi Phúc nghĩ bụng như vậy cũng tốt, khỏi phải đi xa nữa. Thế là đưa lửa về cho mọi người rồi lại đến nhà Chu Ân.

Ngay tối hôm đó, Thi Phúc và Chu Ân bái kết làm anh em. Thi Phúc có con trai hai tuổi, Chu Ân có con gái cũng hai tuổi. Thế là Chu Ân xin kết làm thông gia. Thi Phúc vui mừng nhận lời ngay. Hai người uống rượu đến khuya mới đi nghỉ.

Ngày hôm sau, trời nổi gió to, lại mưa một trận lớn, thế là Thi Phúc lại phải ở lại nhà Chu Ân một ngày nữa. Chu Ân nói: “Cũng là ý trời muốn huynh gặp gỡ đệ. Trời này thì đi thuyền trên hồ nguy hiểm lắm”. Thi Phúc lại thấy lo cho những người cùng thôn vừa đi với nhau. Sáng sớm hôm sau, lá dâu đã xếp hết lên thuyền, Chu Ân chở Thi Phúc về Thịnh Trạch.

Du Thị thấy chồng trở về, trong lòng như cát được mỗi lo. Người trong thôn tới tập đến hỏi thăm tin tức. Thi Phúc nói: “Có lẽ không sao cả đâu”.

Thi Phúc giới thiệu Chu Ân với vợ. Du Thị chuẩn bị đồ ăn rất ngon. Thi Phúc và Chu Ân đang uống rượu bỗng nghe tiếng khóc. Thi Phúc ra hỏi, thì ra hôm trước thuyền bị lật, gần mười người hôm trước đi mua dâu đều bị chết đuối hết. Chỉ có một người ôm được miếng ván thuyền, những người đánh cá cứu sống, bây giờ về báo tin. Thi Phúc kinh hãi trở lại nói cho Chu Ân và Du Thị biết. Mọi người đều chấp tay tạ ơn trời. Thi Phúc nói: “May mà hiền đệ giữ ở lại, nếu không thì ta cũng khó tránh khỏi nạn này”.

Chu Ân nói: “Đó là do huynh thường làm điều thiện nên được báo ứng chứ có can gì đến đệ”.

Sáng hôm sau Chu Ân trở về nhà. Thi Phúc tiễn ra đến tận ngoài thị trấn rồi mới chia tay.

Năm đó Thi Phúc nuôi tằm được lời gấp mấy lần năm trước. Chàng ta muốn làm thêm mấy cỗ khung cửi dệt lụa, song nhà chật quá không có chỗ đặt. Bấy giờ đúng lúc nhà láng giềng có hai gian phòng nhỏ muốn bán, chàng liền sang giao thiệp. Không ngờ chủ nhà đó thấy có người cần mua

bền cố ý nâng giá lên, rồi lại còn làm cho hai căn phòng lộn xộn lung tung lên.

Thi Phúc mua được rồi, phải sửa chữa lại. Lúc khơi đất để đặt khung cửa, bỗng đào được một hũ bạc, ước khoảng một ngàn lượng, hai vợ chồng mừng rỡ khôn xiết.

Thi Phúc được thoát khỏi tai nạn, lại được tài sản, từ đó càng chăm chỉ việc hành thiện bố thí, nổi tiếng tốt khắp thị trấn. Sau chàng ta lại mua thêm một căn nhà lớn ở gần đó, rồi đặt thêm ba bốn chục khung cửa, thuê mấy người làm công, xây dựng một cơ nghiệp đàng hoàng. Tiếp đến, lại mời thầy về nhà để dạy học cho con trai là Quan Bảo, rồi đổi tên cho Quan Bảo thành Đức Trụ.

Một hôm, nhà Thi Phúc sửa lại gian sảnh đường, đang chuẩn bị đặt xà. Những người làm giúp tranh thủ đi uống rượu. Lúc này chỉ còn một mình Thi Phúc ở lại kê cái chân cột. Chàng ta kê mãi vẫn không sao thẳng được, mới đẩy cái chân cột ra thì thấy bên dưới có một hòm sa thạch hình tam giác, bèn tiện tay quăng ra, không ngờ phía dưới là một đồng tướng bạc trắng xóa. Chàng ta vội gọi vợ và con trai lại cùng lấy lên.

Việc đặt xà nhà đã xong, Thi Phúc tiễn đưa mọi người về. Lúc đó có một cụ già tóc bạc đi tới, hỏi Thi Phúc lúc đặt xà nhà có đào được tám đỉnh bạc không? Thi Phúc thành thật nói là có, trong bụng thấy kinh sợ.

Thì ra cụ già này tên là Bạc Hữu Thọ, có mở một quán trà, thường cứ kiếm được ba lượng bạc là lại gộp thành một đỉnh để chuẩn bị dùng khi già lão. Cứ vậy đã qua nhiều năm, tích được tám đỉnh rồi. Không ngờ đêm qua cụ nằm mơ thấy tám đỉnh bạc tới già từ nói rằng: “Nhà Thi Phúc ở Thịnh Trạch lên xà nhà, những người thân tộc đều đã tới cả, chúng tôi cũng phải tới đó”. Cụ già tỉnh dậy, mở gói ra xem thì thấy tám đỉnh bạc đã không cánh mà bay.

Thi Phúc vội bàn với vợ con, đem tám đỉnh bạc trả lại cho ông cụ. Cụ Bạc nhìn xem thấy đúng số bạc đó, bèn nói: “Đúng là tám vật lạ này đây”.

Thấy Thi Phúc trả lại cho mình, cụ Bạc lắc đầu quầy quậy: “Không được, không được, già này không có phúc để hưởng chúng, bây giờ có đem về cũng không giữ nổi chúng đâu”.

Thi Phúc cũng không cố ép. Từ đó, chàng ta thường xuyên gửi tiền cho ông cụ, xem ông cụ như cha của mình. Khi ông cụ qua đời, Thi Phúc cũng lo liệu hậu sự chu đáo.

Về sau, con trai của Thi Phúc là Thi Đức Trụ lớn lên, lấy con gái của Chu Ân, hai vợ chồng đều rất hiếu thuận, nhà họ Thi trở thành nhà giàu có nhất vùng Thịnh Trạch.

Đỗ Thập Nương giận ném hòm châu báu

(Tam ngôn)

Vào năm Vạn Lịch đời Mi>, ở phủ Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang có một công tử con nhà giàu tên gọi Lý Giáp. Chàng Lý Giáp này tuy là thái học sinh ở Quốc tử giám, song không dốc lòng học tập mà chỉ thường xuyên đến chốn lầu xanh tiêu khiển. Một hôm, chàng ta tới đó gặp được một tuyệt sắc giai nhân tên là Đỗ Thập Nương, thế là lập tức say mê ngay.

Lúc đầu, Lý Giáp vung tiền tiêu hoang khiến mụ chủ lầu xanh rất thích. Một năm sau, Lý Giáp hết sạch cả tiền, thế là mụ rất lạnh nhạt, bảo Thập Nương đuổi chàng ta đi. Nhưng Thập Nương và Lý Giáp thực bụng yêu thương nhau, nên không chịu. Mụ chủ bèn mắng chửi Thập Nương rằng: “Gái nhà người ta toàn là cây tiền, chỉ có nhà tao là vận mộc, hàng ngày mọi khoản tiêu pha chỉ một mình tao lo lại còn phải nuôi báo cô cái thằng kiết xác của mày, con hèn hạ kia, hãy bảo thằng đó có giỏi thì đưa cho tao mấy lượng bạc rồi đem mày đi, tao sẽ kiếm đứa khác để tao sống.”

Thập Nương hỏi: “Mẹ ơi, mẹ nói thật hay là mẹ nói đùa đấy?” Mụ chủ cho rằng Lý Giáp đã hết tiền từ lâu rồi nên nói: “Bà xưa nay không nói dối bao giờ, đương nhiên đây là nói thật”. Thập Nương lại hỏi: “Thế mẹ đòi anh ta bao nhiêu bạc?” Mụ nói: “Chỉ lấy ba trăm lượng thôi, có điều là phải nộp trong ba ngày, rồi một bên giao bạc, một bên giao người ngay lập tức.”

Thập Nương nói: “Ba ngày thì gấp quá, tốt nhất là hãy hạn cho anh ta mười ngày.”

Mụ nghĩ bụng dù có hạn một trăm ngày thì hẳn cũng chẳng đào đâu ra bạc, bèn cho hẹn mười ngày. Sợ mụ ta lật lọng, Thập Nương nói: “Chỉ sợ đến đúng hạn có ba trăm lượng rồi, mẹ lại không chịu?” Mụ chỉ nói: “Tao đã năm mươi một tuổi rồi, sao nói sai được. Nếu không giữ lời thì kiếp sau tao sẽ làm con chó con lợn.”

Đêm hôm đó, Thập Nương kể bên gối kể chuyện đó với Lý Giáp. Lý Giáp bằng lòng đi vay mượn bạn bè.

Ngày hôm sau, Lý Giáp đi tìm vay khắp nơi, song ai cũng biết anh chàng này là tay ăn chơi nên không cho vay. Trong suốt sáu ngày không được chút bạc nào, chàng ta không dám tới gặp Thập Nương. Thập Nương đợi mãi sốt ruột quá, bèn sai thằng nhỏ đi lùng khắp nơi, cuối cùng thằng nhỏ gặp được trên đường phố bèn lôi chàng ta về

Hai bàn tay trắng gặp nàng, Lý Giáp cứ lặng thình rơi nước mắt. Thập Nương bèn bày rượu và đồ ăn, ra sức khuyên giải rồi giữ ở lại một đêm.

Sáng sớm hôm sau, nàng lấy số bạc vụn giấu riêng được một trăm năm mươi lượng, bảo Lý Giáp cầm lấy rồi gom thêm một trăm năm mươi lượng nữa để chuộc nàng ra.

Lý Giáp cầm số bạc đến gặp người bạn thân là Liễu Ngộ Xuân. Nghe kể Thập Nương thật lòng muốn hoàn lương, Ngộ Xuân bèn đích thân đi vay hộ một trăm rưỡi lượng đưa cho Lý Giáp và khuyên chàng ta nhất định không được phụ tình nàng.

Sáng sớm ngày thứ mười, Lý Giáp đem ba trăm lượng bạc đặt trước mặt bà chủ. Mụ thật không ngờ, thấy hơi hối hận, song đã trót thề rồi, không làm ngược lại được. Mụ nhận lấy số bạc rồi đẩy Thập Nương và Lý Giáp ra khỏi cửa.

Lý Giáp định đưa Thập Nương đến nhà Ngộ Xuân nghỉ ngơi, nhưng Thập Nương nói phải đến từ biệt các chị em vốn hàng ngày thân thiết. Hai người bèn đến nhà Tạ Nguyệt Lăng. Nguyệt Lăng gọi các chị em đến rồi bày tiệc lớn mừng cho Thập Nương.

Tối đó, Nguyệt Lăng lại nhường phòng ngủ cho hai người qua đêm. Thập Nương mới bàn với Lý Giáp chuyện sau này nên thế nào. Lý Giáp nói: “Cha ta mà biết ta lấy một kỹ nữ về ắt sẽ nổi giận không cho vào nhà. Thật không biết nên làm sao đây”. Thập Nương nói: “Đã khó như vậy thì trước hết ta hãy đến vùng Tô Châu, Hàng Châu kiếm một chỗ ở tạm, sau đó chàng về trước nhờ bạn bè đến khuyên giải cha mẹ chàng. Khi nào được đồng ý, thì hãy đón thiếp về”. Lý Giáp thấy thế cũng phải.

Hôm sau, hai người từ biệt Tạ Nguyệt Lăng, đến chỗ Ngô Xuân sắp xếp hành lý. Vừa nhìn thấy Liễu Ngô Xuân, Thập Nương quỳ sụp xuống lạy, cảm tạ sự giúp đỡ. Ba người cùng vui vẻ, lại uống rượu với nhau một ngày nữa.

Đến lúc lên đường, Tạ Nguyệt Lăng cùng các chị em đến đưa tiễn Nguyệt Lăng lấy ra một cái hòm nhỏ thiếp vàng đưa cho Thập Nương, nói đây là chút lòng của các chị em. Thập Nương không chối từ, nhận lấy nhưng không mở, chỉ liên tiếp cảm ơn.

Mọi người tiễn đến phía ngoài cửa Sùng Văn, ai nấy rơi lệ mà chia tay. Thập Nương và Lý Giáp lên thuyền, trong người không còn lấy một xu. Thập Nương nói: “Chàng chớ có lo, các chị em cho một ít bạc, cũng đủ để đi đường”. Nàng bèn mở khóa cái hòm, lấy ra một túi bạc, vừa đúng 50 lượng. Lý Giáp thấy hổ thẹn, không dám nhìn vào trong hòm. Thập Nương lại khóa hòm lại, cũng không nói là trong đó còn cái gì nữa.

Ngày hôm đó, thuyền đến bến Qua Châu, bỗng trời đổ tuyết lớn, thuyền không dám đi. Lý Giáp và Thập Nương chỉ đành ngồi tạm trong thuyền uống rượu cho vui. Bấy giờ thuyền bên cạnh có chàng công tử trai lơ tên Tôn Phú. Y vừa nhìn thấy Đỗ Thập Nương xinh đẹp cực kỳ liền nảy sinh tà tâm. Y giả vờ mời Lý Giáp lên bờ vào tửu quán uống rượu rồi dẫn câu chuyện nói đến Đỗ Thập Nương. Lý Giáp thực tình đem chuyện mình quen biết Thập Nương thế nào, rồi thương nhau, vay tiền chuộc như thế nào, kể hết đầu đuôi một lượt. Tôn Phú nói: “Huynh đem người đẹp về nhà dĩ nhiên là tốt rồi, song không biết ở nhà có chịu nhận không?”

Lý Giáp cau mày nói: “Cha tôi tính tình cổ chấp nên đang buồn phiền vì chuyện này đây”.

Tôn Phú nói: “Gia đình đã không bằng lòng thì hai người định đi đâu để được sống yên? Rồi tính toán ra sao?”

Lý Giáp nói: “Thập Nương định đến vùng Tô Hàng kiếm chỗ ở tạm, để tôi đi nhờ bạn bè đến thuyết phục cha tôi, khi nào cha tôi đồng ý thì mới về nhà”.

Tôn Phú nói: “Thân phụ của huynh địa vị có tiếng tăm, phải giữ thể diện, nay thấy huynh lấy một kỹ nữ thì nhất định sẽ không nhận huynh là

con. Bè bạn biết tình ông già cũng không chịu tới khuyên đâu. Bây giờ huynh cứ phiêu bạt ở ngoài, thời gian kéo dài, nếu tiêu hết số bạc thì chẳng phải là tiền thoái lương nan sao?”

Lý Giáp gật đầu cho là nói phải. Tôn Phú lại nói: “Tiêu đi một câu thật lòng, chẳng biết huynh có chịu nghe không?” Lý Giáp nói: “Huynh cứ nói xem”.

Tôn Phú nói: “Đàn bà thường là đa tình huống hồ Thập Nương lại là gái chốn yên hoa, có thể ở Giang Nam nàng ta cũng có người khác nữa, chỉ là lợi dụng chuyện huynh đưa tới đây để sau đó đi tìm người kia”.

Lý Giáp nói: “Điều đó không thể có đâu”.

Tôn Phú nói: “Cứ xem như không có như vậy, nhưng bọn thanh niên lêu lổng ở Giang Nam này, không đâu là chúng không mò đến. Huynh để một mình người đẹp ở lại khó tránh khỏi chuyện không hay. Nếu như cùng nhau về nhà thì ông già lại nổi giận. Cuộc sống của huynh sẽ rất khó khăn. Đến lúc đó, cả bàn dân thiên hạ đều biết rằng huynh vì một gái điếm mà không về nhà, cha mẹ anh em đều bỏ không nhận, thế thì huynh sẽ sống làm sao trong trời đất này?”

Lý Giáp ngăn người ra, rồi ghé sát gần Tôn Phú hỏi: “Ông anh có cách gì không?” Tôn Phú nói: “Ông già của huynh mà giận giữ chẳng qua chỉ tại vì huynh mê gái, vung tiền như rác, sợ sau này huynh làm khuynh gia bại sản, không kế thừa cơ nghiệp được. Bây giờ huynh tay trắng trở về càng khiến ông già phẫn nộ, chi bằng huynh nhường Thập Nương lại cho đệ, đệ sẽ đưa cho huynh một ngàn lượng bạc. Huynh mang bạc về nhà, nói rằng mình chỉ dốc lòng học tập, không hề ra ngoài chơi bời gì. Ông già nhất định sẽ tin, rồi gia đình sẽ hòa thuận, huynh sẽ chuyển họa thành phúc”.

Lý Giáp vốn là người chẳng có chủ định gì, nghe Tôn Phú nói vậy thì thấy hoang mang. Khi về bên kể với Đỗ Thập Nương ý định của mình.

Nghe xong, Thập Nương cười nhạt nói: “Đây đúng là một kế sách hay, nhất cử lưỡng tiện. Chẳng biết một ngàn lượng bạc đó đâu rồi?”.

Lý Giáp nói: “Còn ở chỗ Tôn Phú, chưa được nàng đồng ý nên ta chưa dám cầm”.

Thập Nương nói: “Hãy đồng ý đi, đừng để lỡ dịp”. Nàng đứng lên đi trang điểm sửa soạn, còn Lý Giáp thì vội vàng chạy đến thuyền của Tôn Phú nói rằng nàng đã đồng ý.

Tôn Phú vô cùng mừng rỡ, bèn lấy bạc ra giao cho Lý Giáp. Thập Nương đích thân kiểm lại một lượt, thấy vừa đủ số bạc, đúng một ngàn lượng. Nàng bèn bảo Lý Giáp lấy cái hòm nhỏ thếp vàng của nàng ra, đặt lên đầu thuyền rồi mở khóa. Chỉ thấy bên trong là những ngăn kéo. Nàng bảo Lý Giáp kéo ra ngăn thứ nhất, thấy toàn là đồ trang sức bằng vàng và bạc, đáng đến mấy trăm lượng. Thập Nương lấy chỗ đồ trang sức đó ném tất cả xuống sông. Lý Giáp, Tôn Phú và mọi người trên hai thuyền đều vô cùng kinh sợ.

Thập Nương lại bảo Lý Giáp kéo ngăn thứ hai ra, thấy trong toàn là đồ chơi bằng ngọc. Thập Nương lại ném tất cả xuống nước. Trên bờ, người ta chen nhau đứng xem, ai cũng thấy tiếc. Đến lúc kéo ngăn thứ ba thì thấy một cái tráp, mở tráp ra, bên trong toàn là các thứ kỳ châu dị bảo, Thập Nương lại ném hết xuống sông tất cả. Lý Giáp hồi hận quá chừng, bèn ôm chầm lấy Thập Nương òa khóc. Tôn Phú cũng tới cạnh khuyên giải.

Thập Nương đẩy Lý Giáp ra, chửi mắng Tôn Phú. Lý Giáp xấu hổ quá, đang định tạ tội với Thập Nương thì Thập Nương đã ôm cái tráp quý nhảy thẳng xuống lòng sông. Mọi người cuống quýt đi cứu nhưng chỉ thấy sóng dâng cuộn cuộn, Thập Nương đã vô hình vô tích.

Sau khi Đỗ Thập Nương gieo mình tự tận, người trên bờ ai nấy đều nghiêng răng nghiêng lợi, vung tay xô đến đánh Lý Giáp và Tôn Phú. Hai gã này vội bảo thuyền chở chạy trốn.

Tôn Phú bị trận đó, sợ hãi thành trọng bệnh, suốt ngày cứ thấy Đỗ Thập Nương đứng bên cạnh chửi mắng tàn tệ, chưa được một tháng thì chết.

Lý Giáp ở trên thuyền cứ nhớ đến Thập Nương, suốt ngày hồi hận không sao quên được, cuối cùng phát điên. Mọi người đều nói đó là báo ứng vậy.

Anh em trai mà khác

(Tam ngôn)

Thời Hoàng Trị triều Minh, ở phủ Ứng Thiên, Nam Kinh có một người tên Hoàng Lão Thực làm nghề bán nhang. Hoàng Lão Thực có vợ và hai con gái, cô lớn tên gọi Đạo Thông, cô nhỏ tên gọi Thiện Thông. Đạo Thông đã lớn, lấy Trương Nhị Ca ở chỗ cầu Thanh Khê trong kinh thành. Nhà chỉ còn Thiện Thông ở với cha mẹ.

Khi Thiện Thông mười hai tuổi thì mẹ bị bệnh qua đời, Hoàng Lão Thực lo tang ma cho vợ xong lại đi Giang Bắc để bán nhang sinh sống. Nhưng ông lo lắng không dám để Thiện Thông ở nhà một mình, mà đem gửi ở nhà chị gái thì cũng không tiện. Nghĩ đi nghĩ lại đến mấy ngày, bỗng nảy ra một cách tuyệt diệu.

Hôm lên đường, Hoàng Lão Thực cho con ăn mặc giả trai rồi hai cha con chuẩn bị hàng đi thuyền đến phủ Lô Châu thuộc vùng Giang Bắc. Mọi người ở Giang Bắc thấy Thiện Thông mặt mũi thanh tú, ai cũng khen, hỏi thằng bé là thế nào. Hoàng Lão Thực nói: “Nó là cháu ngoại tôi tên gọi Trương Thắng, tôi không có con trai nên mang nó đi theo để sau này nó kế nghiệp nghề buôn bán của tôi”. Mọi người nghe nói chẳng ai nghi hoặc gì.

Hoàng Lão Thực thuê một gian phòng nhỏ để ở, hàng ngày đi đưa hàng thu nợ, để Thiện Thông ở nhà coi nhà. Thiện Thông chẳng ngó nghiêng gì, cũng chẳng ra ngoài đi lung tung, mọi người bảo cậu bé này còn hiền hơn cả ông ngoại và ai cũng thích.

Thế nhưng trời đất mưa gió không lường. Hoàng Lão Thực ở Lô Châu chưa được hai năm thì đột nhiên ngã bệnh chết. Thiện Thông khóc lóc, mua quan tài khâm liệm cho cha rồi gửi tạm trong một ngôi chùa cổ ngoài thành. Không còn cha, cô bé thấy mình còn nhỏ, qua lại sông nước không tiện nên muốn tìm một người để nhờ cậy.

Ở phòng cạnh đấy cũng có một người bunhang, cũng là người ở phủ Ứng Thiên. Thiện Thông thường ngày thấy chàng ta còn trẻ tuổi mà thành

thực bèn hỏi họ tên, chàng ta nói: “Tôi họ Lý tên Anh, tự Tú Khanh, theo cha đi buôn bán từ nhỏ, bây giờ cha tôi già, không chịu nổi sương gió vất vả nên giao việc buôn bán cho tôi.”

Thiện Thông nói: “Tôi tên là Trương Thắng, theo ông ngoại đến đây để học buôn bán, chẳng may ông bị bệnh mất, nay không nơi nương tựa. Nếu túc hạ không ngại thì tôi mong được cùng túc hạ kết nghĩa anh em, hùn hợp với nhau buôn bán, cùng dựa vào nhau”. Lý Anh nói: “Vậy thì hay quá”.

Lý Anh 18 tuổi, lớn hơn Trương Thắng 4 tuổi nên làm anh. Mấy hôm sau, hai anh em bàn nhau sẽ luân lưu cứ một người đi Nam Kinh bán hàng, một người ở lại Lô Châu giao hàng thu nợ. Trương Thắng nói: “Em còn nhỏ tuổi, linh cữu của ông ngoại lại đang ở đây chưa chuyển về được, vậy xin để anh đi bán hàng”. Rồi đem hàng của mình giao tất cả cho Lý Anh. Lý Anh cũng đem số hàng còn lại và số nợ của mình giao cho Trương Thắng.

Từ đó, hai người dọn hành lý đến ở chung với nhau. Khi Lý Anh về Lô Châu thì ở phòng Trương Thắng, ban ngày cùng ăn cơm, ban đêm cùng ngủ, nhưng đêm nào Trương Thắng cũng mặc cả áo ngoài mà ngủ, cũng không cởi tất cởi giày. Lý Anh lấy làm lạ hỏi thì Trương Thắng nói: “Em từ nhỏ bị chứng cảm lạnh, cứ cởi quần áo là bị lại, cho nên toàn ngủ như vậy quen rồi”. Lý Anh lại hỏi: “Thế tại sao tai em lại có lỗ như vậy?” Trương Thắng nói: “Hồi nhỏ, cha mẹ em xem bói cho em nói rằng có một cái hạn khó vượt qua nên phải xuyên thủng lỗ tai”. Lý Anh là người thật thà, nghe nói vậy tin ngay.

Năm tháng qua nhanh, chẳng mấy chốc đã được 9 năm, Thiện Thông lúc tới Tô Châu mới 12 tuổi, nay đã 20, trong tay đã có ít tiền nên muốn đem linh cữu cha về an táng ở quê nhà. Nàng bàn với Lý Anh, nói rằng muốn đem linh cữu ông ngoại về quê, Lý Anh nói: “Đó là việc lớn, một mình em đương sao nổi, anh phải đi cùng em thì mới yên tâm. An táng xong xuôi, ta lại cùng về đây.” Trương Thắng nói: “Đa tạ tấm lòng tốt của anh”. Thế là hai người chọn ngày lành, thuê một chiếc thuyền rồi khiêng linh cữu của Hoàng Lão Thực xuống chở về Nam Kinh.

Đến nơi họ thuê một gian phòng ở phía ngoài Triều Dương, để linh cữu ở đấy chờ chọn ngày chôn c

Vào đến trong thành, hai người ai về nhà nấy. Lý Anh hỏi: “Anh em của em ở chỗ nào? Anh sẽ đến thăm”.

Trương Thắng nói: “Nhà em ở chỗ cầu Thanh Khê sông Tần Hoài, đến mai mời anh đến uống trà”. Rồi hai người chia tay.

Trương Thắng tới cầu Thanh Khê, nhìn thấy nhà chị gái, bèn tới gõ cửa bước vào.

Lúc này anh rẽ đi vắng, chị gái Đạo Thông quát: “Thằng ranh nào mà vào nhà người ta đi lung tung như vậy, còn ra thể thống gì nữa? Còn không mau cút đi!”

Trương Thắng vẫn điềm nhiên, cười hì hì vái chào và nói: “Chị ơi, em trai của chị mà sao không nhận ra?”

Chị gái mắng: “Đồ lẻo mép! Em trai nào của tao?”

Trương Thắng nói: “Chị còn nhớ chuyện chín năm về trước không?”. “Nhớ, chỉ có là cha tao không có con trai, chỉ có hai chị em gái chúng tao, em gái tao tên Thiện Thông, 9 năm trước cha mang đi Giang Bắc buôn nhang, đi rồi không về nữa cho đến nay vẫn bật vô âm tín, chẳng biết sống chết thế nào. Mày là thằng nào mà nhận người khác làm chị?”

Trương Thắng nói: “Chị muốn hỏi về em gái Thiện Thông à? Chính là em đây”. Nói rồi òa khóc. Chị gái còn chưa tin hỏi: “Em gái Thiện Thông sao lại ăn mặc như vậy?”. Thiện Thông bèn kể cho chị nghe mọi chuyện trong 9 năm trời. Rồi hai chị em ôm nhau khóc ròng. Đạo Thông vội mở rương lấy ra váy áo của mình, bảo em tắm gội nước thơm thay đồ con gái. Đến tối Trương Nhị Ca về, Đạo Thông bắt ngủ ở phòng ngoài, hai chị em đắp chung chăn, tâm tình trò chuyện suốt đêm.

Hôm sau thức dậy, Thiện Thông ăn mặc trang điểm xong, hình dung khác hẳn, ra chào lại anh rể. Trước mặt chồng, Đạo Thông cứ khen là em gái đứng đắn, rồi lại khen Lý Tú Khanh: “Nếu chẳng phải chính nhân quân tử thì sao ở với anh ta lâu như vậy?”. Khen chưa dứt lời thì bỗng nghe ngoài cửa có tiếng đàng hắng hỏi: “Trong nhà có ai không?”

Thiện Thông nhận ra tiếng Tú Khanh bèn bảo chị: “Bảo anh rể ra tiếp chàng ta, em bây giờ không tiện gặp”.

Đạo Thông nói: “Em đã kết nghĩa với chàng ta rồi, chàng ta lại là người tốt, cứ ra gặp, chẳng sao đâu”.

Thiện Thông rất ngượng, không chịu ra. Đạo Thông đành bảo chồng ra tiếp.

Tú Khanh ngồi xuống rồi nói: “Tiểu sinh là Tú Anh, đến đây để thăm chú em Trương Thắng, chẳng hay các hạ là thế nào với chú ấy?” Trương Nhị Ca cười nói: “Tôi là anh rể, chỉ sợ em chúng tôi hôm nay không chịu gặp mặt, uống công cậu tới đây”. Lý Tú Khanh nói: “Đâu có, tôi với chú ấy là anh em khác họ kết nghĩa với nhau, chú ấy có hẹn tôi hôm nay đến trò chuyện với nhau, sao lại không gặp được?”

Trương Nhị Ca nói: “Có duyên có đấy, rồi tôi sẽ từ từ nói cho cậu hay”. Tú Khanh sốt ruột, cứ thúc giục liên hồi, rồi xem chừng muốn phát cáu. Trương Nhị Ca vội chạy vào trong bảo vợ khuyên Thiện Thông ra gặp Tú Khanh, nhưng Thiện Thông vẫn không chịu. Hai vợ chồng bèn nấp sang một bên, để Tú Khanh tự đi vào.

Vừa bước vào trong, trông thấy Thiện Thông, Tú Khanh chưa nhìn kỹ, vội lùi lại bảy, tám bước. Thiện Thông nói: “Anh chớ có nghi ngại, xin lại đây ta nói chuyện với nhau”. Tú Khanh nghe tiếng nói mới biết đó chính là Trương Thắng, bèn lại bước tới vái chào nói: “Sao chú lại ăn mặc thế này?” Thiện Thông nói: “Chuyện dài lắm, xin anh hãy ngồi rồi em gái sẽ từ từ kể anh nghe”.

Hai người ngồi đối diện nhau, Thiện Thông kể rõ đầu đuôi câu chuyện từ lúc 12 tuổi theo cha ra ngoài buôn bán, rồi nói: “Trước nay được anh giúp đỡ rất nhiều, em vô cùng cảm tạ, nhưng từ nay về sau, ngại rằng nam nữ khác nhau nên ta chỉ gặp lần này thôi, không thể gặp lại được nữa”.

Tú Khanh nghe xong, ng người ra, bụng nghĩ mình cùng đi với nhau, cùng nằm một giường, mà không hề biết nàng là con gái, thật là hồ đồ quá!

Một lúc sau chàng ta mới nói: “Em gái hãy nghe anh nói, chúng ta cùng ở với nhau khá lâu, rất hiểu rõ nhau, thôi chuyện cũ không nói nữa, bây giờ em cũng chưa có người yêu, anh cũng chưa có vợ, vậy thì sao ta không thành bạn trăm năm, bên nhau mãi mãi, như vậy chẳng tốt đẹp sao?”

Thiện Thông then đỏ bừng mặt, đứng dậy nói: “Em cảm tạ ơn nghĩa của anh, nên hôm nay mới chẳng kể hiềm nghi, chẳng nề hồ thẹn mà gặp nhau, nay anh lại nói lời thất nghĩa như vậy khiến em thất vọng quá”. Nói rồi vừa quay vào vừa nói: “Thôi anh ra ngay đi, không nên ở lại lâu để người ta đàm tiếu”.

Tú Khanh bị Thiện Thông nói cho như vậy thấy cụt hứng quá. Chàng ta về nhà cứ như si như dại, không sao dứt tình đi được, bèn nhờ bà mối tới nhà họ Trương cầu hôn.

Vợ chồng Trương Nhị Ca mừng rỡ bằng lòng ngay nhưng Thiện Thông thì nhất định không chịu, bảo rằng: “Nếu em mà bằng lòng lấy chàng ta thì bảy năm giữ tiết của em coi như xuống sông xuống biển, há chẳng khiến người ta chê cười sao?”

Bà mối và chị gái khuyên mãi, nàng ta vẫn không chịu. Phía bên kia thì Tú Khanh nhất quyết đòi lấy Thiện Thông làm vợ, ngày nào cũng bắt bà mối qua lại năn nỉ. Năm lần bảy lượt nói khiến Thiện Thông phát cáu, song vẫn không thấy nàng ta lay chuyển chút nào.

Không bao lâu, qua miệng bà mối, chuyện nàng Thiện Thông giả trai đã một truyền mười, mười truyền trăm, rồi khắp kinh thành ai cũng biết, người thì khen hay, kẻ thì khen lạ, cả đến một số vị quan khi nói đến cũng phải khen không ngớt miệng: “Hiếm có, hiếm có!”

Có ông quan Thủ bị họ Lý, mới đầu không tin, sai người ngầm dò xét, mới biết sự tình đúng như vậy. Quan bèn cho gọi Lý Tú Khanh tới hỏi, thấy chuyện đều xác thực. Mới hỏi Tú Khanh rằng thiên hạ có vô số người đẹp, sao cứ nhất định phải lấy con gái nhà họ Hoàng. Tú Khanh đáp: “Tiểu sinh với nàng ta có mối thâm tình như chân với tay, không thể nào cắt rời được. Ngoài nàng ra, tiểu sinh không lấy ai cả”.

Lý Công rất thương Tú Khanh, bèn giữ chàng ta ở lại trong phủ quan. Ngày hôm sau ông tìm một bà mối tới, nói rằng mình có một đứa cháu muốn lấy cô con gái nhà họ Hoàng làm vợ, nhờ bà mối đến nói trước. Cả kinh thành ai chả biết quyền thế của Lý Công, cho nên bà mối vừa mới nói là kết quả ngay.

Lý Công tự bỏ tiền của ra làm sính lễ cho Tú Khanh, lại thuê một căn phòng cho Tú Khanh vào ở trước trong đó. Đến hôm cưới, Lý Công đến nơi, đích thân chủ trì hôn lễ. Sau khi giao bái, vợ chồng nhìn nhau. Lúc này Thiện Thông mới biết mình mắc mưu của Lý Công rồi, nhưng sự đã vậy rồi không thể khác được. Lý Công bèn thật sự nhận Tú Khanh làm cháu, bỏ ra rất nhiều tiền sắm sửa đồ cưới cho Thiện Thông, các cấp quan lại cũng đưa nhau đến mừng. Từ đó Lý Khanh trở thành nhà giàu có trong kinh thành, vợ chồng thương yêu nhau, sinh liền hai cậu con trai, sau đều học hành đỗ đạt làm quan.

Tổng Tứ Công ghét kẻ ác

(Tam ngôn)

Ở phủ Khai Phong có một tài chủ lớn họ Trương tên Phú, mọi người thường gọi là Trương Viên Ngoại. Ông ta mở một cửa hiệu bán hàng. Do tính tình rất keo kiệt nên người ta đặt cho một biệt hiệu là “Trương Viên Ngoại keo kiệt”.

Một buổi trưa, Trương Viên Ngoại đang ăn cơm nguội trong nhà, hai người làm công đang đếm tiền ngoài cửa hiệu, bỗng có một gã ăn mày cời trần, mình xăm vẽ, tay cầm một cái vợt đựng tiền bước vào xin tiền. Hai người làm công thấy ông chủ không có đầy bèn lấy hai đồng xu ném vào cái vợt cho gã. Trương Viên Ngoại nhìn qua rèm cửa thấy rõ bèn bước ra mắng: “Giỏi lắm! Thằng kia! Sao mày dám lấy tiền cho nó? Mỗi ngày hai đồng xu, ngàn ngày là hai quan rồi!” Vừa nói vừa bước vội ra ngoài, đuổi theo gã ăn mày, giật lấy cái vợt rồi vơ hết tiền trong đó đổ vào đồng tiền của mình, lại bảo người canh cửa đánh cho gã một trận.

Gã ăn mày bị đánh mà không dám làm gì, chỉ đứng xa xa trở vào cửa hiệu mà chửi. Lúc đó, có một ông già ăn mặc như lính cai ngục bước tới khuyên giải rằng: “Thôi bác ạ, cái lão Trương Viên Ngoại keo kiệt đó chẳng biết điều đâu, đừng tranh cãi gì với lão. Tôi cho bác hai lượng bạc đây, cầm lấy mà làm vốn buôn củ cái, thế là cũng thành người buôn bán rồi”. Gã ăn mày nhận bạc, cảm ơn rồi bỏ đi.

Ông già đó người Phụng Ninh, huyện Trịnh Châu, họ Tống, là con thứ tư nên người ta thường gọi là Tống Tứ công, là một cường đạo giang hồ nổi tiếng. Tối hôm đó, Tống Tứ công bỏ ra bốn xu mua hai bịch thức ăn giắt vào người, đợi đến canh ba tới trước cửa nhà lão keo kiệt, lừa lúc tối trời vắng ngắt, dùng tài nghệ phi thân, vượt qua tường vào trong.

Nhìn hai bên đều là các phòng có hành lang, một gian hầy còn sáng đèn. Tống Tứ công nhờ ánh sáng đi vòng qua chuồng ngựa. Thấy một con

chó xông tới sữa, bèn ném luôn bịch thức ăn vào nó. Ăn hết bịch, con chó lập tức lăn quay xuống đất, thì ra thức ăn có trộn lẫn bả độc.

Lại đi tiếp thì nghe thấy tiếng gieo xúc xắc của năm, sáu tên canh gian phòng để bạc. Tổng Tứ công lại móc trong người ra một cái hộp nhỏ, bỏ vào đấy một chút thuốc rồi châm lửa. Lập tức mùi hương bốc lên ngào ngạt. Mấy tên canh cửa hít hà rồi nói: “Thơm quá! Viên ngoại ngày nào cũng thấp hương”. Hít thở một lát, tất cả đều ngã quay. Tổng Tứ công đi thẳng vào, thấy còn nửa bàn thức ăn và rượu, bèn ăn hết sạch. Bọn canh cửa mắt mở trừng trừng song không động cựa nói năng gì được.

Ăn no rồi, Tổng Tứ công đến chỗ để bạc thấy cửa có khóa to bằng cánh tay, bèn móc trong người ra một chiếc chìa, mở khóa bước vào trong, thấy một hình người bằng giấy tay cầm một thỏi bạc hình tròn. Vốn người nộm này được nối với một bộ phận quay, nếu ấn vào người nộm, thỏi bạc hình tròn sẽ rơi ngay xuống đất rồi theo một cái máng lăn đến trước giường nằm của Viên ngoại, đánh thức lão dậy. Tổng Tứ công không để thỏi bạc kịp lăn, nhặt luôn lấy rồi lại ấn nhiều lần nữa, cứ vậy vơ vét sạch số bạc ở đó. Xong xuôi, lại lấy trong người ra một cây bút rồi đề lên vách bau:

*Tổng quốc tiêu dao hán
Tứ hải tận lưu danh
Tầng thượng thái bình đỉnh
Đảo xứ hữu danh thanh.
(Kẻ giang hồ nước Tống
Khắp bốn biển lưu danh
Từng đẹp yên kẻ bạo
Nổi tiếng khắp kinh thành).*

Viết xong, cửa cũng chẳng đóng, bỏ đi luôn, đi suốt đêm cho tới Trịnh Châu.

Lại nói về Trương Viên ngoại sáng ra tỉnh dậy thấy bị trộm lấy hết bạc bèn lập tức cáo quan. Quan Phủ doãn Khai Phong là Đằng Đại Doãn bèn sai nha lại là Vương Tôn đi tra xét trước.

Wang Tôn đem theo thủ hạ đến nhà họ Trương. Vào chỗ để bạc thấy bốn câu thơ trên tường. Một tên thủ hạ nói: “Chẳng phải ai đâu mà chính là

Tổng Tứ công lấy đây thôi!” Vương Tôn hỏi: “Làm sao mi biết?” Tên đó nói: “Bốn câu thơ này nếu ghép những chữ đầu lại thì sẽ thành câu “Tổng Tứ tăng đao” (Tổng Tứ đã đến đây).

Vương Tôn nói: “Từ lâu ta đã nghe nói giới đạo tặc có Tổng Tứ công, là người Trịnh Châu, thủ đoạn cao cường, lần này chắc đúng là hắn rồi”.

Vương Tôn bèn lập tức đem thủ hạ đi Trịnh Châu bắt Tổng Tứ công. Đến nơi, do dọc đường luôn hỏi thăm nên tìm được nhà ngay. Ngoài cửa có một quán trà nhỏ, mọi người bước vào uống trà. Vương Tôn bảo ông già rót trà: “Hãy mời Tứ công ra cùng uống trà!” Ông già nói: “Ông tôi bị bệnh, còn nằm chưa dậy, để tôi vào thưa”. Ông già vào rồi bỗng nghe tiếng Tổng Tứ công ở phía trong quát lớn: “Bệnh đau đầu của ta lại tái phát rồi, bảo lão đi mua ba xu cháo sao lão không mua? Ngày ngày bỏ ra bao nhiêu tiền nuôi lão mà lão không chịu hết lòng hết sức thì ta cần lão làm gì nữa?” Rồi lại nghe tiếng đánh lão già đen đét.

Lát sau, thấy lão già tay cầm bát đi ra nói: “Các vị hãy ngồi đợi một chút, Tổng Tứ công sai tôi đi mua cháo, ông ăn xong sẽ ra”. Thế nhưng mọi người đợi mãi cũng không thấy lão mua cháo về. Tổng Tứ công cũng không thấy ra. Mọi người sốt ruột mới xông vào trong thì thấy một ông già bị trói vào chân ghế tựa. Tưởng là Tổng Tứ công, toan bắt lấy, thì ông già nói: “Tôi là người rót trà, người vừa mang bát đi mua cháo mới là Tổng Tứ công”.

Mọi người nghe nói, giật nảy người, kêu lên: “Thật là cao thủ! Chúng ta không nhìn kỹ, bị hắn lừa rồi!”

Đành ra ngoài truy tìm song tìm đâu cho thấy được.

Thì ra lúc bọn công sai uống trà, Tổng Tứ công đang ở bên trong, nghe chúng nói giọng Đông Kinh bèn lén dòm ra thấy đúng bọn đi bắt người, bụng thấy hơi nghi hoặc mới cố ý mắng mỏ rồi đổi quần áo cho ông già, cúi đầu đi ra, nói là đi mua cháo để đánh lừa rồi vội vã trốn đi luôn.

Tổng Tứ công trốn thoát rồi, ẩn tránh mấy ngày ở vùng ngoài rồi lại trở vào Đông Kinh. Một hôm, đang ngồi uống rượu trong quán bỗng nhìn thấy sư đệ Triệu Chính. Hai người hàn huyên với nhau một lúc, rồi Triệu Chính nói: “Sư huynh, nghe nói sư huynh trúng được một món làm ăn phải

không?” Tống Tứ công nói: “Cũng chẳng mấy, chỉ có bốn, năm vạn quan tiền thôi”. Triệu Chính lại nói: “Dưới chỗ cầu Bạch Hồ có một ngôi nhà, đó là nhà của Tiền đại vương, cũng có một món bở đấy”. Tống Tứ công nói: “Thế thì tốt. Đêm nay chúng ta sẽ ra tay”.

Thế là khoảng canh ba đêm đó, Tống Tứ công ở ngoài tiếp ứng, Triệu Chính đào ngạchchui được vào chỗ để bạc của Tiền đại vương, lấy trộm ba vạn quan tiền và một cái đai lưng bằng ngọc.

Ngày hôm sau, Tiền đại vương viết thư báo với Đẳng Đại Doãn. Đẳng Đại Doãn đọc xong, nổi giận nói: “Trong thành Đông Kinh mà lại có bọn giặc này sao?” Bèn lập tức gọi sai nha Mã Hàn tới, hẹn cho ba ngày phải bắt được thủ phạm đem về xử.

Hai ngày sau, Mã Hàn về bẩm: “Tiểu nhân đã truy ra tên trộm này tên gọi Triều Chính, rất lợi hại. Nghe nói hần là sư đệ của Tống Tứ công ở Trịnh Châu, nếu bắt được Tống Tứ công ắt sẽ bắt được hần”. Đẳng Đại Doãn chợt nhớ vụ Tống Tứ công ăn trộm nhà Trương Phú, bèn lập tức cho gọi Vương Tôn đến, sai hần phối hợp với Mã Hàn bắt cho được hai tên trộm này.

Vương Tôn nói: “Tên trộm này hành tung bất định, xin đại nhân gia hạn cho mấy ngày. Ngoài ra xin cấp cho ít tiền nữa để yết bảng thông báo, nếu có kẻ ham tiền thưởng tới báo thì công việc sẽ dễ dàng.”

Đẳng Đại Doãn đồng ý, cho hạn một tháng. Rồi lại sai yết bảng ghi rõ: Ai biết hai tên trộm này ở đâu tới báo quan sẽ được thưởng một ngàn quan tiền.

Mã Hàn, Vương Tôn bèn đem bảng văn tới gặp Tiền đại vương. Tiền đại vương cũng đồng ý chỉ ra một ngàn quan tiền. Hai gã này lại đến nhà Trương Viên ngoại, lại yêu cầu lão xuất tiền thưởng. Nhưng Trương Phú keo kiệt đã bị mất trộm năm vạn quan rồi, đời nào chịu chi nữa. Mọi người nói mãi, lão mới chịu xuất ra năm trăm quan.

Bảng văn yết lên, người đến xem đông nghịt. Tống Tứ công cũng tới đọc rồi bàn với Triệu Chính rằng hai người sẽ thực hiện một diệu kế: Triệu Chính sẽ đưa Tống Tứ công cái đai ngọc trộm được của nhà Tiền đại

vương, Tống Tứ công sẽ đưa cho Triệu Chính cái bọc trộm được của nhà Trương Viên ngoại, rồi bắt đầu hành sự.

Tống Tứ công vừa ra khỏi cửa thì thấy ngay gã ăn mày bữa trước gặp ở nhà Trương Viên ngoại, bèn kéo lại bảo: “Hôm nay ta có việc nhờ đến người đây!”.

Gã ăn mày nói: “Ân nhân có gì sai bảo?”

Tống Tứ công nói: “Lần này cho người kiếm một ngàn quan để nuôi cả nhà!”

Gã ăn mày thất kinh nói: “Chết! Tiểu nhân chẳng có phúc vậy đâu!”

“Người cứ làm theo ta, tự khắc sẽ có”.

Bèn đưa cho lão cái đai lưng ngọc bảo đem đến nhà Trương Viên ngoại cầm cố. Sau đó lại đến nhà Tiền đại vương báo cho họ biết.

Gã ăn mày đem cầm chiếc đai được ba trăm quan. Sau đó chạy đến nói với Tiền đại vương rằng: “Bẩm đại vương, tiểu nhân đến nhà Trương Viên ngoại cầm đồ, vừa lúc thấy lão chủ quán đang bán cho khách một chiếc đai lưng bằng ngọc, đòi giá một ngàn năm trăm lượng. Có người nói cái đai đó họ lấy ở phủ của đại vương nên tiểu nhân đến đây báo rõ”.

Tiền đại vương lập tức sai hơn một trăm quân lính, tiến như bay đến nhà Trương Viên ngoại lục soát, quả nhiên tìm thấy chiếc đai ngọc đúng là của nhà mình, bèn thưởng tiền cho gã ăn mày, rồi đích thân giải Trương Viên ngoại về phủ Khai Phong để xét xử.

Đằng Đại Doãn tìm mãi không ra thủ phạm vụ trộm, nay lại chính là Tiền đại vương dẫn hần tới, trong lòng thấy ngượng quá, bèn sai lính đánh cho thật đau. Trương Viên ngoại bị đánh toi bời, không kịp khai cho rõ ràng, cuối cùng chịu không nổi đành phải nhận đền bồi cho Tiền đại vương. Đằng Đại Doãn cũng biết là lão bị oan nên tha cho về.

Còn Triệu Chính sau khi cầm bọc tang vật mà Tống Tứ công ăn trộm nhà Trương Viên ngoại, bèn đem giấu vào nhà của hai tên sai nha Mã Hàn, Vương Tôn, sau đó cho người đi báo quan. Đằng Đại Doãn nửa tin, nửa ngờ bèn sai tên Lý Thuận tới khám xét. Quả nhiên tìm thấy dưới gầm giường của hai nhà đó. Mã Hàn, Vương Tôn cả hai tên đều bị bắt giam ngay vào ngục.

Hẹn ước trên thuyền

(Tam ngôn)

Thời vua Thần Tông nhà Tống, ở phủ Trường Sa, ông Thông phán Ngô Độ có một cậu con trai tên gọi Ngô Ngạn. Ngô Ngạn mới 16 tuổi đã có dáng vẻ nhân tài, phong lưu nhã nhặn, thi phú kinh sử thảy đều lầu thông. Chỉ có một điều là chàng ta ăn uống quá nhiều, mỗi ngày ăn đến hơn mười cân cơm gạo, hơn hai cân thịt⁽⁴⁾, uống hơn mười lít rượu.

Tháng ba năm đó, ông Ngô Độ được đổi đi làm Phủ doãn Dương Châu. Lúc thuyền đến Giang Châu, bỗng gió lớn nổi lên, sóng dữ cuộn cuộn, mất bao công sức mới dạt được vào bờ. Cậu công tử họ Ngô thấy bên cạnh có một chiếc thuyền, trong khoang có cô gái dáng vẻ yêu kiều, vô cùng xinh đẹp. Chàng ta nhìn thấy là mê ngay, giận mình không thể lập tức bay đến cạnh nàng. Thế là nói với cha rằng: “Sao ta không buộc thuyền mình vào thuyền bên cạnh cho chắc hơn!” Ngô Phủ doãn nghe lời con, cho thuyền sát gần lại.

Thì ra trên thuyền cũng có một ông quan tên gọi Hạ Chương, vốn là huyện úy Tiền Đường, đang đi nhậm chức Ty hộ Kinh Châu.

Ngô Phủ doãn và Hạ Ty hộ ngày trước đi thi tiến sĩ đã có quen nhau, bèn sang chào hỏi. Hạ Ty hộ lại sang thuyền họ Ngô đáp lễ. Nhìn thấy Ngô công tử dung mạo hơn người, phong độ nho nhã, Hạ Ty hộ thấy thích, bèn bàn luận chuyện cổ chuyện kim với chàng ta. Ngô công tử đối đáp trôi chảy, Hạ Ty hộ khen ngợi không ngớt, trong bụng nghĩ thầm: “Người này trông đúng bậc anh tài, thật là xứng đôi với con gái mình”.

Trở về thuyền, ông đem chuyện Ngô công tử kể lại với phu nhân là Kim Thị, lại tán dương chàng ta nhiều hơn nữa. Cô con gái Tú Nga ngồi bên cạnh nghe nói cũng thầm thấy ái mộ.

Ngày hôm sau, sóng gió càng mạnh, dĩ nhiên là thuyền không sao đi được. Hạ Ty hộ bèn sai đưa thiệp mời hai cha con ông Ngô sang thuyền mình uống rượu. Ngô công tử từ hôm qua nhìn thấy Hạ tiểu thư tới giờ, lúc

nào cũng thấy lớn vồn hình bóng của nàng, suốt đêm không ngủ được. Khi nghe nói Hạ Ty hộ mời sang, chàng ta mừng rỡ hết sức, lập tức theo cha ngay, hy vọng sẽ lại được nhìn thấy người đẹp.

Hạ tiểu thư nấp ở khoang sau, cũng lén nhìn về phía đằng này, thấy Ngô công tử thần thái hớn hỡ, bất giác nghĩ thầm: “Chàng công tử này đúng là phong lưu anh tuấn, ta mà lấy được thì lòng cũng mãn nguyện”. Nàng ta cứ đi đi lại lại trong khoang sau, chỉ tức mình không tới ngay được trước mặt chàng mà thổ lộ chân tình.

Đêm hôm đó, Hạ tiểu thư trần trọc mãi không sao ngủ được. Lúc vừa mới chợp mắt, bỗng nghe thấy có tiếng ngâm thơ.

Thiên nhai do hữu mộng

Đối diện khởi vô duyên?

Mạc đạo hoan ngu tạm

Hoàn kỳ minh thệ kiên.

(Chân trời còn mơ ước

Đối mặt há vô duyên

Chớ xem là vui tạm

Quyết đợi lúc thề nguyện)>

Hạ tiểu thư nghe xong rất đổi vui mừng, nghĩ bụng lúc này đêm khuya tĩnh mịch, có thể cùng chàng gặp mặt. Thấy bọn a hoàn đều đã ngủ cả, nàng bèn khê khàng đẩy cửa khoang thuyền. Ngô công tử dường như đã đợi sẵn bên ngoài, vội bước vào ngay. Hai người gặp nhau, bao tình cảm mặn nồng không sao nói hết. Đang vui vẻ sung sướng, chợt một a hoàn tỉnh giấc, nó thấy có động liền la toáng lên. Mọi người đều chạy tới. Hạ tiểu thư để Ngô công tử nấp ngay trên giường. Nhưng con a hoàn nhìn thấy đôi giày ở phía dưới giường bèn kêu lên: “Có giày đây này, chắc là đang ẩn trên giường!”

Hạ Ty hộ tìm ra Ngô công tử, giận sôi lên, tóm anh chàng quẳng thẳng xuống sông. Hạ tiểu thư cũng chẳng biết xấu hổ là gì, la lớn lên rồi cũng nhảy luôn xuống nước.

Hạ tiểu thư bừng tỉnh, thì ra là một giấc mơ. Nàng toát hết mồ hôi, thầm nghĩ: “Lẽ nào ta và Ngô công tử không có nhân duyên với nhau sao?” Cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn mãi, càng không ngủ được, bèn trở dậy đi đi lại

lại trên thuyền, bắt giắc bước tới trước cửa sổ thuyền bên. Kéo mở cửa sổ, thấy Ngô công tử đang chờ người nhìn ra. Hạ tiểu thư vừa sợ vừa mừng, bèn lấy ra một tờ hoa tiên màu hồng, đề một bài thơ, lại rút trong tay áo ra chiếc khăn thêu bọc lại, cuộn thành một cuộn rồi ném qua. Ngô công tử hai tay đỡ được, khom người xuống vãi một vãi, sau đó mở ra xem. Chỉ thấy trên viết:

Hoa tiên tài cầm tự

Tú phạ khóa nhu trường

Bất phụ Tương vương mộng

Hành vân tại thử phương.

(Giấy hoa ghi chữ gắm

Khăn đẹp bọc tình ai

Mộng Tương vương chẳng phụ

Xin hãy nhớ phương này).

Bên cạnh lại ghi hàng chữ nhỏ: “Tối nay thiếp khêu đèn chờ đợi. Dừng tiếng dao cắt làm hiệu. Xin chớ lỗi hẹn”. Ngô công tử xem xong mừng quá, cũng đề một bài thơ ném trở lại. Hạ tiểu thư mở ra xem. Thấy đúng là bài thơ đã thấy trong giấc mơ, không sai một chữ nào. Hàng chữ nhỏ bên cạnh viết: “Được ban nhã ái, sao dám không theo!”

Đến tối, Ngô công tử y hẹn tới. Mọi chuyện đều y như trong mộng. Có điều khác là trong khi công tử và tiểu thư ngủ thì không ngờ là sóng yên gió lặng, lúc canh năm, thuyền nhỏ neo đi. Khi Ngô công tử tỉnh dậy thì thuyền đã đi xa hơn mười dặm rồi. Chàng ta than thở: “Bây giờ làm sao đây?” Hạ tiểu thư vội bảo: “Khẽ chứ, đừng để bọn a hoàn nghe thấy”. Ngô công tử nói: “Đừng có giống như trong giấc mộng là được”. Câu nói khiến Hạ tiểu thư nhớ ra, nàng bèn giấu đôi giày của Ngô công tử đi, rồi nói: “Thiếp có cách này: bây giờ ban ngày chàng nấp xuống dưới khoang thuyền, thiếp thì nói bị bệnh không ra ngoài, mẹ thiếp nhất định sẽ cho mang cơm vào. Khi thuyền đến Kinh Châu, nhân lúc người đông nhộn nhạo, chàng hãy trốn đi, trở về Dương Châu, rồi sau đó hãy tới cầu hôn. Nếu cha mẹ thiếp bằng lòng thì tốt rồi, nếu không bằng lòng, thiếp sẽ thực tình nói hết, chắc cha mẹ sẽ nghe theo”. Ngô công tử ngẫm nghĩ, đành phải làm như vậy.

Thế là ban ngày, Ngô công tử co người nấp dưới khoang thuyền. Lúc ăn cơm, Hạ tiểu thư bảo mọi người đi ra hết rồi gọi chàng ra ăn.

Thế nhưng chàng này ăn khỏe kinh người, phần cơm của tiểu thư sao no được cái bụng ấy. Thế là Hạ tiểu thư cứ kêu bụng đói, bụng đói. Hạ phu nhân bèn sai người đem đến gần mười bát cơm và thức ăn. Hạ tiểu thư đưa vào Ngô công tử ăn hết sạch luôn. Từ đó cứ mỗi ngày ba bữa, bữa nào cũng vậy. Ông bà Tư Hộ thấy con gái nói bị mệt mà sao ăn cơm lại nhiều thế, hay là bị bệnh quái lạ gì đây?

Một hôm phu nhân đến phòng con gái, bỗng nghe thấy có tiếng ngáy, trong bụng sinh nghi. Hạ tiểu thư thấy thực sự không giấu mãi được, bèn bảo a hoàn ra ngoài rồi đóng cửa lại, nói thật mọi chuyện với mẹ. Hạ phu nhân nghe xong vừa giận vừa buồn, định làm ầm lên, nhưng rồi lại không nổi, chỉ nói mấy câu rồi đi ra, đem mọi chuyện nói cho Hạ Ty hộ biết.

Hạ Ty hộ giận muốn xui nói: “Thôi, thôi, đồ con gái mất nết ấy, làm chuyện xấu xa như vậy thì giết chết nó đi cho sớm!”

Phu nhân nghe nói vậy sợ quá, vội xin: “Chúng ta chỉ có một chút cốt nhục đó, nếu giết chết đi thì còn có ai nữa? Ngô công tử cũng là người tài mạo song toàn, chỉ trong một lúc hồ đồ mà làm chuyện sai quấy như vậy. Sao ta không bảo cậu ta về viết một lá thiệp cầu hôn đưa tới, rồi cho chúng lấy nhau chẳng tốt hơn sao?”

Hạ Ty hộ nghĩ đi nghĩ lại mãi rồi đành làm theo phu nhân. Ngay tối hôm đó, ông khẽ khàng sai người đưa Ngô công tử trở về. Lúc sắp đi, ông thì thầm trách mắng: “Tôi cứ tưởng cậu là người trẻ tuổi học rộng, sau sẽ thành đạt, không ngờ cậu lại làm những chuyện thế này thật là làm nhục gia môn nhà tôi. Lẽ ra tôi định quăng cậu xuống sông cho xong chuyện, song tôi nghĩ đến cha cậu nên tha mạng cho cậu thôi. Bây giờ cậu về nhà rồi, nếu đạt được công danh, tôi sẽ gả đưa con gái mất nết đó cho cậu, nếu cậu không có chút chí khí đó thì đừng có hòng mong gì hết”.

Nhà họ Ngô vốn đã rối như mớ bòng bong, nay cậu công tử về nói rõ mọi chuyện, cả nhà bèn mắng chửi cho một trận.

Từ sau đó, Ngô công tử ngày đêm chịu khó học hành, đến khi có khoa thi, cậu ta lên kinh đô, thi đỗ tiến sĩ, sau được bổ làm Huyện Doãn huyện

Tương Đàn, phủ Kinh Châu.

Quan huyện họ Ngô bèn chọn ngày lành, đón Hạ tiểu thư về làm vợ. Từ đó, vợ chồng thương yêu nhau, cùng sống hạnh phúc đến lúc bạc đầu.

Thời vua Nhân Tông đời Bắc Tống, ở thôn Trường Lạc phía ngoài cửa đông phủ Bình Giang tỉnh Giang Nam có một ông già tên gọi Thu Tiên. Ông già này yêu hoa như yêu mạng sống, nên mọi người gọi là “Lão mê hoa”.

Nơi ông ở là một căn nhà tranh, sáng sủa gọn gàng vô cùng sạch sẽ. Phía ngoài là một cái sân rộng có bờ ao vây quanh. Trong sân trồng đầy các loại hoa bốn mùa đủ loại rất đẹp. Ngày ngày ông già đều quét sạch hoa rụng rồi lấy nước tưới hoa.

Vì ông yêu hoa nên ông rất giận kẻ nào đến bẻ hoa. Ông nói: “Hoa chỉ nở mỗi năm một lần, mỗi lần chỉ có mấy ngày, rồi sau đó là trải qua ba mùa lạt lẽo. Lúc hoa tươi nở rộ đón gió rung rinh là quý hiếm lắm, thế mà lại bẻ cành ngắt bông đi thì thật là quá nhẫn tâm”.

Cũng chính vì sợ người vào hái hoa nên ông rất ít khi cho du khách vào sân chơi.

Một hôm, sau giờ ăn sáng, Trương Ủy là một tên càn quấy trong thành dẫn một tốp đến uống rượu ở gần thôn Trường Lạc. Rượu ngà ngà say, chúng đi la cà chơi, chợt đến trước cổng nhà ông già Thu. Nhìn thấy những cành hoa tươi mơn mớn trên bờ giậu, bọn chúng bèn lớn tiếng gọi cửa.

Ông già Thu Tiên đang uống rượu một mình dưới hoa, mới bước ra nhìn, thì thấy năm, sáu gã hơi rượu nồng nặc, bèn ngăn lại ngay từ cửa và hỏi: “Các chú có việc gì?” - “Việc gì à? Ngắm hoa thôi”. Trương Ủy mặt mày ngạo mạn, đẩy mạnh vào ngực Thu Tiên một cái, mấy thằng hung hãn kia cùng ào và

Trong vườn nở đầy những hoa quý, hoa lạ. Bọn Trương Ủy đến trước khóm mẫu đơn, thấy bông hoa lớn bằng cái đĩa, tươi đẹp rực rỡ, bèn xô nhau tới ngửi. Ông già rất giận nói: “Xin đứng xa ra một chút mà ngắm!” Trương Ủy còn đang tức vì vừa rồi ông già không cho vào, nghe nói vậy bèn vừa vít từng bông xuống vừa ngang ngược nói: “Ngửi một chút thì sao nào? Ông không cho, ta cũng cứ ngửi!” Ông già tức giận song không dám

nói gì, nghĩ bụng chắc chúng xem một lúc rồi sẽ đi thôi. Nào ngờ gã Trương Ủy này đến nơi đẹp đẽ, cứ nhất định phải uống rượu dưới hoa mới chịu.

Chúng uống đang hăng, chợt Trương Ủy nảy ra một ý nghĩ ngốc nghếch. Hắn hỏi ông già Thu Tiên: “Cái vườn này ông có bán không?” Ông già kinh ngạc nói: “Đây là sinh mạng của lão mà, không khi nào!”

Trương Ủy nói: “Sinh mạng sinh miếc gì? Nếu ông không có chỗ nào ở thì cứ ở lại đây, giúp tôi quản lý cái vườn này”. Cả bọn nói hứa theo: “Vậy thì đúng là việc may trời cho, ông già có phúc rồi đấy!”

Thu Tiên nghĩ có lẽ bọn chúng uống say nên nói lung tung vậy thôi, chỉ bằng hãy cứ dỗ cho chúng đi đã rồi tính sau, bèn nói: “Nếu ông muốn mua thì hãy đợi mấy ngày chứ đâu có gấp như vậy được?”

Lúc này, cả bọn đều đã say khướt, đứng dậy ra về. Thu Tiên vội vàng tiễn chúng. Gã Trương Ủy trước lúc đi còn định ngắt một bông mẫu đơn, nhưng Thu tiên đã chồm tới giữ lại, nhất định không cho hái. Gã kia ngượng quá hóa giận, bèn đẩy ông già ngã quay xuống đất rồi cúi hái lung tung trong bụi hoa. Ông già Thu Tiên thấy đau lòng quá, bèn bò dậy giơ đầu húc thẳng vào Trương Ủy. Trương Ủy bị ngã chổng kên xuống đất. Hắn bò dậy, cúi tiết phá bụi hoa không còn lấy một bông. Lúc này, mọi người xung quanh kéo tới. Thấy tình thế bất lợi, Trương Ủy vót vát một câu: “Mau để lại cái vườn cho ta, nếu không thì rồi ông sẽ biết!” Nói rồi cùng bọn kia nghênh ngang bỏ đi.

Bọn chúng đi rồi, ông già nhìn cảnh hoa tàn lá rụng đau đớn quá khóc òa lên, vừa khóc vừa nói: “Hoa ơi, ta một đời chăm sóc gìn giữ cho mi, không ngờ hôm nay để mi bị khổ nạn thế này!”

Bỗng nhiên có tiếng người cất lên ở phía sau: “Ông Thu, làm gì mà ông khóc đau đớn như vậy?”

Ông già quay lại, thấy một cô gái trẻ xinh đẹp, bèn hỏi: “Cô nương là người ở đâu? Đến làm gì vậy?” Cô gái nói: “Cháu ở ngay gần đây, nghe nói trong vườn ông, hoa mẫu đơn đang nở rộ nên cháu đến xem hoa”. Vừa nghe đến hai tiếng “mẫu đơn”, ông già càng thấy đau lòng khôn xiết. Cô gái biết rõ chuyện bèn nói: “Tổ nhà cháu có phép thuật, có thể khiến hoa rụng lại liền cành, lần nào cũng linh nghiệm”.

Ông già Thu vội vái lạy nói: “Nếu cô nương làm được diệu phép đó thì lão già này không có gì báo đáp, chỉ xin mời cô nương từ nay luôn đến đây thưởng hoa”. Cô gái nói: “Ông chớ có vái lạy, hãy đi lấy một bát nước trong lại đây”.

Ông già cuống quýt đi lấy nước, bụng nghĩ: “Chưa chừng cô ta thấy mình khóc tội quá nên đùa mình đấy thôi”. Đến lúc ông múc được nước tới thì những bông hoa đã liền lại với cành, còn cô gái thì biến mất. Ông già báo tin đó cho mọi người xung quanh. Họ đến thấy quả nhiên như vậy ai cũng bảo là ông đã gặp được tiên.

Hôm sau, vừa mới sáng sớm, Trương Ủy lại tìm đến ông già Thu Tiên đòi mua vườn hoa. Vừa ra khỏi cửa, hần nghe nói Thu Tiên được tiên giúp, khiến hoa đã rụng lại liền cành. Hần không tin, dẫn một bọn đến thẳng cửa vườn, nhìn xem, thấy đúng là như vậy. Hần bỗng nghĩ ra một kế, quyết đi báo quan, nói là Thu Tiên dùng yêu thuật để mê hoặc mọi người. Hần cho rằng sau khi Thu Tiên bị bắt, thì cái vườn này có thể về tay hần.

Mấy ngày sau, quả nhiên có một sai nha tới bắt ông già đi. Trương Ủy chờ họ đi rồi, đem một tốp đến khóa ngay cửa vườn lại. Sau đó, hần tới nha môn, thấy quan huyện đã bắt đầu xét án. Quan đập bàn quát: “Tên yêu quái to gan, dám mê hoặc dân chúng, sự thực thế nào còn không mau khai ra!”

Thu Tiên không hiểu đầu đuôi ra sao, bèn nói: “Tiểu nhân nhà ở trong thôn Trường Lạc, có phải yêu quái gì đâu, cũng không biết yêu thuật gì cả”. Quan huyện nói: “Hôm qua người đã dùng phép khiến hoa rụng lại liền cành, có chuyện ấy không?” Lúc này Thu Tiên mới rõ, thì ra là Trương Ủy đã thọc gậy bánh xe. Ông mới đem chuyện hần đòi chiếm vườn hoa và được tiên nữ xuống giúp kể hết một lượt. Quan huyện chẳng những không tin mà còn hạ lệnh đem Thu Tiên khảo hình. Đúng lúc đó, quan huyện bỗng thấy choáng váng, xuýt bổ nhào từ trên ghế xuống. Ông ta chỉ đành sai giam Thu Tiên vào ngục để ngày mai xét xử.

Thu Tiên nuốt nước mắt mà đi vào nhà giam. Đến đêm, nằm trên giường tù, chân tay không động đậy được, ông nghĩ: “Chẳng biết vị tiên nào đã cứu hoa của tôi nay tôi lại bị kẻ xấu hãm hại thế này. Nếu thần tiên thương lão già Thu Tiên này thì hãy cứu mạng cho, tôi xin bỏ nhà mà nhập

đạo”. Đang nghĩ như vậy thì thấy vị tiên nữ hôm trước lẳng đặng đi tới, giơ tay khê mở một cái, gong cùm lập tức rời ra. Thu Tiên bò dậy, bước tới khấu đầu nói: “Dạ xin hỏi tiên nữ tôn tính đại danh là gì?” Tiên nữ đáp: “Ta là thủ hạ của Vương Mẫu ở cung Dao Trì, chuyên coi về hoa. Thấy người thành kính yêu hoa nên ta đã cho hoa rụng liền lại với cành, không ngờ khiến người bị kẻ xấu hãm hại. Đó là do số người có cái nạn đó, ngày mai sẽ giải được.” Nói xong bồng lẳng bay đi. Thu Tiên định chạy theo mới thấy là chân tay mình bị cột chặt trên giường tù. Thì ra là một giấc mơ.

Trương Ủy thấy Thu Tiên bị giam vào ngục, trong lòng rất vui sướng. Đêm hôm đó bọn hắn lại kéo đến chỗ Thu Tiên, ai ngờ trong vườn hoa, hoa rụng đầy đất, không hề thấy cành như lúc ban ngày. Hắn ngồi phịch xuống dưới những cây hoa uống rượu. Uống đã ngà ngà, bỗng một trận gió lớn nổi lên, thổi vào những cánh hoa đứng dựng cả lên, thoát cái đã biến thành những cô gái chỉ cao mấy tấc. Bọn Trương Ủy kinh hãi, la lên: “Chuyện quái lạ”. La chưa dứt lời, đã thấy các cô gái đứng đưa theo gió, rồi cô nào cũng cao dần lên, hình dáng xinh đẹp, áo quần rực rỡ. Một cô áo dài đỏ bắt đầu nói: “Chị em chúng ta ở đây đã hơn mười năm rồi, được Thu công chăm sóc, không ngờ bị bọn điên rồ các người tàn hại, rồi các người lại còn hãm hại cả Thu công. Hôm nay là ngày chúng ta đến báo thù đây.” Các cô khác đồng thanh nói: “Em nói đúng đấy, chúng ta mau ra tay đi thôi!” Nói rồi, nhất tề vung tay áo lên, chỉ thấy một trận gió mạnh ào tới, khí lạnh thấu xương. Cả bọn kêu rống lên là có ma rồi cuống quýt bỏ chạy, dứa thì bị vấp đá lộn nhào, dứa thì vướng cành cây bổ chửng. Trương Ủy kinh hoàng luống cuống sẩy chân ngã luôn vào hố phân, bốn vó chổng lên trời, thật đáng đời đáng kiếp.

Ngày hôm sau, quan huyện đang sắp sửa thăng đường, bỗng nghe tin Trương Ủy đã chết trong vườn hoa, lại nhớ chuyện hôm bỗng dưng choáng váng, mới hiểu ra, lập tức cho thả Thu Tiên.

Ông già Thu Tiên về đến nhà, thấy hoa mẫu đơn vẫn nở rộ như cũ. Từ đó trở đi, ông càng yêu quý hoa hơn và càng chăm chú nuôi dưỡng cho hoa.

Về sau, Thiên đế biết chuyện, bèn mời ông già lên trời, phong cho làm chức Hộ hoa sứ giả, chuyên trông coi các loài hoa trong chốn nhân gian.

Đánh đòn kẻ bạc tình

(Tam ngôn)

Vào năm Thiệu Hưng đời Nam Tống, trong thành Lâm An có rất nhiều kẻ hành khát. Người đứng đầu một toán hành khát được gọi là lão trùm. Những lão trùm này bắt từng người trong toán phải nộp tiền cho mình, có khi tích cóp được rất nhiều tiền, trở thành giàu có. Chỉ có điều cái tiếng “lão trùm” không được hay ho gì, nên cho dù có đất ruộng, có tài sản nhiều bao nhiêu, cũng vẫn là kẻ ăn mày đòi đòi, không được ai coi trọng.

Có một người họ Kim tên Lão Đại, từ cụ tổ đến đời lão đã bảy đời làm lão trùm, gia tư rất lớn. Nhưng rồi lão thấy ghét cái loại “đòi đòi” nên nhường cái chức lão trùm cho một người họ hàng là Kim Lại Tử và không đi lại gì với bọn ăn mày nữa. Thế nhưng xóm giềng xung quanh đã quá quen nên cứ gọi là lão trùm.

Kim Lão Đại đã hơn năm mươi tuổi, vợ chết sớm, không có con trai, chỉ có một gái tên gọi Ngọc Nô, mặt mũi rất xinh đẹp. Kim Lão Đại quý con gái như vàng như ngọc, từ nhỏ đã cho học hành nhiều chữ nghĩa, đến mười lăm tuổi đã tinh thông thi từ thư họa. Thấy con tài mao như vậy, Kim Lão Đại nhất định phải kén rể là người có học. Chỉ tiếc là cô bé sào nhà “lão trùm” nên mãi mà không có ai đến dạm hỏi. Còn những nhà buôn bán tầm thường thì Kim Lão Đại chẳng coi ra gì. Thế là cao không tới, thấp không thông, cô gái đã mười tám tuổi rồi vẫn chưa có ai.

Một hôm có ông lão hàng xóm tới chơi, nói: “Dưới chân cầu Thái Bình có một thư sinh họ Mạc tên Kê năm nay hai mươi tuổi, là người có tài, mới thi đỗ Thái học sinh mấy hôm trước. Chỉ có là cha mẹ mất cả, nhà rất nghèo, chưa có vợ con gì. Người này rất xứng đáng với lệnh ái, sao ông không nạp anh ta làm con rể?” Kim Lão Đại nói: “Vậy thì nhờ ông giúp cho”.

Ông lão hàng xóm lập tức tới chỗ cầu Thái Bình, tìm được Mạc Tú tài, kể hết tình hình nhà họ Kim cho chàng ta nghe. Mạc Kê nói: “Bác nói vậy

thì hay lắm, song nhà cháu chẳng có tiền sắm lễ”. Ông lão nói: “Chỉ cần cậu bằng lòng là được, sẽ chẳng mất đến một tờ giấy đâu, mọi chuyện lão sẽ lo cho hết.”

Ông lão trở về nhà Kim Lão Đại. Nhà họ Kim bèn chọn ngày lành, gửi cho Mạc Tú tài một bộ quần áo mới để chàng ta mặc đến ăn hỏi.

Mạc Kê nhìn thấy Ngọc Nô là người tài mạo, hết sức vui mừng. Chẳng mất một đồng nào mà được cô vợ đẹp, lại dư ăn dư mặc, mọi chuyện đều toại lòng. Bạn bè đều biết chàng ta vốn nghèo khổ nhưng chẳng ai chê cười gì cả.

Đến ngày tròn tháng, Kim Lão Đại chuẩn bị tiệc rượu, bảo con rể mời các bạn đồng song tới dự để cho vẻ vang cửa nhà. Tiệc rượu kéo dài suốt sáu, bảy ngày, rất là náo nhiệt.

Không ngờ sự việc đã chọc tức Kim Lại Tử. Hẳn nghĩ ông cũng là lão trùm, tôi cũng là lão trùm, chỉ có là nhà ông làm nhiều đời, kiếm được nhiều tiền, chứ lời tổ tông ra thì có khác gì nhau. Con gái lấy chồng, ông cũng nên mời tôi tới uống ly rượu mừng. Thế mà nay mở tiệc mừng tròn tháng, ăn uống sáu, bảy ngày, ông không hề mời tôi, thật là khinh người quá lắm! Nhất định mình phải làm cho lão một trận để cả nhà lão mất mặt.

Thế rồi hắn đi gọi năm sáu chục tên ăn mày, nhất tề xông đến nhà họ Kim Lão Đại nghe thấy bên ngoài ầm ĩ, vừa mở cửa ra, thấy Kim Lại Tử dẫn một toán ăn mày ào vào, la hét ầm ĩ. Lại Tử tới thẳng bàn tiệc, thấy thức ăn ngon, rượu ngon, ăn lấy ăn để, vừa ăn vừa quát: “Mau bảo vợ chồng cháu rể ra chào ông chú đây!”

Mấy chàng tú tài sợ quá, đứng không vững, vội bỏ chạy. Đến cả anh chàng Mạc Kê cũng theo các bạn chạy trốn.

Kim Đại Lão không biết làm sao được, chỉ đành ra sức năn nỉ: “Hôm nay là con rể tôi nó mời khách, không phải tiệc của tôi. Bữa khác tôi sẽ bày riêng tiệc rượu, sẽ mời anh mà!” Lại lấy ra rất nhiều tiền phân phát cho bọn ăn mày. Bọn chúng quây cho đến tối mới bỏ đi. Ngọc Nô ở trong phòng cảm tức chỉ biết khóc suốt.

Đêm đó, Mạc Kê phải ngủ nhờ nhà bạn, đến sáng mới trở về. Kim Đại Lão nhìn thấy con rể, tự thấy mình xấu xa nên rất ngượng ngùng. Mạc Kê

cũng có phần không vui. Chỉ có điều là ai cũng lẳng lặng không nói ra.

Qua chuyện này Kim Ngọc Nô chỉ buồn là mình xuất thân không ra gì, muốn được mát mặt nên khuyên chồng cố gắng học hành. Bao nhiêu sách vở cổ kim, đắt mấy cũng mua về cho chồng đọc. Lại bỏ tiền ra để chồng giao du kết bạn học hỏi thêm. Từ đó, Mạc Kê học tiến rất mau, nổi danh khắp chốn, năm 23 tuổi đi thi đỗ ngay.

Hôm đó, Mạc Kê đi dự tiệc Hoàng đế ban thưởng. Tiệc xong, chàng ta mặc quan phục, cưỡi ngựa trở về. Gần đến nhà bố vợ, thấy một đám trẻ con tranh nhau đến xem, chúng chỉ trỏ chàng ta, nói: “Con rể lão trùm làm quan rồi kìa!” Mạc Kê nghe thấy ngượng quá, chỉ đành nín nhịn. Nhìn thấy bố vợ, tuy vẻ ngoài vẫn như thường song trong bụng rất bức, thầm nghĩ: “Nếu sớm biết là sẽ được phú quý như bây giờ thì lo gì chẳng có vương hầu quý thích gả con cho, lại đi chịu một lão trùm làm bố vợ, xấu mặt cả đời. Sau này nuôi dưỡng con cái lớn lên, cũng vẫn là cháu ngoại của một lão trùm, bị người chế giễu. Bây giờ việc đã thế này, nhưng vợ mình là người hiền lành chẳng có sai sót gì, không thể bỏ đi được”. Thế rồi cứ buồn bã trong lòng. Ngọc Nô thấy vậy, mấy lần hỏi han, cũng không trả lời.

Ít lâu sau, Mạc Kê được phong Quân Tư Hộ ở An Huy, bèn đem theo vợ lên thuyền đi nhậm chức. Đi được mấy ngày, thuyền tới Thái Thạch Cơ, bèn dừng lại ở bờ phía bắc. Đêm hôm đó, trăng sáng như ban ngày, Mạc Kê không ngủ được, trở dậy ra ngồi ở đầu thuyền ngắm trăng. Nhìn bốn phía xung quanh, vắng lặng không một bóng người, chợt nhớ đến chuyện “lão trùm”, lại thấy buồn quá. Đột nhiên, một ý nghĩ xấu xa: “Giá như Ngọc Nô chết đi, mình lấy người vợ khác, thì chẳng thoát khỏi nỗi sỉ nhục cả đời này sao?”

Lặng lẽ suy nghĩ một lát, y bước vào khoang thuyền bảo Ngọc Nô dậy cùng ngắm trăng với y. Ngọc Nô đã đi ngủ, nhưng nể chồng, bèn khoác áo bước ra đầu thuyền ngẩng lên ngắm trăng. Thành linh Mạc Kê bất ngờ đẩy luôn nàng xuống nước. Thấy vợ rơi xuống rồi im bất, Mạc Kê cho là mình đã thành công, bèn lẳng lặng tới chỗ người lái thuyền, bảo mau chở thuyền đi. Người lái thuyền chẳng hiểu gì cả, vội vã cho thuyền đi xa đến mười dặm.

Vừa hay, thuyền Mạc Kê mới đi thì có một cái thuyền khác đáp tới, đổ ngay chỗ Ngọc Nô rơi xuống nước. Người ngồi trên thuyền là quan coi việc vận chuyển ở Hoài Tây, mới đến nhậm chức, tên là Hứa Đức Hậu.

Lúc đó Hứa Đức Hậu chưa ngủ, đang cùng phu nhân uống rượu ngắm trăng trên thuyền. Bỗng nghe trên bờ vẳng lại tiếng khóc phụ nữ rất ai oán. Hứa công động lòng thương bèn bảo phu thuyền tìm đưa nàng ta đến, hỏi han đầu đuôi.

Thì ra cô gái đó chính là Ngọc Nô vừa bị rơi xuống nước. Lúc đó, Ngọc Nô hồn phi phách tán, chắc chắn là mình chết rồi. Song lại cảm thấy như có cái gì dưới nước nâng mình lên đưa vào bờ. Cô bám víu treo lên được bờ, nhìn chung quanh chẳng thấy thuyền của mình đâu cả. Lúc đó nàng ta mới biết là chồng đã cố ý dìm mình chết để lấy người khác. Càng nghĩ càng đau nên bật khóc.

Vợ chồng Hứa công nghe kể xong, cảm thương rơi nước mắt, bèn an ủi Ngọc Nô rằng: “Thôi con đừng khóc nữa, hãy cứ tạm thời làm con nuôi chúng ta. Chúng ta sẽ định liệu cho con”.

Ngọc Nô mu vắn tạ ơn. Hứa công bảo phu nhân lấy quần áo khô cho nàng thay rồi cho ở trong khoang thuyền sau.

Mấy ngày sau, Hứa công đến Hoài Tây nhận nhiệm sở. Nơi Mạc Kê làm quan lại thuộc quản hạt của ông. Vì vậy Mạc Kê phải theo các đồng liêu đến bái yết. Nhìn thấy Mạc Kê, Hứa công đã được Ngọc Nô kể rõ nên nhận biết. Ông thầm nghĩ: “Đáng tiếc là một người có tài mà lại làm chuyện thất đức như vậy!”

Qua mấy tháng sau, Hứa công nói với thuộc hạ rằng: “Ta có một đứa con gái có tài sắc, nay muốn tìm một rể hiền, các người có giới thiệu được ai không?”

Mọi người đều biết Mạc Kê vừa mới mất vợ, bèn đồng thanh giới thiệu Mạc Kê, nói rằng anh ta tuổi trẻ lại có tài, rất thích hợp để Hứa công chọn rể. Hứa công bảo họ hỏi xem ý Mạc Kê thế nào. Mạc Kê vốn đang muốn leo cao, nghe nói vậy sung sướng bằng lòng ngay. Bèn lập tức sắm sửa sính lễ đưa đến nhà Hứa công.

Vợ chồng Hứa công đã nói trước cho Ngọc Nô biết, ý muốn cho hai người lại đoàn viên với nhau, có điều, phải cho anh ta một bài học để Ngọc Nô được hả giận.

Đến ngày thành thân, Mạc Kê mặc quần áo mới tinh, cưỡi con tuấn mã ngao nghể, được đồng liêu phù rể đưa đến Hứa phủ. Vào đến cửa lớn, có hai bà vú đỡ cô dâu trùm khăn đỏ bước ra. Thế là cùng bái thiên địa, bái nhạc phụ nhạc mẫu, sau đó phu thê giao bái. Xong xuôi, cô dâu được đưa vào động phòng. Mạc Kê lúc này lòng xuân phơi phới, mặt mày hớn hờ đi thẳng vào phòng.

Vừa bước vào, bỗng từ hai bên xông ra bảy, tám bà già và a hoàn, người nào cũng tay cầm roi tre và gậy gộc, vụt tới tấp vào đầu vào vai anh ta. Mạc Kê bị đánh văng cả mũi, gậy vụt như mưa lên lưng lên cổ, sợ quá, anh ta ngã phục xuống đất, miệng kêu không ngớt: “Nhạc phụ, nhạc mẫu, cứu con, cứu con!”

Lúc đó, anh ta nghe thấy trong phòng có tiếng thánh thót: “Khoan hãy đánh chết thằng cha bạc tình! Hãy bảo hắn đến đây gặp mặt

Lũ bà già, a hoàn mới ngừng tay, rồi người xách nịch, kẻ kéo tay, lôi bỗng hắn lên đưa đến trước mặt cô dâu.

Mạc Kê miệng còn đang nói: “Hạ quan có tội gì?”, thì ngược mắt lên nhìn thấy dưới ánh đèn sáng choang, cô dâu đang ngồi nghiêm chỉnh kia chẳng ai khác mà chính là Kim Ngọc Nô, vợ cũ của mình.

Lúc đó Mạc Kê sợ hãi hết hồn, hét âm lên “Ma, có ma!” Mọi người cười âm cả lên.

Thế rồi Hứa công bước tới, nói với Mạc Kê: “Hiền tể chớ có sợ, đây là đứa con gái nuôi mà ta nhận được ở bờ sông Thái Thạch Cơ, không phải ma đâu”.

Lúc này Mạc Kê mới định hồn, vội quỳ xuống nói: “Mạc Kê con đã biết tội rồi, xin đại nhân tha cho!” Hứa công nói: “Chuyện này không liên quan gì đến ta, chỉ cần con gái ta không nói gì là được thôi”.

Chỉ thấy Ngọc Nô trở mặt Mạc Kê mà xỉ vả: “Quân khốn nạn vô tình bạc nghĩa! Mi không nhớ người xưa có câu “Bần tiện chi giao bất khả vong, tào khang chi thê bất khả hạ đường” (Bạn khi nghèo hèn không thể quên

nhau, vợ khi tắm cáng không thể khinh rẻ) hay sao? Mới đầu mi vào nhà ta hai bàn tay trắng, ta phải bỏ tiền cho mi học hành, kết giao bè bạn, để có được ngày nay. Ta cũng chỉ mong được chồng sang vợ quý, nào ngờ mi là đứa vong ân bội nghĩa, không nghĩ gì đến tình kết tóc xe tơ, lại lấy oán báo ân, nỡ đẩy ta xuống lòng sông. May mà trời đã thương ta, cho ta gặp được ân nhân, được cứu sống. Nếu ta mà bị chôn thây trong bụng cá, mi lấy vợ khác thì lòng mi có nỡ hay không? Bây giờ mi còn mặt nào mà gặp lại ta thế này?”

Hứa công thấy Ngọc Nô chửi mắng nhiều rồi, mới đỡ Mạc Kê lại kêu phu nhân tới khuyên giải. Phu nhân dần xếp mải, cuối cùng hòa giải được hai người

Từ đó, Hứa công và phu nhân đối đãi với họ như con gái và con rể của mình. Ngọc Nô cũng ăn ở hiếu thuận như với cha mẹ đẻ. Mạc Kê thấy vậy, lòng rất cảm động, ít lâu sau, đi đón lão trùm Kim Đại Lão về phụng dưỡng đến già.

Một con chim giết chết bảy mạng người

(Tam ngôn)

Năm Nguyên Hòa thứ ba đời vua Tống Huy Tông, ở quận Hải Ninh, phía ngoài cửa Vũ Lâm có một nhà chuyên dệt vải đoạn⁽⁵⁾. Chủ nhà họ Thầm tên Dục, tự Tất Hiên. Nhà họ Thầm rất giàu có. Vợ là Nghiêm Thị, chỉ sinh được một đứa con trai đặt tên là Thầm Tú, tuổi đã mười tám, chưa lấy vợ.

Anh chàng Thầm Tú này không biết kế thừa nghề cha, chỉ biết chơi bời lêu lổng, đặc biệt là thích nuôi chim họa mi. Hàng xóm láng giềng trong xóm ngõ đặt cho hắn cái tên là “Thầm chim”. Hàng ngày cứ đến canh năm là “Thầm chim” xách lồng chim vào trong rừng liễu trong thành để huấn luyện cho họa mi. Ngày nào cũng vậy.

Hôm đó, Thầm Tú đi hơi muộn. Đến nơi thì những kẻ nuôi chim khác đã về hết cả rồi, rừng liễu vắng tanh, trời lại âm u, không thấy một bóng người nào cả. Thầm Tú chỉ có một mình, bèn treo cái lồng chim lên cây liễu. Một lát sau, hắn chợt thấy đau bụng ghê gớm, rồi ngã gục xuống cạnh cây liễu, bất tỉnh nhân sự.

Đúng lúc đó, có gã thợ đánh đai thùng tên gọi Trương Công gánh đồ hàng đi qua rừng liễu. Gã nhìn thấy Thầm Tú mặt mày tái ngắt, mê mết không biết gì, trên cây có con chim họa mi đang hót véo von. Chợt nảy lòng tham, Trương Công nghĩ bụng: “Con chim này ít nhất cũng được hai ba lượng bạc”, bèn xách luôn cái lồng đi.

Không ngờ đúng này, Thầm Tú tỉnh lại. Mở mắt nhìn thấy Trương Công xách lồng chim của mình, muốn bò dậy mà không nổi, đành chỉ la: “Thằng mất dạy kia, lấy con họa mi của ta làm gì đấy?”

Trương Công sợ hắn dậy được thì mình chết, bèn chẳng lời thôi gì nữa, cầm ngay con dao quắm chém một nhát vào cổ Thầm Tú, đứt luôn cái đầu lẫn lông lóc.

Trương Công vô cùng kinh hãi, đảo nhìn khắp xung quanh, sợ có người trông thấy. Chợt ngẩng đầu lên, thấy một cây liễu trồng hốc ở giữa, vội vàng xách cái đầu ném vào chỗ trồng hốc đó, rồi cắt dao, quắc lông chim vào đòn gánh, chuồn thẳng.

Đi được nửa đường, Trương Công gặp ba người lái buôn từ thành Biện Lương đi tới, trong đó có một người tên là Lý Cát thường cũng rất thích nuôi chim. Lý Cát thấy trên gánh của Trương Công có treo con họa mi, hót nghe rất hay, bèn bước tới hỏi mua. Trương Công đang mong thoát vụ này nên chỉ đòi một lượng hai là bán luôn cho Lý Cát.

Về đến nhà Trương Công đóng chặt cửa, kể hết sự tình cho vợ nghe. Mẹ Trương nghe nói có được bạc là vui mừng hí hửng.

Lại nói buổi trưa hôm đó, có hai người gánh phân đi qua rừng liễu, nhìn thấy một cái xác chết cụt đầu, bèn lập tức đi báo quan. Chỉ chốc lát, toàn thành đều nhốn nháo cả lên, mọi người tranh nhau đi xem. Thảm Dục cũng vào rừng liễu, nhìn thấy quần áo mặc trên xác chết đúng là của con trai mình, thế là khóc rống lên. Nghiêm Thị ở nhà nghe tin lập tức ngã lăn ra bất tỉnh.

Nửa tháng trôi qua, vẫn không tìm thấy hung thủ. Thảm Dục quyết định trước hết phải tìm được cái đầu của con mình đã, rồi sẽ tính sau. Bèn lập tức viết một tờ cáo thị đem dán khắp trong thành, trên viết: “Xin thông cáo các quân tử bốn phương, nếu ai tìm được cái đầu của Thảm Tú thì xin thưởng một ngàn quan tiền. Ai bắt được hung thủ, xin thưởng hai ngàn quan”.

Sau đó, quan phủ cũng yết tờ cáo thị: “Tìm được đầu Thảm Tú sẽ được thưởng năm trăm quan. Bắt được hung thủ sẽ được thưởng một ngàn quan”.

Bấy giờ, ở chân ngọn núi lớn phía nam có một ông lão nghèo khổ thường gọi là Hoàng Lão Cầu. Ông ta khi còn trẻ sống bằng nghề khiêng kiệu. Khi già hai mắt bị mờ, chỉ sống nhờ vào hai người con trai, con lớn là Đại Bảo, con nhỏ là Tiểu Bảo. Ba cha con ăn không đủ no, mặc không kín mình, sống rất cực khổ.

Hôm đó, Hoàng Lão Cầu gọi anh em Đại Bảo đến trước mặt, nói rằng: “Cha nghe người ta nói có ông tài chủ nào đó tên là Thảm Tú bị người ta

giết chết, không tìm thấy đầu. Vừa rồi nhà họ xuất tiền thưởng, ai tìm thấy cái đầu sẽ được một ngàn quan. Quan phủ lại thưởng thêm năm trăm quan nữa. Cha nay đã già, có sống thêm cũng chẳng được gì, chỉ bằng bỏ quách cái mạng của cha đi, để các con được sống sung sướng một chút. Hai con đêm nay hãy cắt đầu của cha đem chôn chỗ cạnh Hồ Tây. Để qua mấy ngày cho biến dạng không còn nhận ra được nữa thì hãy đi báo quan lĩnh thưởng, như thế có thể được một ngàn năm trăm quan, lại chả hơn sống đói khổ như thế này sao? Có điều, không nên chậm trễ, nếu có kẻ khác làm trước mất thì uổng cái mạng của cha”.

Hai thằng con nghe xong bèn lánh ra ngoài cửa bàn bạc. Tiểu Bảo nói: “Cha bày cách này hay quá, đến bậc tướng quân nguyên soái cũng chẳng nghĩ ra. Kế thì hay thật đấy, chỉ khổ là mất cha”. Đại Bảo là đứa vừa ngu ngốc vừa cục cằn, lập tức nói ngay: “Xem chừng trước sau rồi cha cũng chết, chi bằng nhân cơ hội này giết ông đi, rồi đào hố chôn dưới chân núi, mất tăm mất tích, không ai tìm ra được. Còn lương tâm trời đất thì đây là tự ông bảo chúng ta làm chứ chúng ta có ép ông đâu”. Tiểu Bảo nói: “Thôi được, có điều, đợi ông ngủ say đã hãy ra tay”.

Bàn xong, chúng lập tức đi mua chịu hai bình rượu về, ba cha con uống say khướt, đi đứng loạng choạng. Qua đêm, vào lúc canh ba, hai anh em chúng trở dậy, thấy ông già đang còn ngủ li bì, Đại Bảo liền vào bếp lấy ra con dao thái rau, cắt cổ cha, lấy cái đầu, rồi vội vàng lấy quần áo cũ bọc cái thân lại, vác tới chân núi, đào một cái hố sâu chôn xuống. Trời chưa sáng, chúng đã đem cái đầu của cha chôn xuống chỗ nước cạnh bên hồ Ngẫu Hoa gần núi Bình Sơn.

Nửa tháng sau, hai tên vào thành xem kỹ tờ cáo thị rồi chạy đến nhà họ Thẩm báo tin: “Hôm qua, hai đứa tôi đi bắt cá, thấy một cái đầu người ở cạnh hồ, chắc là đầu con trai ngài”. Thẩm Dục nói: “Nếu đúng thì ta sẽ uổng các người một ngàn quan tiền, không thiếu một xu”. Rồi lập tức cùng bọn chúng tới bên hồ Ngẫu Hoa, thấy lờ mờ có một cái đầu người vùi chôn chỗ nước cạnh, bèn vớt lên coi thì đã bị ngâm nước trương lên rồi, không nhận được ra ai.

Thẩm Dục nghĩ: “Chắc là đúng rồi. Nếu không sao bỗng dừng lại có cái đầu người ở đây”. Bèn lấy khăn bọc lấy, rồi đưa anh em Đại Bảo đến phủ quan báo cáo: “Đã tìm thấy đầu của Thẩm Tú rồi”.

Quan tri phủ nghe nói bèn thưởng cho Đại Bảo, Tiểu Bảo năm trăm quan tiền. Thẩm Dục cũng về lấy một ngàn quan thưởng thêm. Hai tên nhận tiền về nhà, sung sướng không sao kể xiết.

Qua nửa năm sau, Thẩm Dục có dịp chở vải đoạn đi Đông Kinh. Một hôm, đi chơi qua chỗ nuôi chim của hoàng gia, ông ta nghe thấy tiếng một con chim họa mi hát rất hay. Bước tới gần nhìn thì đúng là con chim mà con trai Thẩm Tú nuôi. Con chim như nhận ra Thẩm Dục là người quen, vừa hát vừa nhảy và quay đầu về phía Thẩm Dục mà gật gật. Thẩm Dục nhớ đến con, bất giác nước mắt như mưa, kêu lạc cả giọng: “Lại có chuyện thế này ư?”

Viên hiệu úy coi nhà nuôi chim thấy thế, sợ có gì liên lụy đến mình, bèn đưa Thẩm Dục tới chỗ viên quan tổng quản. Viên quan này nghe câu chuyện Thẩm Tú nuôi họa mi mà bị giết bèn ngăn người ra một lúc. Ông ta biết là con chim này do một thương nhân tên gọi Lý Cát biểu, bèn lập tức sai người đi bắt Lý Cát tới tra hỏi.

Lý Cát trả lời rằng con họa mi này mua của một người thợ đóng đai thùng ở Hàng Châu, tuyệt không hề biết chuyện giết người nào cả. Nhưng quan thẩm vấn không tin, khảo đả nhiều lần. Bị đánh đến toạc da nát thịt, Lý Cát chịu không nổi, chỉ đành nhận bừa là mình đã giết Thẩm Tú. Bản án lập tức được tấu lên triều đình, không bao lâu sau, có thánh chỉ xuống, xử Lý Cát tội chết. Con chim họa mi được trả lại cho Thẩm Dục. Qua ít ngày, Lý Cát bị đưa ra pháp trường xử trảm. Sau khi Lý Cát bị xử tội, hai người cùng Lý Cát tới Hàng Châu buôn bán ngay đó, một người họ Hạ, một người họ Chu, biết rằng Lý Cát bị oan vội tới Hàng Châu để tìm người thợ đóng đai thùng đã bán chim, giải oan cho Lý Cát.

Họ đi dò hỏi suốt hai ngày, cuối cùng tìm được nhà Trông, nhận ra Trương Công đúng là người thợ đã bán con chim họa mi hôm đó.

Hai người lập tức đến báo quan, kể lại đầu đuôi câu chuyện Lý Cát mua chim họa mi của Trương Công, sau bị chết oan, xin quan Tri phủ xử lại.

Quan thấy họ nói năng khẩn thiết bèn phái ngay người đi bắt Trương Công.

Trương Công mới đầu không chịu nhận. Sau thấy nhân chứng rõ ràng, không thể thoát khỏi, bèn phải nhận hết chuyện giết chết Thẩm Tú, cướp chim họa mi như thế nào.

Quan Tri phủ hỏi: “Vậy lúc đó, người để cái đầu ở đâu?” Trương Công nói: “Bấy giờ tiểu nhân hoang mang lo sợ, thấy cạnh đấy có cây liễu trồng hốc ở giữa bèn quăng cái đầu vào đó.”

Quan Tri phủ lập tức cho gọi Thẩm Dục tới, cùng đi tới chỗ cây liễu để tìm cái đầu. Đến nơi quả có cây liễu trồng hốc ở giữa. Mọi người dùng cưa đốn đổ cây liễu thì một cái đầu người lăn ra. Thẩm Dục bê lên xem, nhận ra đúng là đầu con trai mình, khóc rống lên rồi ngã ngất một lúc lâu mới tỉnh dậy.

Quan Tri phủ phán: “Đã có cái đầu rồi thì vụ án sẽ giải quyết xong”. Rồi lệnh đem Trương Công giam vào nhà lao chờ tử tội.

Quan lại lập tức sai người đi bắt hai anh em Đại Bảo, Tiểu Bảo tới, ra lệnh khảo đả, rồi lại nung bàn sắt để tra. Hai tên chịu không nổi, phải khai hết sự tình, chuyện giết chết cha lấy đầu lĩnh thưởng. Nghe xong, tri phủ nổi giận, sai thủ hạ đánh cho chúng chết đi sống lại. Rồi gông lại, đưa vào nhà giam giành cho tử tù.

Sau đó, Tri phủ tâu trình sự thực vụ án lên triều đình. Thánh chỉ đưa xuống, lệnh rằng: Biếm chức quan xử chết Lý Cát xuống thành thường dân, đày đi Lĩnh Nam. Trương Công tham tiền hại tính mạng người xử tội chết lăng trì, bị chém 240 nhát, phân thân làm 5 đoạn, bêu đầu thị chúng.

Vợ Trương Công nghe tin chồng bị hành hình bèn đi tới phà đường xem sự thế thế nào. Không ngờ bọn đao phủ cứ theo án xử, cắt chém tới bởi, cảnh tượng thật kinh hãi, Trương Thị kinh hồn táng đờm phải quay về nhà, không may trật chân bổ nhào xuống, ngã trọng thương, động đến ngũ tạng, về đến nhà thì chết.

Thật không ai ngờ, chỉ một con chim họa mi, mà bảy mạng người bị chết thảm.

Hai trái đào giết chết ba dũng sĩ

(Tam ngôn)

Thời Xuân Thu, trong triều đình của Tề Cảnh Công có ba người có sức khỏe kinh người, không ai địch nổi.

Người thứ nhất họ Điền tên gọi Khai Cương. Người này mặt đỏ như huyết phun, mắt như sao sáng, miệng điều râu, tai mang cá, hàm răng liền khít khịt. Có một lần, Tề Cảnh Công đi săn ở núi Đông Sơn, bỗng từ trong hẻm núi phía tây có một con mãnh hổ chồm ra vồ con ngựa Cảnh Công đang cưỡi. Con ngựa kinh hãi lồng lên chạy, hất Cảnh Công ngã xuống đất. Điền Khai Cương vừa nhìn thấy lập tức phóng tới, tay trái túm chặt lông gáy con hổ, tay phải vung quyền đánh tới tấp, lại lấy chân đá vào mặt con hổ, vừa đấm vừa đá, khiến con hổ chết tươi. Cảnh Công về triều phong cho chàng ta là Thọ Ninh Quân.

Người thứ hai họ Cố tên Dã Tử. Người này mặt như mực đỏ, má phính râu vàng, tay như cây móc bằng đồng, răng như lưỡi cưa sắc nhọn. Năm nọ, Cảnh Công đi qua sông Hoàng Hà, bỗng dưng trời đổ mưa lớn, sóng nổi dồn dập, chiếc thuyền vua đi muốn lật. Chợt thấy giữa đám mây mưa có một đám lửa cháy, rồi một con quái vật nhào lộn trên mặt nước. Cố Dã Tử đứng bên cạnh nói: “Đây nhất định là con giao long ở sông Hoàng Hà”. Cảnh Công lo sợ, hỏi: “Bây giờ làm sao đây?” Cố Dã Tử nói: “Chúa chớ lo, hãy xem thần chém nó”. Nói xong, rút kiếm, cởi áo ngoài, nhảy xuống nước. Một lát sau, sóng gió yên hẳn, chỉ thấy Dã Tử tay xách cái đầu con giao long từ dưới nước vọt lên. Tề Cảnh Công bèn phong cho chàng ta là Vũ An Quân.

Còn người thứ ba họ Công Tôn, tên Tiếp, người cao lưng lững như tòa tháp, mặt hình tam giác, eo hổ lưng vượn, sức nâng nổi vạn cân. Có một lần, quân Tần xâm phạm vùng biên giới, Cảnh Công soái lĩnh binh mã tới nghênh chiến, bị quân Tần đánh bại, hãm vào vòng vây ở núi Phượng Ninh Sơn. Công Tôn Tiếp liền dùng một cây gậy sắt nặng khoảng 150 cân, xông

vào quân Tần. Mười vạn quân Tần trở tay không kịp, bị giết chết lẫn lông lóc. Cảnh Công được cứu nguy, bèn phong cho chàng ta là Uy Viễn Quân.

Ba anh chàng này kết anh em với nhau. Họ ngạo mạn vô lễ, ngang ngược hoành hành giữa chốn triều đình, xem vua quan như cây cỏ. Cảnh Công mỗi lần thấy họ bước lên điện là như có gai chích sau lưng.

Một hôm, nước Sở phái quan đại phu Cận Thượng sang nói chuyện giảng hòa, đòi nước Tề phải tôn nước Sở làm thượng quốc. Ba người kia nghe nói vậy, nổi giận quát võ sĩ chém đầu Cận Thượng và xin lãnh quân tiến sang đập bằng nước Sở. Lúc đó, có một người từ ngoài bước vào. Người này dáng thấp bé nhưng mi thanh mục tú, răng trắng môi hồng. Đó chính là quan Thừa tướng nước Tề họ Án tên Anh, tự Bình Trọng.

Án Anh thấy tình hình như vậy bèn quát võ sĩ dừng tay, rồi hỏi rõ đầu đuôi xong, bảo tha cho Cận Thượng. Sau đó tâu trình với Cảnh Công, nói mình sẽ thân chinh sang thuyết phục vua tôi nước Sở để họ phải tôn Tề làm thượng quốc.

Diễn Khai Cương nghe nói vậy nổi xung giận dữ, tóc dựng đứng lên, quát lớn: “Nhà ngươi chỉ là một đứa con nít! Người trong nước không có mắt nên để người làm Thừa tướng, sao lại dám mở miệng nói càn như vậy? Ba người chúng ta đây có sức lực giết rồng, chém hổ, có dũng khí địch được muôn người, sẽ quyết đem tinh binh đến tiêu diệt nước Sở, cần gì đến ngươi!”

Tề Cảnh Công vội vàng khuyên giải. Lúc đó, Cố Giã Tử mới nói: “Hãy cứ để cho đứa con nít đi sứ lần này xem sao. Nếu làm tổn hại quốc uy thì trở về sẽ bị băm nát thành bùn”. Nói xong, cùng với ương và Công Tôn Tiếp hàm hàm đi ra.

Cảnh Công rất lo cho Án Anh, song Án Anh lại chẳng để ý gì, mang theo hơn mười người tùy tùng lên đường sang nước Sở.

Đoàn xe và ngựa của Án Anh vừa tới Sính đô, vua tôi nước Sở bàn bạc với nhau rằng: “Án Anh nước Tề là người giỏi ăn nói, ta hãy lập kế khiến cho hắn không dám mở miệng!”

Bàn xong đầu đuôi, cho mời Án Anh vào triều. Án Anh tới trước triều môn, thấy cổng chính không mở, cổng phụ bên cạnh thì chỉ kéo lên một

nửa, cố ý để Ân Anh phải chui vào. Tùy tùng vội ngăn lại nói: “Chúng thấy thừa tướng thấp bé nên làm vậy để hạ nhục ngài, sao ngài lại trúng kế chúng?” Ân Anh cười lớn nói: “Các người không biết, ta nghe nói người thì đi cửa của người, chó thì đi cửa của chó. Đi sứ nước người thì nên vào cửa người, đi sứ nước chó thì vào cửa chó. Vậy có gì đáng nghi ngại?” Các đại thần nước Sở nghe nói vậy, lập tức cho mở ngay cửa lớn đón tiếp. Ân Anh đang hoảng bước vào, như không có ai xung quanh.

Vào đến trước điện, Ân Anh làm đúng nghi lễ xong, vua Sở hỏi: “Ta nghe nói nước Tề đất đai chật hẹp, nhân khẩu ít ỏi, có đúng không?”

Ân Anh trả lời: “Nước Tề chúng tôi phía đông nối liền hải đảo, phía tây kề sát Ngụy, Tần, phía bắc đã cự Triệu Yên, phía nam gồm thâu Ngô, Việt, làng này xóm khác, nghe thấy tiếng gà gáy chó sủa của nhau, kéo dài mấy ngàn dặm không dứt, sao lại bảo đất đai nhỏ hẹp?” Sở vương nói: “Đất đai rộng mà dân số lại ít”. Ân Anh nói: “Người trong nước chúng tôi đông đúc đến nỗi thở hơi bốc như mây khói, vung mồ hôi như mưa rơi, người đi đường liền gót sát vai, sao lại bảo là dân chúng ít?” Sở vương hỏi: “Đã là đất rộng người đông, có sao lại cử một chú bé con đi sứ nước ta?” Ân Anh nói: “Phàm đi sứ nước lớn thì dùng người lớn, đi sứ nước nhỏ thì dùng người nhỏ, bởi vậy mới cử tôi sang đây”.

Sở vương nhìn khắp bọn đại thần bề tôi, thấy đều im thin thít, chỉ đành mời Ân Anh lên điện ngồi. Thị thần dâng rượu, Ân Anh điềm nhiên vui vẻ uống, không để ý gì cả

Một lúc sau, thị vệ giải một người tới trước điện. Ân Anh nhìn ra, chính là một tên tùy tùng mình mang từ nước Tề sang, bèn hỏi y phạm tội gì, thị vệ nói: “Hắn ăn cắp bộ đồ uống rượu định trốn đi nhưng bị bắt quả tang”. Kẻ kia kêu oan. Ân Anh nói: “Người và tang vật rõ ràng, còn dám chống chế à? Hãy mau lôi ra chém đầu cho ta!” Sở vương hỏi: “Thừa tướng từ xa tới, sao không đem theo những người thành thật? Nay kẻ tùy tùng này làm bậy như vậy, chẳng làm nhục cho chủ nhân sao?” Ân Anh nói: “Tên này từ nhỏ đã theo tôi, tôi biết rõ nó. Nó ở nước Tề là người quân tử, khi sang nước Sở lại thành kẻ tiểu nhân, đó là phong tục biến hóa mà thành ra vậy. Tôi nghe nói cây quýt trồng ở Giang Nam cho quả vừa ngon vừa ngọt,

nhưng khi đem sang trồng ở phía bắc thì lại biến thành vừa chua vừa đắng. Đó cũng là do phong tục bất đồng vậy. Cho nên tên này ở nước Tề thì không ăn cấp, khi sang nước Sở lại ăn cấp, cũng chẳng có gì là lạ!”

Vua Sở kinh hãi, vội dời chỗ ngồi, bước tới chấp tay nói với Ân Anh: “Các hạ thật đúng là bậc hiền sĩ! Xin dạy bảo cho!”

Ân Anh bèn khuyên Sở vương nên thân chinh sang nước Tề giảng hòa. Sở vương nói: “Quả nhân tình nguyện giảng hòa song còn e bọn Điền Khai Cương, ba người đó của nước Tề không trọng tín nghĩa, vì vậy không dám sang”. Ân Anh nói: “Xin đại vương yên tâm, thần xin bảo vệ cho ngài, sẽ có một kế nhỏ khiến bọn đó phải chết trước mặt ngài”.

Sở vương nói: “Nếu như bọn đó chết, ta sẽ tôn nước Tề làm thượng quốc, hàng năm sẽ triều kiến và tiến cống”.

Thế rồi lập tức mở tiệc khoản đãi Ân Anh, lại chuẩn bị các lễ vật để dâng biểu.

Ân Anh sai người về nước báo tin trước rồi ra về. Tề Cảnh Công hết sức vui mừng, lệnh cho tất cả các quan công khanh lớn nhỏ đều phải đi theo ra cổng thành nghênh đón thừa tướng. Ân Anh vừa về đến nơi, Cảnh Công tự bước xuống kiệu thăm hỏi, sau đó cùng ngồi kiệu về. Người nước Tề đến xem đông chật đường đi. Bọn ba người Điền Khai Cương nghe nói, vô cùng tức tối

Mấy ngày sau, Ân Anh vào triều, thấy ba người đó ở trước điện, liền bước lên thi lễ. Bọn này giả bộ không nhìn thấy, không hề ngoảnh đầu. Ân Anh cứ đứng vậy một lúc rồi mới bước đi. Khi gặp Cảnh Công, ông nói rõ điều vô lý đó của họ. Cảnh Công nói: “Ba tên này luôn luôn mang kiếm lên điện, xem ta như trẻ con, sau này nhất định chúng sẽ thoán vị. Ta vẫn muốn trừ bỏ chúng song không làm sao được”.

Ân Anh nói: “Xin Chúa thượng yên tâm. Đợi khi nào vua tôi nước Sở sang đây, ta sẽ bày tiệc lớn, bấy giờ thần sẽ có một kế nhỏ để chúng phải tự sát hết, như thế được chăng?”

Cảnh Công hỏi: “Kế như thế nào?”

Ân Anh nói: “Ba tên này đều là kẻ thất phu hữu dũng vô mưu. Cứ làm như thần nói, như thế, như thế là có thể trừ khử được chúng”. Cảnh Công cả

mừng.

Mấy ngày sau, Sở vương dẫn theo văn võ bá quan, chở xe đầy vàng bạc châu báu, sang nước Tề để giảng hòa. Tề Cảnh Công mở tiệc lớn cùng chúc mừng lẫn nhau. Ba tên Điền Khai Cương mang kiếm đứng dưới điện, cao ngạo dương dương. Ân Anh trước sau điềm nhiên tự tại, đối xử với chúng rất đúng độ.

Rượu được nửa tuần, Cảnh Công nói: “Hoa viên trong cung có cây Kim Đào, quả đã chín, có thể hái vào cùng ăn!”

Một lát sau, viên thái giám bê vào một cái mâm vàng trên đế năm trái đào. Cảnh Công nói: “Cây đào trong cung này năm nay chỉ có được năm trái, vị ngọt hương thơm, khác hẳn các cây khác. Bây giờ thừa tướng hãy nâng ly mời rượu để mừng cho cây đào!”

Thời xưa, đào rất khó trồng, vì vậy trong vườn mà có được năm trái đào là của quý hiếm. Khi đó, Ân Anh nâng ly rượu bằng ngọc trước hết kính mời Sở vương, Sở vương uống cạn ly xong, mời ăn một trái đào. Lại kính mời Tề vương. Tề vương uống xong lại mời ăn một trái đào.

Vua Tề nói: “Đào này là thứ quý. Nay thừa tướng đã làm cho hai nước hòa hiếu với nhau, công lao lớn như vậy, đáng được ăn một trái” Ân Anh quỳ xuống ăn trái đào. Vua Tề lại ban cho Ân Anh một ly rượu rồi nói: Trong các công khanh hai nước Tề, Sở, ai có thể nói rõ công lao lớn nhất của mình sẽ được ăn những trái đào này”

Điền Khai Cương liền vươn người bước ra, lớn tiếng nói: “Thần đã từng theo chúa thượng đi săn ở Đông Sơn, đã giết chết mãnh hổ, công lao ấy thế nào?”

Vua Tề nói: “Ra sức bảo vệ vua, công lao ấy thật không gì lớn bằng!”

Ân Anh vội vàng tiến lên kính một ly rượu và mời anh ta ăn một trái đào.

Lúc đó, bỗng Cố Dã Tử đứng phắt dậy, nói: “Giết hổ có gì mà lạ! Ta từng chém chết giao long trên sông Hoàng Hà, cứu chúa thượng về nước, công lao đó thế nào đây?”

Vua Tề nói: “Đó là công lao cái thế. Mau mời rượu, ban đào!”

Án Anh vội tiến lên kính tửu, mời Cổ Dã Tử một trái đào. Lúc đó, Công Tôn Tiếp xốc áo bước ra, nói lớn: “Ta đã từng xông pha trong mười vạn quân binh, tay vung gậy sắt cứu được chúa thượng. Quân địch không tên nào dám đến gần, vậy công đó ra sao?”

Vua Tề nói: “Công lao của khanh, trong trời đất này không gì sánh nổi. Nhưng không còn đào mà thưởng nữa rồi. Hãy cứ ban một ly rượu, còn đào thì sang năm sẽ ban!”

Án Anh cũng nói: “Thật ra thì công lao của tướng quân là lớn nhất, tiếc rằng nói chậm quá. Hôm nay không ăn được đào, thành thử không được nổi rõ công!”

Công Tôn Tiếp vỗ kiếm nói: “Chém giao long, giết mãnh hổ, đó chỉ là việc nhỏ. Ta đã từng tung hoành khắp muôn quân, như đi vào chỗ đông người, từng ra sức cứu được chúa thượng, lập được công lớn, thế mà lại không được ăn đào, thật nhục nhã trước vua tôi hai nước, đáng cười cho hậu thế, vậy ta còn mặt mũi nào đứng ở triều đình này nữa?” Nói xong, rút kiếm tự sát.

Điền Khai Cương thất kinh, cũng rút kiếm ra nói: “Ta công nhỏ mà lại ăn đào, người anh em công lớn mà lại không được ăn, điều xấu hổ này bao giờ mới gột rửa được? Nói rồi, đâm cổ tự sát”.

Kế đó, Cổ Dã Tử gầm lên: “Ba chúng ta như tay với chân, thế cùng sống chết. Hai người họ đã chết rồi, ta còn sống một mình sao được?” Nói xong cũng tự sát.

Án Anh cười nói: “Không có hai trái đào không thể giết chết được ba dũng sĩ đó. Nay lo lắng đã hết, kẻ sách của thần thế nào?”

Sở vương khen ngợi nói: “Thừa tướng thần cơ diệu toán ta không khâm phục sao được? Từ nay về sau, ta sẽ mãi mãi tôn nước Tề là thượng quốc, quyết không xâm phạm”.

Từ đó trở đi, hai nước Tề Sở hòa hảo với nhau, không có giao chiến, cùng trở thành nước trong ngũ bá thời Xuân Thu. Án Anh do đó nổi danh vạn thế.

Kiều Thái Thú sắp xếp lại các cặp uyên ương

(Tam ngôn)

Năm Cảnh Hựu đời Bắc Tống, ở Hàng Châu có một vị danh y tên gọi Lưu Bình Nghĩa. Bà vợ là Đàm Thị, sinh được hai con, một trai một gái. Con trai tên Lưu Phác, đã dạm hỏi c bà quả phụ họ Tôn làm vợ. Con gái tên Huệ Nương tuổi mới mười lăm, đáng vẻ xinh đẹp, đã nhận đồ sính lễ của nhà Bùi Cửu Lão, chủ tiệm thuốc ở gần đó.

Lưu Công thấy con trai đã lớn mới bàn với vợ là muốn lo chuyện đám cưới cho con. Bây giờ ông Bùi Cửu Lão cũng nhờ bà mới đến xin cưới Huệ Nương. Lưu Công nói cưới vợ cho con trai trước rồi gả con gái sau, xin nhà họ Bùi hãy chờ ít lâu. Bùi Cửu Lão đã cao tuổi, muốn cưới vợ gấp cho con, nên nghe nói vậy thì không vui lòng.

Bà góa họ Tôn cũng có một trai một gái, con gái tên Châu Di, con trai tên Tôn Nhuận, tiểu tự là Ngọc Lang. Ngọc Lang từ nhỏ đã đính ước với Từ Văn Ca là con gái của Từ Nhã.

Bà mới Trương Lục Tẩu đến nhà họ Tôn trình bày ý kiến của ông Lưu, bà Tôn cũng đồng ý. Bà chọn ngày lành chuẩn bị đưa con gái Châu Di về nhà chồng. Nhưng không may mấy ngày sau, Lưu Phác bị bệnh, thân thể rã rời không sao chịu nổi, nhà họ Lưu định lùi đám cưới lại, nhưng rồi lại nghĩ có lẽ Lưu Phác sẽ khỏi thôi nên cứ chuẩn bị đám cưới như đã định.

Bà góa họ Tôn nghe tin Lưu Phác bệnh thì không yên tâm, đích thân đến nhà họ Lưu để thăm. Khi nhìn thấy không phải bệnh nhẹ thì không muốn con gái mình lấy chồng để rồi chịu khổ. Song không biết làm sao thoái thác được, sợ rồi sút mẻ tình cảm hai bên. Rồi bà ta nghĩ ra một kế lưỡng toàn, tức là cho Ngọc Lang mặc giả chị gái, đưa đến nhà họ Lưu làm lễ thành thân. Qua ngày Tam triều⁽⁶⁾ sẽ trở về nhà.

Ngày vui đó đã đến, bà Tôn trang điểm cho Ngọc Lang thành con gái, lại dạy cho cậu ta một số phép tắc của con gái. Ngọc Lang quả nhiên trông rất giống, không ai nhận ra được cậu ta là con trai. Đến xế chiều, chỉ nghe

tiếng trống, tiếng nhạc vang trời, kiệu đón dâu đã đến tận cửa. Bà mới Trương Lục Tẩu vào trước, bà Tôn dặn ngay: “Sau Tam triều là phải đưa cô dâu về ngay nhé”. Trương Lục Tẩu đâu có biết nội tình, chỉ liên tiếp vâng vâng.

Đoàn đón dâu đàn sáo suốt dọc đường, cho đến lúc tới nhà họ Lưu. Lưu Phác đau nặng không thể bái đ

Cấp bách quá, nhà họ Lưu bèn cho con gái Huệ Nương bái đường thay anh. Cô dâu chú rể vái nhau xong, bèn đến phòng Lưu Phác để xưng hỷ.

Lưu Phác yếu quá, không chịu được tiếng trống phách đàn sáo âm ỉ nên bị xỉu. Bà Lưu mới đưa cô dâu vào tân phòng, mở tấm khăn trùm đỏ ra, thấy quả là xinh đẹp, bà con trông thấy đều khen nức nở. Ngọc Lang quay nhìn bốn phía, thấy trong tất cả họ hàng thân thích, chỉ có Huệ Nương là xinh đẹp nhất. Chàng ta nghĩ thầm: “Đáng tiếc là mình đã đính ước rồi, chứ nếu biết sớm cô gái tuyệt vời này thì nhất định mình sẽ lấy cô ta làm vợ”.

Huệ Nương cũng thầm nghĩ: “Trương Lục Tẩu nói nàng ta đẹp nổi tiếng quả là danh bất hư truyền. Chỉ tiếc cho anh trai mình không được hưởng phúc, để đêm nay nàng ta phải vò võ một mình”.

Tối đến mọi người đã ngủ yên cả, bà Lưu sợ cô dâu ở một mình cô đơn, bèn bảo Huệ Nương tới ngủ cùng. Ngọc Lang và Huệ Nương vốn đã ngâm ưa nhau rồi nên cũng thích ở cùng một phòng. Đêm hôm đó, Ngọc Lang nói rõ điều bí mật, Huệ Nương càng cảm mến Ngọc Lang. Hai người như keo với sơn, hưởng liền ba đêm hạnh phúc của đôi vợ chồng mới cưới.

Bà góa họ Tôn tuy cho con trai giả gái để đưa dâu nhưng trong lòng vẫn ngay ngáy, cứ đỏ mắt mà chờ bốn ngày. Đến ngày thứ tư, bà vú nuôi trở về kể lại tình hình mọi việc, bà Tôn biết là không hay rồi bèn bảo Trương Lục Tẩu đón ngay Ngọc Lang về. Bà này vội vã đến nhà họ Lưu để đưa cô dâu về nhà mẹ đẻ.

Lúc này, bà Lưu đang trò chuyện với Ngọc Lang, nghe nói đón cô dâu về thì không bằng lòng nói: “Bà Trương này, bà làm mai đã thạo rồi, lẽ nào lại có chuyện sau Tam triều thì đưa cô dâu về nhà mẹ đẻ sao? Mấy ngày trước thì nhà họ Tôn cứ dửng dăng không chịu cho cưới, bây giờ lại đòi đưa trở về, không được đâu”.

Trương Lục Tẩu ứ hống không biết nói sao, lại không dám trở về nói lại với bà Tôn. Bà vú nuôi chỉ đành ngày đêm canh giữ ngay ngoài cửa tân phòng. Lưu Phác nghe nói vợ mới cưới rất đẹp, trong lòng vui sướng lắm, bệnh rất nhanh. Mấy ngày sau, chàng ta bảo a hoàn đỡ tới tân phòng thăm cô dâu. Huệ Nương và Ngọc Lang đang âu yếm nhau trong phòng, nghe tiếng bà vú nói lớn: “Đại quan nhân đến!” Hai người vội rời nhau ra. Lưu Phác nhìn thấy vợ mình đẹp quá, trong bụng vui mừng, bệnh lại khỏi thêm mấy phần nữa. Ngọc Lang nghĩ: nếu chú rể thật khỏi bệnh mà ở chung thế này thì mọi bí mật sẽ bị lộ hết. Đợi lúc Lưu Phác đi rồi, chàng ta mới bàn với Huệ Nương chuyện mình phải quay về. Huệ Nương nghe xong bất giác âu sầu, nước mắt tuôn rơi. Ngọc Lang lau nước mắt cho nàng rồi hai người lại quần quýt, quên luôn chuyện trở về.

Một hôm, vào lúc quá trưa, bà Lưu đi qua chỗ cửa tân phòng, nghe thấy bên trong có tiếng khóc sột sịt, bèn dòm qua khe cửa thì thấy con gái mình đang cùng con dâu ôm nhau khóc. Bà ta sinh nghi: Từ hôm con dâu về nhà mình, con gái mình với nó cứ như hình với bóng, chẳng rời nhau lúc nào, bây giờ lại ôm nhau mà khóc, có chuyện gì xảy ra vậy?

“Tại sao thanh thiên bạch nhật, hai đứa lại đóng cửa mà khóc như vậy”
- Bà Lưu vừa bước vào đã lớn tiếng hỏi.

Hai người sợ hãi đỏ bừng mặt, không biết trả lời sao. Bà Lưu giận điên người, kéo ngay Huệ Nương đi, Bà ta dẫn Huệ Nương tới một gian phòng, khóa chặt cửa lại, rồi cầm một cây gậy la mắng: “Con bé hèn hạ kia! Mau nói thật ra đi”. Huệ Nương biết không thể che giấu được bèn nhất nhất kể lại sự tình, chỉ mong cha mẹ hãy từ hôn với họ Bùi và gả nàng cho Ngọc Lang.

Bà Lưu giận điên người, chẳng kể ba bảy hăm một gì, cầm cây gậy phăm phăm đi ra phía ngoài. Huệ Nương thấy mẹ đi ra đánh Ngọc Lang thì chẳng biết xấu hổ gì nữa, chạy tới giữ rịt lại. Vú nuôi biết xảy ra chuyện không hay rồi, vội chạy đi báo với Ngọc Lang. Thế là Ngọc Lang vội vã cởi bỏ đồ nữ, mặc quần áo nam vào, chạy bán sống bán chết về nhà.

Bà Tôn thấy con trai trở về vừa mừng vừa sợ. Khi nghe nói chuyện thì lo lắng quá chẳng nghĩ ra được cách gì.

Bà Lưu thấy Ngọc Lang bỏ đi, càng tức càng lo. Lúc đó ông Lưu trở về, biết rõ chuyện, trách mắng vợ, bà Lưu đang bực sẵn, thế là hai ông bà cãi lộn. Rồi Lưu Phác cũng về, cả nhà sôi sục cả lên như nồi cháo sôi.

Lão Lý Đô quản nhà ở sát cạnh, nghe biết chuyện này bèn mừng thầm trong bụng. Lão nghĩ: “Ta sẽ báo cho nhà họ Bùi biết cái chuyện xấu xa này. Họ Bùi ắt sẽ đến làm âm ỉ một trận, nhà họ Lưu chắc sẽ không mặt mũi nào mà ở đây nữa, cái nhà này sẽ chẳng về ta sao?”

Vợ chồng Bùi Cửu Lão nghe kể chuyện xấu như vậy, không giận sao được. Hai vợ chồng già học tóc đến nhà họ Lưu, phần nộ nói: “Hồi tôi xin cưới cho con, ông không bằng lòng, bây giờ con gái ông sinh chuyện ra như vậy, ông còn không trả lại sính lễ cho nhà tôi hả?”

Ông ta càng nói càng giận, rồi sấn tới túm đánh ông Lưu, ông Lưu không ghìm được, lấy đầu húc Bùi Cửu Lão khiến ông này ngã lăn xuống đất. Ông Bùi bò dậy, hăm hăm nói: “Lão mất dạy! Mi cứ đợi đấy! Ta với mi sẽ lên phủ nói chuyện!”

Rồi một lá đơn kiện của Bùi Cửu Lão đến tay quan thái thú họ Kiều. Vị thái thú này là người công minh chính trực, xử án như thần, người ta gọi ông là “Kiều Thanh Thiên”.

Quan thái thú họ Kiều nhận được đơn kiện xong, cho gọi nhà họ Bùi và nhà họ Tôn đến công đường.

Thái thú nhìn thấy chị em nhà Ngọc Lang quả là xinh đẹp hiếm có, chàng Lưu Phác cũng rất tuấn tú, nàng Huệ Nương cũng xinh đẹp vô cùng, bèn nghĩ thầm trong bụng: “Đẹp thay hai cặp trai gái này!” và có ý muốn tác thành cho họ.

Sau khi thẩm vấn kỹ càng, Kiều thái thú sai người đưa con gái của Từ Nhã là Từ Văn Ca tới, rồi ngài đăng đường phán định ba đám cưới như sau: Ngọc Lang lấy Huệ Nương, Lưu Phác lấy Châu Di, con trai nhà họ Bùi lấy con gái của Từ Nhã.

Mọi người nghe xong đều cảm phục và hết sức vui mừng. Chuyện này đã làm chấn động phủ Hoàng Châu. Từ đó chuyện “Kiều Thái thú sắp xếp lại các cặp uyên ương” trở thành một câu chuyện hay thường được kể trong dân gian.

Hồn ma chia gia tài

(Tam ngôn)

Vào năm Vĩnh Lạc đời Minh, ở huyện Hương Hà, phủ Thuận Thiên có ông quan thái thú họ Nghê, tên Thủ Liêm, tự Ích Chi, nhà rất giàu có, tiền của có ức vạn, ruộng tốt ngàn khoảnh. Bà vợ họ Trần chỉ sinh được một đứa con trai tên là Thiện Kế. Sau khi Thiện Kế trưởng thành lấy vợ, bà Trần qua đời. Mấy năm sau Nghê thái thú từ quan về nghỉ. Tuy tuổi đã già nhưng ông ta vẫn còn khỏe mạnh, tự mình lo mọi việc thu tô, tính nợ.

Tháng mười năm đó, Nghê thái thú cưới một cô gái trong thôn mới mười bảy tuổi tên là Mai Thị. Cậu con trai Thiện Kế rất không bằng lòng. Hai vợ chồng cậu ta cứ xâm xì nói nhỏ sau lưng, ông bố biết, trong lòng khó chịu song chỉ nén nhịn.

Một năm sau, Mai Thị sinh hạ một đứa con trai. Hôm đó đúng ngày mồng chín tháng chín nên đặt tên cho đứa bé là Trùng Dương. Qua ba ngày sau, lại là ngày mừng thọ 80 tuổi của Nghê thái thú, khách khứa đến mừng rất đông, đều nói: “Lão tiên sinh tuổi cao, lại thêm được cậu con trai, chứng tỏ khí huyết còn mạnh, đó là dấu hiệu sẽ trường thọ!”

Nghe nói vậy, Nghê thái thú rất vui, nhưng Nghê Thiện Kế lại nói vụng sau lưng rằng: “Đàn ông 60 là tuyệt tinh, huống hồ đã 80 tuổi rồi. Có bao giờ thấy cây khô nảy hoa đâu, thằng bé này không biết là tạp chủng ở đâu ra, nhất định không phải là giọt máu của cha rồi. Ta quyết không nhận nó là em”. Nghê thái thú biết điều đó lại im lặng không nói gì, chỉ cố nén nhịn trong lòng.

Bé Trùng Dương được năm tuổi, rất thông minh lanh lợi, Nghê thái thú bèn cho đến học ở học quán, lại đặt cho cái tên mới là Thiện Thuật. Thầy giáo ở học quán vốn là người đọc mời về dạy học ở nhà cho đứa cháu nội Nghê thái thú, nay để hai chú cháu nó cùng học với nhau cũng tiện. Nhưng Thiện Kế lại không muốn con mình gọi Thiện Thuật là chú nên mời một ông thầy khác để dạy riêng. Nghe tin ấy Nghê thái thú vô cùng giận dữ, rồi

bước vấp vào bậc cửa một cái, ngã ngực xuống đất ngất đi một lúc rồi bị bệnh luôn. Cô vợ Mai Thị cuống cuống mời thầy lang chạy chữa song chẳng ăn thua gì.

Biết mình bệnh nặng, Nghê thái thú bèn cho gọi Thiện Kế lại, giao phó hết cho anh ta toàn bộ gia sản và các khoản tiền cho vay nợ. Khi Thiện Kế cầm sổ sách đi rồi, Mai Thị nước mắt lưng tròng hỏi: “Ông đem hết gia sản trao cho con trai cả, vậy mẹ con tôi rồi sẽ sống ra sao?” Nghê thái thú nói: “Nàng không biết đấy thôi, vì ta thấy Thiện Kế không phải là đứa tốt, nếu đem gia sản chia đều ra, e rằng rồi Thiện Thuật sẽ không toàn được tính mạng. Chi bằng cho nó tất cả cho nó thỏa mãn, nó sẽ không làm gì đến mẹ con nàng đâu”. Nói rồi, thò tay vào dưới gối lấy ra một cuộn giấy đưa cho Mai Thị nói: “Đây là cuộn tranh trong có giấu điều bí mật. Nàng hãy cất giấu cho kỹ, đừng cho ai biết. Sau này con nó lớn lên, Thiện Kế nó có hắt hủi cũng cố nhịn. Đợi khi nào có vị quan sáng suốt đến trị nhậm, nàng sẽ mang cuộn giấy này tới kêu, xin vị quan đó xét kỹ cho, lúc đó, nhất định quan sẽ xử lý, bảo đảm mẹ con nàng sẽ có cái để sống”. Mai Thị cầm lấy cuộn giấy.

Sau khi Nghê thái thú qua đời, quả nhiên Thiện Kế đối xử với mẹ con Mai Thị rất tàn tệ. Mai Thị cố nhẫn nhịn, không tranh cãi. Thiện Kế tuy hung dữ song rồi cũng thôi không để ý đến hai mẹ con nữa.

Ngày tháng trôi qua, chẳng mấy chốc Thiện Thuật đã được 14 tuổi, những chuyện trong nhà dần dần cậu bé cũng biết hết. Một hôm, cậu ta xin mẹ một chiếc áo, Mai Thị trả lời là không có tiền mua. Thiện Thuật hỏi ngay: “Cha con làm thái thú, chỉ có hai anh em con, anh con giàu có thế mà con chỉ xin một cái áo cũng không mua nổi, tại sao lại vậy? Mẹ không có tiền thì để con đến xin anh vậy”. Mai Thị cản lại mà không được, Thiện Thuật đi thẳng đến ngôi nhà lớn, tìm được Thiện Kế, vái chào anh, rồi hỏi xin anh một tấm lụa về may áo mặc.

Vừa nghe xong, Thiện Kế máng luôn một trận: “Cái giống hoang này, muốn ra vẻ hả? Mà nghe đứa nào xúi bẩy mà đến đây lòi thôi? Đừng có trêu tức tao, tao sẽ cho mẹ con mày hết chỗ sinh sống!”. Thiện Thuật đáp lại

“Trêu tức anh thì anh sẽ làm gì? Anh muốn mưu hại mẹ con tôi để độc chiếm cả gia sản

Thiện Kế giận dữ, nắm lấy tay áo Thiện Thuật rồi vung tay tổng liên tiếp bảy, tám cái khiến Thiện Thuật sung tím cả mặt mày.

Cố thoát ra được, Thiện Thuật vừa đi vừa khóc, về kể hết đầu đuôi cho mẹ nghe. Mai Thị trách: “Mẹ đã bảo con đừng tới gây chuyện, con không nghe lời thì bị đánh là đáng!” Rồi vừa xoa bóp chỗ đầu đau cho con vừa rơi nước mắt.

Thiện Thuật hỏi mẹ: “Hai anh em con đều là con ruột của cha, sao lại chia gia tài bất công như vậy? Sao mẹ không đi trình quan?”

Mai Thị chợt nhớ ra, bèn kể với con lời dặn dò của Nghê thái thú lúc lâm chung.

Nghe xong, Thiện Thuật lập tức bảo mẹ mở rương, lấy cuộn tranh ra. Đó là một bức tranh vẽ hình Nghê thái thú đang ngồi, đầu tóc bạc đội mũ cánh chuồn, trông giống hệt như thật, thái thú bồng một đứa bé, một ngón tay trỏ xuống đất.

Hai mẹ con nghĩ mãi không hiểu ra sao, chỉ đành cuộn lại cất.

Mấy hôm sau, trên đường đi, Thiện Thuật nghe nói có quan tri huyện mới về trấn nhậm là Đằng đại nhân, xử án giỏi như thần, bèn về kể lại với mẹ. Hai mẹ con bàn bạc một lúc, rồi đem cuộn tranh đến phủ quan kêu oan.

Quan thấy không có đơn kiện, chỉ có một cuộn giấy nhỏ, lấy làm lạ. Mai Thị bèn kể đầu đuôi mọi chuyện. Quan nhận lấy cuộn tranh, bảo họ hãy cứ về nhà đợi. Sau đó, mỗi ngày quan lại lấy bức họa ra xem xét rất kỹ, song vẫn không hiểu ra sao.

Một hôm, ăn cơm trưa xong, quan huyện họ Đằng lại lấy cuộn tranh ra xem. Đứa hầu gái bưng trà tới, ông giơ một tay ra đỡ chén trà, không cẩn thận làm nước trà rớt xuống bức tranh. Ông vội vàng đem đến chỗ có nắng phơi, bỗng thấy nổi lên mấy chữ, xem kỹ tất cả thì thấy cả một trang chữ viết, đúng là di bút của Nghê thái thú, nội dung thế này:

“Lão phu từng làm quan thái thú, tuổi đã quá bát tuần, chẳng biết còn sống được bao lâu, song không hề có điều gì hối tiếc. Chỉ có một điều là đứa con nhỏ Thiện Thuật mới vừa đầy một tuổi, chưa thể thành nhân ngay

được. Đứa con cả Thiện Kế là đứa xấu bụng, vì muốn đề phòng nó làm hại Thiện Thuật nên bao nhiêu điền sản và hai ngôi nhà lớn mới xây đều cho cả Thiện Kế. Chỉ cho Thiện Thuật căn nhà cũ nhỏ ở mé bên tay trái. Căn nhà này tuy nhỏ song dưới bức tường bên trái có giấu năm ngàn lượng bạc, chia thành năm hũ, tất cả tương đương với số điền sản kia.

Sau này, nếu có được vị quan hiền minh phán xử cho việc này, Thiện Thuật sẽ phải biểu quan ba trăm lượng bạc trắng để báo ân. Nghê Thủ Liêm 81 tuổi tự viết”.

Vốn là khi Nghê thái thú làm đầy năm cho đứa con nhỏ, ông vừa 81 tuổi, và đã làm sẵn việc này.

Nhưng ông quan họ Đằng thấy nhiều vàng bạc như thế chột nẩy lòng tham. Ông ta nhăn trán chau mày, tính đi tính lại, rồi kêu Thiện Kế tới bảo: “Dì hai của ngươi là Mai Thị có thừa kiện, rằng ngươi đã đuổi hai mẹ con bà ta để độc chiếm gia sản. Việc đó có thật không?”

Thiện Kế biện bạch nói: “Gia sản đều do phụ thân phân cho trước lúc lâm chung, tiểu nhân không dám làm sai”. Quan họ Đằng nói: “Đơn kiện nói gia tài có những một vạn quan. Ngày mai ta sẽ thân chính tới nhà ngươi tra xét xem thế nào. Nếu quả có sự phân chia không công bằng, ắt sẽ có phép tắc”. Nói rồi cho Thiện Kế về.

Thấy khẩu khí của quan nghiêm khắc, Thiện Kế vô cùng lo sợ, ngay đêm đó, lấy rất nhiều lượng bạc đem cho kẻ thân hữu để ngày mai họ đến bênh vực giúp cho trước mặt quan.

Sáng sớm ngày hôm sau, quả nhiên quan họ Đằng ngồi kiệu đem theo một số công sai tới nhà họ Nghê. Thiện Kế và mẹ con Mai Thị đều quỳ xuống nghênh tiếp. Quan khoan thai xuống kiệu, sắp bước vào cửa, bỗng ông ta chấp tay cung kính miệng nói câu gì như trả lời với chủ nhân. Mọi người ngạc nhiên không hiểu ra sao. Chỉ thấy quan cứ vừa đi vừa nhưường, miệng nói như trò chuyện với một người nào đó. Vào đến trong nhà, quan họ Đằng cung kính vái trước cái ghế tựa phủ da hổ đặt quay về hướng nam, sau đó kéo cái ghế tựa đặt quay về hướng bắc và ngồi xuống, bắt đầu nói: “Lệnh phu nhân có đem chuyện gia tài thừa với văn sinh. Vậy rốt cuộc thì đầu đuôi ra sao?” Nói xong bộ dạng như lắng nghe. Một lát ông

ta lắc đầu nói: “Trưởng công tử quả là bất lương!” Một lát lại tự nói một mình: “Vậy thì nhị công tử làm sao mà sống?” Ngừng một lát lại nói: “Gian nhà nhỏ bên trái có cái gì lạ cơ?” lại nói liền liền: “Xin lĩnh giáo! Xin lĩnh giáo!”. Tiếp đó lại nói: “Món này cũng phần nhị công tử, vâng, văn sinh xin vâng lời”. Một lát lại vòng tay nói: “Văn sinh đâu dám nhận hậu ân như vậy.”. Rồi lại nói: “Vâng vậy thì văn sinh xin nghe theo”. Sau đó đứng lên vái liền mấy cái, miệng nói: “Văn sinh xin đi ngay”.

Mọi người thấy bộ dạng quan như đang gặp thần gặp quỷ, đều ngẩn ra nhìn. Chỉ thấy quan họ Đặng đứng thẳng lên hỏi mọi người: “Nghê lão gia đi đâu rồi?”. Thủ hạ nói: “Có thấy Nghê lão gia nào đâu ạ?” Quan nói: “Lại có chuyện lạ thế này sao?”

Bèn gọi Thiện Kế đến hỏi: “Vừa rồi, lão tiên sinh thân chinh ra tận cửa đón tiếp, rồi nói chuyện với ta bao nhiêu lâu, chắc các người đều nghe thấy cả?”. Thiện Kế đáp: “Tiểu nhân không nghe thấy gì ạ”. Quan nói: “Vừa rồi có một người cao cao, mặt xương xương, mắt nhỏ lưỡng quyền cao, lông mày dài, tai lớn, râu bạc trắng, đội mũ cánh chuồn đi hia đen, mặc áo hồng bào đai kim tuyến, có phải đúng là Nghê lão tiên sinh không?” Mọi người đều sợ toát mồ hôi, nhất loạt quỳ xuống nói: “Đúng là hình dạng cụ khi còn sống”. Quan họ Đặng hỏi: “Thế tại sao lại biến mất? Ông cụ nói trong nhà có hai căn nhà lớn, phía đông còn có một căn nhà nhỏ, có không?” Thiện Kế không dám giấu đành nói: “Dạ có”. Quan nói: “Hãy đến căn nhà nhỏ phía đông, rồi sẽ nói sau”.

Mọi người đều thấy quan nói chuyện ẩn hiện như vậy cho rằng đúng là Nghê thái thú hiện về, thấy đều là lừa dối sợ hãi.

Lúc đến căn nhà nhỏ phía đông, quan họ Đặng nói với Thiện Kế: “Cha anh thiêng thật. Sự thể nhà anh thế nào ông đều kể rõ hết với tôi, muốn tôi giải quyết. Hai căn nhà lớn mới làm và tất cả mọi điền sản đều cho anh cả. Thiện Thuật không được tranh giành. Chỉ căn nhà cũ này là cho Thiện Thuật, mọi thứ trong nhà này anh cũng không được tranh giành. Ta nói như vậy anh thấy sao?”.

Thiện Kế thầm nghĩ, mấy cái đồ nát trong nhà này cũng chẳng đáng gì, bèn trả lời ngay: “Đại nhân xử rất sáng suốt”.

Quan họ Đăng nói: “Hai người nói rồi là quyết đấy, có gì đừng hối hận. Bây giờ mọi người ở đây đều là thân thích, hãy đến làm chứng. Vừa rồi Nghê lão tiên sinh bảo ta rằng dưới chân tường phía trái căn nhà có chôn năm ngàn lượng bạc, chia làm năm hũ. Đây là phần cho cậu con nhỏ”. Thiện Kế không tin nói: “Nếu quả có thật thì dù có vạn lượng cũng là của chú em, tiểu nhân tuyệt không tranh chấp”.

Quan nói: “Anh có muốn tranh ta cũng không cho!” Bèn sai người đào dưới bức tường phía đông, quả nhiên thấy có năm cái hũ lớn, hũ nào cũng đầy bạc trắng lóa. Mọi người nhìn thấy đều hết sức kinh ngạc.

Quan họ Đăng lại nói với Mai Thị: “Dưới bức tường bên phải còn có năm hũ bạc nữa, cũng năm ngàn lượng, lại còn một hũ vàng lớn, vừa rồi tiên sinh có bảo là để thù lao cho ta, ta không dám nhận, song cụ cứ ép mãi, ta đành phải vâng theo”.

Mai Thị và Thiện Thuật rập đầu nói: “Năm ngàn lượng đào được ở tường bên trái cũng đủ lắm rồi ạ. Nếu như tường bên phải cũng hãy còn thì đâu dám trái lệnh lão gia chúng tôi”.

Quan họ Đăng lại sai đào bên tường phía phải quả nhiên thấy sáu cái hũ lớn, năm hũ đựng bạc, một hũ đựng vàng.

Thiện Kế nhìn thấy nhiều vàng bạc như vậy, mắt đầy tức tối, uất hận vì không thể xông tới mà cướp lấy được. Quan họ Đăng viết một tờ chứng, giao cho Thiện Thuật. Hai mẹ con Mai Thị rập đầu bái tạ. Thiện Kế căm lắm, song cũng chỉ đành rập đầu mấy cái, miệng miễn cưỡng nói: “Đa tạ đại nhân”.

Quan họ Đăng bèn lấy hũ vàng đặt vào kiệu sai khiêng về phủ để mình hưởng

Mẹ con Mai Thị sau khi có được mười hũ bạc đó, mua ruộng vườn làm lụng, chẳng mấy chốc trở nên giàu có. Sau Thiện Thuật lấy vợ, đẻ liền ba cậu con trai, khi lớn đều học tập thành danh.

Bán nhà chuộc bạn

(Tam ngôn)

Thời Khai nguyên đời Đường, quan Tể tướng Quách Chấn có người cháu tên gọi Trọng Tường, là một chàng trai võ nghệ cao cường, vừa dũng cảm vừa mưu lược.

Năm ấy, phương Nam có loạn, Quách Chấn liền sai cháu đi theo đô đốc Lý Mông để phá địch lập công.

Bấy giờ, người đồng hương của Trọng Tường là Ngô Bảo An nghe tin bèn viết thư cho Trọng Tường muốn được đi cùng để phục vụ.

Được thư, Trọng Tường rất cảm động, vỗ án nói: “Ta mà không lo được tốt cho anh Ngô thì chẳng đáng là kẻ trượng phu!” Thế là tìm cách lo ngay cho Bảo An làm chức Quản ký trong quân ngũ.

Ngô Bảo An nhận được giấy báo, biết rằng đây là do Trọng Tường tiên cử nên rất vui mừng. Sắp xếp cho vợ và đưa con trai mới chưa đầy hai tuổi xong xuôi, lập tức đi suốt ngày đêm để tới Diên Châu. Nào hay, trời nổi mây gió bất ngờ, Bảo An đến được Diên Châu thì nghe tin quân của Lý đô đốc đã bị bại trận, Quách Trọng Tường sống chết thế nào thì chưa rõ. Thế là Bảo An ở lại, đi khắp nơi hỏi thăm tin tức của Trọng T

Thì ra, Lý đô đốc dẫn quân đánh địch, không may bị rơi vào vòng vây, đô đốc tử trận, Trọng Tường cùng một số người bị bắt làm tù binh. Quân địch ham của, nói sẽ cho chuộc bọn tù binh này bằng tiền, có điều đặt giá rất cao. Khi đó, Quách Trọng Tường ở trong tay bộ tộc Ô-lô. Vì là cháu của Tể tướng nên có thể được chuộc bằng một ngàn tám lạng. Chàng bèn tìm cách chuyển thư tới ông bác. Nghĩ tới nghĩ lui, thấy chỉ có Ngô Bảo An có thể hiểu mình, bèn viết một lá thư, khẩn thiết nói: “Biết bạn là người rất trọng nghĩa, nên xin nhờ bạn nhắn tin cho bá phụ tôi, xin người giải cứu cho tôi”.

Bảo An đang lo lắng tìm kiếm Trọng Tường, nhận được thư, mừng khôn xiết kể, lập tức đi ngay. Đường đi qua nhà, tuy rất muốn ghé thăm vợ

con một chút, song vì sợ cấp bách không dám dừng chân. Từ Diên Châu tới Trường An ba nghìn dặm đường, Bảo An ruồi ngựa không ngừng, dầm sương dãi gió, trải bao khổ cực mới đến được kinh đô. Ngờ đâu khi đó Tể tướng Quách Tấn đã qua đời, cả nhà lớn bé già trẻ đều dọn về quê tất cả.

Bảo An chung hững, không biết làm sao. Lúc này chàng ta đã tiêu hết cả tiền, chẳng còn lấy một xu, chỉ đành bán con ngựa để quay về nhà đã, rồi sẽ tính sau.

Về đến nhà, vừa nhìn thấy vợ, chàng không ghìm được òa lên khóc rồi kể rõ sự tình cho Trương Thị nghe. Kể xong lại nói: “Mình muốn đi chuộc ông ấy, nhưng nhà mình quá nghèo, sao có gì mà chuộc, giờ làm sao đây?”

Trương Thị an ủi nói: “Tục ngữ có câu: Không gạo thì khéo mấy cũng chẳng nấu được cơm, chàng đã tận sức tận lực rồi, thôi thì đành nhờ trời mà thôi”.

Nghe nói vậy, Bảo An chỉ lắc đầu: “Hồi đó mình chỉ là đánh liều viết lá thư cho ông ấy, thế mà ông ấy đã hết sức đề bạt cho mình, nay ông ấy đem tính mạng phó thác cho mình, sao mình nhẫn tâm bỏ ông ấy được!”

Rồi thề rằng nếu không cứu được Trọng Tường về sẽ không sống tiếp

Sau đó, để có tiền chuộc người bạn chưa hề gặp mặt, Bảo An bắt đầu bán gia sản, bán cho hết sạch chỉ còn bốn vách nhà trống mà mới chỉ được 200 tấm lụa. Nhìn đồng lụa chàng rơi nước mắt bảo vợ: “Chẳng phải tôi không thương mình và con, nhưng làm người phải lấy nghĩa khí làm trọng, có lẽ tôi đành phải xa vợ con ra ngoài buôn bán thôi”. Nói rồi xếp chỗ lụa đem đi, để người vợ cô đơn và đứa trẻ nhỏ dại ở lại.

Từ đây, cứ sáng sớm ra đi tới tối mới về, bốn ba khắp nơi, chẳng nề vất vả. Trên đường buôn bán, chàng ta học được cách tranh cạnh với người từng hào từng xu. Ngày ngày, chàng ta chỉ ăn cơm gạo xấu mặc áo cũ rách, được đồng nào đều tích góp để mua lụa. Mua được một tấm lại nghĩ đến mười tấm. Được mười tấm lại mong được một trăm tấm. Gom được 100 tấm bèn vội vội vàng vàng đem gửi vào kho công ở Diên Châu. Cứ thế Bảo An như bị ma ám, quên cả vợ con, ngày tính toán, đêm mộng寐, chỉ toàn là nghĩ đến chuyện Quách Trọng Tường. Gắng công gắng sức như vậy nhưng thời buổi bất yên, nên vất vả mười năm trời mà chỉ gom được 700 tấm lụa.

Mười năm trôi qua, đứa con trai đã mười một tuổi. Trương Thị thương nhớ chồng, trong lòng buồn khổ. Lại do thiếu ăn thiếu mặc tuổi nên tuy chưa nhiều mà người đã rất tiều tụy.

Một hôm, Trương Thị nghĩ bụng con trai mình đã lớn, nhà không có tiền mời thầy cho nó học, bèn quyết định đem bán mấy thứ đồ nát còn lại làm tiền lộ phí, mấy ngày sau đem con đến Diên Châu tìm chồng.

Hai mẹ con giải gió dầm sương suốt dọc đường, ném đủ mọi gian khổ. Đã vậy, số tiền lộ phí lại tiêu hết. Lo lắng quá, Trương Thị đành xin ăn để đi tiếp. Có mấy lần nàng toan tự tử cho chết đi, song lại không nỡ bỏ lại đứa con bé bỏng. Rồi một hôm, thật sự không chịu nổi, nàng ngồi xuống bên đường mà thảm thiết khóc lóc.

Tiếng khóc đã làm động lòng một vị quan đi qua nơi đây. Vị quan này là Dương An Cư, mới tới nhậm chức đô đốc ở Diên Châu. Nghe Trương Thị kể chuyện Ngô Bảo An bán nhà chuộc bạn, Dương đô đốc vô cùng cảm động. Thế là sai người đưa dẫn mẹ con Trương Thị, còn mình lập tức đến Diên Châu để giúp tìm tin tức Bảo An.

Mấy ngày sau, đô đốc tìm được Bảo An. Ông nói: “Thường nghe người ta nói: Cổ nhân có tình bạn sống chết với nhau, giờ gặp chuyện của ông mới tin là điều có thật! Nay vợ con ông cũng đã tới đây, hãy mau về gặp họ đi. Số lụa còn thiếu, ta sẽ giúp ông lo liệu”.

Bảo An nghe rồi lập tức quỳ xuống rập đầu nói: “Đô đốc nghĩa cao như vậy, tôi không dám chối từ. Song xin đô đốc hãy giao số lụa cho tôi để tôi đi chuộc Trọng Tường đã kéo muộn mất, rồi sẽ gặp vợ con sau”.

Thấy chàng ta cương quyết như vậy, Dương đô đốc chỉ đành sai tập trung số lụa lại để chàng ta lên đường.

Bảo An vội vã đến Ô-lô, chuộc được Trọng Tường về. Hai người bạn được gặp mặt, ngấm nghĩa nhau một lát rồi ôm chầm lấy nhau òa khóc.

Đời công việc của Trọng Tường xong xuôi, Bảo An mới về gặp vợ con. Nhìn thấy con trai mình đã thành một thanh niên, cảm thấy thật ngỡ ngàng. Còn vợ mình vì mình thì cũng đã già đi. Thế mới biết mười năm đằng đẳng không khỏi tủi buồn. Song lại nghĩ Trọng Tường đã được trở về, nhà mình cũng đoàn viên, lòng lại thấy vui mừng khôn xiết.

Dương Đô đốc thấy Trọng Tường và Bảo An tình nghĩa như vậy thì rất cảm động, bèn tiến cử hai người đều được làm quan. Tuy hai người bạn mới gặp nhau chưa lâu, song cũng không thể không chia tay từ biệt.

Sau, vợ chồng Bảo An đều mất sớm, Trọng Tường thân chinh mang tro cốt của hai người đi hàng ngàn dặm đường mà không biết mệt, lại cùng con trai Bảo An coi mộ suốt ba năm. Rồi Trọng Tường lại tâu xin nhà vua để nhường chức quan của mình cho con Bảo An tên là Thiên Hựu. Nhà vua cảm động trước tình cảm của họ bèn phong cho họ đều làm huyện úy ở hai huyện liền kề nhau.

Chuyển giả

(Tam ngôn)

Ở vùng Bình Vọng huyện Ngô Giang tỉnh Tô Châu có một chàng tú tài tên gọi Tiền Thanh. Chàng ta là người tài hoa, lâu thuộc Thi, Thư, thông kim bác cổ. Tội nghiệp thay, cha mẹ mất sớm, gia nghiệp suy vi, chàng đành tới sống nhờ nhà người anh họ.

Anh họ tên là Nhan Tuấn, tự Bá Nhã, cùng tuổi với Tiền Thanh, đều mười tám. Nhan Tuấn ý nhà giàu có, chỉ muốn chọn một tuyệt thế giai nhân về làm vợ. Nhưng anh chàng này người xấu, lại ra vẻ phong nhã, thích chuyện chài chuốt. Tiền Thanh tuy không giống anh ta, song phải ở nhà anh ta để học, cho nên việc gì cũng phải làm theo anh ta. Nhan Tuấn thấy vậy thích lắm, có gì cũng bàn với Tiền Thanh cả.

Một hôm, có người bà con xa là Vưu Thần đến nhà họ Nhan, nói rằng ở mé núi tây Thái hồ có người tên gọi Cao Tán, ông này có cô con gái năm nay mười sáu tuổi, cầm, kỳ, thi, họa đều giỏi, mà lại rất xinh đẹp, hiện đang kén rể. Lại nói rằng chỉ cần được người phong lưu tốt lành là sẽ gả con và còn cho thêm tiền nữa. Nhan Tuấn nghĩ thầm lần này có cơ hội rồi, bèn bám riết lấy Vưu Thần xin mai một cho. Vưu Thần biết rõ người ngợm như Nhan Tuấn ông Cao Tán chẳng khi nào bằng lòng nên lần nào cũng từ chối. Nhưng rồi không chịu nổi sự thôi thúc năm lần bảy lượt của Nhan Tuấn, ông ta đành miễn cưỡng đồng ý.

Ngày hôm sau, Vưu Thần cùng tên gia đồng của Nhan Tuấn đi một chiếc thuyền nhẹ hai mái chèo, nhân lúc trời yên gió lặng, giong thẳng đến nhà họ Cao ở núi tây.

Cao Tán nghe nói họ đến cầu thân thì vội vàng mời vào: “Xin hỏi là công tử của nhà ai đấy ạ?”. “Đó là một công tử trong huyện này, sản nghiệp giàu có, rất xứng với hộ nhà cụ. Công tử này mới mười tám tuổi, thông thuộc các loại sách Thi, Th

“Nhân phẩm thế nào? Tôi đã nói trước rồi đấy, nhất định phải thấy tận mặt thì mới có thể chấp nhận được”.

“Về nhân phẩm thì khỏi phải nói. Công tử nhà tôi về người tài hoa. Năm mười bốn tuổi, đi thi Đồng sinh được loại nhất. Tôi không phải là người làm mai, chỉ là vì hàng năm đến buôn bán ở miền Tây này, nghe nói khuê nữ nhà ta tài mạo song toàn, trong lòng thầm nghĩ: thế thì rất xứng đôi với công tử nhà chúng tôi, cho nên mới mạnh dạn tới viếng thăm”.

Cao Tán thấy vừa lòng, bèn hẹn công tử tới gặp mặt trước. Nghe nói phải gặp mặt, Nhan Tuấn lo quá không biết làm thế nào được đây. Nghĩ đi nghĩ lại mãi, bật được một kế, hấn bèn bàn với Vu Thần. Vu Thần nói làm vậy tuy được song chỉ sợ Tiền Thanh không chịu. Nhan Tuấn vỗ ngực nói chuyện này tôi lo.

Tối hôm đó, Nhan Tuấn mời Tiền Thanh ăn tiệc. Nửa chừng hấn đem đầu đuôi sự việc kể cho Tiền Thanh nghe, rồi nhờ Tiền Thanh chịu khó một chuyến, thay hấn đến gặp mặt Cao Tán.

“Thế không được đâu!” Tiền Thanh nói: “Chỉ sợ rằng một lần thì qua được nhưng sau đó thì khó đấy!” Nhan Tuấn nói: “Đừng có lo, ông ta không thể nhận ra đệ được đâu. Có trách thì chỉ trách người làm mối. Hơn nữa, nhà ông ta ở phía tây Động Đình, cách xa hằng trăm dặm không thể biết ngay được. Đệ cứ yên tâm đi hộ đi”.

Tiền Thanh không sao từ chối được, chỉ đành nhận vậy. Sáng sớm ngày hôm sau, Vu Thần và Tiền Thanh xuống thuyền xuất phát. Tiền Thanh mặc toàn quần áo sang trọng đẹp đẽ, so với trước trông càng phong lưu hơn nhiều.

Tới nhà họ Cao, Cao Tán vừa nhìn thấy, trong bụng là mấy phần ưng ý.

Ngồi yên vị rồi, Cao Tán hỏi về gia thế, Tiền Thanh nhất nhất trả lời, nói năng cử chỉ vô cùng nhã nhặn. Cao Tán nghĩ: Về ngoài thì đẹp rồi, không rõ học vấn ra sao? Bèn bảo gia nhân mời công tử và thầy học ra ý muốn kiểm tày cho rõ.

Một lát, một nhà nho độ hơn năm mươi tuổi dẫn một cậu học trò bước ra. Cao Tán giới thiệu: “Đây là thầy học họ Trần, còn đây là con trai tôi, tên gọi Cao Tiêu!”

Tiền Thanh nhìn cậu học trò, thấy mi thanh mục tú, rất là khôi ngô, bụng nghĩ: “Em trai mà thế này thì chị gái chắc là rất đẹp, Nhan huynh thật có phúc lớn”.

Cao Tán lại giới thiệu: “Đây là cậu Giang Bá Nhã ở Ngô Giang, là một người tuổi trẻ tài cao”.

Ông thầy đã được chủ nhân nói rõ ý trước, bèn hỏi: “Ngô Giang là đất giàu nhân tài, xin cậu cho biết ba người nào nổi tiếng nhất?”

Tiền Thanh trả lời: “Đó là Phạm Lãi, Trương Hàn và Lục Quy Mông”.

Lại hỏi: “Ba vị đó nổi tiếng về cái gì?”

Tiền Thanh trả lời rành rẽ. Sau đó, Tiền Thanh lại cố ý nói chuyện này chuyện khác, thuyết cổ luận kim, khiến ông thầy phải luôn miệng ngợi khen: “Kỳ tài! Kỳ tài!”.

Cao Tán thấy vậy mừng rỡ khôn cùng, vung chân múa tay, lập tức bảo gia nhân bày tiệc rượu mời Tiền Thanh.

Tiệc xong, Tiền Thanh và Vưu Thần đứng dậy cáo từ, Cao Tán cố lưu giữ, hai người này nhất quyết xin đi.

Cao Tán kéo Vưu Thần tới cạnh nói: “Tiểu quan nhân họ Nhan thật là tài mạo song toàn, nếu như ông giúp thành toàn được cuộc hôn nhân này thì thực là muôn phần cảm tạ”. Vưu Thần nói: “Tôi nhất định gắng hết sức”.

Tiền Thanh và Vưu Thần về đến nhà họ Nhan Nhan Tuấn nghe nói việc cầu hôn đã thành thì vui mừng khôn xiết bèn quyết định đến ngày mồng ba tháng chạp sẽ làm đám cưới.

Ngày qua tháng lại, thấm thoát đã tới gần ngày. Ở vùng Giang Nam thường khi lấy vợ không làm lễ đón dâu mà là nhà gái tự đưa cô dâu tới nhà trai. Nhưng lần này vì Cao Tán chọn được rể tài nên nói rộng khắp nơi, đòi chú rể phải đến tận nhà đón dâu. Điều này khiến Nhan Tuấn lo cuống quýt, chẳng biết làm sao, chỉ đành lại nhờ Tiền Thanh đi đón dâu giúp mình.

Sáng sớm mồng ba tháng chạp, gần mười chiếc thuyền nhẹ băng băng tiến về phía núi Tây.

Đến nơi, trời đã về chiều, nhà họ Cao bày tiệc lớn, khách khứa đầy nhà, ai trông thấy Tiền Thanh cũng đều khen ngợi. Tiền Thanh cũng thấy thích thích, vui vẻ hưởng thụ rượu ngon nhắm tốt. Nhưng chàng ta chợt nghĩ đến

bản thân mình không biết đến bao giờ mới có được phúc phận này, thế là thần sắc ỉu xiu ngay xuống. Rượu được ba tuần, Tiền Thanh muốn về, song Cao Tán cương quyết giữ lại, mãi cho đến canh năm mới cho chàng ta chuẩn bị thuyền lên đường. Lúc này mặt hồ nổi gió, sóng rất lớn, thuyền không đi được, Cao Tán không biết làm sao. Trong đám khách, có một ông già nói: “Thôi, chi bằng cho thành thân ngay tại đây vậy!” Cao Tán nghe nói cả mừng, lập tức sai người sắp xếp việc động phòng hoa chúc.

Tiền Thanh thấy sự việc không hay, vội vàng thoái thác. Cao Tán đương nhiên là không chịu.

Ngày hôm sau, ăn cơm xong, hai người, chú rể, cô dâu sửa soạn để đăng đường làm lễ cưới.

Rồi liền ba ngày, gió vẫn lớn, hồ vẫn dậy sóng, không thể đi thuyền được. Tiền Thanh phải ở lại nhà Cao Tán ba ngày. Đến ngày thứ tư mới lên đường. Trong ba đêm ấy, chàng ta ở cùng phòng với cô dâu, song vẫn để nguyên quần áo để ngủ.

Chàng Nhan Tuấn ở nhà đợi ba ngày, lòng dạ cứ như lửa đốt. Đến trưa ngày thứ tư, gia nhân tới báo là cô dâu đã về, chàng ta mới trút được mối lo. Nhưng đến khi nghe nói Tiền Thanh và cô dâu đã tiến hành hôn lễ rồi thì nhẩy chồm lên giận dữ.

Tiền Thanh để Vưu Thần ngồi cùng Cao Tán, còn mình thì nhảy lên bờ trước. Vừa thấy Nhan Tuấn, chàng ta liền cười hì hì vái chào rồi kể rõ đầu đuôi mọi chuyện. Nào ngờ, Nhan Tuấn tóm luôn lấy tóc Tiền Thanh đâm đá túi bụi.

Người trên thuyền thấy chú rể bị một tên mặt mũi xấu xí đánh đau quá, đều lên tiếng khuyên can, song khuyên can sao nổi. Cao Tán hỏi nguyên do mới biết rõ sự tình, ông ta không nén được lửa giận bèn tóm lấy Vưu Thần đánh luôn. Những người nhà họ Cao đi đưa dâu thấy vậy bức quá xúm vào đánh thẳng cha xấu xí kia. Bọn đầy tớ nhà họ Nhan bảo vệ cho chủ, thế là đánh lộn với nhà họ Cao. Người vây xung quanh xem đông nghịt, tắc cả đường đi.

Vừa hay, lúc đó quan tri huyện địa phương đi qua thấy vậy, bèn đưa tất cả về công đường thẩm vấn. Sau khi biết rõ đầu đuôi sự tình, quan huyện

thấy Tiền Thanh tuổi trẻ thanh tú, đọc sách nhiều, biết lễ nghĩa, lại là người thật thà trung hậu, bèn xử cho cô dâu thuộc về chàng ta. Nhan Tuấn tức mà không dám nói gì, ôm đầu lủi mất, đến mấy tháng trời cũng không dám thò mặt ra ngoài.

Cao Tán nghe nói Tiền Thanh đã mất cả cha mẹ, thấy xót thương, bèn đón về nhà mình lo cho ăn học.

Về sau, Tiền Thanh được thành đạt nổi tiếng, hai vợ chồng vui sống với nhau cho đến hết tuổi già.

Tháp Lôi Phong

(Tam ngôn)

Năm Triệu Hưng đời **Nam Tống**, ở phủ Lâm An, Hàng Châu, có chàng tn gọi Hứa Tuyên, tuổi mới 22, cha mẹ mất sớm sống cùng chị gái và anh rể.

Một hôm, Hứa Tuyên đi chơi ở Tây Hồ, trời bỗng đổ mưa, chàng ta không mang theo dù, bèn gọi một chiếc thuyền để trở về trong thành. Vừa đi được mấy chục thước, trên bờ có người gọi xin đáp thuyền. Hứa Tuyên nhìn thấy một cô gái mặc áo trắng, cùng với một a hoàn mặc áo xanh đang đứng trong mưa, bèn bảo ông già Trương A quay thuyền lại cho họ lên.

Cô gái áo trắng lên thuyền, ngồi yên một chỗ, rồi cứ đắm đắm nhìn Hứa Tuyên mãi, rồi lại chủ động hỏi tên và chỗ ở của chàng ta. Thấy người đẹp như hoa như ngọc, Hứa Tuyên hơi xúc động, chẳng cần giấu diếm, kể hết sự tình. Cô gái mới nói mình họ Bạch, nhà ở chỗ bến sông phường Song Trà, chồng đã mất, hôm nay cô đi thăm mộ chồng.

Vào đến thành, xuống khỏi thuyền trời vẫn mưa, Hứa Tuyên đến nhà người quen mượn một cái dù. Vừa đi được mấy bước, thấy có tiếng người gọi sau lưng, quay lại nhìn thì lại thấy cô gái vừa mới đi cùng thuyền, cô ta đang đứng trú mưa dưới một mái hiên. Hứa Tuyên đưa cho cô mượn cây dù và nói rằng thế nào ngày mai cũng đến lấy lại.

Ngày hôm sau, Hứa Tuyên đến chỗ bến sông phường Sông Trà, hỏi thăm mãi, chẳng có ai biết cô gái nào họ Bạch cả. Đang thì phân vân, chợt nhìn thấy đứa a hoàn của cô gái tên là Tiểu Thanh đang từ phía đông đi tới, bèn bước tới đón. Tiểu Thanh dẫn Hứa Tuyên đến một tòa nhà lầu rất sang trọng. Nàng Bạch thấy chàng tới, vội mở tiệc rượu khoản đãi.

Uống được ba ly, nàng Bạch mở lời trước: “Thưa quan nhân, trước mặt người chân thật không thể nói lời sai, thiếp đây đã chết chồng, chắc là có duyên phận kiếp trước với quan nhân nên vừa nhìn thấy mặt là hợp ý hợp

lòng, xin phiền quan nhân hãy tìm người mai mối để thiếp được cùng chàng kết chuyện trăm năm”.

Hứa Tuyên vô cùng mừng rỡ, song lại không có tiền làm đám cưới nên ngồi trầm ngâm không trả lời lại. Nàng Bạch hiểu rõ tâm tư của chàng, bèn bảo Tiểu Thanh lấy ra một đỉnh bạc trắng xóa nặng 50 lượng, tự tay đưa cho Hứa Tuyên. Hứa Tuyên nhận lấy rồi cáo từ ra v

Hôm sau Hứa Tuyên đưa đỉnh bạc cho chị gái, nhờ chị và anh rể lo giúp việc cưới vợ. Bà chị nghe nói mừng lắm, tối đến nói với chồng. Người chồng cầm lấy đỉnh bạc, xem ký hiệu bên trên, bỗng thất sắc sợ hãi. Thì ra là mấy hôm trước ngân khố của triều đình bỗng dưng mất 50 đỉnh bạc lớn. Phủ Lâm An bèn ra thông cáo, rằng ai bắt được kẻ trộm bạc sẽ thưởng 50 lượng. Nhà nào biết mà không báo, hoặc che giấu sẽ bị sung quân cả nhà. Nay thấy ký hiệu trên đỉnh bạc của Hứa Tuyên hoàn toàn giống như trên thông cáo. Người anh rể sợ cả nhà bị họa bèn mang ngay đỉnh bạc đến trình với phủ Lâm An.

Sau khi bị bắt đến phủ quan, Hứa Tuyên kêu oan, nói rằng bạc đó là do nàng Bạch cho. Nhưng khi sai nha áp giải anh ta đến bến sông phường Song Trà thì chẳng thấy nàng Bạch và a hoàn Tiểu Thanh đâu cả, chỉ có một đồng bạc chôn trên giường, đếm được tất cả 49 đỉnh. Thế là Hứa Tuyên bị phát phối đi Trấn Giang làm khổ sai ở doanh Lao Thành.

Đến Trấn Giang, anh rể dò hỏi khắp nơi, tìm được cho Hứa Tuyên một người bảo lãnh, xin cho anh ta ra khỏi Lao Thành đến ở nhà một người bà con.

Được ít lâu, nàng Bạch và Tiểu Thanh cũng tìm tới. Nhìn thấy họ Hứa Tuyên nổi giận định đuổi đi. Song nghe những lời ngon ngọt của nàng Bạch, chàng ta chuyển giận thành vui, lại giữ họ ở lại. Sau đó không lâu, Hứa Tuyên cùng nàng Bạch bái đường kết hôn. Hai người ân ái mặn nồng, sống rất hạnh phúc.

Một hôm, có một vị hòa thượng mang sổ hóa duyên tới nói: “Bản tăng là hòa thượng ở chùa Kim Sơn, ngày mừng bảy tháng bảy này là sinh nhật đức Long Vương, xin mời thí chủ đến chùa thắp nhang, bố thí chút tiền hương khói”. Hứa Tuyên nhận lời.

Đến ngày mừng bảy tháng bảy, chàng ta định đi thắp hương, nàng Bạch nói: “Thứ nhất không được tới chỗ phương trượng, thứ hai không được tới chỗ hòa thượng, thứ ba đi rồi phải về, nếu về muộn là thiếp tới tìm đấy”.

Hứa Tuyên nghe theo hết, thay áo giầy mới rồi đi. Đến chùa Kim Sơn, việc đầu tiên là vào điện Long Vương thắp hương sau đó đi quanh chùa một vòng. Lúc đi đến trước cửa phương trượng, chợt nhớ tới lời vợ dặn bèn đứng lại không bước vào nữa. Người cùng đi nói: “Không sao đâu, cứ vào nhưng không nói là được”. Hứa Tuyên bèn bước vào, đi xem một lượt rồi ra. Hòa thượng Pháp Hải ở trong phương trượng nhìn thấy Hứa Tuyên đi qua, lập tức sai người gọi lại, nhưng người đó tìm khắp nơi rồi trở lại nói: “Không biết anh ta đi đâu rồi, không thấy”.

Hòa thượng bèn cầm thiền trượng chạy ra khỏi chùa để tìm. Lúc này Hứa Tuyên đang cùng mọi người ở bến sông, đợi thuyền về nhà. Chợt thấy giữa sông sóng cuộn nổi lên, có một chiếc thuyền lướt tới như bay. Hứa Tuyên nhìn thấy trên thuyền chỉ có hai người đó là nàng Bạch và Tiểu Thanh.

Đến bờ, nàng Bạch bảo Hứa Tuyên mau mau lên thuyền. Đúng lúc đó, nghe phía sau có tiếng hét: “Yêu nghiệt! Mi chạy đi đâu? Lão tăng này vì mi mà đến đây!”

Nàng Bạch vừa nhìn thấy Hòa thượng Pháp Hải đuổi tới, bèn cùng Tiểu Thanh lật úp thuyền xuống đáy nước. Hứa Tuyên quay lại vái lạy hòa thượng nói “Xin đại sư hãy cứu cái mạng nhỏ này của đệ tử!”

Hòa thượng hỏi: “Sao ngươi lại gặp mẹ đàn bà này?” Hứa Tuyên kể lại đầu đuôi, Pháp Hải nói: “Mẹ đàn bà này là yêu quái, ngươi nên về Hàng Châu mau. Nếu mẹ ta còn trở lại quấy nhiễu, ngươi hãy đến chùa Tịnh Từ tìm ta!”

Hứa Tuyên bái tạ rồi trở về nhà, thấy nàng Bạch và Tiểu Thanh đều biến mất, bấy giờ mới rõ bọn chúng là yêu tinh.

Hai tháng sau, triều đình đại xá cho thiên hạ. Hứa Tuyên được về Hàng Châu, thấy chị gái và anh rể. Anh rể trách: “Cậu khinh người quá đấy, đi ra ngoài lấy vợ sao không gửi một lá thư báo cho vợ chồng tôi biết. Sao mà bất nhân bất nghĩa như vậy?”

Hứa Tuyên nói “Em đâu lấy vợ”. Anh rẻ nói: “Hai hôm trước có một cô gái dẫn một a hoàn đến tìm tôi, nói là vợ của cậu”. Nói xong gọi hai người đó ra

Hứa Tuyên nhìn thấy đúng là nàng Bạch và Tiểu Thanh, kinh hãi trợn mắt đứng sững. Rồi cũng chẳng biết làm thế nào chỉ đành giữ họ lại. Đến tối Hứa Tuyên không dám ở cùng với nàng Bạch, trong bụng hoang mang, bèn quỳ xuống trước mặt nàng ta mà xin rằng: “Chẳng biết nàng là thần hay là quỷ, xin hãy tha cho cái mạng tôi!” Nàng Bạch trừng mắt nói: “Tôi với anh vợ chồng sống vui vẻ, anh lại đi nghe lời nói vu vơ của người khác. Bây giờ tôi nói thật, nếu anh chịu nghe lời tôi mà sống vui vẻ thì không sao, nhưng anh mà có hai lòng thì tôi sẽ làm cho cả cái thành này hóa thành máu hết, mọi người sẽ chết hết”.

Hứa Tuyên nghe xong, sợ hãi hết hồn, vội im thin thít chẳng dám nói năng gì. Ngay ngày hôm sau, anh ta nhớ tới lời nói của hòa thượng Pháp Hải ở chùa Kim Sơn, bèn đi tới chùa Tịnh Từ để tìm, nhưng hòa thượng ở chùa nói Pháp Hải chưa hề tới đó bao giờ. Hứa Tuyên không biết làm thế nào, mới đi tới bên hồ, rồi lo lắng quá định nhảy xuống nước tự tử. Đúng lúc đó, nghe thấy đằng sau có người nói: “Trang nam nhi mà sao lại coi nhẹ mạng sống thế?”

Quay lại nhìn thì đúng là Pháp Hải hòa thượng, bèn quỳ ngay xuống nói “Xin đại sư hãy cứu mạng cho đệ tử”. Pháp Hải hỏi: “Con yêu nghiệt đó hiện đang ở đâu?”. Hứa Tuyên bèn đem chuyện từ sau khi về Hàng Châu kể hết một lượt.

Hòa thượng lấy trong tay áo ra một cái bát, đưa cho Hứa Tuyên rồi bảo: “Người hãy về nhà, đừng cho người đàn bà đó biết, hãy lừa chụp cái này lên đầu nó rồi giữ chặt đừng có nói lỏng tay.”

Hứa Tuyên về đến nhà, nàng Bạch đang ngồi chửi lảm bảm: “Không biết đứa nào xúi giục chồng tao gây chuyện oan gia, tao mà hỏi ra được sẽ tính với nó”.

Hứa Tuyên nhân lúc ả ta không chú ý, lén đi đằng sau tới chụp ngay cái bát lên đầu ả rồi ra sức đè chặt xuống. ả ta lập tức biến mất, nhưng Hứa Tuyên vẫn đè chặt tay, chỉ thấy có tiếng nói dưới cái bát: “Vợ chồng chung

sống với nhau hàng mấy năm trời, sao chàng không có chút tình nào như vậy? Mau nói tay ra đi!”

Hứa Tuyên không biết nên làm thế nào thì hòa thượng tới. Chỉ thấy miệng ông niệm lăm bầm, niệm xong ông mở cái bát ra, thấy nàng Bạch người co rút lại bé tí chỉ mấy tác đang nằm phục dưới đất.

Hòa thượng Pháp Hải quát: “Mi là yêu nghiệt gì mà dám đến đây quấy nhiễu người?” Ả kia nói: “Thiếp là một con mãng xà lớn, nằm yên ở Tây Hồ, nhân gặp được Hứa Tuyên, thấy yêu mến chàng nên đã mạo phạm tội trời”.

Pháp Hải lại hỏi: “Thế Tiểu Thanh là yêu quái gì?”. “Tiểu Thanh là một con cá xanh ở hồ, một lần gặp nhau, thiếp kéo đi làm bạn”.

Pháp Hải nói: “Nghĩ mi tu luyện ngàn năm nên tha cho mi khỏi chết, nhưng hãy mau hiện rõ bản tướng!”

Ả ta không chịu, Pháp Hải nổi giận bèn niệm thần chú: “Yết đế, Yết đế, mau cùng ta bắt yêu quái cá xanh và bạch xà hiện hình để ta xử lý!”

Bên ngoài lập tức nổi lên một trận cuồng phong, rồi nghe rào rào, rào rào, từ trên không trung rơi xuống một con cá xanh dài hơn một trượng, quẫy đập dưới đất mấy cái rồi rút lại thành con cá xanh nhỏ. Lại thấy ả Bạch cũng hiện nguyên hình thành một con rắn trắng dài ba thước, đầu vẫn cứ ngẩng nhìn về phía Hứa Tuyên.

Hòa thượng Pháp Hải bỏ chúng vào trong bát, xé một mảnh cà sa, bịt miệng bát lại rồi đặt trước chùa Lôi Phong, bảo mọi người chuyên gạch đá đến đắp lên thành một cái tháp để chót chặt không cho yêu quái xuất thế nữa. Hứa Tuyên xin ở lại chùa tu tập, rồi đi quyên tiền dựng tòa tháp thành bảy tầng. Đó là tháp Lôi Phong nổi tiếng.

Ngàn dặm đưa đường" align="justify">

Vua Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dã khi còn trẻ rất thích kết giao với các hào kiệt trong thiên hạ, được mọi người quý mến gọi là Triệu Công tử.

Triệu Công tử dng mãnh hơn người, sức khỏe vô song, nhưng tính tình thì nóng nảy, luôn luôn gây họa hoạn. Có một lần, chàng ta giết chết người ở Biện Kinh xong, chạy tới phủ Thái Nguyên nương cậy ông chú là Triệu Cảnh Thanh. Lúc này Triệu Cảnh Thanh đi tu, cai quản đền Thanh Du, nên cho Triệu Công tử ở lại ngay trong đền.

Công tử sống nhàn nhã vô sự, bèn đi dạo quanh xem. Nơi này thật là lớn, nhiều tòa lầu điện san sát. Công tử vừa ngắm vừa trầm trồ khen, rồi tới trước một tòa điện nhỏ gọi là “Giáng ma bảo điện”. Nhìn ngắm trước sau một lượt, đang định đi sang nơi khác thì bỗng nghe từ trong văng ra tiếng khóc sụt sịt của phụ nữ. Chàng ta nghĩ bụng: “Thì ra chú mình chẳng phải người tốt, lại giấu đàn bà con gái làm chuyện bậy đây!” Thế là hăm hăm chạy đi tìm Triệu Cảnh Thanh. Vừa thấy mặt là gào lên ngay: “Chú đi tu ở đây mà sao lại làm cái chuyện như vậy chứ?”

Triệu Cảnh Thanh nghĩ ra, mới vội vàng xua tay nói: “Cháu chó có để ý chuyện trời ơi làm gì!”

Triệu Công Tử cáu quá, la lớn lên: “Người xuất gia là phải sống thanh tịnh vô vị, không nhiễm bụi trần, sao chú lại nhốt đàn bà ở đây để họ khóc lóc như vậy? Chú hãy tự xét lương tâm mình, nói cho rõ ra xem. Nếu cứ che che dấu dấu thì đừng có trách thằng cháu này lật mặt tuyệt tình!”.

Triệu Cảnh Thanh thấy cháu cáu giận như vậy, bèn phải nói rõ đầu đuôi câu chuyện. Thì ra người đàn bà đó tên gọi Triệu Kinh Nương, nhà ở thôn Tiểu Dạng, huyện Giải Lương, vùng Bồ Châu, mới 17 tuổi. Nàng ta theo cha đi đến núi Hoàng Sơn cúng lễ, trên đường gặp hai tên cướp, một tên là Mạn Thiên Phi Trương Quảng, một tên là Trước Địa Cồn Chu Tiến. Thấy Kinh Nương xinh đẹp, chúng bắt lấy nàng, thả cho người cha đi. Chúng đưa nàng đến nhốt ở miếu sơ. Hai tên tranh nhau giành lấy Kinh Nương, không

tên nào chịu nhường. Chúng tranh cãi nhau ba ngày, cuối cùng, để tránh xung đột, chúng quyết định tạm thời đem gửi nàng ta vào cung điện Giáng ma trong đền Thanh Du, bắt các đạo sĩ ở đây phải trông nom cẩn thận, chúng sẽ đến nơi khác cướp một người đẹp nữa thành một đôi rồi cùng đồng thời cưới làm vợ, làm áp trại phu nhân. Bọn chúng đi đến nay đã một tháng rồi mà chưa về. Các đạo sĩ rất sợ chúng chỉ đành trông nom canh chừng cho chúng. Triệu công tử nghe xong, xin Triệu Cảnh Thanh lấy chìa khóa mở cửa điện thả Kinh Nương ra. Biết tính chàng ta nóng như lửa, Cảnh Thanh chỉ đành làm theo.

Công tử nhìn thấy Kinh Nương thì nói luôn: “Cô nương đừng có sợ, có Triệu mỗ ở đây, bảo đảm cô nương sẽ được trở về quê cũ, sẽ gặp được cha mẹ”.

Kinh Nương rơi nước mắt nói: “Đa tạ công tử có lòng tốt, cứu thiếp ra khỏi nơi miệt hùm. Nhưng nơi này cách xa quê thiếp hàng ngàn dặm, thiếp là đàn bà con gái, làm sao mà về được?”

Công tử nói: “Cứu người thì cứu đến cùng, ta sẽ chẳng ngại đường xa, sẽ đưa nàng về đến nơi”.

Triệu Cảnh Thanh đứng bên ngăn lại nói: “Cháu ơi, việc này không làm được đâu, bọn cướp đó ghê lắm, đến quan phủ còn chịu chúng nữa là. Cháu cứu nàng ta đưa đi, nếu chúng tới hỏi chủ đòi người thì chủ ăn nói thế nào? Chẳng phải sẽ liên lụy đến chủ sao?”

Công tử cười nói: “Mặt lớn đi đâu cũng được, gan bé một bước chẳng qua. Tên cướp này tuy ác nhưng nó cũng có hai cái tai, cũng đã nghe thấy tên cháu. Chủ là người tu hành, nếu chủ sợ, cháu sẽ để dấu vết lại đây để chủ trả lời hân”.

Dứt lời, chàng liền vung cây gậy lên đánh vào cửa điện, chỉ nghe ầm một tiếng, hai cánh cửa tung rời ra, khiến Kinh Nương sợ run cầm cập, đứng nấp chỗ xa. Triệu Cảnh Thanh cũng tái mặt, miệng lắp bắp: “Phải tội, phải tội!”

Sáng sớm ngày hôm sau, công tử dắt con ngựa quý Xích kỳ lân tới, đỡ Kinh Nương lên yên, rồi lưng đeo gươm tay cầm thiết bổng bắt đầu lên đ

Để người đi đường khỏi chú ý, công tử cải trang thành một lái buôn, Kinh Nương thành cô gái quê, hai người gọi nhau là huynh muội, đi đường cứ đói ăn, khát uống, ngày đi đêm nghỉ. Hôm đó, đi tới một nơi gọi là Hoàng Mao Điểm thì trời tối, hai người bèn tìm một nhà trọ nghỉ lại. Nào ngờ, nơi này cách chỗ sơn trại của hai tên cướp kia không xa. Chủ quán trọ cùng bọn với chúng. Tên này biết hai đại vương đang thiếu một mỹ nhân nên thấy Kinh Nương xinh đẹp bèn ngay đêm đó chạy tới báo với Chu Tiến. Chu Tiến lập tức mai phục ở khu rừng Xích Tùng cách nhà trọ không xa. Hắn định đợi để ra tay.

Ngày hôm sau, Triệu Công Tử và Kinh Nương vừa đi tới ven rừng, Chu Tiến bèn dẫn đầu bốn, năm chục tên lâu la ào tới vây lại. Công tử biết là gặp cướp, bèn vùng thiết bồng đánh nhau với Chu Tiến. được hơn 20 hiệp, Chu Tiến bị đánh ngã. Bọn lâu la thấy vậy đều hoảng loạn bỏ chạy. Công tử bồi thêm một bồng, kết liễu đời Chu Tiến.

Hai người tiếp tục lên đường, chẳng bao lâu, đến một thị trấn. Thấy đói bụng, họ tìm một quán cơm để ăn. Nhưng vào mấy quán đều thấy đang chuẩn bị tiệc rượu, không bán cho khách qua đường. Thấy lạ công tử tìm người hỏi thì biết rằng hôm nay Mãn Thiên Phi Đại vương sẽ qua đây nên các quán hàng đều phải chuẩn bị cơm rượu, nếu chiêu đãi không chu đáo sẽ gặp đại họa.

Công tử nghĩ bụng: “Thì ra là vậy. Nhất định mình phải giết tên Mãn Thiên Phi này đi để triệt bỏ cái họa cho đền Thanh Du!”

Lúc đó, bỗng nghe tiếng hô: “Đại vương đến rồi!” Chỉ thấy tên Mãn Thiên Phi Trương Quảng Nhi cười trên một con tuấn mã cao to, đằng sau có hai ba chục tên lâu la, đang từ xa đi tới. Triệu Công tử nấp vào một bên, đợi cho Trương Quảng Nhi đến gần bèn hét lớn: “Cường đạo kia, hãy nhìn ngọn bồng đây!”

Con ngựa của Trương Quảng Nhi kinh hãi nhảy chồm về phía trước, bị một cú thiết bồng gãy ngay cẳng trước. Con ngựa bị thương phục xuống, Trương Quảng Nhi nhảy khỏi ngựa hai tay múa song đao tiến tới đánh Công tử. Được một lúc, cây đao của Trương Quảng Nhi vừa chặt xuống, thiết bồng của Triệu Công Tử đánh trúng ngón tay, thanh đao bay luôn. Hắn

khiếp kinh vội lùi lại bỏ chạy. Công tử tt: “Biệt hiệu của mi là Mãn Thiên Phi, hôm nay cho mày bay lên trời luôn!”, rồi tiến lên một bước giơ bông bỏ thẳng xuống đầu hắn, Mãn Thiên Phi nát thân luôn.

Bọn lâu la thấy Mãn Thiên Phi đã chết bèn nhất tề sụp xuống vái lạy, xin Công tử hãy làm trại chủ của chúng. Công tử không chịu, đem tài sản của Mãn Thiên Phi phân phát hết cho nhân dân trong trấn, rồi lại đưa Kinh Nương lên đường.

Mấy ngày sau, họ đến Bồ Châu. Kinh Nương ngồi trên ngựa nhìn thấy cảnh vật quê hương, lòng vừa vui vừa buồn.

Lại nói cha của Kinh Nương là Triệu Viên Ngoại từ khi mất con gái, về nhà cùng với vợ khóc lóc mãi không nguôi. Bỗng hôm đó có người tới báo rằng Kinh Nương đang cưỡi ngựa trở về, đi sau là một vị tay cầm thiết bông.

Triệu Viên Ngoại nói: “Chết rồi! bọn cướp đó tới đòi hồi môn!”

Bà vợ nói: “Lẽ nào bọn chúng chỉ có một tên! Hay cứ bảo con trai ra xem sao”.

Con trai là Triệu Văn nói: “Đời nào có chuyện hổ dữ nhả thịt trả lại! Em con đã bị chúng bắt đời nào chúng trả lại nữa! Chắc là trông giống nhau thôi chứ không phải là em con”.

Đang người nói qua kẻ nói lại thì Kinh Nương đã bước vào cửa. Cha mẹ thấy con gái bèn ôm lấy khóc òa. Khóc xong Kinh Nương đem đầu đuôi chuyện mình bị nhốt trong đền Thanh Du rồi được Triệu Công tử cứu ra đưa về nhà thế nào kể hết một lượt. Triệu Viên Ngoại vội vàng mời Triệu Công tử vào, gọi cả nhà lại lạy tạ ân nhân, rồi sai giết lợn, mổ dê khoản đãi Công tử.

Tiệc bày xong, Triệu Viên Ngoại mời Công tử ngồi lên ghế trên. Uống được mấy tuần rượu, ông bắt đầu nói: “Lão già này có một điều xin thưa: Con gái lão mà sống được là nhờ có ân nhân, cả nhà lão đều rất cảm tạ, không sao có thể báo đáp được ơn này. Nhưng may mà con gái lão còn chưa gả cho ai, lão muốn được dâng tặng ân nhân, xin ân nhân đừng từ chối!”

Công tử nghe nói vậy thì dùng dằng nổi giận, lớn tiếng quát: “Lão thất phu kia! Ta làm việc vì nghĩa khí mà ngươi lại nói với ta những lời làm

nhục ta. Nếu ta là kẻ tham luyến nữ sắc thì trên đường đi thì ta đã lấy nàng rồi, hà tất phải đi hàng ngàn dặm mà đưa nàng về đây. Lão như vậy là không biết gì cả, uổng cả tấm nhiệt tình của ta”. Nói xong lật đật bàn tiệc rượu bước thẳng ra ngoài. Kinh Nương sợ hãi vội nín áo Công tử lại nói: “Xin ân nhân bớt giận! Xin nể tình em gái!”

Công tử đâu có chịu nghe, lập tức dứt khỏi Kinh Nương, đi tới chỗ cây liễu, cởi dây buộc con Xích kỳ lân rồi nhảy lên lưng phi đi như bay.

Về sau, Triệu Công tử đánh đông dẹp bắc rồi lên làm vua. Nghĩ đến tình anh em với Kinh Nương, ngài sai người đến Bồ Châu hỏi tin tức. Khi được tin Kinh Nương đã chết từ lâu, ngài vô cùng buồn bã, bèn hạ chỉ phong cho Kinh Nương là “Trinh nghĩa phu nhân”, lại cho dựng ở thôn Tiểu Dạng một ngôi miếu cho Kinh Nương, cho đến nay vẫn được thờ cúng.

Bách niên trường hận

(Tam ngôn)

Thời nhà Minh, ở Nam Dương tỉnh Hà Nam có viên quan Thiên Hộ tên gọi Vương Trung, tuổi đã 60 mà chỉ có một người con gái tên Kiều Loan mới 18 tuổi. Kiều Loan từ nhỏ đã lâu thuộc Thi, Thư, hạ bút thành văn, cha mẹ vô cùng yêu quý.

Một hôm, vào tiết Thanh minh, Kiều Loan cùng với bà dì họ Tào và con hầu Minh Hà chơi đánh đu ở vườn hoa sau nhà. Đang vui, chợt nhìn thấy chỗ tường bao quanh bị hồng có một thư sinh tuần tú mặc áo tím đang ngó nhìn vào phía này và đang háng liên tKiều Loan then đỏ bừng mặt, vội đẩy lưng dì Tào để quay về khuê phòng.

Chàng thư sinh thấy trong vườn không có ai, bèn nhảy qua tường vào, thấy cái đu hầy còn đó, xung quanh còn phảng phất hương thơm của người đẹp. Chàng đứng ngẩn người một lúc, chợt thấy có một cái gì trong cỏ, bèn nhặt lên xem, thì ra là một chiếc khăn lụa thêu.

Đúng lúc đó, nghe có tiếng người từ trong nhà đi ra, chàng vội nhảy tường ra nhưng vẫn đứng lại chỗ tường hồng để dòm vào. Thì ra con hầu Minh Hà ra tìm chiếc khăn đánh rơi. Thư sinh thấy nó tìm ngược xuôi, vòng quanh mấy vòng, có vẻ thất vọng, bèn mỉm cười nói: “Cô gái ơi, cái khăn lụa đã bị tôi nhặt rồi, còn tìm gì nữa?”

Minh Hà ngẩng nhìn, thấy vẫn là chàng thư sinh đó, bèn bước lại đòi. Nhưng chàng ta không chịu trả, lại còn nhờ Minh Hà chuyển cho tiểu thư một phong thư. Minh Hà chẳng còn cách nào, đành cầm thư đưa cho Kiều Loan.

Nhìn thấy phong thơ, Kiều Loan đã có phần mừng lòng, bèn bóc ra xem, thì thấy một bài thất ngôn tuyệt cú, nói lên tình cảm hâm mộ mình. Đọc xong nàng bèn làm một bài thất ngôn luật thi để đáp lại, nói rằng mình xuất thân con nhà danh giá, giữ thân như ngọc, khuyên chàng ta đừng có nghĩ chuyện gì phi danh phận.

Minh Hà cầm thư đến vườn hoa, chàng thư sinh vẫn còn đứng đợi ngoài tường. Đọc thư xong, chàng càng cảm thấy mến mộ cô gái tài sắc này và quyết tâm phải lấy được nàng. Thế là chàng lại làm một bài thất tuyệt, nói rằng mình với tiểu thư thật là có duyên với nhau, rồi kể nỗi khổ sở cô đơn của kẻ sống tha hương thế nào.

Minh Hà nói: “Cậu không trả lại cái khăn, chỉ lo gửi thơ với phú, tôi không đưa đâu”.

Chàng thư sinh tên Đình Chương này mới rút từ trong tay áo ra một cái trâm vàng và nói: “Vật nhỏ bé này xin tặng cho cô nương để tỏ lòng kính trọng, xin cô nương hãy nói tốt cho tôi trước mặt tiểu thư”.

Kiều Loan đọc xong trông vẻ buồn buồn. Minh Hà hỏi: “Trong thư có câu gì xúc phạm đến tiểu thư chẳng?”. Kiều Loan nói: “Anh chàng này khinh bạc quá, toàn viết những lời chọc ghẹo”.

Minh Hà nói: “Sao tiểu thư không làm một bài thơ mắng cho một trận để chàng ta dẹp cái chuyện đó đi?”

Kiều Loan nói: “Tuổi trẻ lòng thực, không nên mắng làm gì, chỉ cần lựa lời khuyên chàng ta là được rồi”. Liền làm ngay bài thơ bát cú, khuyên thư sinh hãy bỏ tà ý đi mà nên dốc lòng học tập thi thư.

Từ đó, hai người cứ kẻ xướng người họa, làm thơ gửi cho nhau liên tục, dần dần thành thân thiết.

Một lần, thư của thư sinh bị dì Tào biết được. Dì Tào bèn bảo: “Dì biết chàng này là tú tài ở Giang Nam, họ Chu tên Đình Chương, người huyện Ngô Giang phủ Tô Châu. Cha chàng ta làm quan coi việc học ở vùng này, hiện ở gần đây thôi. Dì thấy hai bên cũng xứng với nhau, sao không bảo họ tìm mối nhân duyên đến cầu thân, để thành mối nhân duyên trăm năm chồng vợ, như vậy chẳng hay lắm sao?”

Kiều Loan gật đầu nghe theo. Nàng trang điểm xong, cầm bút viết ngay một bài thơ, ý bảo Đình Chương hãy tìm người làm mối tới cầu hôn.

Đình Chương nhận được bài thơ bèn năn nỉ xin người bạn thân của cha mình là Triệu Học Cứu đến Vương phủ làm việc đó.

Vương Thiên Hộ cũng rất ưng tài mạo của chàng họ Chu, song Kiều Loan là con gái yêu, rất tinh thông chữ nghĩa văn thơ, mà mình thì đã già

rồi, mọi công việc văn thư đều nhờ cậy vào nó giúp đỡ, không thể thiếu nó được, vì vậy, không muốn gả đi xa. Thế nên ông cứ phân vân mãi, chưa thể bằng lòng được.

Đình Chương biết việc cầu hôn không thành, trong lòng buồn bã, bèn viết thư cho Kiều Loan xin gặp một lần. Kiều Loan hồi thư từ chối, lại kèm theo một bài thơ, hai câu cuối như sau:< />

*Thử sinh đăn tác can huynh muội
Trực đắc lai sinh liễu thốn tâm.
(Anh em kết nghĩa kiếp này
Tắc lòng thỏa nguyện, vui vầy kiếp sau)*

Đình Chương đọc xong, bèn nảy ra một kế. Chàng trở về nói với cha rằng nhà học ở nơi này chật hẹp, lại quá huyên náo, nay nên mượn chỗ vườn sau của nhà họ Vương làm nơi đọc sách. Cha nàng đến nói với Vương Thiên Hộ, ông này thoải mái bằng lòng ngay. Đình Chương lại nói: “Tuy đã được ông Thiên Hộ bằng lòng, song chẳng phải bạn bè thân thuộc gì, cũng khó mà phiền người ta. Con nghĩ ta nên sắm một chút lễ, xin nhận Vương phu nhân làm cô, rồi cô cháu xưng hô với nhau, chẳng cần phải nói cũng hiểu”.

Một hôm Đình Chương ngầm xin gặp tiểu thư ở khuê phòng. Kiều Loan đưa mắt nhìn dì Tào, nói nhỏ: “Bà ấy giữ chìa khóa, chàng hãy tự đi mà lấy!”

Đình Chương biết nàng đã đồng ý. Hôm sau, chàng ta mang tới món quà rất hậu, nhờ Minh Hà đưa biếu dì Tào. Dì Tào hỏi Kiều Loan: “Chu công tử biếu dì quà lớn quá, để làm gì vậy?”

Kiều Loan nói: “Chàng ta trẻ người non dạ, để tránh chuyện thất lễ, nên muốn được dì bao bọc cho đầy mà”.

Dì Tào nói: “Chuyện riêng của hai cô cậu, tôi đều biết hết. Hai người cứ việc qua lại, tôi không nói ra đâu”.

Rồi đưa ngay chìa khóa cho Minh Hà. Kiều Loan mừng quá viết ngay một bài thơ, mời Đình Chương đến tối tới khuê phòng tương ngộ

Nhận được bài thơ, Đình Chương vô cùng vui sướng. Đến tối, chàng ta hớn hờ đi tới khuê phòng. Kiều Loan sai Minh Hà mời dì Tào tới, xin dì

làm bà mối, rồi viết bốn tờ hôn ước: một tờ đốt cúng trời đất, quỷ thần để chứng giám, một tờ giao cho dì Tào để làm tin môi giới, còn hai người mỗi người giữ một tờ. Trong hôn ước có nói rõ: nếu nữ phụ nam sẽ bị sấm sét đánh chết, nếu nam phụ nữ sẽ bị tên bắn tan thân.

Từ đó, hai người liên tục qua lại với nhau, tình cảm ngày càng sâu nặng. Thấm thoát đã được hơn nửa năm. Ông Chu miễn nhiệm việc coi nhà học, được thăng làm Lệnh Doãn huyện Nga My tỉnh Tứ Xuyên. Đình Chương lưu luyến với Kiều Loan, không chịu đi cùng. Chàng ta nói rằng phải ở lại học tiếp rồi tiễn cha lên đường. Kiều Loan thấy chàng đa tình như vậy, càng thêm yêu thương.

Lại qua nửa năm nữa, Đình Chương được tin cha ở Tứ Xuyên do không hợp khí hậu nên cáo bệnh về quê, bèn muốn về để thăm cha mẹ. Song chàng ta không nỡ rời xa Kiều Loan nên suốt ngày cứ âu sầu buồn bã, Kiều Loan biết được, bèn khuyên chàng hãy về hầu hạ song thân. Dì Tào cũng khuyên nên về thăm rõ với cha mẹ để sớm được cưới nàng, toại lòng ước nguyện. Đình Chương chỉ đành thu xếp hành lý, từ biệt rồi lên đường.

Về đến nhà ở Ngô Giang, cha mẹ vô cùng mừng rỡ. Vốn là ông Chu đã chọn cho Đình Chương một đám, đang định đón chàng về làm đám cưới. Mới đầu Đình Chương không bằng lòng, sau nghe nói cô gái đó cực kỳ xinh đẹp, của hồi môn lại nhiều, thế là quên luôn chuyện đính ước với Kiều Loan. Chỉ mấy ngày sau, tân nương được rước về, vợ chồng ân ái như cá với nước, chẳng còn nhớ Kiều Loan là ai nữa.

Lại nói đến Kiều Loan từ sau khi tiễn Đình Chương đi rồi thì ngày ngày mộng hôn vợ vẫn, thân hình tiêu hao. Đợi được đúng một năm, chẳng thấy tin tức gì của Đình Chương, nàng bèn nhờ người công sai thuận đường tới Ngô Giang chuyển hộ một phong thư. Nào ngờ sau đó vẫn biệt vô âm tín.

Thấm thoát thoi đưa, lại qua đi hai năm. Kiều Loan đoán chàng Chu đã đổi lòng rồi, song còn chưa dám chắc, bèn gọi gia nhân là Tôn Cửu đến, năn nỉ nhờ hắn đích thân đến Ngô Giang một chuyến xem thực hư thế nà

Tôn Cửu ngày đi đêm nghỉ, đến được Ngô Giang. Đình Chương vừa trông thấy Tôn Cửu là đỏ bừng mặt, cầm lấy phong thư bỏ vào tay áo rồi lĩnh vào nhà ngay, một lát sau mới sai thằng nhỏ ra nói: “Tướng công nhà

tôi lấy tiểu thư nhà khác đã được hai năm rồi. Còn Nam Dương thì xa quá, không đến nữa đâu. Chiếc khăn lụa và tờ hôn ước này nhờ anh đưa về trả lại cho tiểu thư Kiều Loan để nàng ta thôi đi”.

Tôn Cửu nổi giận, bước ra khỏi cửa rồi lớn tiếng chửi mắng: “Đồ bạc tình như mày thật không bằng loài cầm thú. Mày đã phụ tấm chân tình của tiểu thư Kiều Loan, ông trời sẽ không tha mày đâu!” Chửi rồi khóc òa lên, bỏ đi. Người đi đường đón hỏi vì sao, anh ta nhất nhất kể rõ hết. Từ đó, Chu Đình Chương chẳng còn được coi ra gì ở Ngô Giang nữa.

Tôn Cửu về đến Nam Dương, không nỡ gặp tiểu thư, chỉ vừa khóc vừa kể lại với Minh Hà. Minh Hà không dám giấu diếm, nói lại hết với Kiều Loan, Kiều Loan khóc suốt ba ngày ba đêm, cầm chiếc khăn lụa lên nhìn đi nhìn lại mãi, có ý muốn tự tận, nhưng rồi lại nghĩ: “Kiều Loan là ái nữ nhà danh gia, đẹp đẽ tài năng, nếu cứ lặng lẽ mà chết đi thì chẳng có lợi cho thằng cha bạc tình đó sao?”. Bèn làm 32 bài thơ tuyệt mệnh và một bài “Trường hận ca” gộp với cả các bài xướng họa trước đây đem gửi tất cả cho quan huyện Ngô Giang.

Rồi đêm ấy, nàng tắm gội, thay áo, đóng chặt cửa phòng lại, tự treo mình chết, năm đó tuổi vừa hai mươi mốt.

Lại nói quan huyện Ngô Giang tiếp được các bài thơ và tờ hôn ước của Kiều Loan, đọc đi đọc lại, thấy thương tiếc tài năng và rất giận kẻ bạc tình Chu Đình Chương. Ngày hôm sau, quan bèn cho bắt hẩn tới, dùng nghiêm hình trách phạt. Ít lâu sau, lại được biết Kiều Loan đã tự tận, bèn cho giải hẩn từ nhà giam lên công đường mà mắng rằng: “Người cột đũa con gái nhà quan, đó là một tội; người bỏ vợ này lấy vợ khác, đó là hai tội; người làm khổ khiến người phải chết, đó là ba tội. Trong hôn ước có nói: nếu người nam phụ người nữ, sẽ bị tên bắn tan thân. Nay ta sẽ không dùng tên bắn người, mà dùng gậy đánh chết người, để răn dạy cho những kẻ phụ người trong thiên hạ”.

Tận gậy đánh tới bờ, chỉ trong chốc lát Chu Đình Chương hóa thành đồng thít nát. Người trong thành ai cũng hả lòng.

Ông Chu được tin đó, khí uất lên mà chết. Người vợ của Chu Đình Chương về sau đi lấy người khác.

Mười lăm quan tiền

(Tam ngôn)

Thời Nam Tống, ở huyện Lâm An có một người tên gọi Lưu Quý, tự Quân Tiến. Nhà họ Lưu, các đời trước rất có căn cơ, nhưng đến đời Lưu Quý thì thời vận không còn nữa.

Lưu Quý có vợ là Vương Thị và một người thiếp là Trần Thị. Trần Thị là con gái ca Trần Mai Cao, trong nhà đều gọi nàng là chị Hai.

Một hôm, nhạc phụ của Lưu Quý là Vương Viên ngoại làm sinh nhật, Lưu Quý bèn cùng Vương Thị tới chúc thọ, lúc đi dặn dò chị Hai phải trông coi nhà cửa cho kỹ. Xong bữa sinh nhật, Vương Viên ngoại lấy ra mười lăm quan tiền cho Lưu Quý để làm vốn mở cửa hàng. Lưu Quý bèn đem số tiền đó về nhà trước, Vương Thị đợi chồng mở cửa hàng xong sẽ về sau.

Trên đường về nhà, Lưu Quý có uống chút rượu. Lúc anh ta loáng choáng say về đến nơi, ra sức gõ cửa mấy cái. Chị Hai đang ngủ gật nên chậm mở cửa, thấy Lưu Quý khoác một túi tiền, bèn hỏi: “Tiền ở đâu thế?”

Lưu Quý đang say rượu, lại bức bối vì chị Hai mở cửa chậm, nên cố ý nói: “Ta cầm nàng cho một khách lấy mười lăm quan tiền. Sau này ta kiếm được tiền sẽ chuộc nàng về, nếu không kiếm được thì thôi”

Nói xong anh ta cởi áo lên giường ngủ. Chị Hai trong lòng lo lắng, không biết anh ta cầm mình cho người như thế nào. Nàng ta định về ở nhà mẹ mấy ngày đã rồi sau sẽ tính. Nghĩ vậy, bèn thu xếp lấy một bọc để đem đi.

Chị Hai ra khỏi nhà chưa lâu thì có một tên kẻ cắp đi qua chỗ đó, thấy mở cửa, hần bèn lên vào. Nhìn thấy dưới chân Lưu Quý có một đồng tiền, hần bèn nhặt lấy mấy quan. Lưu Quý biết được, kêu toáng lên. Tên này cuống quýt bèn giơ cây rìu bổ xuống một nhát, Lưu Quý vật ngã xuống, không biết gì nữa. Tên trộm lại bổ thêm một nhát nữa rồi lấy hết tiền mang đi.

Ngày hôm sau, hàng xóm phát hiện xác của Lưu Quý, vô cùng kinh ngạc. Chu Tam Lão nói: “Tôi qua cô Hai tá túc ở nhà tôi, nói là ông Lưu đem cầm cô ta rồi. Bây giờ thì cô ta đang trên đường về nhà mẹ đấy”. Mọi người bèn bàn bạc: một là truy bắt cô ta về, hai là mau báo tin xấu này cho Vương Viên Ngoại và Vương Thị.

Lại nói Trần Thị ra đi từ sáng sớm, chưa được hai dặm đường đã đau chân quá không đi nổi, đành ngồi xuống bên đường nghỉ. Lúc đó, có một gã trẻ tuổi lưng khoác tay nải, từ đằng sau đi tới, thấy Trần Thị cũng xinh đẹp, gã bèn dừng lại hỏi: “Cô đi đâu đấy, tôi đi cùng cô một đoạn được không?” Trần Thị nói: “Tôi về nhà mẹ tôi ở Chử gia đường”. Gã đó nói: “Hay quá, ta sẽ đi cùng đường, nào đi thôi!” Trần Thị bằng lòng, đi cùng gã ta. Chưa được hai, ba dặm, đằng sau có hai người đuổi tới, một người là Chu Tam Lão. Họ bắt hai người này lại. Trần Thị hỏi: “Các ông làm gì thế?” Chu Tam Lão nói: “Không nói đông dài, mau theo ta quay về, ở nhà có chuyện chết người rồi”. Gã trẻ tuổi kia nói: “Nhà cô có chuyện, vậy thì tôi đi trước vậy”. “Không được, không được, cô ta đi cùng với anh, vậy anh cũng phải đi về cùng”. Gã này đành xem là mình gặp đen đui, theo họ trở lại.

Về đến nhà, Trần Thị trông thấy Lưu Quý bị chém chết còn nằm dưới đất. Mười lăm quan tiền mất sạch. Lúc này, Vương Viên ngoại và Vương Thị đã tới. Nhìn thấy Trần Thị, Vương Thị quát lên: “Sao mày lại dã tâm như vậy, mày đã lấy của còn hại người!” Trần Thị phân giải: “Chỉ là Lưu quan nhân nói đã đem tôi cầm đi lấy mười lăm quan tiền, tôi giận quá mới về nhà mẹ. Đêm qua tôi ngủ nhờ ở nhà Chu Tam Lão, tôi có biết gì chuyện Lưu quan nhân bị giết đâu”. Vương Thị nói: “Mày đừng có già mm! Nhất định là mày ngấm ngầm cấu kết với kẻ xấu, lấy hết tiền rồi trốn đi với nó”. Mọi người đều xôn xao nói đúng quá. Gã trẻ tuổi kia vội kêu oan: “Tiểu nhân tên là Thôi Ninh, không hề quen biết gì cô ta cả, chỉ là gặp nhau trên đường, thấy cô ta có một mình thì đi cùng thôi”.

Mọi người đâu có nghe lời gã nói, bèn giật cái tay nải xuống, tìm thấy bên trong có đúng mười lăm quan tiền.

Ngay lập tức, Vương Thị túm lấy Trần Thị, Vương Viên ngoại túm lấy Thôi Ninh, kéo cả lên phủ Lâm An. Một đám người làm chứng cũng đi

theo. Quan Phủ doãn nghe có án giết người bèn lập tức thẳng đường.

Quan lơ mơ xử án lơ mơ, Phủ doãn nghe Vương Thị và Vương Viên ngoại cùng mọi người nói năng có lý bèn tin ngay lời họ, lập tức xử Thôi Ninh và cô Hai này tội chết.

Vương Thị về nhà, đặt bàn thờ, bắt đầu cuộc sống thủ tiết với Lưu Quý. Chưa được một năm, Vương Viên ngoại thấy con mình sống một mình cực quá, bèn sai đầy tớ là ông già Vương tới đón về nhà mình.

Hai người đi được nửa đường, bỗng nghe tiếng hét: “Ta là Tĩnh Sơn đại vương đây, ai qua đường đều phải nộp tiền mãi lộ!” Lão Vương gio luôn đầu húc tới nói: “Tên cường đạo kia, tao sẽ chọi cái mạng già này với mi!” Tên kia tránh được, lão Vương húc hụt, ngã nhào xuống đất. Tên cướp nổi giận, chém liền hai nhát. Vương Thị thấy mình không thoát được, bèn nảy ra một kế, nàng ta vỗ tay reo lên: “Giết đáng lắm!” Tên cướp trợn tròn hai mắt giận dữ: “Lão ta là thế nào với mi?” Vương Thị giả bộ nói: “Thiếp không may bị chết chồng, rồi bị mù mới đánh lừa, lấy phải lão già này, nay ông giết lão chết, cũng xem như đã trừ được mối hại cho thiếp!”

Tên cướp thấy Vương Thị có vẻ cung kính, người cũng dễ coi, bèn hỏi: “Nàng có bằng lòng làm áp trại phu nhân của ta không?” Vương Thị đành phải bằng lòng.

Tĩnh Sơn đại vương, sau khi lấy được Vương Thị rồi, liên tiếp vớ được mấy món cướp nữa, gia cảnh dần dần khá lên. Vương Thị sớm tối khuyên hấn hãy hành thiện tích đức hấn cũng hồi tâm lại, không đi làm nghề cướp bóc nữa. Hấn thuê một chỗ, mở tiệm bán tạp hóa.

Một hôm, hấn nói với Vương Thị: “Trong đời tôi, tôi đã giết chết hai người. Một người là lão chồng già của nàng, một người là một năm trước đây, tôi đánh bạc thua, mò vào một nhà, giết chết người đó, lấy đi mười lăm quan tiền, về sau còn liên lụy đến người thiếp của anh ta và một anh chàng trẻ tuổi nữa”. Vương Thị nghe nói trong lòng thấy âm thầm đau khổ, thì ra chồng của mình là Lưu Quý đã bị chính tên này giết chết.

Sáng sớm ngày hôm sau, Vương Thị đến phủ Lâm An, đem đầu đuôi câu chuyện trình báo với quan Phủ doãn mới. Quan Phủ doãn mới lập tức

cho bắt Tĩnh Sơn đại vương, dùng hình tra khảo, quả nhiên đúng là sự thực như vậy.

Quan Phủ doãn mới bèn phán xử: Tĩnh Sơn đại vương bị tử hình, án thi hành ngay. Ông quan cũ xử án sai, bị tước chức làm dân thường. Vương Thị bị tên cướp ép buộc lấy hấn, song đã giải oan được cho chồng, sẽ tịch thu tài sản của tên cướp, một nửa sung công, một nửa cho Vương Thị.

Trên pháp trường, Tĩnh Sơn đại vương bị xử trảm. Vương Thị xách lấy đầu của hấn đem tế chồng, tế Trần Thị và Thôi Ninh. Sau nàg ta đem một nửa gia sản cúng vào am ni cô, còn mình thì sớm tối niệm Phật, tưởng nhớ các vong linh.

Độc chiếm hoa khôi

(Tam ngôn)

Thời Nam Tống, ở phía ngoài cửa Thanh Ba thành Lâm An, có một tiệm bán dầu, chủ tiệm là Chu Thập Lão. Ba năm trước, Chu Thập Lão có thuê một người làm công vốn lánh nạn từ Biện Kinh tới đã mấy năm, tên gọi

Tần Trọng là người có tài, Chu Thập Lão rất quý, nhận làm con nuôi và đổi tên là Chu Trọng. Chu Thập Lão còn có một người làm công việc kế toán, tên gọi Hình Quyền. Hình Quyền cùng với con hầu gái Lan Hoa dan díu với nhau. Chúng muốn đẩy Chu Trọng đi, nên trước mặt Chu Thập Lão hay nói xấu Chu Trọng. Cuối cùng Chu Thập Lão cũng tin lời và đuổi anh chàng con nuôi này ra khỏi nhà.

Bị đuổi, Chu Trọng bèn thuê một gian phòng ở cạnh cầu Chúng An rồi sắm một gánh dầu đi bán, cuộc sống cũng tạm đủ. Ít lâu sau, chàng ta đổi lại họ của mình rồi viết lên thùng dầu một mặt là chữ “Tần”, một mặt là hai chữ “Biện Lương”. Thế là trong thành Lâm An, mọi người đều gọi chàng ta là “Tần bán dầu”.

Một hôm vào tiết thanh minh, cảnh sắc rực rỡ, người đi như mắc cửi. Tần Trọng vừa đi đưa dầu đến chùa Chiêu Khánh ra, cảm thấy hơi mệt mỏi, bèn ngồi xuống một tảng đá nghỉ chân. Cạnh đấy có một căn nhà quay mặt ra phía hồ, bờ gài sơn màu vàng, phía trong có một bụi trúc nhỏ. Lúc đó, thấy có ba bốn chàng công tử từ trong đi ra, phía sau có một cô gái đưa tiễn. Cô gái đó rất xinh đẹp, dáng điệu thướt tha. Tần Trọng ngẩn ra nhìn, cô gái nhanh chóng quay vào nhà.

Chàng ta tiu ngưu, chợt thấy một người đàn bà đứng tuổi đi ra, nhìn thấy Tần Trọng bà ta gọi: “Này chú bán dầu”. Tần Trọng nói: “Hết dầu rồi, bà cần thì mai cháu mang lại”. Bà ta nhận ra chàng bán dầu nổi tiếng thật thà này, bèn nói: “Nhà ta ngày nào cũng dùng dầu, nếu chú có thể hàng ngày đưa tới thì tốt quá”. Tần Trọng nhận lời, bụng nghĩ: “Cô gái ấy không

biết là thế nào với nhà này, nếu hàng ngày được nhìn thấy nàng thì sung sướng quá”.

Tần Trọng bình thường không uống rượu, hôm nay không hiểu sao lại ngồi uống trong tửu quán. Chàng ta hỏi tửu bảo rằng căn nhà có bờ rào sơn màu vàng kia là nhà ai. Tửu bảo nói người ở trong nhà đó là nàng hoa khôi nổi tiếng ở thành Lâm An này, nếu muốn gặp được nàng thì mỗi ngày phải bỏ ra mười lượng bạc.

Thì ra, nàng hoa khôi đó tên là Tân Dao Cầm, cũng người Biện Lương. Cha mẹ nàng là Tân Thiện và Nguyễn Thị có một cửa hàng lương thực, cuộc sống cũng sung túc. Dao Cầm từ nhỏ đã rất thông minh, mười tuổi ngâm thơ làm phú, mười hai tuổi đã thông thạo cầm, kỳ, thi, họa. Bấy giờ, quân Kim xâm nhập Trung Nguyên, Dao Cầm chạy loạn rồi lạc cha mẹ, bị một người cùng thôn là Bốc Kiều lừa đến nhà mù Vương Cửu là chốn lầu xanh ở Lâm An.

Tần Trọng nghĩ người xinh đẹp thế này mà rơi vào nhà điếm, thật đáng tiếc thay! Về nhà, chàng ta cứ ngày đêm tơ tưởng, không làm sao dứt khỏi được bóng dáng Dao Cầm. Rồi chàng ta bắt đầu tính toán: Ta sẽ mỗi ngày để một phân, một năm sẽ có được ba lượng sáu bạc, như vậy sau ba năm là có thể gặp được Dao Cầm. Nếu mỗi ngày để ra được hai phân thì chỉ một năm rưỡi là đủ. Có chủ ý rồi, chàng ta quyết định từ ngày hôm sau sẽ bắt đầu thực hiện.

Hôm sau mới sáng sớm, chàng ta đã gánh dầu đi thẳng đến nhà mù Vương Cửu. Mù Vương đang nằm cân dầu rồi dặn cứ cách một ngày lại mang dầu đến.

Thời gian vùn vụt, chẳng mấy chốc đã qua một năm. Tần Trọng dành dụm từng ngày từng tháng, nay đã có được một túi bạc lớn. Chàng ta chọn ngày, mới sáng sớm đã ăn mặc chỉnh tề, đi đến nhà mù Vương. Nhìn thấy chàng ta lấy ra mười lượng bạc, mù Cửu hiểu ngay đó là chuyện gì. Thấy Tần Trọng một lòng chịu cực như vậy, mù cũng muốn giúp chàng ta. Thế nhưng, chàng ta đến liên mấy lần mà không gặp được Dao Cầm. Nàng ta quả thật rất bận, không hôm nay một ông lớn mời đi thưởng mai, thì lại ngày mai ai đó mời đi uống rượu.

Một hôm tuyết rơi rất nhiều, mặt đất tuyết đóng thành băng, Tần Trọng lại đến nhà mù Vương. Mù bảo chàng ta hãy đợi, thế nào tối nay Dao Cầm cũng về.

Tần Trọng đợi rất lâu, cuối cùng thì Dao Cầm cũng say khướt trở về. Nhìn thấy Tần Trọng nàng ta định không tiếp, nhưng mù Vương khuyên mãi, mới bằng lòng để chàng ta ở lại trong phòng. Dao Cầm không cởi giày, không cởi áo nằm lăn ra ngủ.

Tần Trọng bảo con hầu đem lại một bình trà nóng, rồi ngồi bên cạnh không dám ngủ. Đến nửa đêm, Dao Cầm tỉnh lại, ngồi dậy muốn ới. Tần Trọng bèn đỡ nàng lên khe khẽ vỗ lưng. Dao Cầm há miệng nôn thốc ra, Tần Trọng vội chìa vạt áo ra hứng. Dao Cầm ới xong đòi uống trà, Tần Trọng đưa bình trà nóng lại nàng uống liền hai bát rồi lại ng

Sáng sớm ngày hôm sau, Dao Cầm tỉnh dậy, biết hết được chuyện đêm qua, lòng thấy có phần cảm mến Tần Trọng. Nàng biết Tần Trọng là người buôn bán, đành tiền không dễ, bèn lấy ra hai chục lượng bạc đưa cho chàng. Tần Trọng chối không được, đành nhận vậy. Sau khi Tần Trọng đi rồi, Dao Cầm thực sự trong lòng thấy mong ngóng.

Lại nói nhà Chu Thập Lão, sau khi Tần Trọng đi rồi hai đứa Hình Quyền và Lan Hoa chẳng coi trời đất phép tắc ra gì, vợ vét sạch của cải trong tiệm hàng rồi trốn biệt.

Chu Thập Lão kêu trời trời chẳng đáp, kêu đất đất chẳng nghe, thấy hối hận là lẽ ra không nên đuổi Tần Trọng đi. Lão bèn nhờ người hàng xóm tới khuyên chàng trở về.

Tần Trọng biết tin bèn thu xếp mọi thứ rồi về thẳng nhà họ Chu. Chu Thập Lão đem tất cả những gì để dành còn lại, giao tất cả cho Tần Trọng. Tần Trọng bỏ thêm vào hai chục lượng bạc, sửa sang lại tiệm hàng rồi ngồi quầy bán dầu, từ đó lại lấy tên là Chu Trọng.

Chưa được một tháng, Chu Thập Lão bị bệnh qua đời. Chu Trọng lo ma chay rất chu đáo, hàng xóm láng giềng đều khen chàng ta là người có đạo nghĩa.

Mọi việc xong xuôi, Chu Trọng vẫn mở cửa hàng như cũ, việc buôn bán càng ngày càng phát đạt.

Có một mình, Chu Trọng muốn kiếm người giúp việc. Một hôm, kiếm được một người hơn 50 tuổi. Đó chính là Tân Thiện. Ông này cùng vợ là Nguyễn Thị đang đi khắp nơi tìm con gái, nay tiền tiêu hết sạch nên muốn tìm việc làm. Chu Trọng nghe nói ông ta cũng là người Biện Lương, bèn bảo hãy đưa cả Nguyễn Thị đến, rồi sắp xếp một cái phòng cho hai vợ chồng ở. Hai người hết lòng hết sức, lo giúp công việc trong ngoài chu đáo. Chu Trọng rất vui.

Ngày tháng qua nhanh, chẳng mấy chốc đã được một năm. Mọi người thấy Chu Trọng đã nhiều tuổi mà chưa lấy vợ nên tới tấp mỗi mai. Chu Trọng nhớ đến Dao Cầm nên không đồng ý

Dao Cầm ở nhà mẹ Vương Cửu, ăn mặc chẳng phải lo, cứ là vui vẻ suốt ngày. Nhưng mỗi lúc nửa đêm canh ba, không có ai yêu chiều bên cạnh, nàng ta lại nhớ đến Tân Trọng, chỉ hận là không gặp được.

Một hôm, Dao Cầm đang vẽ ở trong phòng, chợt công tử Ngô Bát sấn vào, chẳng nói chẳng rằng, kéo luôn Dao Cầm ra ngoài, đi thẳng tới bên hồ rồi lôi lên thuyền bắt nàng uống rượu. Dao Cầm xưa nay chưa từng bị nhục như thế bao giờ, bật khóc thất thanh, nhất định không chịu làm theo. Công tử Bát then quá hóa tức, sai người trở thuyền đến một nơi hoang vắng ngoài cửa Thanh Ba, lột đôi giày thêu hoa của Dao Cầm ra, lột cả vải bó chân, sau đó sai đẩy nàng lên bờ. Hấn hùng hổ nói: “Con tiện tỳ kia! Có giỏi thì đi chân đất mà về!”

Hôm đó đúng là ngày Chu Trọng đến cửa Thanh Ba cải mộ cho Chu Thập Lão, nhìn thấy Dao Cầm, chàng ta hết sức kinh ngạc, vội rút trong áo ra một chiếc khăn tay lụa trắng, xé ra làm đôi để Dao Cầm bó chân lại, rồi gọi một chiếc kiệu khiêng nàng chạy nhanh về nhà mẹ Vương Cửu. Lúc này, mẹ Vương đang lo sợ, thấy Chu Trọng đưa Dao Cầm về thì rất vui mừng. Đến lúc trời tối, Chu Trọng đứng lên cáo từ ra về, mẹ Vương và Dao Cầm năn nỉ giữ lại, Chu Trọng tỏ vẻ đành phải ở lại nhưng trong bụng thì mừng thầm. Đêm đó Dao Cầm quyết tâm lấy Chu Trọng làm chồng. Sáng sớm ngày hôm sau. Dao Cầm bỏ ra mười lượng bạc nhờ người làm thuyết khách. Người này dùng ba tác lưởi dẻo dai, cuối cùng thuyết phục được mẹ Vương bằng lòng cho Dao Cầm chuộc thân. Rồi Dao Cầm đem số bạc dành

dụm của mình lên đưa cho Chu Trọng để chàng tới chuộc. Chu Trọng chọn ngày lành, đàn sáo tung bừng, đón Dao Cầm về nhà mình thành thân. Sáng sớm hôm sau, vợ chồng Tân Thiện và cô dâu gặp mặt nhau, nhìn ra lại là đứa con gái yêu bị thất lạc đã lâu của mình. Dao Cầm đưa cho Chu Trọng hơn ba ngàn lượng mình kiếm được dồn lại bao lâu nay để chàng lo gây dựng sản nghiệp, sửa sang nhà cửa. Chưa đến một năm, gia sản ngày một thịnh vượng.

Về sau, hai vợ chồng Chu Trọng và Dao Cầm sống với nhau cho đến già. Hai đứa con của họ cũng học hành thành đạt.

Cùng đường sấm

(Tam ngôn)

Năm Thiên Thuận triều Nguyên, ở phủ Tô Châu tỉnh Giang Nam có một vị viên ngoại ưa làm việc thiện tên gọi Thi Tế. Bởi đi thi nhiều lần không đỗ nên ông ta một lòng kết giao bè bạn để giúp đỡ người nghèo, mong được nhờ đó mà nổi danh.

Cha của Thi Tế là Thi Giám vốn là một người giàu có nhưng luôn gìn giữ bản phận, sống rất tiết kiệm, không bao giờ chịu tiêu pha phí phạm một đồng, nay thấy con tiêu tiền như rác thì xót ruột quá bèn lén đem nhiều vàng bạc chôn giấu nhiều nơi, không cho ai biết, định bụng đến lúc sắp chết mới bảo cho con hay.

Ông già nghĩ vậy nhưng có ngờ đâu người đang khỏe mạnh bỗng một hôm đang đêm đột ngột phải về trời, chưa dặn dò được con câu gì, thế là chuyện giấu vàng thành một bí mật mãi mãi.

Bấy giờ Thi Tế đã quá bốn mươi, còn chưa có con trai. Ông ta khẩn nguyện với đức Quan Âm Bồ Tát nếu sinh được con trai, sẽ cúng ba trăm lượng bạc để tu sửa điện thờ ngài. Một năm sau, bà vợ là Nghiêm Thị quả nhiên sinh được một cậu bé. Hai vợ chồng nghĩ đến chuyện hoàn ơn Bồ Tát bèn đặt tên cho con trai là Thi Hoàn.

Hôm đứa bé được đầy tháng, Thi Tế mang ba trăm lượng bạc đến điện thờ Quan Âm ở núi Hồ Khâu để thực hiện lời hứa nguyện. Ông ta thắp hương xong, cúi đầu cúng, chợt nghe có tiếng khóc ở bên ngoài, bèn bước ra xem thì thấy người bạn học cùng thuở bé là Quế Thiên đang ngồi bên bờ ao nhìn xuống nước mà nức nở. Thi Tế bước tới hỏi vì sao, Quế Thiên chỉ nước mắt lã chã, không nói nên lời.

Thi Tế bèn kéo bạn vào trong miếu điện, hỏi đi hỏi lại mãi, Quế Thiên mới kể rõ nguồn cơn. Thì ra ông ta làm nghe theo người ta, đem gia sản thế chấp để vay 300 lượng bạc về làm vốn liếng ra ngoài buôn bán, cuối cùng bị mất sạch, chủ nợ đến đòi, lãi mẹ đẻ lãi con, bắt cả nhà ông ta phải làm tôi

đòi gán nợ. Ông ta cấp bách quá, đang đêm bỏ trốn, nhưng chẳng còn đường nào mà đi bèn chạy đến đây định nhảy xuống ao tự tử.

Thi Tề nghe xong, lập tức lấy ba trăm lượng bạc để cúng trả ơn đưa cho Quế Thiên, bảo ông ta mau đi cứu vợ con về. Quế Thiên mừng quá bèn bước tới trước điện Bồ Tát rập đầu thề rằng: “Con chịu ơn cứu mạng của ông Thi, nếu kiếp này không báo đáp được thì kiếp sau nguyện làm chó ngựa để đền ơn ông”. Thi Tề về nhà, lại lấy ra ba trăm lượng bạc khác đưa cúng đức Quan Âm.

Ba ngày sau, Quế Thiên dẫn đưa con trai lớn mười hai tuổi tên Quế Cao đến bái tạ. Thi Tề rất vui, làm cơm rượu khoản đãi. Rồi bảo với Quế Thiên rằng: “Cứu người phải cứu đến nơi, nhà tôi ở phía ngoài thành có một cái vườn trồng dâu, mấy gian nhà tranh và mười mẫu ruộng xấu. Nếu ông không ngại thì đến đó mà trồng trọt, cũng có thể sống được”. Quế Thiên vô cùng cảm động, muôn ngàn tạ ơn rồi cùng con trai cáo biệt ra đi.

Sau khi đến vườn dâu, Quế Thiên bảo vợ là Tôn Thị mang lễ vật đến nhà họ Thi tạ ơn. Tôn Thị biết ăn nói, dễ làm người nghe vui lòng. Vừa mới gặp Nghiêm Thị là đã tỏ ra thân thiết như thể chị em. Bấy giờ Tôn Thị đang có thai năm tháng, Nghiêm Thị nói: “Chị đã có hai thằng con trai rồi, nếu lần này mà sinh được đứa con gái thì sẽ kết thông gia với nhau”. Tôn Thị về kể lại với chồng, hai người hết sức mừng rỡ. Sau quả nhiên mục sinh được đứa con gái, Nghiêm Thị sai người đến thăm, từ đó hai nhà qua lại luôn luôn, như bà con với nhau vậy.

Ở chỗ vườn dâu mà vợ chồng Quế Thiên ở có một cây bạch quả mọc đã lâu đời, nghe đồn ở đó có thần linh hiển hiện, trước đây người coi vườn cứ đến mùng một tháng chạp là đến thắp hương khấn cầu thần linh phù hộ. Năm đó, Quế Thiên cũng đến thắp hương. Bỗng thấy một con chuột trắng chạy quanh gốc cây một vòng rồi chui vào phía dưới biển mắt. Quế Thiên nhìn kỹ, chỉ thấy dưới gốc cây có một cái lỗ to bằng miệng bát, bèn vội vàng bảo vợ mang xẻng đến đào sâu xuống. Đào được độ ba thước thì thấy ba cái hũ sành, mở ra thấy toàn là bạc nén trắng xóa.

Hai vợ chồng mang về nhà đếm, được không một ngàn năm trăm lượng. Quế Thiên định lấy ba trăm lượng đem trả nhà họ Thi, nhưng Tôn Thị nói

ngay: “Không được! không được!”

Quế Thiên hỏi: “Vậy theo mình thì nên làm thế nào?”

Tôn Thị nói: “Theo tôi thì nếu cứ dựa vào mười mẫu ruộng dâu này, ở nhờ nhà người ta cũng không thể lâu dài được, chi bằng đem số bạc này đến nơi khác mua ít ruộng rồi dần dần thoát thân khỏi đây, tự mình làm ông chủ, bấy giờ hãy trả ơn cho họ, vậy chẳng hơn sao?”

Quế Thiên nói: “Đàn bà khôn ngoan, còn hơn đàn ông! Mình nói đúng đấy, tôi có người bà con xa ở huyện Cối Kê, phủ Thiện Hưng, có thể nhờ ông ta lo chuyện đất đai”.

Mùa xuân năm sau, Quế Thiên lấy cớ đi Cối Kê thăm bà con, ngầm mua ruộng đất ở đó rồi nhờ người trông coi, mỗi năm đến một lần tính toán tiền nong, khi về bao giờ cũng mặc quần áo cũ, không lộ vẻ người có tiền. Cứ như vậy năm năm, nhà họ Quế đã có một cơ ngơi lớn mà nhà họ Thi không hề hay biết.

Thời gian thấm thoắt, lại qua ba năm nữa, Thi Tế đột nhiên bị bệnh qua đời. Tôn Thị bèn thúc giục chồng thừa dịp bỏ đi. Nghiêm Thị cố giữ ở lại không được, đành nước mắt rưng rưng mà tiễn họ. Bởi Thi Tế là người khảng khái, sống rất rộng rãi, nên trong nhà từ lâu đã chẳng có gì, nay lại thêm chuyện tang ma nên mắc một số nợ. Nghiêm Thị lại không biết quản lý tiền nong, nên năm, sáu năm sau mẹ góa con côi thành nghèo túng đến nỗi không sao sống nổi.

Thi Tế khi còn nhỏ có người bạn học rất thân tên gọi Chi Đức. Vừa đúng lúc ông này từ quan trở về quê, nghe nói nhà họ Thi sa sút như vậy, lòng rất xót xa, bèn đặc biệt đến thăm viếng. Thi Hoàn ra nghênh đón, rất là lễ độ. Ông Chi hỏi han, biết cậu này chưa đính ước với ai, bèn gả luôn con gái của mình, đồng thời cung cấp cho chuyện ăn mặc. Mẹ con Nghiêm Thị vô cùng cảm kích.

Nhưng ông Chi tuy làm quan mà không giàu có gì, sống rất thanh liêm, bây giờ lại phải lo thêm cho nhà con rể nữa nên cũng khó khăn. Rồi chợt nghe nói chuyện Quế Thiên ở Cối Kê giàu lắm, mọi người đều ông ta là Kế Viên ngoại, ông Chi bèn khuyên con rể nên đi Cối Kê một chuyến, chắc Quế Thiên nghĩ đến ơn huệ trước kia thế nào cũng báo đáp hậu hĩ. Thi

Hoàn về bàn với mẹ, Nghiêm Thị nói: “Hồi ấy bà Tôn với mẹ tình cảm như chị em, bây giờ phát lên rồi, nhất định sẽ không xử tệ với mẹ con mình. Vậy mẹ cùng đi với con”.

Thế là hai mẹ con đến huyện Côi Kê. Chỉ thấy đúng là nhà họ Quế nhà cao cửa rộng, gia nhân đầy tớ tấp nập. Thế nhưng khi gặp mẹ con họ Thi, họ rất lạnh nhạt, hoàn toàn không nhớ gì đến ơn cứu mệnh ngày trước, chỉ cho hai mẹ con hai chục lượng bạc làm tiền lộ phí. Hai mẹ con rất giận, chỉ đành buồn bã ra về.

Nghiêm Thị bị cái đòn đó, lại thêm đi đường vất vả, mệt nhọc, về đến nhà là ngã bệnh không sao dậy nổi, được ít ngày thì qua đời. Để lo tang ma cho mẹ, Thi Hoàn đành phải đem bán ngôi nhà tổ tiên để lại rồi dọn đến ở nhà bố vợ. Lúc dọn đồ đạc, bỗng thấy trên trần phòng ông nội mình có một cuốn sổ, trong đó ghi rõ ràng, chỗ nào chôn bao nhiêu lượng bạc, chỗ nào chôn bao nhiêu, bao nhiêu. Thi Hoàn mừng rỡ vô cùng, trước hết đào chỗ ngách cửa được hai ngàn lượng, đem đi chuộc lại ngôi nhà tổ.

Sau đó lại cứ theo sổ đào tiếp, đào hết được tất cả mấy vạn lượng bạc trắng. Chỉ có chỗ dưới cây bạch quả chôn một ngàn năm trăm lượng thì đào không thấy, chỉ còn lại ba cái hũ không. Từ đó nhà họ Thi lại trở thành nhà phú hào.

Lại nói chuyện Kế Viên ngoại là tài chủ giàu có ở Côi Kê nhưng do việc sai dịch phải làm cho phủ quán quá nhiều nên rất bức bối. Có người hàng xóm là Vu Sinh khuyên ông ta nên bỏ tiền ra mua lấy chức quan. Làm quan chẳng những rạng rỡ cửa nhà mà còn được miễn chuyện sai dịch, thật là nhất cử lưỡng tiện. Quế Thiên tin lời, chuẩn bị ba ngàn lượng bạc trắng, cùng Vu Sinh đi đến kinh đô. Đến nơi, Quế Thiên giao cả số bạc cho Vu Sinh để hấn lo liệu.

Qua nửa năm Vu Sinh dùng số bạc đó của Quế Thiên mua chức quan cho mình. Lúc này Quế Thiên mới biết mình bị lừa, căm giận không sao giết chết được Vu Sinh đi. Nhưng đến đêm hôm đó, Quế Thiên nằm mơ, mơ thấy cả nhà mình biến thành chó hết, đến nhà họ Thi kiếm cái ăn. Lúc tỉnh dậy, mồ hôi vã ra như tắm

Gặp con ác mộng quái lạ, Quế Thiên lo lắng bối rối, không nghĩ được chuyện giết chết Vu Sinh nữa, vội vã trở về nhà. Về đến nơi thì hai đứa con trai đã chết, mẹ vợ Tôn Thị cũng bệnh nặng mê mết không biết gì. Quế Thiên la lên một tiếng thì mẹ Tôn mở choàng mắt ra, kêu toáng lên: “Cha ơi, con là Quế Cao, con trai cả của cha đây. Vì nhà ta vong ơn bội nghĩa với nhà họ Thi, cha đã từng thề sẽ làm chó ngựa để đền ơn, cho nên Diêm Vương bắt hai anh em con cùng với mẹ ngày mai đến nhà họ Thi đầu thai làm kiếp chó. Cha thì chưa đến tuổi, đến tháng tám sang năm cũng sẽ đầu thai thành chó, chỉ có em gái con có duyên phận với Thi Hoàn nên tránh được nạn này”. Tôn Thị nói xong thì tắt hơi chết.

Quế Thiên mới nghĩ lại những điều trong mộng, biết rằng đây là chuyện báo ứng, trong lòng vô cùng hối hận. Lo xong việc tang ma, ông ta đem con gái đi Tô Châu, mong kết thân với nhà họ Thi đồng thời tiếp tế cho hai mẹ con mẹ góa con cô chút ít. Ông ta nghĩ chắc nhà họ Thi nghèo túng lắm, cậu con trai chắc chưa lấy vợ. Nào ngờ, đến nơi thấy họ Thi giàu có hơn trước, chỉ có là bà Nghiêm Thị mất rồi. Quế Thiên thấy xấu hổ quá, vội tạ tội với Thi Hoàn và xin vào cúng Nghiêm Thị phu nhân. Ông ta vừa bày xong đồ cúng, bỗng có ba con chó đen chạy tới, quẩn quanh rồi ngậm gấu quần ông ta mà sủa kêu liên tục như có điều gì muốn nói. Quế Thiên biết rằng đây là vợ con mình biến thành bèn khóc òa lên ngã lăn xuống đất.

Về sau, Thi Hoàn cưới con gái Quế Thiên làm thiếp. Quế Thiên cũng ở lại giúp việc trong nhà họ Thi. Rồi ông ta ăn chay niệm Phật, một lòng hối hận nên từ đó không hề bị bệnh tật tai nạn gì cả, sống đến hết tuổi già ở nhà họ Thi.

Tái sinh duyên

(Nhị phách)

Năm Đại Đức triều Nguyên có ông quan Viện sử ở Tuyên Huy tên gọi Bột La, xuất thân thế gia vọng tộc, lại đang nhậm chức trong triều nên nhà cửa nguy nga tráng lệ, thê thiếp rất đông. Bột La thích chuyện văn chương nên các tao nhân mặc khách luôn luôn lui tới phủ đệ của ông. Phía sau nơi ở có một vườn hoa lớn, vì thích câu thơ “Xuân sắc mãn viên quan bất trú. Nhất chi hồng hạnh xuất tường lai” (Vườn xuân ngấm mãi, đẹp sao! Một cành hồng hạnh vươn cao đầu tường), nên ông đặt tên cho vườn hoa này là “Hạnh viên”, tức là vườn hạnh.

Trong “Hạnh viên” này, đình đài lầu các, kỳ hoa dị thảo đều đẹp vô cùng. Mỗi năm, cứ đến mùa xuân là ông Bột La lại mời các quan to khách quý, các danh nhân nhã sĩ tới “Hạnh viên” dự hội chơi đu, vui suốt từ đầu mùa xuân cho tới tiết thanh minh. Những dịp này, các quý bà quý cô thì trang điểm lộng lẫy, đua sang đua đẹp. Các quý ông thì uống rượu ngâm thơ, phi chí say sưa. Khắp trong vườn cười nói râm ran, vui vẻ.

Hôm đó, hội chơi đu đang sôi nổi thì công tử Bái Trú con quan Khu mật Đồng Thiêm cưỡi ngựa đi qua “Hạnh viên”. Nghe phía trong tường cười nói ồn ào náo nhiệt, chàng ta dừng ngựa nhìn vào, thấy cảnh sắc tươi đẹp, liễu rủ xanh mướt, hoa nở đỏ hồng, các cô gái cô nào cũng xinh đẹp như tiên trên trời cả. Đặc biệt là cô gái đang đánh đu, mắt long lanh, răng trắng bóng, đẹp vô cùng là đẹp.

Về nhà, Bái Trú kể cho mẹ nghe chuyện hội chơi đu trong vườn của Tuyên Huy Bột La, nức nở khen các cô gái ở đây cô nào cũng đẹp như hoa. Bà mẹ biết ý con, bèn nói: “Chuyện này không khó gì, nhà ta với nhà Tuyên Huy cũng môn đăng hộ đối, chỉ cần nhờ người mối lái là được”.

Ngày hôm sau, bà mới sang nhà Tuyên Huy nói chuyện cầu thân. Tuyên Huy nói: “Phải xem tài mạo của Bái Trú thế nào đã rồi mới quyết định được”.

Hai bên chọn được ngày, Bái Trú đến yết kiến Tuyên Huy. Bái Trú vốn người đẹp đẽ khỏe mạnh, có dáng vẻ nhân tài, nay lại phục trang cẩn thận, trông càng sang trọng. Tuyên Huy nhìn thấy rất bằng lòng, lại ra đề tài “cái đu” bảo chàng làm một bài từ điệu “Bồ tát man” để xem văn tài ra sao. Bái Trú tài năng mẫn tiệp, suy nghĩ một lát là xong ngay, bài từ làm ra ý tứ bay bổng, vận luật chặt chẽ. Tuyên Huy mừng lắm, lập tức sai bày tiệc khoản đãi, rồi dùng lễ cha con, mời Bái Trú ngồi xuống cạnh. Giữa bữa, ch mời tiểu thư Tóc Ca Thất Lý, con của bà ba rất được sủng ái ra chào. Bái Trú ngẩng lên nhìn thấy đúng là cô gái trên đu hôm trước, trong lòng rất thích.

Tiểu thư Tóc Ca Thất Lý nhìn thấy Bái Trú cũng thấy xốn xang.

Nhà Bái Trú lập tức chuẩn bị sính lễ đưa đến nhà Tuyên Huy. Sính lễ rất lớn. Cả nhà Tuyên Huy đều hoan hỷ hài lòng. Nhưng bên nhà Đồng Thiêm thì gặp họa. Vì sính lễ quá lớn khiến người ta ghen ghét, có người đưa thư tố cáo Đồng Thiêm ăn hối lộ, hoàng đế lập tức xuống chỉ bắt Đồng Thiêm giam vào ngục. Rồi họa vô đơn chí, Đồng Thiêm vốn quen đời sống phú quý vinh hoa, làm sao chịu nổi cảnh khổ này nên chỉ mấy ngày là bị bệnh nặng. Triều đình thấy ông ta là đại thần triều Nguyên nên quan tâm, cho về nhà chữa chạy. Song bệnh của ông là bệnh dịch, về nhà lại lây sang cho cả nhà. Rồi chưa đầy một tháng, cả nhà theo nhau qua đời hết, chỉ còn lại một mình chàng Bái Trú cô đơn cô độc không nơi nương tựa.

Tuyên Huy Bột La cũng buồn cho gia đình Bái Trú. Ông định giữ chàng ta ở nhà mình, khuyến khích chàng ta cố gắng học hành để đi thi lập nghiệp. Nhưng không ngờ bà vợ ba lại là người tham tiền của. Thấy nhà Bái Trú đã thất thế, lại thấy các tiểu thư nhà khác đều lấy được con nhà giàu sang, thế là đời nào chịu theo ý chồng. Tuy nhiên, Tóc Ca Thất Lý thì đã nặng lòng với Bái Trú, nàng thề rằng dù chàng vinh nhục thế nào cũng quyết theo chàng suốt đời. Rồi nói với mẹ: ngoài Bái Trú ra, nàng không lấy ai cả.

Bà ba cho rằng con gái còn nông nổi nên không cho lời nói ấy là thật. Ít lâu sau, bà ta tự ý quyết định, nhận lời gả Tóc Ca Thất Lý cho công tử Tăng Gia Nô, con trai của quan Bình Chương Chính Sự rất giàu sang. Đến hôm cưới, Tóc Ca Thất Lý khóc lóc vật vã nhất định không chịu lên kiệu. Cuối

cùng, không làm sao được, mọi người phải lôi nàng ấn vào kiệu hoa. Đoàn đón dâu thối kèn đánh trống, náo nhiệt suốt dọc đường.

Bái Trú ở nhà nghe thấy tiếng nhạc, biết rằng cô gái thương yêu của mình đã lên kiệu cưới của nhà khác rồi, chỉ đành một mình ủ rũ đau thương.

Kiệu hoa đến nhà Bình Chương, mọi người mời cô dâu xuống kiệu, nhưng đợi mãi vẫn thấy im lìm. Bà đưa dâu vén rèm kiệu lên, quá ngã ngất. Thì ra Tóc Ca Thất Lý ở trong kiệu đã dùng giải khăn sa tự tử chết rồi. Nhà Bình Chương cuống quýt đi báo với Tuyên Huy rồi khiêng kiệu quay trở lại. Cả nhà Tuyên Huy kêu khóc ầm lên. Bà ba vừa hối vừa giận, cứ đấm ngực dậm chân kêu trời kêu đất. Lúc khâm liệm, bà ba đem tất cả những đồ trang sức châu ngọc mà thường ngày Tóc Ca Thất Lý rất thích và cả những đồ sinh lễ của hai nhà Bình Chương, Đồng Thiêm bỏ hết vào trong áo quan. Rồi tạm thời để linh cữu ở trong chùa Thanh An.

Bái Trú ở nhà nghe tin tiểu thư Tóc Ca Thất Lý đã tuần tình⁽⁷⁾ thì vô cùng xúc động. Đợi lúc đêm khuya lặng lẽ, chàng ta đến chùa Thanh An để vái lạy vong linh Tóc Ca Thất Lý. Nhìn thấy linh cữu, nghĩ đến hoàn cảnh của mình, bất giác nước mắt ròng ròng, vô cùng đau đớn. Các vị sư thấy thế cũng đều rơi lệ. Khóc xong Bái Trú vuốt ve quan tài cáo biệt nàng và nói: “Tiểu thư ơi, xin nàng hãy an nghỉ!” Đột nhiên từ trong quan tài vẳng ra tiếng nói khe khẽ: “Mau mở áo quan ra đi! Thiếp đã sống lại để làm vợ của chàng, suốt đời theo chàng!”

Bái Trú nghe tiếng rõ mồn một, vội mở ngay. Nắp quan tài vừa mở ra, thấy tiểu thư Tóc Ca Thất Lý ngồi rất đàng hoàng, vẫn như lần đầu Bái Trú nhìn thấy: mắt sáng long lanh, hàm răng trắng bong, vẻ mặt tươi cười.

Bái Trú sững như phát cuồng, vội đỡ nàng bước ra khỏi quan tài. Các sư đều kinh ngạc đứng sững. Vị sư trụ trì nói: “Công tử không thể đưa tiểu thư này đi đâu hết, sau này ngài Tuyên Huy biết thì chúng tôi biết ăn nói thế nào?” Bái Trú nói cho họ biết nàng Tóc Ca Thất Lý chính là vợ của mình. Lại đem một nửa chõ châu ngọc trong quan tài biếu nhà chùa, xin họ giữ bí mật cho và lại đóng kín quan tài lại y như cũ.

Bái Trú mang mấy vạn lượng bạc còn lại cùng Tóc Ca Thất Lý ngay đêm đó khởi thành, đi đến Khai Bình rồi ở hẳn đó. Chàng ta tới một học quán dạy học cho bọn trẻ nhỏ, được học trò và cha mẹ chúng rất khen, rồi gần xa mọi người đều biết tiếng.

Lại nói về ông Tuyên Huy Bột La từ khi con gái yêu mất đi, trong lòng cứ buồn bã mãi. Rồi hoàng đế cho làm chức Phủ doãn Khai Bình, ông ta bèn đem gia quyến tới đó trị nhậm. Nhưng trong phủ biết bao công việc phức tạp bề bộn, ông ta chẳng để ý giải quyết gì cả. Một hôm có người nói: “Ở đây có người từ Đại đô đến rt có học vấn, nên mời anh ta vào phủ giúp đỡ công việc”. Tuyên Huy bèn viết thiệp mời sai người đem đi. Bái Trú đọc tờ thiệp mời, biết ngay là Tuyên Huy đã tới đây làm việc, vội vàng nói cho Tóc Ca Thất Lý biết. Rồi chàng ta ăn mặc chỉnh tề tới yết kiến Tuyên Huy. Nhìn thấy Bái Trú, Tuyên Huy giật mình kinh ngạc. Cứ tưởng rằng Bái Trú gặp nạn rồi thì phải lưu lạc tha hương, sống khổ sống sở, nào ngờ chàng ta lại quần áo đàng hoàng, sắc diện đẹp đẽ thế này. Nhìn thấy chàng ta, lại nhớ tới con gái mình, thế là nước mắt lã chã.

Bái Trú sai người kiệu Tóc Ca Thất Lý tới. Tóc Ca Thất Lý mặc quần áo khi được khâm liệm, thông thả đi vào phủ. Tuyên Huy trông thấy, há miệng kinh hãi. Bái Trú bèn kể lại đầu đuôi chuyện đêm đó mình tới chùa Thanh An, ôm quan tài thương khóc như thế nào, rồi nhìn người vợ yêu quý, nói với Tuyên Huy rằng: “Đó là do chân tình của Tóc Ca Thất Lý đã cảm động đến trời xanh đấy ạ”. Tuyên Huy không tin rằng trên đời lại có chuyện như vậy nên cứ nhất định cho rằng cô gái này là một người khác giống với Tóc Ca Thất Lý thôi. Rồi ông ta ngầm sai người đến chùa Thanh An tra xét. Kết quả là các sư trong chùa đều nói hoàn toàn giống như lời Bái Trú. Tuyên Huy cảm động nói: “Quả là tấm chân tình của Tóc Ca Thất Lý đã cảm động đến trời xanh thật rồi!”

Thế là cả nhà cùng sung sướng sống với nhau dưới cùng một mái nhà.

Gặp thời đổi vận

(Nhị phách)

Năm Thành Hóa triều Minh, ở phía ngoài cửa Xương Môn thành Tô Châu có một người họ Văn tên Thực, tên chữ Nhược Hư. Chàng này từ nhỏ đã thông minh lanh lợi, mọi loại cầm kỳ thi họa, thổi sáo, đánh đàn, ca múa đều biết cả. Chỉ có là không chăm chú việc kinh doanh để sinh sống, buôn bán thường luôn bị thua lỗ. Chẳng hạn như có một lần chàng ta nghe nói ở Bắc Kinh mùa hè buôn quạt rất lời, bèn mua rất nhiều quạt xếp, rồi mời những người có tiếng ở đây như Văn Trung Minh, ChKỹ Sơn đến vẽ thư họa lên quạt, vẽ xong đóng hòm chở đến Bắc Kinh. Thế nhưng mùa hè năm đó, ở Bắc Kinh mưa liên miên, trời không hề nóng. Văn Thực cùng bọn người làm công cả ngày cứ phải ở trong nhà vì mưa, chẳng bán được cái quạt nào. Đến mùa thu, mở hòm ra xem thì quạt giấy bị ẩm nên mốc hết. Những chuyện như vậy thường luôn xảy ra với Văn Thực nên mọi người đặt cho chàng ta biệt hiệu là “Chàng lỗ vận”, có nghĩa là “Kẻ luôn gặp rủi ro”.

Thế nhưng “kẻ rủi ro” này cũng có lần vận đổi. Đó là lần ấy có một số người buôn bán đường biển định cùng nhau đi xa một chuyến. Văn Thực biết được cũng muốn đi theo, bèn tìm đến người dẫn đầu là Trương Đại. Trương Đại vốn tính hào hiệp, hay giúp đỡ người, nghe Văn Thực xin đi cùng thì bằng lòng ngay. Trước khi thuyền rời bến, ông ta còn đưa cho chàng ta ít bạc bảo mua ít đồ ăn mang lên thuyền. Văn Thực cầm tiền vừa ngượng ngùng vừa cảm kích.

Chàng ta đến chợ, song không biết mấy đồng tiền trong tay nên mua cái gì đây. Lúc này đang mùa cam quýt, khắp chợ chỗ nào cũng bán quýt. Quýt ở đây trồng ở Động Đình Sơn vùng Thái Hồ, tuy không có tiếng như quýt Quảng Châu, Phúc Kiến, song quả nào cũng rất ngọt, giá lại rẻ. Chàng ta ngẫm nghĩ một lúc, thấy rằng mua quýt là tốt nhất, một là số lượng nhiều, có thể chia ra mọi người cùng ăn cho vui, hai là ăn quýt có thể giải khát, đi

đường rất tốt. Lúc chàng thuê người gánh hơn một trăm cân quýt xuống thuyền, một số người vỗ tay cười lớn: “Ông Văn mua về nhiều quả quý thế!”

Văn Thực nghe nói vậy thì ngượng quá không biết trốn đi đâu. Thuyền nhỏ neo, đi liền bốn năm ngày đến quốc đô nước Cát Linh. Vừa ghé bến là những người buôn bán ào ào lên bờ. Ở Cát Linh, hàng hóa Trung Quốc có thể bán giá cao gấp ba. Cứ trao qua đổi lại như vậy có thể kiếm được khá nhiều tiền, cho nên những người này mặc dù rất vất vả khổ sở song đều rất vui. Chỉ có Văn Thực không có hàng cũng không có tiền, chỉ đành coi hàng cho họ ở trên thuyền.

Chàng ta ngồi trên thuyền lâu quá, thấy buồn tẻ, chợt nhớ đến sọt quýt mình mang lên để trong khoang đã nhiều ngày, bèn nhờ một phu thuyền khiêng giúp ra rồi đổ tất cả xuống sàn. Những trái quýt đỏ rực đầy ván thuyền. Người Cát Linh đi qua nhìn thấy không biết là cái gì mà đỏ vậy. Văn Thực thấy họ ngạc nhiên thì chỉ cười thầm. Chàng ta chọn lấy một trái bóc vỏ ăn, người trên bờ mới biết là thứ này ăn được, lại thấy Văn Thực ăn rất ngon lành khiến họ thêm ưa nước miếng. Lúc đó có nhin được, hỏi mua một trái ăn thử. Văn Thực buột miệng nói luôn: “Bác thực sự muốn mua thì cứ một đồng một trái”. Người kia lấy ra một đồng bạc trắng đổi lấy một trái quýt, bóc ngay ra ăn. Ăn xong bác ta thích thú kêu lên: “Quả là rất ngon!”, rồi lại móc ra mười đồng mua mười trái nữa. Người trên bờ xúm xít xem rồi tranh nhau móc tiền ra mua. Chỉ một lúc, chỗ quýt trên sàn thuyền bán hết sạch chẳng còn trái nào. Đợi cho người Cát Linh đi hết, Văn Thực mới đem số tiền bán quýt ra đếm, tất cả được hơn một ngàn đồng, mừng quá đến ngỡ ngàng cả người. Bọn đi thuyền mua bán xong trở lại thấy Văn Thực kể như vậy đều bảo rằng “anh chàng đen đui” đã gặp thời đổi vận.

Lần ấy kiếm được một món tiền, Trương Đại khuyên Văn Thực nên mua một số hàng của Cát Linh đem về Trung Quốc bán. Văn Thực lắc đầu lia lịa, rằng mình không phải người biết buôn bán, lần nào làm cũng lỗ. Mọi người nghe nói thế đều thôi không nói gì nữa.

Mấy ngày sau, bọn Trương Đại cho thuyền quay về nước. Một hôm đang đi trên biển, bỗng mây đen kín trời, song dữ dâng cao, biết là giông

bão đến nơi. Người trên thuyền vội kéo buồm nương chiều gió tìm nơi ẩn nấp. Một lúc sau, thuyền theo gió trôi đến cạnh một đảo nhỏ, phải thả neo dừng lại tạm nghỉ.

Mọi người nghỉ cả, chỉ có Văn Thục cứ nằm ngòai không yên. Chàng ta mang trong người khá nhiều bạc, chỉ tức là không bay ngay được về nhà, trong lòng bức bối, bèn quyết định lên đảo chơi một lát. Có người khuyên rằng nơi hoang đảo này chẳng có gì thú vị, nên nghỉ ngơi cho khỏe, nhưng chàng ta nhất quyết cứ lên.

Đứng trên đảo, Văn Thục nhìn ra biển cả thấy cảm khái muôn phần, bụng nghĩ mình suốt đời lao đao nghèo túng, lần này lại may mắn kiếm được hơn một ngàn đồng bạc trắng, không biết có phải đây là số mình không? Đang nghĩ vớ vẩn, chợt nhìn thấy trong bụi cỏ gần đấy có một vật gì rất lớn, bèn bước tới gần xem thì thấy một cái mai rùa khổng lồ. Thấy lạ, Văn Thục bèn tháo vải quần chân ra, xỏ vào giữa cái mai rùa rồi làm như phu kéo thuyền, lôi nó tới chỗ bờ. Mọi người thấy vậy đều cười anh chàng ngốc. Chàng ta cũng cười nói: “Các người đừng có cười! Đây là thứ hàng ngoại tôi đem về đây, về nhà thế nào cũng có chỗ dùng”.

Được cái là thuyền khá rộng nên để được vừa cái đồ chơi đó. thuyền tới Phúc Kiến. Vừa cập bến, những người buôn bán trên thuyền đều lên bờ tìm mối mua.

Phúc Kiến vốn là nơi có tiếng, được xem là “con đường tơ lụa trên biển”, lại có rất nhiều thương nhân ngoại quốc cư trú, trong số đó có một người Ba Tư tên là Ma Pao Ca, ông này thường xuyên giao thiệp với dân buôn đường biển. Vừa lên bờ là những người này đến thẳng tiệm của Ma Pao Ca, vừa ăn uống vừa bàn chuyện mua bán. Văn Thục chẳng có hàng gì, Ma Pao Ca không để ý đến.

Ngày hôm sau, Ma Pao Ca lên thuyền xem hàng, nào ngờ vừa bước lên, ông ta bị thu hút bởi cái mai rùa khổng lồ của Văn Thục. Đến lúc biết thứ này là của cái người bị mình lạnh nhạt hôm qua, ông ta lập tức xin lỗi không ngót, rồi vào tiệm rượu bày tiệc thết đãi Văn Thục như quý khách. Rượu được ba tuần, Ma Pao Ca mới hỏi Văn Thục cái mai rùa đó giá bao nhiêu. Bấy giờ Văn Thục mới biết đây là vật quý hiếm, song chàng ta cũng

không biết nó đáng giá bao nhiêu tiền. Phân vân mãi, chàng ta mới áp úng ra giá là năm vạn đồng. Không ngờ Ma Pao Ca vừa nghe xong đã kêu lên rằng vậy thì Văn Thục thiệt quá, bèn gọi Trương Đại tới làm chứng, ký giao kèo với Văn Thục, đợi lúc hai bên điếm chỉ vào bản giao kèo xong xuôi, ông ta mới nói rõ điều bí ẩn. Thì ra, đây không phải là cái mai rùa mà là xác con đà long. Loại này da có thể bịt trống đánh lên tiếng vang xa đến trăm dặm. Đà long phải hàng vạn năm mới thoát xác một lần. Xác nó có hai mươi bốn chẽ gân, trong mỗi chẽ gân có một hạt trân châu lớn, gọi là dạ minh châu. Loại dạ minh châu này đem sang Ba Tư mỗi hạt giá năm vạn đồng, hai mươi bốn chẽ gân là hai mươi bốn hạt, sẽ là bao nhiêu tiền?”

Nghe Ma Pao Ca nói vậy, mọi người đều trợn mắt há miệng. Còn Văn Thục thì thấy thỏa lòng quá, chẳng còn hối tiếc gì nữa. Lần này đi biển, chàng ta mới thực sự hiểu được là “vật hiếm rất quý”. Có được gia tài năm vạn đồng thế là có thể yên ổn cuộc sống, muốn buôn bán cũng có vốn, muốn cưới vợ sinh con cũng yên tâm chẳng phải lo lắng điều gì.

Sống phải chia lìa chết sẽ theo nhau

(color="black">

Thời Thuận đế triều Nguyên, ở Hoài Nam có một cô gái tên gọi Lưu Thúy Thúy rất thông minh lanh lợi và xinh đẹp. Mới năm, sáu tuổi cô bé đã đọc được Thi, Thư, cha mẹ thấy con đã sáng dạ lại ham học, bèn cho đến một trường gần nhà để học tập.

Trong trường này có cậu con trai nhà họ Kim, tên gọi Kim Định, cùng tuổi với Thúy Thúy, cũng là chàng trai mi thanh mục tú, thông tuệ hơn người.

Thúy Thúy và Kim Định trở thành hai học trò xuất sắc nhất của trường. Bọn cùng học có khi nói đùa: “Chúng mày bằng tuổi nhau, thông minh như nhau, sau này nhất định sẽ thành một đôi chồng vợ”. Kim Định và Thúy Thúy tuy ngoài miệng không bằng lòng song trong bụng cũng có ý mến nhau.

Ít lâu sau, Kim Định do nhà nghèo quá, đành phải bỏ học nửa chừng, Thúy Thúy thấy vậy cũng thôi không đi học nữa.

Thời gian thấm thoát, Thúy Thúy đã 16 tuổi, thành một cô nàng đẹp đẽ xinh tươi, người khắp gần xa đến xin cầu hôn tới tấp. Cha mẹ nàng cũng bàn bạc với nhau chuyện hôn nhân đại sự này. Thế nhưng, mỗi khi cha mẹ đã động đến thì Thúy Thúy lại ngồi lì trong phòng, chẳng ăn chẳng uống, chỉ buồn bã khóc rầm rức. Cha mẹ biết chắc có nguyên nhân gì đây, năm lần bảy lượt gạn hỏi mãi, cuối cùng Thúy Thúy nói rằng trong lòng mình từ lâu đã có một người rồi, đó là anh chàng Kim Định biết nhau hồi cùng đi học. Rồi lại nói rằng chỉ lấy Kim Định không lấy ai khác, nếu cha mẹ không bằng lòng thì quyết chết cho xong.

Biết tính con kiên quyết, nếu không làm theo thì không biết sẽ xảy chuyện gì nên cha mẹ Thúy Thúy phải bằng lòng, nhưng muốn Kim Định sẽ phải đến ở rể.

Ngày hôm sau, cha mẹ Thúy Thúy nhờ bà mới tới nhà Kim Định ngỏ lời. Kim Định đã có ý này từ lâu nên mừng rỡ ra mặt. Cha mẹ chàng ta không nói năng gì, cũng bằng lòng cuộc hôn nhân này. Ngay ngày hôm ấy, cha mẹ hai bên tác hợp cho đôi trai gái.

Sau khi Thúy Thúy và Kim Định lấy nhau, tình cảm mặn nồng, ngọt ngào ân ái, tuy ở cùng một nhà song vẫn cứ luôn luôn làm thơ gửi cho nhau để trò chuyện tâm tình.

Tốt lành chẳng được bao lâu, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau chưa quá một năm thì Trương Sĩ Thành vốn khởi nghiệp bằng nghề chở thuyền buôn muối nay bỗng dựng cờ khởi nghĩa chống lại triều đình. Chiến trận lan đến vùng Hoài Nam.

Thủ hạ của Trương Sĩ Thành có một viên tướng họ Lý là kẻ ngang ngược dám làm mọi chuyện, hấn cướp đoạt gái đẹp khắp nơi. Sau khi dẫn quân tới Hoài Nam, hấn nghe nói ở đây có nàng Lưu Thúy Thúy, thông minh lanh lợi, rất xinh đẹp thì lập tức dẫn một tốp gia đình đến thẳng nhà họ Lưu cướp luôn Thúy Thúy đi. Cả nhà họ Lưu, người thì già yếu, kẻ thì khiếp nhược, cứ giương mắt mà nhìn con yêu vợ quý bị người ta cướp mất.

Mấy năm sau, Trương Sĩ Thành quy phục triều đình, dân chúng mới được sống yên ổn. Kim Định ngày đêm thương nhớ Thúy Thúy, quyết tâm đi khắp chân trời góc biển để tìm Thúy Thúy về. Chàng ta bái biệt cha mẹ để và cha mẹ vợ rồi lên đường.

Kim Định đã trải trăm cay ngàn đắng, qua hàng ngàn dặm đường, hai năm sau mới hỏi thăm được tin tức của viên tướng họ Lý. Lúc này chàng đã mặt mũi tiều tụy, quần áo lam lũ, đến cửa phủ của họ Lý cứ rụt rụt rè rè không dám vào. Ông lão canh cửa thấy chàng mi thanh mục tú, sắc diện lộ vẻ khốn khó, bèn hỏi tới đây có việc gì. Kim Định kể cho lão nghe chuyện mình đi ngàn dặm để tìm Thúy Thúy, không dám nói Thúy Thúy là vợ mà chỉ nói là em gái. Ông già nói trong phủ này có một cô gái họ Lưu, người Hoài Nam, thông hiểu sách vở, được Lý tướng quân rất chiều chuộng. Nghe nói vậy, Kim Định vừa mừng vừa chua xót, chua xót vì vợ của mình mà bị người ta cướp đi, nhưng cũng mừng vì rốt cuộc đã tìm được Thúy Thúy.

Ông già vào trong bảu báo, một lúc sau ra dẫn Kim Định vào gặp tướng Lý.

Lại nói về Thúy Thúy, lúc bị cướp đi mới mười bảy, bây giờ mười bốn. Bảy năm nay, không một giờ phút nào nàng không nhớ tới người chồng Kim Định của mình. Lúc mới bị bắt, nàng sống chết quyết không chịu thuận lòng. Tướng Lý dọa nếu không chịu theo, cả nhà sẽ bị giết chết hết. Suy trước nghĩ sau mãi, cuối cùng nàng đành phải nghe theo. Hàng ngày nàng giả bộ tươi tỉnh, nhưng trong lòng thì vô cùng đau khổ. Nàng chỉ mong sao nỗi niềm thương nhớ của mình cảm động được tới trời xanh, rồi vợ chồng sẽ được đoàn viên với nhau. Bây giờ bỗng nhiên nghe nói có người anh họ Lưu đang ở ngoài cổng muốn gặp, nàng biết chắc chắn là chồng mình, trong lòng vô cùng xúc động.

Tướng Lý từ trước tới nay chưa từng nghe Thúy Thúy nói là có anh trai, nay lại đột nhiên thấy anh trai họ Lưu, trong lòng nghi hoặc. Hắn ngồi đường hoàng quay mặt về hướng nam, liên tục gạn hỏi Kim Định, hai mắt nhìn Thúy Thúy chăm chăm. Hai vợ chồng đã bảy năm trời không gặp nhau, nay được thấy lại mà chỉ được giữ gìn theo lễ anh em, cả hai đều lòng đau như cắt. Tướng Lý nhìn mãi không thấy gì khác lạ, lại thấy Kim Định dáng vẻ nho nhã, thông hiểu sách vở, lý lẽ, bèn tin là anh trai Thúy Thúy thật, rồi giữ chàng ta ở lại trong phủ để giúp việc thư tín giấy tờ, tiếp đãi khách khứa.

Ở trong phủ của tướng Lý, Kim Định luôn tìm cơ hội để gặp riêng Thúy Thúy. Chàng muốn biết là bảy năm nay Thúy Thúy đã đổi lòng chưa. Thế nhưng từ hôm thấy mặt ở chỗ đại sảnh đến nay đã hơn hai tháng mà không sao gặp được nàng. Tướng Lý giấu nàng ở nơi thâm khuê, cách biệt mọi người. Có lúc Kim Định cố ý tìm đến nơi thì chỉ thấy Thúy Thúy ở bên cạnh tướng Lý. Thấy họ thành đôi vui vẻ mà mình thì cô đơn lẻ bóng, chàng chỉ mượn rượu tiêu sầu. Cuối cùng, chàng viết một bức thư, giấu vào trong cổ chiếc áo vải rồi bảo người hầu chuyển cho Thúy Thúy, nói rằng trời đã ấm rồi, nhờ em gái tháo áo ra giặt hộ rồi đưa trở lại.

Thúy Thúy ở chỗ thâm khuê, suốt ngày không sao gặp được chồng, nóng lòng nóng ruột cứ như ngồi trên đống lửa. Nay thấy người hầu đưa tới

cái áo khoác vải của chồng thì nghĩ bụng chắc chàng có ý gì đây. Nàng mân mê mãi cái áo cuối cùng tìm thấy bức thư ở trong cổ áo, thư viết rằng Kim Định thương nhớ nàng, hai năm nay đi tìm nàng biết bao cực khổ, bây giờ ở trong phủ lại càng nóng lòng sốt ruột như thế nào. Đọc xong thư, Thúy Thúy lòng đau như dao cắt, nước mắt lã chã như mưa. Nàng nghĩ: Chỉ vì mình tệ bạc khiến chàng phải chịu khổ nhiều như vậy. Bèn nhắc bút viết rằng: “Ruột gan tuy đứt nhưng tình không đứt, sống chẳng được theo nhau, chết sẽ theo nhau”. Viết xong, giấu mảnh giấy vào cổ áo rồi gọi người hầu đưa trả lại cho

Kim Định tách cổ áo ra, thấy đúng chữ của Thúy Thúy viết: “Sống chẳng được theo nhau, chết sẽ theo nhau” thì thấy hoàn toàn thất vọng. Chàng biết là kiếp này vợ chồng không được đoàn viên nữa, từ đó suốt ngày chỉ lấy rượu tiêu sầu, cuối cùng vì đau buồn quá mà ngã bệnh.

Thúy Thúy nghe tin Kim Định bệnh nặng, quyết định đến thăm. Tướng Lý không ngăn được. Thúy Thúy đến thư phòng, thấy Kim Định đã mê mết bèn nâng đầu chàng lên gọi khẽ: “Anh ơi! Anh ơi! Hãy mở mắt nhìn em gái Thúy Thúy đây này!” Kim Định nghe tiếng gọi, mở choàng mắt, trong thấy vợ mình là Thúy Thúy đang nâng đỡ mình, chàng thở dài một tiếng rồi nói: “Được nhìn thấy em lần cuối, ta chết cũng nhắm mắt được rồi!” Nói xong, gắng sức ngồi dậy, gục đầu vào lòng Thúy Thúy, rồi tắt thở.

Thúy Thúy đau đớn khóc đến chết đi sống lại.

Sau khi mai táng cho Kim Định xong, Thúy Thúy suốt ngày không ăn không uống, mặt mũi lúc nào cũng nước mắt chan hòa, tinh thần luôn hoảng hốt. Ít ngày sau, nàng cũng ngã bệnh. Thế là giữ được lời hứa “Sống không được theo nhau thì chết theo nhau”, không hỏi thầy thuốc, cũng không uống thuốc, chỉ mong chết để giải thoát. Lúc hấp hối, Thúy Thúy khẩn thiết xin tướng Lý chôn nàng cùng chỗ với Kim Định.

Về sau, người ta trông thấy trong bãi cỏ hoang ở Hồ Châu có một ngôi mộ rất lớn, đó là mộ của đôi vợ chồng rất mực thương yêu nhau: Thúy Thúy và Kim Định.

Ác giả ác báo

(Nhị phách)

N Cảnh Thái triều Minh, ở một huyện tỉnh Vân Nam có một tài chủ lớn. Ông ta có hai con trai, con cả là Trương Dần con bà vợ cả đã chết. Con thứ là Trương Tân, con vợ kế. Trương Dần có học hành tốt, làm việc gì cũng khôn khéo, trơn tru, tài chủ giao cho anh ta vốn liếng hàng vạn quan để lo kinh doanh. Nhưng Trương Dần đã tính sẵn cả, chỉ cần cha chết đi là lập tức đuổi ngay mẹ kế và em nhỏ, một mình độc chiếm cái gia sản to lớn này.

Mấy năm sau, tài chủ chết. Bà mẹ kế biết rõ lòng tham của Trương Dần, bèn đòi chia gia sản. Trương Dần đòi nào chịu. Không làm sao được, bà ta bèn viết một tờ đơn thưa lên quan phủ Dương Tuần Đạo. Trương Dần xưa nay thường quen nịnh bợ quan lại để được việc, nên có sợ gì đơn kiện của đôi mẹ góa con cô này. Có điều, lá đơn đang nằm trong tay Dương Tuần Đạo, hắn cảm thấy hơi khó khăn. Hắn không biết ông quan này, lại nghe nói đây là một quan tham, ác nổi tiếng. Hắn bèn nhờ người quen đưa biếu Dương Tuần Đạo ba trăm lượng bạc tiền mặt với một cái bình gia truyền bằng vàng khảm ngọc, thêm một bộ cài đầu bằng vàng có giầy tơ, tất cả giá khoảng 500 lượng bạc. Dương Tuần Đạo nhận của hối lộ và bảo rằng vụ án này đảm bảo Trương Dần thắng, nếu không thắng được sẽ trả lại các đồ vàng bạc đó. Trương Dần nghe nói vậy, thấy phần thắng đã chắc trong tay, vui mừng khôn xiết, lại càng chẳng kiêng nể gì kẻ mẫu nữa.

Thế nhưng, trời sinh mưa gió chẳng thể lường, Trương Dần đã vui mừng quá sớm. Dương Tuần Đạo còn chưa kịp xét đến án này thì đã tới tiết Vạn Thọ tức là ngày lễ mừng sinh nhật Hoàng đế. Năm nay đến lượt Dương Tuần Đạo vào kinh để chúc mừng, ông ta thu xếp hành lý lên đường. Lúc sắp đi, ông ta nhờ người báo với Trương Dần rằng vụ án đợi ông ta trở về sẽ xử, Trương Dần cũng yên tâm.

Triều đình từ lâu đã không hài lòng vì hành vi tham tham, trái phép của Dương Tuần Đạo. Sau khi xong việc chúc mừng, Hoàng đế hạ chỉ cách chức Dương Tuần Đạo cho về quê cũ Tứ Xuyên an trí.

Nghe được tin này Trương Dần như bị sét đánh ngang tai. Hắn vốn là người keo kiệt háms lợi, sao lại có thể giương mắt nhìn năm trăm lượng bạc quẳng xuống sông xuống biển như vậy được? Hắn bèn nhờ quản gia trông coi nhà, mang theo bốn gia nhân từ Vân Nam đi tới Thành Đô. Sau khi tìm được nhà trọ rồi, Trương Dần do đi đường mệt nhọc nên cảm thấy buồn phiền sứt ruột, bốn gia nhân nói hay là tới thanh lâu tìm gái làng chơi cho đỡ buồn. Trương Dần nghe người ta nói vùng này có cô gái tên gọi Thanh Hưng Ca rất giỏi làm vừa lòng người, bèn muốn gặp cô ta.

Hôm đó, vừa hay Hưng Ca vắng khách, thấy có công tử con nhà giàu tới chơi thì ân cần sẵn đón. Trương Dần rất thích. Hôm sau, Trương Dần bảo gia nhân đem tất cả hành lý từ quán trọ chuyển sang nhà Hưng Ca, sắp xếp ở lại đó. Được ít lâu, tiền mang theo tiêu gần hết, Trương Dần bèn cáo biệt với Hưng Ca, nói rằng phải đi đến chỗ Dương Tuần Đạo ở Tân Đô lấy ít bạc rồi sẽ trở lại sống với nhau.

Trước kia, Dương Tuần Đạo ỷ quyền thế trong tay, có thể bừa bãi, nhưng bây giờ ông ta chẳng qua chỉ là một thân sĩ địa phương, chẳng có gì đáng sợ. Trương Dần bèn dẫn theo bốn gia nhân xông thẳng vào phủ Dương Tuần Đạo rồi nhấn lời vào trong rằng đến để đòi một số bạc hối lộ. Dương Tuần Đạo từ khi miễn quan về nhà, lòng tham càng tăng. Lão bày mưu tính kế, ngầm nuôi hơn 30 tên trộm cướp, bất cứ lúc nào lão cần là phải làm theo. Quan phủ biết lão rất gian xảo, dân chúng thì sợ lão có thể lực, thế là chẳng ai dám làm gì. Bây giờ, nghe nói Trương Dần từ Vân Nam tới Tân Đô la lối đòi lấy lại số bạc hối lộ, làm mất thanh danh của lão, lão bèn quyết định giết chết hết cả lũ chủ tớ đó. Lão gọi bọn trộm cướp đến để nghe lệnh, đồng thời lại bảo người nhà khoản đãi bọn Trương Dần thật nhiệt tình. Thấy lão đối xử chu đáo quá, Trương Dần nghĩ chắc lão không thể lật lọng nên cứ yên tâm ăn uống cho sảng miệng. Chén đến nửa đêm thì cả chủ tớ năm người đều say bí tỉ. Bọn trộm cướp khiêng chúng ra một chỗ rồi vung dao sắc lên, cứ mỗi nhát một tên, cả năm mạng đều toi hết.

Hơn một tháng sau, người nhà Trương Dần mãi mà không được tin tức gì của hắn, lo lắng vô cùng. Hai đứa con trai đành đi Thành Đô tìm cha. Nghe người ta nói năm trước có một người đến từ Vân Nam ở nhà cô gái điểm Hưng Ca, hai đứa bèn đến nhà Hưng Ca hỏi. Hưng Ca lấy hành lý của Trương Dần ra, nói rằng Trương Dần đi Tân Đô đòi tiền hối lộ Dương Tuần Đạo, bảo rằng đi hai ba ngày rồi về mà đến nay vẫn bật vô âm tín, chuyện này thật lạ!

Hai anh em bèn tới Tân Đô, vào trọ trong quán. Chủ quán thấy họ từ Vân Nam tới, lại hỏi thăm chuyện Dương Tuần Đạo, bèn kể chuyện năm ngoái có năm người, một chủ bốn tớ, đến đòi tiền Dương Tuần Đạo nhưng có đi mà không có về. Hai anh em nghe nói vậy thì biết là cha mình lành ít dữ nhiều rồi bèn không kìm lòng được, ôm mặt khóc ròng, rồi quyết tâm báo thù ch lập tức viết đơn đưa lên phủ Thành Đô.

Quan tiếp nhận vụ án này là Thạch Sát Viện vốn người chính trực thanh liêm, ông đã biết rõ từ lâu những chuyện độc ác của Dương Tuần Đạo, bèn lập tức phái thủ hạ là Sử Ứng và Ngụy Năng giả làm thương nhân đến chỗ của Dương Tuần Đạo bàn chuyện buôn bán với lão để thu thập chứng cứ giết người của lão.

Dương Tuần Đạo có một người quản gia họ Kỷ. Người này tính tình thẳng thắn, ăn ở biết điều, mỗi năm chỉ riêng chuyện buôn bán hoa đã kiếm cho chủ hai ngàn lượng bạc. Kỷ quản gia thấy có người từ xa tới giao thiệp buôn bán thì nhiệt tình dùng rượu ngon nhắm tốt chiêu đãi. Ba người trò chuyện rất vui vẻ, lại kết nghĩa với nhau như Lưu, Quan, Trương thời tam quốc nữa. Trong mấy tháng trời Sử Ứng, Ngụy Năng và Kỷ quản gia đã làm được năm sáu chuyến buôn. Hai người này mỗi lần tới Tân Đô đều ở lại chỗ Kỷ quản gia.

Một hôm, Sử Ứng nói đùa với Kỷ quản gia rằng ở đây được quan tâm mọi chuyện rất chu đáo, chỉ có một điều là chỗ ngủ không được yên, ban đêm thường có tiếng ma quỷ kêu. Kỷ quản gia nói: Có mấy người Vân Nam bị chết thảm ở đây, chắc là đêm đêm họ than khóc đấy. Hai anh em làm ra vẻ đã nghe nói chuyện này từ lâu và bảo: “Sao ta không làm ly rượu nóng đi cúng họ?” Thế là Kỷ quản gia đưa Sử Ứng và Ngụy Năng tới bãi đất trống

đó, trở một chỗ nói: “Họ được chôn ở dưới chỗ này”. Sử Ưng, Ngụy Năng làm như đứng trước bàn thờ, hướng lên trời vái, rồi tưới rượu xuống đất, trong lòng ngầm ghi nhớ kỹ chỗ đất chôn.

Ngày hôm sau, hai người từ biệt Kỷ quản gia, đi thẳng đến phủ Thành Đô, đem sự tình báo với Thạch Sát Viện. Để khỏi đứt dây động rừng, họ định đến cuối năm, Kỷ quản gia vào thành mua hàng Tết sẽ ghi lại khẩu cung rồi sẽ bắt hung thủ Dương Tuần Đạo. Đến cuối năm, quả nhiên Kỷ quản gia tới mua hàng Tết. Anh ta tới thăm Sử Ưng và Ngụy Năng. Quan phủ đã được tin trước, bèn sai hai tên công sai đưa Kỷ quản gia về nha môn. Kỷ quản gia biết rằng Dương Tuần Đạo tội ác đầy rẫy, trước sau thế nào cũng bị trừng phạt, bèn đem mọi chuyện mình biết được kể lại rõ ràng.

Thạch Sát Viện lập tức sai Sử Ưng, Ngụy Năng ngay đêm đó đi tới Tân Đô bắt Dương Tuần Đạo. Quan tri huyện Tân Đô tiếp được lệnh trên liền phái hơn ba trăm binh vây kín phủ họ Dương vào đêm 30, Dương Tuần Đạo đang cùng thê thiếp uống rượu vui vẻ. Đang say sưa thì Sử Ưng, Ngụy Năng phá cửa xông vào. Dương Tuần Đạo chưa kịp tránh thì đã bị tóm cổ, rồi đọc lệnh bắt ngay tại chỗ sau đó áp giải về phủ Thành Đô. Bọn công sai khác đào được năm xác chết vùi trong bãi đất cũng đưa cả về Thành Đô.

Sáng hôm sau, Thạch Sát Viện thăng đường. Mới đầu, Dương Tuần Đạo chối hết, lão khẳng khẳng nói: “Bảo tôi giết người thì chứng cứ đâu?” Thạch Sát Viện gọi Kỷ quản gia đến đối chất. Dương Tuần Đạo nói: “Hắn là quản gia của tôi, hắn bắt mẫn với tôi nên nhân chuyện này xả cho bớt tức đấy thôi”. Thấy lão gần chết mà vẫn còn ngang ngạnh, Thạch Sát Viện bèn bảo khiêng năm cái xác chết đầu lìa khỏi thân ra. Vừa nhìn thấy, Dương Tuần Đạo bỗng sợ hãi xanh xám mặt mày.

Hai đứa con Trương Dần thấy cha bị chết quá thảm khốc thì gào khóc đau đớn chỉ giận là không băm vằm được Dương Tuần Đạo ra làm trăm mảnh. Nhưng chúng không biết là cha chúng vì muốn độc chiếm tài sản nên mới nên nỗi như vậy.

Dương Tuần Đạo thấy nhân chứng, vật chứng đầy đủ cả thì sụm người xuống. Lão nói rằng do mình say rượu rồi quên cả tình nghĩa, đã ngộ sát những người đó, mong đại nhân thương tình xử nhẹ tội cho.

Dương Tuần Đạo tham lam phạm pháp, giết người như bõn, trời đất không tha. Thạch Sát Viện không do dự gì cả, bèn ký án xử tử hình, thi hành án ngay lập tức.

Gia sản nhà họ Trương cuối cùng cũng chia thành hai phần đều nhau: mẹ con kế mẫu một phần, còn phần kia thuộc hai anh em con Trương Dần.

Chàng Tôn được vợ

(Nhị phách)

Ở vùng Ngô Tùng có bà quả phụ họ Phương có cô con gái tên gọi Nhuận Nương, tuổi vừa mười bảy, xinh tươi đẹp đẽ. Mặc dù bà Phương tháo vát giỏi giang, giữ gìn con gái rất chặt chẽ, song vì nhà không có đàn ông nên Nhuận Nương không thể không ra ngoài làm ít công kia việc nọ. Người ngoài nhìn thấy dung nhan nàng ai cũng phải khen. Gần đây có chàng công tử họ Tôn con nhà gia giáo, dáng vẻ phong lưu, thường qua lại trên đường và gặp mặt Nhuận Nương. Hai người đều mới trưởng thành nên đầu mày cuối mắt nhìn nhau như vậy, bất giác thấy tình cảm xúc động. Bà Phương những lúc buồn tẻ cũng hay gọi chàng Tôn tới nhà uống trà chuyện vãn. Những lúc đó, chàng Tôn bèn tranh thủ bắt chuyện với Nhuận Nương.

Một hôm, Nhuận Nương mặc chiếc áo màu hồng nhạt ngồi thêu trước cửa sổ. Gió xuân hây hây thổi qua, gương mặt Nhuận Nương như đoá hoa đào trông thật xinh đẹp. Chàng Tôn đứng ngoài nhìn thấy không kìm lòng được, dừng lại ngắm. Nhuận Nương thẹn quá, giả vờ không thấy gì. Chàng Tôn bèn cất lời bắt chuyện, Nhuận Nương sợ mẹ nhìn thấy bèn làm ra vẻ giận dữ nói: “Đang thanh thiên bạch nhật, đứng làm gì trước cửa nhà người ta như thế?” Nói rồi đi vào nhà trong. Chàng Tôn vẫn cứ trân trân đứng trước cửa sổ, nghĩ bụng: “Nàng ta nói như vậy có phải có ý bảo ta đến tối hãy sang chăng?”

Đến tối, chàng ta lẳng lặng đến trước cửa nhà Nhuận Nương đứng đợi. Trời tối đen, đường lặng ngắt. Một lúc sau, chàng ta nghe tiếng kẹt cửa, rồi một người đi ra, nhìn mờ mờ thấy đúng là Nhuận Nương mặc áo màu hồng nhạt. Chàng Tôn mừng cuống, vội chạy tới ôm ngang lưng nàng và nói: “Nhuận Nương ta nhớ nàng quá”. Không ngờ, người kia quay lại tát luôn cho một cái và chửi là quân gian tặc không biết xấu hổ. Thì ra, đó không phải là Nhuận Nương mà là bà Phương. Đang nửa đêm bà ta khoác áo con gái đi ra nhà cầu. Chàng Tôn tự chuốc lấy họa nên hoảng hồn vội co cẳng

chạy. Bà Phương còn chưa hết giận, bụng nghĩ mình thường lo lắng quản con gái rất chặt, thế mà cuối cùng nó lại đi tăng tịu với gã Tôn này, thế là dồn tất cả bức bối lên đầu Nhuận Nương. Nhuận Nương bị chửi mắng té tát mà không dám giải bày. Nàng ta vừa ức vừa buồn, ức vì mình vốn đường đường chính chính chứ đâu có hạ tiện như mẹ nói, buồn vì mẹ làm âm ỉ lên như vậy, chàng Tôn còn mặt mũi nào mà gặp lại mình nữa, duyên phận giữa mình và chàng khó mà kết quả. Bà Phương chửi mắng mệt rồi, lăn ra ngủ. Nhuận Nương thì khóc lên khóc xuống, lòng dạ nguội lạnh dần, rồi nảy ra ý nghĩ muốn chết. Nhân lúc mẹ ngủ s nàng bèn lấy chiếc khăn thắt lưng treo mình tự tận.

Ngày hôm sau, bà Phương tỉnh dậy, nhớ lại chuyện đem qua, vẫn còn thấy bức, lại chửi mắng tiếp. Thấy con gái cứ im lặng, bà ta bèn xô cửa vào thấy Nhuận Nương đã không còn sống nữa. Vừa giận vừa hối hận, bà ta cứ dậm chân đấm ngực la khóc om sòm. Rồi nghĩ: Nếu không có gã họ Tôn kia quyến rũ thì làm sao con gái mình đến nỗi như vậy! Bèn định bụng đi kiện quan. Là người thô lỗ nhưng gặp việc cũng có kế mưu, bà ta bèn đến nhà họ Tôn, tươi cười nói với chàng Tôn: “Cậu đã yêu mến Nhuận Nương, sao không tìm người làm mối mà cưới nhau cho đàng hoàng? Nhuận Nương bây giờ đang muốn cậu tới nói chuyện đó”. Chàng Tôn cho rằng bà ta đã đổi ý, bèn đi theo đến chỗ Nhuận Nương. Vừa bước vào phòng, bà Phương lập tức khóa cửa trái lại rồi đứng ngoài chửi. Chàng ta nghe bà ta chửi mình là đã giết chết Nhuận Nương thì kinh hãi há mồm tròn mắt, quay lại nhìn thì thấy đúng là Nhuận Nương đang nằm thẳng đờ trên giường, lại nghe bà ta dọa lại đưa mình đến cửa quan kiện bắt đền mạng. Thế là biết mình đã mắc lừa.

Bà Phương đi kiện, chàng Tôn ở trong phòng trông cái thân hình bất động của Nhuận Nương. Chàng ta nghĩ đến Nhuận Nương rồi nghĩ đến mình, còn đang tuổi thanh xuân mơn mớn, chưa kịp thật sự yêu thương nhau đã phải lìa xuống suối vàng. Cứ nghĩ đi nghĩ lại mãi, chàng cảm lòng chẳng đậu, nước mắt như mưa. Qua làn nước mắt, thấy gương mặt Nhuận Nương vẫn tươi đẹp như hoa đào, chàng liền âu yếm áp má mình nhẹ nhẹ lên má nàng. Bỗng chàng cảm thấy da thịt nàng còn mềm mại, âm ẩm, mũi

cũng có hơi thở rất nhẹ, bèn lập tức đỡ nàng dậy. Nhuận Nương khò khò mấy tiếng trong cổ họng rồi ới ra một ít đờm. Cuối cùng, nàng thở lại được, lơ mơ thấy chàng Tôn đang đỡ mình, tưởng là trong mộng bèn tựa vào chàng mà khóc. Chàng Tôn thấy Nhuận Nương chưa chết, mừng rỡ vô cùng, bèn khuyên nàng đừng quá đau lòng, bà Phương nhốt hai người trong phòng chẳng phải là muốn tác thành cho hai người đó sao?

Bà Phương đi từ sớm, đến tối vẫn chưa thấy về, hai người bị khóa chặt trong phòng, thấy đói bụng. Nhuận Nương bèn tìm gạo nấu cơm, chàng Tôn nhóm củi, nghiêm nhiên vui vẻ bên nhau như đôi vợ chồng thật sự.

Thì ra bà Phương tới cửa quan không may gặp phải lão quan tham. Thấy bà ta không có tiền hối lộ, lão gây khó khăn, phán là Nhuận Nương chết vì bệnh, rồi lại bảo bà Phương xui con gái quyến rũ người. Bà Phương ùng ùng tức

Ba ngày sau, quan mới cho công sai theo bà Phương về khám hiện trường. Bà Phương mở khóa, thấy lo lo: gã Tôn này chắc chưa chết đói? Nếu hắn chết đi như vậy thì sự việc chẳng quá dễ dàng sao? Nhưng nghe bên trong có tiếng cười nói, bà ta đâm nghi, bèn đẩy cửa vào, thấy Nhuận Nương với chàng Tôn sống sờ sờ đang nói đang cười. Bà ta giờ gậy lên định đánh nhưng tên công sai ngăn lại. Bà ta bảo tên công sai giải chàng Tôn lên phủ, chàng Tôn nói: “Nhuận Nương không có chết, sao lại bảo là tôi giết chết nàng? Tôi với Nhuận Nương biết nhau từ nhỏ, tình cảm hợp nhau, sao lại bảo là gian dối? Bây giờ, bà nhốt hai chúng tôi mấy ngày trong cùng một phòng, vậy là bà có ý tác thành cho chúng tôi rồi. Sao còn phải lên quan làm gì nữa?” Công sai nghe nói có lý, cho rằng bà Phương này vu cáo, bèn đòi tiền uống rượu rồi quay về phủ. Bà Phương đã phí bao công sức, lại phải đưa tiền rượu mà không kiện được chàng Tôn, ngược lại phải mất không con gái cho chàng ta.

Chàng Tôn bèn chọn ngày tháng tốt, cùng Nhuận Nương thành vợ thành chồng.

Thật là:

Nhân duyên hữu phận bất tu mang

Tự hữu thiên công tác chủ trương

Bắt thị nhất phiên hàn triệu cốt
Châm đắc mai hoa phúc tỵ hương!
(Nhân duyên có phận khỏi lo
Trời xanh giáng phúc giúp cho vẹn toàn
Nếu không có trận đại hàn
Thì sao có được mai vàng tỏa hương

Kinh kim cương

(Nhị phách)

Nhà thơ lớn đời Đường Bạch Cư Dị đã nổi tiếng trong thiên hạ vì bài “Trường hận ca” và bài “Tỳ bà hành”. Tương truyền lúc cuối đời ông tự xưng mình là “Hương Sơn cư sĩ”, chú tâm niệm Phật tụng kinh, phát nguyện chép tay 100 quyển “Kim cương bát nhã kinh”. Qua mấy trăm năm binh hỏa chiến loạn, một trăm quyển sách đó đã thất tán chẳng biết đi đâu. Cuối cùng người ta chỉ tìm thấy một quyển ở trong một ngôi chùa trên núi Động Đình vùng Thái Hồ đất Ngô Trung. Thế là các tao nhân mặc khách bốn phương, các hiền sĩ nổi tiếng, đều tấp nập tới đó để xem, để bái lạy, để đề lời bạt lưu danh. Vì thế nên quyển kinh này càng thêm quý, các tăng lữ trong chùa xem là vật báu ngàn năm.

Năm 43 đời Gia Tĩnh triều Minh, đất Ngô Trung bị lũ lụt triền miên, mùa màng ngập hết, tai họa nghiêm trọng, đói khát khắp nơi. Số tăng lữ trong chùa ở núi Động Đình quá đông, bình thường sống dựa vào sự bố thí của thiện nam tín nữ, bây giờ dân nghèo gạo hết, các thí chủ đâu còn lương thừa mà bố thí nữa, các sư lo lắng vô cùng. Bây giờ có một ông sư Pháp danh Biện Ngô nghĩ ra một cách: Dem quyển “Kinh Kim Cương” vẫn cất giữ trong chùa ra tìm một hộ có hiểu biết về đồ cổ để đổi lấy ít gạo về dùng lúc khó khăn trước mắt, khi nào nạn đói qua đi sẽ tới chuộc lại. Các sư người đồng ý, người phản đối, không nhất trí được. Cuối cùng vị sư trụ trì quyết định rằng: so với chuyện chết đói thì thà làm theo cách của Biện Ngô. Thế là ông sai Biện Ngô lo việc này.

Biện Ngô có một người bạn họ Nghiêm là người mộ đạo hay bố thí, làm Đô quản trong phủ Tướng quốc. Biện Ngô nghĩ bụng: Nghiêm Đô quản vị tất đã biết được giá trị của quyển sách, song nhất định anh ta đã có nghe nói đến. Hơn nữa, bạn bè với nhau nhiều năm, chắc chắn thế nào anh ta cũng giúp đỡ. Thế là mang sách ngồi thuyền đi thẳng tới phủ Tướng quốc. Gặp nhau, Biện Ngô nói rõ vì sao mình lại đến đây, Nghiêm Đô quản đúng là có

nghe nói đến quyển sách kinh quý cất giữ trong chùa Động Đình, giá trị ngàn vàng, song chưa được nhìn thấy. Anh ta nghĩ bạn của mình đã nhờ cậy thì nhận lời, một là được tiếng tốt, hai là được mở rộng tầm mắt. Bèn bảo đưa sách cho xem. Nghiêm Đô quản cứ nghĩ một thứ giá trị ngàn vàng thì phải vàng ngọc lóng lánh trông lóa cả mắt, ai ngờ cái mà Biện Ngộ đưa ra lại chỉ là bọc giấy cũ mốc xộc xệch. Anh ta hơi thất vọng, bèn giơ tay lật lật, thấy sau sách có nhiều bút tích và dấu ấn của rất nhiều danh nhân tao nhã, trong đó có cả tên của quan Tướng quốc. Lúc này anh ta mới tươi cười, nhận lấy sách và trả cho Biện Ngộ năm mươi thạch gạo, gọi người viết cái phiếu kẹp vào sách cẩn thận, Biện Ngộ đem năm mươi thạch gạo hơn hở về chùa.

Phu nhân của quan Tướng quốc suốt đời tôn trọng các đệ tử nhà Phật, kính mộ các kinh sách Phật. Một hôm, nhân lúc rảnh rỗi, bà tới thư phòng lật tìm sách đọc, bỗng thấy trong một bọc sách cũ kỹ có một tờ giấy nhỏ trên đề: “Ngày mỗ tháng mỗ năm mỗ, quyển nhất “Kinh Kim Cương”, tại ngôi chùa mỗ núi Động Đình, năm mươi thạch gạo”. Bà chợt nhớ ra nhất định sách này là sách quý “Kinh Kim Cương” trên chùa núi Động Đình mà Tướng quốc luôn nhắc tới đây. Nếu cứ để ở trong phủ thì thật là khinh nhờn kinh sách, rồi còn bị người ta nói là kiếm lợi trước đức Phật nữa chứ. Năm mươi thạch gạo cũng xem như mình bố thí suốt năm rồi. Thế là cho người đến chùa bảo tới mà nhận sách kinh về.

Được tin khắp chùa trên dưới đều rất vui mừng. Sư trụ trì bèn sai Biện Ngộ tới phủ Tướng quốc. Biện Ngộ cảm tạ Tướng quốc phu nhân rất nhiều rồi mang sách xuống thuyền trở về chùa.

Hôm đó, khách tới lễ chùa đông vô cùng. Biện Ngộ cùng ngôi chung thuyền với họ. Nửa chừng mới nói cái chuyện gặp may và chuyện trả lại sách kinh cho mọi người nghe. Những người đi lễ từ lâu đã nghe nói “Kinh Kim Cương” đáng giá ngàn vàng mà chưa hề được nhìn thấy, bây giờ nghe nói đang nằm trong bọc của Biện Ngộ thì xôn xao cả lên, bảo anh ta lấy ra cho xem một chút. Biện Ngộ không làm sao từ chối được, bèn lấy ra để lên ván thuyền. Bỗng có một trận gió to, mọi người xúm lại đề lấy sách, song trang đầu đã bay lên không trung rồi liệng theo gió bay đi mất. Biện Ngộ

dậm chân đấm ngực ân hận mãi. Anh ta bọc lại quyển kinh, buồn bã đi về chùa, đưa cho sư trụ trì. Sư trụ trì trân trọng cất kỹ mà không biết trang kinh đầu đã m

Bấy giờ quan Thái thú họ Liễu mới đến trấn nhậm phủ Thường Châu vốn là người tham lam, nghe nói có sách “Kinh Kim Cương” giá đến ngàn vàng thì thấy ham. Một hôm, huyện Giang Ân bắt được một bọn cướp trong đó có một hòa thượng đi lang thang. Liễu Thái thú thấy đây là cơ hội để chiếm lấy “Kinh Kim Cương” rồi, bèn bí mật sai người gặp hòa thượng đó, bảo rằng muốn được tha thì hãy cứ khai có quan hệ với sư trụ trì chùa Động Đình, thường đồ cướp được đều giấu ở chùa đó. Lúc thăng đường thẩm vấn, hòa thượng này khai như thế thật. Thái thú rất mừng, lập tức sai người đến núi Động Đình, bắt trói sư trụ trì giải về Thường Châu giam vào ngục lao. Lại sai người gọi Biện Ngộ đem nộp ngay quyển “Kinh Kim Cương” vào phủ Thái thú, có vậy thì sư phụ và ngôi chùa mới yên, nếu không sư phụ sẽ bị chết, chùa sẽ bị thiêu rụi. Biện Ngộ không dám tự quyết, bèn vào nhà lao nói cho sư phụ biết. Sư trụ trì ngẫm nghĩ một lúc rồi đành đồng ý dùng “Kinh Kim Cương” để đổi mạng cho bản thân và các sư trong chùa.

Biện Ngộ tức tốc chạy về chùa lấy “Kinh Kim Cương” đem tới. Quan Thái thú này cũng giống như Nghiêm Đô quản, cứ tưởng tượng quyển sách kinh này là báu vật bằng vàng lóng lánh rực rỡ. Đến khi mở được bọc giấy ra thì chỉ thấy tập giấy cũ xộc xệch, nhìn kỹ thì thấy mất cả trang đầu, ông ta thất vọng quá, mới nghĩ: “Trên đời này thiếu gì thứ chỉ có danh hảo, quyển sách này có lẽ cũng vậy, mình lấy cái thứ vớ vẩn đọc cũng chẳng hiểu này làm gì?”

Thế rồi trả lại sách kinh, tha cho sư trụ trì về, chuyện xem như kết thúc.

Sư trụ trì được tha. Ông cảm thấy chuyện này thật lạ. Biện Ngộ mới kể cho sư phụ nghe chuyện hồi trước ở Thái Hồ, gió thổi bay mất tờ kinh. Sư trụ trì cảm khái nói: “Nếu như không phải gió thổi bay tờ đầu thì bây giờ ắt là có ta mà không có kinh, có kinh mà không có ta rồi!”

Hai thầy trò mang sách kinh về chùa. Lúc đi đến cạnh cầu Phong Kiều, bỗng trời đất tối sầm, một trận cuồng phong nổi lên, rồi mưa rất lớn, hai người mất phương hướng không biết lối nào mà đi nữa. Một lúc sau, Biện

Ngộ trông thấy xa xa có một luồng ánh sáng lóe lên trên trời, hai thầy trò bèn đi về hướng đó. Tới gần, thấy chỗ có luồng ánh sáng là một căn nhà tranh, trong nhà có một ông già gõ mõ tụng kinh. Hai thầy trò gõ cửa vào. Ông già thấy người vị sư vội mời ngồi. Biện Ngộ ngồi yên chỗ rồi mới nhìn xung quanh gian nhà, thấy trên tường có dán một tờ giấy, nhìn kỹ rồi kêu lên: “Quái lạ, quái lạ!” Sư trụ trì cầm đèn đến gần coi kỹ cũng thất kinh: Tờ giấy dán trên tường đó chính là tờ đầu cuốn sách “Kinh Kim Cương”. Hồ Động Đình lớn như thế, trang giấy thì nhỏ như thế, làm sao lại có thể lạc vào nhà ông già này vậy?

Thì ra ông già này từ nhỏ nghèo khó không được đi học song rất mộ Phật, một lòng một dạ tu hành. Vì không biết chữ, không biết đọc kinh nên lão rất khổ tâm. Thế nên mỗi khi nhìn thấy một cuốn sách hay một trang chữ nào là lão luôn nâng niu trên tay. Một buổi tối, trước căn nhà tranh của lão thấy rớt xuống một tờ giấy, lão nhặt lên cất đi. Sau có một tu sĩ đi qua bảo rằng đây là tờ đầu của sách “Kinh Kim Cương”, từ ngàn xưa truyền lại, bảo lão hãy gìn giữ cho kỹ. Lão bèn dán lên tường, hàng ngày vái lạy, ngắm nghía mấy lần. Một hôm, tự nhiên lão thấy sáng lòng sáng mắt, đọc được hết các chữ trên tờ giấy. Bây giờ, nhìn thấy tờ giấy đó với quyển sách kinh mà Biện Ngộ lấy trong người ra cùng cỡ giấy với nhau, màu sắc cũng y hệt, lão bèn gỡ xuống trả lại cho chủ cũ. Sư trụ trì nâng quyển kinh hoàn chỉnh lên, cảm động nói: “Nếu như không có lão Thái thú độc ác làm khổ như vậy, thì chúng ta cũng chẳng đến đây và cũng chẳng có lại được trang giấy này, cho nên, mọi chuyện trên đời, họa phúc nương nhau, gặp họa chưa chắc đã toàn là khổ, gặp phúc chưa chắc đã toàn là sướng”.

Ngày hôm sau, ông già đi theo hai thầy trò về chùa. Ông ta mời một người thợ bồi giấy có tiếng dán lại quyển “Kinh Kim Cương” thành quyển sách mới, sau đó cùng với các sư trong chùa thắp hương niệm “Kinh Kim Cương”.

Chiếc gương báu

(Nhị phách)

Năm Long Hưng đời Tống, ở huyện Lạc Sơn tỉnh Tứ Xuyên có một người đánh cá tên gọi Vương Giáp. Vương Giáp không giàu có gì rất tốt bụng, hay làm điều tốt giúp đỡ người. Một hôm đang cùng với vợ giăng lưới bắt cá, bác ta nhìn thấy dưới đáy nước như có vật gì sáng lóe, bèn vớt lên xem thì thấy một cái gương cổ, trên có khắc bốn chữ “Tụ bảo chi kính”. Hai vợ chồng đều không biết chữ nên không hiểu giá trị của cái gương, bèn cầm về nhà cất để đấy.

Lại một hôm, Vương Giáp một mình đánh cá ở bên sông, thấy trên bãi có hai hòn đá nhỏ bằng hạt sen, trong vắt và sáng lóng lánh. Bác ta bèn nhặt lấy đem về nhà lấy vải bọc lại rồi đeo lên thắt lưng. Mấy hôm sau, có người Ba Tư qua nơi này, nhìn thấy Vương Giáp bảo ngay rằng trong người bác ta có báu vật. Đoán chắc người này biết xem ngọc, Vương Giáp bèn lấy hai viên đá nhỏ đó ra cho ông ta xem. Ông ta vừa nhìn thấy đã nắc nỏm không ngớt, rằng đây là hai viên “đá lọc nước”, nó có thể làm nước đục thành trong, biến nước biển mặn thành nhạt. Rồi ông ta bỏ ra ba vạn đồng mua hai viên đá đó. Thấy ông ta đúng là người biết quý của, Vương Giáp bèn lấy cái gương cổ ra. Người này nhìn thấy lập tức vái lạy nói: “Đây là cái gương quý, vô cùng kỳ diệu, ông phải cất giữ cho cẩn thận”. Vương Giáp bảo người đó hãy mua luôn cả cái gương này đi. Người đó nói: “Không phải bất cứ ai cũng có thể có được gương này. Tôi có được một báu vật đá lọc nước là đủ lắm rồi”. Nói xong từ biệt rồi bỏ đi. Vương Giáp nghe lời, cất thật kỹ cái gương cổ đi.

Kể cũng lạ, từ khi có được cái gương, Vương Giáp như được vận đỏ, vàng bạc của cải cứ tự nhiên tới. Chẳng bao lâu, trong nhà nào hũ nào bình, toàn để đầy vàng bạc. Thấy vậy, hai vợ chồng đâm lo, một là vì suốt đời họ quen ăn uống rau dưa, chẳng cần gì nhiều vàng bạc như vậy, hai là số của này không phải tự mình làm ra, sợ rằng trời chẳng để yên. Họ bàn nhau

mãi, cuối cùng đem tất cả vàng bạc ra bố thí cho người nghèo khó. Còn cái gương thì đem biếu Thiền viện Bạch Thủy ở núi Nga My. Thế là hai người ăn chay mười mấy ngày rồi chân thành mang cái gương đi tặng.

Sư trụ trì Thiền viện Bạch Thủy là Pháp Luân từ lâu đã nghe nói đến cái gương thần kỳ ở nhà Vương Giáp, bây giờ thấy vợ chồng Vương Giáp thành tâm đến tặng thì nẩy lòng tham, định chiếm lấy làm của riêng. Đợi cho vợ chồng Vương Giáp đi khỏi, lão bèn tìm một người thợ giỏi làm một cái gương giống hệt như vậy. Lão trả rất hậu cho người thợ đó và dặn rằng phải giữ bí mật. Lão đem giấu chiếc gương quý đi rồi đem gương giả đặt sau chỗ tượng Phật, tự nghĩ rằng sẽ chẳng ai biết được.

Pháp Luân có được gương quý rồi, từ đó tiền của bạc vàng cứ tự nhiên đến. Lão bắt đầu xây cất, tu sửa ngôi chùa rất lộng lẫy, rồi lại mua rất nhiều kẻ hầu người hạ. Chỉ một thời gian, ngôi chùa trở nên thịnh vượng, giàu có không sao kể hết.

Còn Vương Giáp, từ sau khi dâng biếu cái gương rồi, nhà ngày càng càng sa sút, hai vợ chồng cũng đã lớn tuổi không có sức đi giăng lưới bắt cá nữa, cuộc sống ngày càng cực khổ. Nghĩ lại hồi trước cái gương đã mang lại cho bao nhiêu là tiền của, họ thấy tiếc. Thế rồi họ quyết định đi đến Thiền viện Bạch Thủy đòi lại chiếc gương để cuộc sống yên ổn lúc tuổi già.

Đến nơi, Vương Giáp cứ lo là Pháp Luân sẽ từ chối không trả lại, nào ngờ vừa nghe nói lão rất bình thản trả lời rằng: “Gương báu vốn là vật ngoài thân, bây giờ nên trở về với chủ cũ thôi”. Lão bảo Vương Giáp tự trèo lên bệ Phật lấy gương xuống. Vương Giáp nhìn kỹ cái gương thấy hoàn toàn giống cái gương trước, bèn yên tâm mang về.

Về nhà rồi, hai vợ chồng ngày ngày mong ngóng gương quý mang lại vận đỏ cho mình, vàng bạc lại cứ tự nhiên mà tới, nhưng chờ mãi chẳng hề thấy vận đỏ nào. Họ vẫn sống rất khổ cực, trong khi đó Thiền viện Bạch Thủy vẫn cứ thịnh vượng, tiền của bạc vàng đổ vào như nước thủy triều dồn đến. Thấy vậy, có người nói có lẽ vị sư trụ trì Thiền viện đã giấu cái gương thật đi mà trả lại cái gương giả, vậy là tham quá! Người thợ làm gương kia trước đây không biết Pháp Luân bảo làm gương để làm gì, nay nghe người ta bàn tán như vậy mới biết điều bí mật, bèn nói toạc chuyện ra.

Ở phủ Thành Đô có một viên quan Đề hình tên là Hồn Diệu. Viên quan này cũng tham lam. Khi nghe nói ở Thiền viện Bạch Thủy từ khi có được cái gương báu đã vô cùng giàu có, lão nghĩ mình có quyền thế, nhất định sẽ chiếm được cái gương đó. Bèn sai một kẻ tâm phúc là Tống Hỷ đến Thiền viện để đòi gương. Tống Hỷ đến nơi, nói cho Pháp Luân biết ý muốn của quan Đề Hình. Pháp Luân nói Thiền viện Bạch Thủy trước đây quả có cái gương quý do thí chủ Vương Giáp cúng, nhưng bây giờ thí chủ đó đã lấy lại rồi nên chùa không còn cái gương nào cả. Rồi Pháp Luân ngầm đút cho Tống Hỷ rất nhiều bạc, bảo y cứ về nói với quan như vậy.

Hồn Diệu vừa nghe Tống Hỷ nói lại nổi trận lôi đình, quát: “Ta tra xét thấy có rõ ràng mà lão dám bảo là không có. Người hãy đi lấy về cho ta, nếu lão không nộp, ta sẽ giết sạch lũ lừa lọc đó!”

Tống Hỷ lại đành phải đến Thiền viện. Pháp Luân vẫn khẳng khái nói là Vương Giáp đã đòi cái gương về rồi, trong chùa hiện không có gương báu. Rồi lão lấy một ngàn lượng vàng bảo Tống Hỷ đem về biểu quan Đề Hình.

Quan nhìn thấy vàng cười híp mắt lại, nhưng rồi lại nghĩ nếu như có được cái gương báu thì sẽ muốn gì có nấy, cần gì số vàng này? Còn lão Pháp Luân, đã nói rành rành rằng gương báu đã trả về chủ cũ, tại sao lại còn đem nhiều vàng thế này hối lộ ta? Thế là quan Đề Hình kết tội Pháp Luân hối lộ quan, và cho rằng lão đang ở trong tay mình, ra lệnh bắt Pháp Luân giam vào ngục. Nhân chứng, vật chứng đều đầy đủ, quan Đề Hình cho rằng thế nào Pháp Luân cũng phải chịu, nên ngày ngày cho người dùng nghiêm hình khảo đả Pháp Luân bắt lão phải nộp gương báu. Thế nhưng Pháp Luân cứ một mực nói rằng gương báu đã trả lại cho Vương Giáp. Quan tức lắm, sai đánh Pháp Luân thừa sống thiếu chết, nhưng vẫn không biết cái gương đang ở đâu, bèn sai bốn tên công sai tới thẳng Thiền viện lục soát hết trong ngoài.

Pháp Luân có một đồ đệ là Chân Không vốn rất khôn ngoan lanh lợi, xưa nay việc gì cũng làm theo sư phụ. Pháp Luân xem y là người tâm phúc, chuyện gì cũng nói cho y biết. Hôm đó, Tống Hỷ vừa đi khỏi, Pháp Luân có linh tính là sẽ rắc rối to, bèn lập tức cùng Chân Không đem giấu kỹ tất cả

mọi của cải vàng bạc trong chùa trong đó có cả cái gương báu. Lúc Pháp Luân bị công sai giải đi, Chân Không an ủi lão rằng: “Sư phụ cứ yên tâm, Chân Không này nhất định sẽ dùng vàng bạc đánh thông mọi khâu để cứu sư phụ”.

Thế nhưng, Chân Không là tên khẩu Phật tâm xà, y thấy sư phụ bị bắt như vậy thì như mở cở trong bụng: món tài sản lớn như thế, lại thêm cái gương báu nữa, đủ cho ta sung sướng suốt cả đời! Thế là ngay đêm ấy, y thu gom của cải quý giá trốn đi. Đến lúc Tống Hỷ và bốn tên công sai tới thì đã thấy trống không. Người trong chùa nói: “Chân Không gánh tiền của đi cứu sư phụ rồi”. Tống Hỷ chỉ đành tay không trở về bẩm báo.

Ở trong ngục, Pháp Luân ngày ngày trông ngóng đồ đệ đến cứu, bây giờ nghe cai ngục nói Chân Không đã vợ vét tất cả của cải trong chùa trốn đi rồi thì căm giận vô cùng, lại thêm suốt ngày bị nghiêm hình khảo đả, ông sư quen sống sung sướng đầy đủ này chịu sao cho nổi nên đêm đó đã lìa đời ngay trong ngục.

Chân Không trốn ra khỏi vùng, thuê một tên phu, rồi xuyên núi vượt khe, đi về hướng Lê Chân. Y định tìm một nơi yên tĩnh đẹp để sống thật thoải mái cuộc đời thế tục. Nhưng đang đi thì bỗng trời đất mù mịt tối sầm, không còn nhìn ra phương hướng nữa. Lúc đó, bỗng từ đám mây mù lóe lên một người. Người này trông rất uy nghi, tay cầm cây phượng thiên họa kích, chặn đứng bọn Chân Không lại. Tên phu sợ quá vứt bỏ gánh đồ, co chân chạy. Chân Không hoảng hồn ôm lấy cái gương báu đâm đầu nhào về phía trước rồi loạng choạng lao vào rừng sâu. Bỗng một trận cuồng phong nổi lên, một con hổ dữ từ trong rừng xuất hiện cắn chết tươi Chân Không. Hôm đó, vợ chồng Vương Giáp đi tìm người bà con, đến chỗ đầu khe suối bỗng nhìn thấy một gánh đồ vứt ở giữa đường. Đến gần nhìn thấy toàn là vàng bạc của cải. Hai vợ chồng nghĩ chắc là người gánh mệt quá đi tìm chỗ nào nghỉ chân. Họ cứ đứng canh cái gánh, mãi cho đến lúc mặt trăng đã lặn vẫn không thấy ai lại lấy. Vương Giáp bèn nhắc gánh đem về nhà. Họ đâu có biết số vàng bạc của cải đó đều là do cái gương báu đem lại.

Về đến nhà, hai vợ chồng đem số vàng bạc của cải đó phân phát hết cho những người nghèo khổ không nơi nương tựa, còn họ thì vẫn sống thanh

bạch như cũ.

Của phi nghĩa chẳng bền lâu

(Nhị phách)

Thời nhà Tống, ở thôn Tào Nam thành Biện Lương có một chàng tú tài họ Chu tên Vinh Tổ, tên chữ Bá Thành. Nhà họ Chu này nhiều đời làm nghề kinh doanh buôn bán, gia sản rất lớn. Vợ chàng ta là Trương Thị, mới sinh được đứa con trai là Trường Thọ, con còn nhỏ, Chu Tú Tài phải lên đường vào kinh ứng thí. Vì không nỡ xa vợ yếu con thơ nên chàng ta quyết định đem đi theo cùng. Trong nhà có một số vàng bạc ông cha để lại mang đi đường không tiện, chàng ta bèn đào một cái hố ở chân tường sau nhà, đem chôn xuống đấy. Sau đó, tìm một người trông nom nhà cửa rồi lên đường.

Một đêm, người coi nhà ngủ quá say, kẻ trộm lẻn vào lấy hết sạch sẽ mọi đồ vật. Không còn gì để sống, người coi nhà chỉ đành buồn bã lủn quẫn trong thôn.

Trong thôn có một gã lưu manh tên gọi Giả Nhân. Mọi người đều gọi gã là Cùng Giả Nhi. Hôm đó, Cùng Giả Nhi không có việc gì làm, đi loanh quanh trong thôn. Người coi nhà cho Chu Tú Tài thấy hẩn bông nảy ý khôn ngoan, nghĩ bụng nhà này bị lấy trộm hết chẳng còn thứ gì có thể bán được nữa, chỉ có bức tường ở vườn sau ta bán lấy tiền tiêu qua ngày. Thế là anh ta gọi Cùng Giả Nhi đến nói chuyện bán bức tường. Cùng Giả Nhi thấy cũng có thể kiếm chút ít nên bằng lòng mua. Mấy hôm sau, Giả Nhân mang búa đến để phá bức tường. Vừa đập được một góc thì thấy lộ ra một tảng đá, dưới tảng đá có một cái vò đựng đầy vàng và bạc, cục lớn cục nhỏ, lấp la lấp lánh trong hố tối. Giả Nhân mừng hú, ghen cả thở, vội vàng bỏ hết vàng bạc vào cái sọt xúc đất, trên phủ kín đất cát rồi gánh từng gánh về căn nhà nát của mình đem chôn kỹ.

Thần không biết, quỷ chẳng hay, chỉ trong một đêm mà Cùng Giả Nhi trở thành cự phú. Sợ mọi người sinh nghi, hẩn bắt đầu làm việc buôn bán lật vật, sau đó mua một căn nhà, chuyên số vàng bạc trong căn nhà nát về đó,

rồi lấy vợ, mở cửa hàng hàng hoàng, mở tiệm bán tương, tiệm bán dầu, tiệm bán rượu, rồi trở thành nhà buôn lớn trong vùng. Mọi người đều cho là hẳn biết cách kinh doanh, đổi cách nhìn với hẳn, không gọi hẳn là Cùng Giả Nhi nữa mà gọi là Giả Viên ngoại.

Giả Viên ngoại tuy càng ngày càng buôn bán lớn, song không có được mụn con nào, gia tài như vậy mà không có người thừa kế, vì vậy mà buồn bã chán nản. Sau mới bàn với vợ rằng nếu có đứa con trai nhà nào tốt lành thì mua lấy một đứa cũng được. Được vợ đồng ý, Giả Viên ngoại bèn nhờ người quản gia là Trần Đức Phủ đi lo chuyện đó. Trần Đức Phủ lại đi nhờ những người làm công ở các cửa hàng khác.

Lại nói Chu Tú Tài đem vợ con lên kinh ứng thí, do vận khí không may nên thi trượt, khi trở về nhà, nhìn thấy gia tài sạch không, buồn bực quá bèn bán luôn cái nhà, đưa nhau đến nhà bà con ở Lạc Dương. Thế nhưng lại không may nữa, nhà bà con ở Lạc Dương đã dọn đi nơi khác từ lâu. Không làm sao được, chàng ta lại phải mang vợ con quay về Tào Nam.

Lúc này đang lúc mùa đông giá rét, cả nhà không có lấy một đồng xu, chẳng nơi sinh sống, chỉ đành đi lang thang nơi đường phố ngõ xóm. Một hôm, tuyết rơi rất nhiều, ba vợ chồng con cái thật sự không chịu nổi, bèn vào một quán rượu để tránh tuyết. Quán rượu này là của Giả nhân. Tiểu nhị trong quán này thấy khách vào bèn bung rượu tới. Chu Tú Tài lắc đầu thờ dãi nói: “Tôi làm gì có tiền mà uống rượu!”. Rồi kể cho tiểu nhị nghe thân thế cảnh ngộ của mình. Tiểu nhị nhìn thấy con trai của chàng ta chừng năm, sáu tuổi, trông trắng trẻo ngoan ngoãn, liền nhớ đến lời dặn của Trần Đức Phủ, mới dạn hỏi rằng: “Các người có chịu bán đứa trẻ này không?”. Làm cha làm mẹ ai lại nỡ đem ruột thịt của mình mà cho người khác, nhưng Chu Tú Tài nghĩ đi rồi nghĩ lại, nếu như thằng bé gặp được một nhà tốt lành thì chẳng hơn là sống đói rét với mình ư?

Tiểu nhị mới nói chuyện ông Viên Ngoại giàu có nhất vùng này muốn có một đứa con, nếu đem Trường Thọ cho ông ta thì đảm bảo sẽ không bị khổ. Nghe nói thế, Chu Tú Tài bèn chấp nhận.

Tiểu nhị nói cho Trần Đức Phủ biết, Trần Đức Phủ lập tức đem ba người tới gặp Giả Viên ngoại.

Nhìn thấy Trường Thọ, Giả Viên ngoại rất vừa lòng, bèn bảo vợ ôm thằng bé đưa vào nhà trong, rồi bảo Trần Đức Phủ làm giấy chứng nhận, lập một tờ giao kèo. Trong giao kèo qui định: Hai bên đã ký vào hợp đồng rồi thì không được thay đổi, nếu một bên làm trái sẽ phải chịu phạt một ngàn quan tiền. Trần Đức Phủ hỏi: “Thế thằng bé đáng bao nhiêu?” Giả Viên ngoại nói sẽ đưa tiền nhưng không nói con số chính xác. Chu Tú Tài là người có học, không mặt nào mà đòi cụ thể là bao nhiêu, bèn ký luôn vào giao kèo. Trường Thọ mới năm, sáu tuổi, song hình như nó đã hiểu chuyện mua bán này, cứ ở trong nhà khóc toáng lên. Giả Viên ngoại nói mình phải vào dỗ thằng bé rồi bỏ mặc vợ chồng Chu Tú Tài ở ngoài. Trương Thị cứ gạt nước mắt suốt, còn Chu Tú Tài thì giục Trần Đức Phủ đi đòi lấy

Trần Đức Phủ vào trong nhà, không ngờ Giả Viên ngoại nói: “Tôi để thằng con ông ta ở lại nhà tôi ăn cơm, lẽ ra là ông ta phải đưa tiền cho tôi mới phải. Nhưng hiện nay họ cùng khốn lao đao như vậy, chắc cũng chẳng đào đâu ra tiền. Thôi đuổi họ đi đi cho xong. Nếu muốn làm ngược lại thì cứ theo bản giao kèo đã ký, phải phạt một ngàn quan”.

Trần Đức Phủ không ngờ Giả Viên ngoại lại lưu manh như vậy, chỉ đành lấy ra hai quan tiền của mình đưa cho Chu Tú Tài. Biết mình đã bị lừa, Chu Tú Tài cảm tức nghiến răng nghiến lợi song cũng không làm sao được, chỉ đành cùng vợ ôm mặt khóc mà đi.

Thấm thoát đã qua hơn mười năm, Trường Thọ đã thành chàng trai mười bảy tuổi. Chuyện lúc bé, cậu ta dần dần quên đi, chỉ biết Giả Viên ngoại là cha của mình. Vì nhà có tiền, lại được Giả Viên ngoại chiều chuộng, từ nhỏ đã tiêu pha hoang phí, mọi người đều gọi là “Thằng xa tiền”. Một hôm đó, Giả Viên ngoại bệnh nặng, nhân ngày lễ Đông nhạc Thánh Đế, Trường Thọ tới đèn Đông nhạc thắp hương và cầu xin cho cha chóng khỏi bệnh. Trước đèn Đông nhạc, người tới thắp hương nườm nượp, vô cùng náo nhiệt. Trường Thọ thấy mệt, định ngồi xuống chỗ hành lang sạch sẽ để nghỉ, nhưng có hai vợ chồng ông già tóc bạc lam lũ đã ngồi ở đấy rồi.

Hai người đó không ai khác mà chính là cha mẹ của Trường Thọ. Họ bán con xong, đi lang thang khắp chốn, xin ăn để sống. Hôm nay nhân ngày

lễ Thánh Đế, đến đây viết chữ thuê cho người ta để kiếm mấy xu.

Trường Thọ thấy họ nghèo khổ như vậy bèn lên giọng sang trọng quát: “Tránh ra! Tránh ra!” Chu Tú Tài phải khó khăn lắm mới kiếm được chỗ này, đời nào chịu nhường cho người khác. Trường Thọ bèn sai gia nhân đuổi họ đi. Hai vợ chồng già làm sao chịu nổi đám đá, chỉ đành âm ức mà tránh đi.

Khi Trường Thọ trở về nhà thì Giả Viên ngoại đã chết. Một gia tài lớn được kế thừa, Trường Thọ trở thành tiểu viên ngoại.

Lại nói vợ chồng Chu Tú Tài cảm tức đầy ruột nhưng chỉ đành đồ nhau lão đảo bước đi. Và một hẻm nhỏ, họ nhìn thấy một cái sạp “Bổ thí thuốc”, nghĩ bụng thời buổi này mà lại có người cho không thuốc, bèn bước vào xin thuốc rồi cảm tạ. Ông già chủ sạp nói: “Chẳng phải cảm tạ gì cả, cứ làm cho mọi người biết tên tôi là được rồi. Tên tôi là Trần Đức Phủ”.

Nghe cái tên này quen quá, Chu Tú Tài nhớ lại lúc bán con, chính Trần Đức Phủ là người làm chứng, bèn lập tức hỏi về tình hình Trường Thọ thế nào. Trần Đức Phủ nói: “Chúc mừng, chúc mừng, Trường Thọ vừa được thừa kế tất cả tài sản của Giả Viên ngoại, đã trở thành một tiểu tài chủ nổi tiếng rồi”.

Ông ta lập tức đến nhà họ Giả, đem chuyện mười mấy năm về trước, cha mẹ Trường Thọ bị cùng đường phải bán cậu ta cho Giả Viên ngoại thế nào, đầu đuôi nói hết. Nghe kể, Trường Thọ cũng lơ mờ nhớ lại chuyện xưa, vội đến ngay chỗ sạp thuốc nhận cha mẹ. Ba người nhìn nhau, kinh ngạc đến ngớ người, nhưng cha mẹ thấy con trai trở thành đứa độc ác bắt nạt họ chỗ trước miếu thì giận quá không nói nên lời. Trường Thọ thấy người bị đuổi trước miếu là cha mẹ ruột của mình thì xấu hổ quá không nơi độn thổ. Cậu ta quỳ xuống xin cha mẹ tha thứ, rồi gọi gia nhân bung lên một tráp vàng thoi. Chu Tú Tài lòng nào mà nhận tiền của con được. Trường Thọ nói, nếu cha mẹ không nhận cậu ta sẽ quỳ mãi không đứng dậy. Cuối cùng, Chu Tú Tài phải nhận, mở cái tráp ra bỗng thất kinh, thì ra trong tráp có thỏi vàng như viên gạch trên khắc rõ 3 chữ “Chu Phụng Ký”. Chu Phụng Ký là tên ông nội của Chu Tú Tài. Lúc này Chu Tú Tài mới rõ là hơn

mười năm trước số vàng bạc mà chính tay mình chôn ở vườn sau đã bị ai đào hết.

Chu Tú Tài đã từ phú gia biến thành nghèo khó, chịu biết bao khổ sở. Giả Nhân đã từ tên kiết xác bỗng giàu có hẳn lên, đến lúc chết lại hai bàn tay trắng. Bây giờ tất cả gia tài quy về chỗ cũ. Ông già họ Trần bất giác cảm khái nói: “Cái gì là của mình thì có đầy cũng không đi. Cái gì không phải là của mình thì dù có phí bao tâm cơ cũng chẳng thuộc về mình!”

Trường Thọ biết cha mẹ đã chịu gian lao mười mấy năm trời nên từ đó ăn ở với cha mẹ vô cùng hiếu thuận.

Chu Tú Tài bảo con đem số vàng bạc trong nhà cho hết những người cùng khổ không nơi nương tựa. Còn họ thì sống rất tiết kiệm để không quên cuộc sống mười mấy năm gian khổ khôn

Một bát cơm cũng lo đền đáp

(Nhị phách)

Thời Cảnh Thái triều Minh, ở huyện Ngô Giang phủ Tô Châu, có một ông già họ Âu Dương, cùng với vợ là Tăng Thị, sinh được hai con một trai một gái. Con trai mười sáu tuổi chưa lấy vợ, con gái hai mươi tuổi kết hôn cùng Trần Đại Lang là người cùng thôn. Trần Đại Lang ở rể nhà vợ. Hai vợ chồng mở một cửa hàng tạp hóa ở phía trước nhà, Đại Lang và cậu em vợ trông coi. Gia đình tuy không giàu có, song cả nhà sống rất hòa thuận thương yêu quý mến nhau.

Một hôm, Trần Đại Lang đi T Châu mua hàng bán mùa đông, bỗng trời có tuyết lớn. Chàng đi trong gió tuyết, lạnh run cầm cập, đang định tìm nơi uống chút rượu tránh tuyết, thì thấy từ đằng xa có một người đang đi tới. Người đó cao lớn vai u thịt bắp, mặt phủ đầy râu chỉ lộ ra hai con mắt đầy sát khí, thanh đao đeo ở lưng sáng lóe. Người đi đường thấy gã ta đều tránh từ xa.

Trần Đại Lang nghĩ bụng: Râu đầy mặt thế kia thì mồm đâu mà ăn cơm nhỉ? Rồi bước tới vái chào, mời gã cùng vào quán uống ly rượu. Gã râu xồm đang vừa đói vừa lạnh thấy có người mời thì mừng rỡ, cùng đi đến tửu quán. Ngồi yên chỗ rồi, Trần Đại Lang gọi đồ rượu và đồ nhắm. Chỉ thấy khách lấy ra từ trong tay áo một đôi móc câu mạ vàng đeo lên hai tai, rồi rẽ bộ râu vén làm hai, móc lên rồi uống ừng ực liền mấy bát rượu lớn, lại ăn đến chục bát cơm. Cơm no rượu say rồi, gã mới đứng lên hỏi tên họ Trần Đại Lang, cảm ơn rồi đi. Lúc này, tiểu nhị mới bước tới hỏi: “Sao ông lại dám uống rượu với gã râu xồm mặt đen đó? Chưa chừng hắn là tướng cướp đấy”. Trần Đại Lang nghe nói vậy cũng chẳng để ý gì.

Mua hàng xong, Trần Đại Lang quay về nhà, chàng ta đem chuyện gã râu xồm kể cho người nhà nghe cũng bán tín bán nghi.

Thời gian thấm thoát trôi, chẳng mấy chốc đã qua hai năm. Một hôm, có một ông già tên gọi Chử Kính Kiều hỏi hã đến nhà họ Âu Dương. Thì ra

đó là người láng giềng của bà ngoại ở thôn Sùng Minh, mấy hôm nay bà ngoại bị bệnh, ông già này đi từ Sùng Minh tới Ngô Giang để báo tin giúp. Ông Âu Dương có việc đi vắng, Tăng Thị không đi được, bèn bảo con gái và con trai sang Sùng Minh trông nom bà ngoại ít ngày. Ông già Chử về trước, hôm sau hai chị em đáp thuyền lên đường.

Thế nhưng qua mười mấy ngày rồi, bà ngoại nhờ người báo cho biết hai đứa cháu ngoại sao vẫn chưa tới. Nhà Âu Dương hoảng kinh, Trần Đại Lang lập tức đi tìm người chủ thuyền. Người đó nói rõ đã nhìn thấy hai người lên bờ rồi, sao lại có thể biến đi đâu được? Trần Đại Lang bèn cùng mẹ vợ hộc tốc đến Sùng Minh. Bệnh của bà ngoại đã đỡ, chỉ vì không thấy hai đứa cháu đến nên lo lắng thôi. Tăng Thị khóc ngất lên ngất xuống. Trần Đại Lang ngẫm nghĩ, chắc nhất định lão Chử Kính Kiều giở trò ma quái rồi. Thế là chàng ta chẳng kể ba bảy hăm một gì, xông đến nhà họ Chử, lôi Chử Kính Kiều ra đánh một trận. Tội nghiệp ông già Chử chẳng hiểu đầu đuôi gì bị đánh mặt mũi sưng tím. Ông ta cứ giậm chân đấm ngực, chỉ lên trời mà thề bồi, rằng nếu ông ta đánh lừa thì trời cho sét đánh chết ngay. Xung quanh láng giềng đều làm chứng rằng ông già Chử từ hôm đã về mười mấy ngày không hề bước ra khỏi cửa, Trần Đại Lang bấy giờ mới chịu ngừng tay. Chàng ta dán yết thị tìm người khắp nơi, lại đệ đơn lên huyện Sùng Minh và phủ Tô Châu, song kết quả vẫn không có tin tức gì.

Gần đến tết, mọi nhà đều náo nức đón năm mới chỉ có nhà Âu Dương cứ khóc lóc sụt sùi đau khổ vô cùng.

Trần Đại Lang mới nghĩ: ngày 19 tháng 2 là ngày Quan Âm Bồ tát ra đời, sao ta lại không đến núi Phổ Đà thắp hương chứ? Một là để xin Bồ tát phù hộ, hai là thăm thú cảnh Chiết Giang cho đỡ buồn khổ. Thế là trung tuần tháng hai, chàng nhờ ông nhạc trông coi cửa hàng rồi ngồi thuyền đi đến núi Phổ Đà.

Hôm đi trời đẹp sóng êm, thuyền chở đầy khách đi lễ. Nhưng mới được mấy dặm, trời bỗng nổi trận gió lớn, chỉ chớp lát mặt biển tối sầm, rồi sóng lớn nổi lên rất dữ, thuyền mất phương hướng cứ trôi theo dòng nước mà đi tuồn tuột. Một lúc sau, trôi đến cạnh một đảo nhỏ thì dừng lại, thấy trảo có mấy trăm tên lâu la đang hươu gậy múa thương, đấu quyền, bắn nỏ. Thấy có

hải thuyền dạt vào, chúng nhảy lên thuyền cướp hết sạch cả hành lý và tiền bạc. Tiền bạc dùng để đi lễ Phật chúng cướp đi sao được? Thế là có người kêu lên. Bọn lâu la vung đao định chém. Trần Đại Lang vội nói: “Xin hảo hán hãy tha mạng cho họ!” Nghe giọng Tô Châu, tên lâu la hạ đao xuống hỏi: “Người từ đâu đến?” Trần Đại Lang lập cập nói người Tô Châu. Tên lâu la nói: “Đại vương dặn rằng hễ gặp được thương gia người Tô Châu thì ngài phải đích thân gặp mặt”. Bọn chúng bèn dẫn Trần Đại Lang tới tụ nghĩa sảnh ở trong núi. Trần Đại Lang sợ quá cứ nhắm tịt mắt lại, niệm thầm: “Xin Bồ tát phù hộ cho con!”

“A, thì ra là ông bạn cũ của tôi tới, xin mời ngồi!” Trần Đại Lang nghe tiếng quen quen bèn mở mắt lên nhìn xem ai nói, thì đúng là gã mặt đen râu xồm đã gặp hai năm trước trong gió tuyết. Thấy Trần Đại Lang đã ngồi yên vị, gã râu xồm bèn cúi xuống vái chào nói: “Ơn nghĩa cho một bát com trong lúc gió tuyết, xin ghi mãi trong lòng, nay xin nhận cho một lạy anh em”. Trần Đại Lang vội vàng đáp lễ, rồi nói xin tướng quân tha cho các khách đi thuyền và trả cho họ hành lý. Gã râu xồm lập tức bảo lâu la làm theo như vậy. Trần Đại Lang mừng thầm trong bụng: “Nếu không có bữa com hai năm trước thì hôm nay tính mạng khó toàn”.

Gã râu xồm cho bày tiệc rượu khiến Trần Đại Lang thất kinh. Trong lúc ăn uống, gã hỏi Trần Đại Lang về chuyện gia đình. Không hỏi thì thôi, vừa hỏi đến là Trần Đại Lang rơi hai hàng nước mắt, bèn đem chuyện vợ và em vợ mất tích kể rõ đầu đuôi. Gã râu xồm uống một hớp rượu rồi nói: “Vậy là không tìm thấy rồi!” Gã khuyên Trần Đại Lang không nên buồn bã, ở đây có một người đàn bà, tuổi tác tương mạo, đều rất xứng với Trần Đại Lang, lại cũng là người Tô Châu, nay xin tặng cho chàng làm vợ rất phù hợp. Trần Đại Lang không dám từ chối. Gã râu xồm bèn lớn tiếng gọi: “Xin mời ra đây!” Chỉ thấy hai người một nam một nữ bước ra, Trần Đại Lang chăm chú nhìn, thì ra chẳng ai khác mà chính là người vợ và cậu em mà chàng ngày đêm mong ngóng. Ba người không cầm được, ôm nhau khóc ròng. Gã râu xồm hất hất cái mặt đầy râu, cười hỏi Đại Lang: “Huynh có muốn biết chuyện này là thế nào không? Xin chị dâu hãy từ từ kể rõ đi!”

Thì ra, khi đó cuối năm, sơn trại chuẩn bị ăn tết. Râu xôm dẫn lâu la tới Sùng Minh để kiếm ít đồ. Một buổi tối, họ nhìn thấy hai người một nam một nữ đang đi trên bờ sông, bèn bắt lấy. Râu xôm nghe nói là vợ và em của Trần Đại Lang ở Tô Châu, nhớ tới ân nghĩa của bát com trong gió tuyết ngày đó chưa báo đáp được, bèn đưa hai chị em họ về sơn tại, tôn làm thượng khách và khoản đãi chu đáo, lại dặn dò thủ hạ là hễ gặp ai là người Tô Châu thì đều đưa đến gặp đại vương. Bây giờ quả nhiên Trần Đại Lang không mời mà đến.

Trần Đại Lang mừng quá, thầm nghĩ thật là may. Nếu như không có bữa com trong gió tuyết đó, thì e rằng đến tính mạng của vợ và em mình cũng không bảo toàn được. Song lại nghĩ lại: Râu xôm muốn báo đáp ân huệ, đó là lòng tốt, song đi cướp vợ và em vợ người ta rồi sau đó mới tính chuyện trả lại, cái cách trả ơn như vậy thì cũng chỉ có loại trộm cướp mới làm. Nghĩ thế, chàng ta bèn vội vàng cáo biệt, rồi cùng vợ và em đi khỏi cái đảo nhỏ đó như là chạy trốn vậy.

Vong ân phụ nghĩa

(Nhị phách)

Đời Tống có một chàng trai tên gọi Mãn Sinh, là con của một gia đình nhiều đời làm quan, từ nhỏ không được ai dạy dỗ nên tính khí ngông cuồng tự phụ, mặc dù hình dung tuấn tú, đầy bụng văn chương, song cứ mãi mà không lập nghiệp được. Người trong họ dần dần xa lánh. Mãn Sinh cũng chẳng kể gì chuyện ấy, cứ sống kiêu phiêu lãng giang hồ ngâm phong vịnh nguyệt vui chơi.

Người chú là Mãn Quý thấy cháu không chịu cầu tiến thủ như vậy thì suốt ngày làm mặt giận. Mãn Sinh bèn rời Hoài An đi đến Trường An, định tìm một người bạn cũ của cha nhờ lo cho một chức quan gì đó. Không ngờ, người này mới bị biếm chức, đã đi khỏi Trường An rồi. Mãn Sinh mang theo tiền cũng không nhiều, lại tiêu pha thoải mái trong mấy ngày, nên hết cả tiền lộ phí để quay về nhà.

Ngày tháng chạp lãnh lẽo, suốt mấy ngày gió tuyết liên miên, Mãn Sinh ở trong một quán trọ nhỏ, trong người không có lấy một xu. Chủ quán không đòi được tiền, đuổi đi cũng không đi, đành chỉ không o anh ta ăn cơm nữa. Mãn Sinh nằm co trong phòng quán trọ, vừa đói vừa rét, bụng nghĩ mình là con quan, học vấn đầy bụng, thế mà nhất thời lỡ vận, phải chịu cảnh lạnh lẽo nhục nhã thế này, rồi còn những ngày sau nữa sẽ sống làm sao đây? Nghĩ đi nghĩ lại mãi, chàng ta không nén nổi, òa khóc rống lên.

Ở cạnh đó có một ông già họ Tiêu, mọi người gọi ông là Tiêu Đại Lang. Ông này vợ mất sớm, sống cùng với cô con gái là Tiêu Văn Cơ. Tiêu Đại Lang làm nghề buôn bán, tuy không có tài sản muôn quan ngàn quan gì, song sống cũng đầy đủ. Là người hay giúp đỡ kẻ nghèo khó, Tiêu Đại Lang thấy người có học lại càng vì nghĩa quan tâm. Hôm đó, hai cha con đang ở nhà uống rượu cho ấm, bỗng nghe bên cạnh có tiếng khóc bèn hỏi quán trọ, biết đấy là một học trò nghèo gặp nạn. Ông Tiêu bèn gọi đem rượu và thức

ăn tối, rồi lại bảo chủ quán rằng mọi chi phí của Mãn Sinh cứ ghi cả vào sổ của mình.

Trong lúc khốn đốn mà gặp được người tốt bụng như thế, Mãn Sinh vô cùng cảm kích. Ngày hôm sau, tuyết ngừng rơi, Mãn Sinh bèn sang nhà bá tử Tiêu Đại Lang, thăm tính nếu tiện sẽ mượn ông ít tiền lộ phí. Tiêu Đại Lang nhiệt tình khoản đãi Mãn Sinh. Hai người vừa ăn uống vừa trò chuyện vui vẻ, lời lẽ rất hợp ý. Lúc này, Tiêu Đại Lang thấy tiếc là đã gặp nhau muộn quá. Xong bữa, ông giữ Mãn Sinh ở lại ăn tết với nhà mình.

Tiêu Văn Cơ nghe nói cha vừa đem ở quán trọ về một chàng học trò, bèn tò mò đứng ngoài nhìn trộm. Văn Cơ đã đến tuổi dậy thì, vừa xinh đẹp vừa thông minh, nhìn thấy Mãn Sinh hình dung tuấn tú, nói năng lưu loát, tự nhiên cảm thấy rung động trong lòng.

Mãn Sinh ở lại trong nhà Tiêu Đại Lang, thường xuyên gặp mặt Văn Cơ, thấy Văn Cơ xinh đẹp, lại thông hiểu sách vở, cũng rất thích. Hai người đầu mảy cuối mắt tỏ mỗi tương thân. Tục ngữ có câu “Tai vách mạch rừng”, mối tư tình giữa Mãn Sinh và Văn Cơ không giấu nổi Tiêu Đại Lang. Ông rất tức giận cho rằng Mãn Sinh như vậy thật không phải là người quân tử, song cuối cùng, ông cũng đồng ý cho cuộc hôn nhân này. Thế là Mãn Sinh ở rể nhà họ Tiêu. Anh chàng cùng khốn lao đao khắp nơi phiêu bạt, nay xem như đã có một gia đình.

Để đền đáp ơn nghĩa của Văn Cơ và bố vợ, Mãn Sinh ngày đêm chịu khó, chịu khổ ra sức học tập, chuẩn bị lên kinh ứng thí. Hai năm sau, Tiêu Đại Lang chuẩn bị đầy đủ lộ phí cho Mãn Sinh rồi hai cha con ti chàng lên đường. Không phụ lòng mong mỏi của mọi người, Mãn Sinh đi thi được đỗ ngay. Bảng vàng nêu tên rõ ràng khiến cha con Văn Cơ như cõi mỗi lo. Thế là tuổi già của cha và cuộc đời của con nay đã có chỗ dựa rồi. Tiêu Đại Lang không tiếc của, không lo tốn kém, mời các thân bằng cố hữu tới ăn mừng suốt trong nửa tháng.

Mãn Sinh ở kinh đô, được lệnh đi Lâm Hải nhậm chức Huyện úy. Đang lúc thu xếp hành lý chuẩn bị đi đón vợ và ông nhạc cùng tới nhiệm sở, thì gặp một người anh họ. Vốn là những người tộc họ ở Hoài An thấy Mãn Sinh được ghi tên bảng vàng thì vui mừng khôn xiết bèn phái người anh

này đi khắp nơi tìm Mãn Sinh, mãi mới gặp được Mãn Sinh ở kinh thành bèn kéo chàng ta đi. Mãn Sinh ấp úng thoái thác, lại không nói rằng mình đã lấy vợ rồi. Người anh kia cho rằng Mãn Sinh thi đỗ rồi làm bộ lên mặt nên chửi cho một trận. Mãn Sinh nghĩ: “Mới đầu mình khốn khổ ra đi, bây giờ mình áo gấm về quê, thế cũng hay!” Thế là đi theo anh ta về Hoài An.

Lại một cuộc vui náo nhiệt. Chúc mừng xong, ông chú là Mãn Quý nói với Mãn Sinh rằng ông ta đã nhắm cho chàng một đám, cô gái họ Chu, tài sắc song toàn, cũng là con gái nhà quan, môn đăng hộ đối. Mãn sinh cứ ấp a ắp úng, mãi mà không nói lên lời, vừa không nói rõ mình đã có vợ, vừa không dám trái lời ông chú. Mấy hôm sau, ông chú điên tiết lên lại chửi cho một trận, Mãn Sinh mới nghĩ rằng bây giờ mình đã gặp bước thanh vận, nên làm cho đáng danh gia vọng tộc. Sau này nếu Văn Cơ không được tin tức của mình chắc nàng sẽ đi lấy người khác thôi. Nghĩ vậy xong, chàng ta bằng lòng, chọn một ngày lành kết hôn với cô gái họ Chu.

Thật không hổ là con nhà danh giá, nàng họ Chu chẳng những dung mạo xinh đẹp, mà còn giỏi mọi thứ cầm, kỳ, thi, họa, Mãn Sinh càng nhìn càng ưa. Hai người thương yêu quấn quýt nhau như keo như sơn. Cũng có lúc nhớ tới Văn Cơ, Mãn Sinh cũng thấy trong lòng có chỗ không vui. Nàng họ Chu vốn là cô gái hiền thực và hiểu biết, khi được biết chuyện của Mãn Sinh và Văn Cơ, nàng khuyên chồng nên đón Văn Cơ đến cùng sống, nhưng Mãn Sinh không nghe. Rồi còn đem cái áo và hộp hương thơm mà Văn Cơ tặng ra đốt hết để chứng tỏ là thật sự tuyệt tình.

Được hanh thông trên đường hoạn lộ, Mãn Sinh dần dần được thăng chức quan to. Nàng họ Chu được cùng chồng hưởng mọi vinh hoa phú quý. Cứ như vậy qua mười mấy năm, chuyện cha con họ Tiêu thế nào, Mãn Sinh từ lâu đã quên

Một hôm, Mãn Sinh đi tản bộ trong cái sân rộng thênh thang nhà mình, bỗng nhìn thấy một a hoàn mặc áo màu xanh, thấy chàng ta, a hoàn đó chạy vụt đi. Mãn Sinh đuổi theo, thấy a hoàn chạy vào một gian nhà nhỏ treo cái rèm rách. Chàng ta chạy đến đó, bỗng thấy từ trong nhà một người đàn bà bước ra, nhìn kỹ té ra là Tiêu Văn Cơ. Mãn Sinh kinh hoàng bỏ chạy. Văn Cơ chạy theo níu lấy rồi òa khóc, vừa khóc vừa kể lể chuyện mười mấy

năm nay, rằng phụ thân Tiêu Đại Lang thấy Mãn Sinh vong ơn bội nghĩa như vậy đã tức quá, khí uất lên mà vong mạng, Tiền bạc trong nhà đã hết sạch bây giờ nàng một mình cô đơn cô độc không nhà không cửa.

Nàng Chu đã nghe nói Văn Cơ từ ngàn dặm tới đây tìm chồng, bèn tới gặp Văn Cơ. Nàng giữ Văn Cơ ở lại với mình, Mãn Sinh trong lòng hồ thẹn, không dám đến gặp Văn Cơ. Một hôm, Mãn Sinh vừa uống rượu ở đâu về, thấy phòng Văn Cơ vẫn sáng đèn bèn lão đảo bước vào. Sáng hôm sau, mặt trời đã lên cao, cả nhà đều đã dậy mà Mãn Sinh vẫn ở trong phòng Văn Cơ chưa ra. Mọi người đùa nói: Mười năm rồi không gặp nhau mà, bây giờ phải đem bao chuyện trong mười năm ra nói trong một đêm thì sao cho hết được? Và cứ để mặc kệ họ. Đến trưa, phòng Văn Cơ vẫn im lìm, nàng Chu hơi khó chịu bèn sai người tới gõ cửa. Nhưng cửa vẫn đóng chặt, gõ thế nào cũng không mở, mọi người thấy lạ. Cuối cùng đành phá cửa vào thì thấy trong phòng trống không chẳng có người nào, không có Văn Cơ trong đó. Nàng Chu nhìn khắp nơi thấy dưới gầm giường có một người nằm thẳng cẳng, mồm mũi đổ máu, đã tắt thở từ lâu. Nàng ta nhìn kỹ thấy đúng là Mãn Sinh chồng mình, bèn òa khóc. Lúc đó phía sau có tiếng Văn Cơ nói: “Xin phu nhân tha lỗi, chính tôi đã giết Mãn Sinh để báo thù cho tôi và cha tôi. Phu nhân cũng chẳng cần phải đi báo quan làm gì vì tôi đã là người âm phủ từ lâu rồi. Xin phu nhân hãy chú ý bảo trọng”. Nàng Chu quay đầu nhìn lại thì chẳng thấy Văn Cơ đâu, nàng ta hoảng kinh, hồn bay phách lạc, rồi ngẫm nghĩ mãi, thấy Mãn Sinh là kẻ vong ân phụ nghĩa nên mới ra nông nỗi như vậy, bèn cùng người nhà lo liệu việc chôn cất cho Mãn Sinh.

1. Tức loại ngôn ngữ văn học rất gần với khẩu ngữ được sử dụng từ thời Đường - Tống trở đi. Trước đó, các sáng tác toàn viết bằng văn ngôn.

2. Một số trích dẫn tác phẩm trong “Lời giới thiệu” là từ các bn toàn văn, mà các bản tóm lược trong tập sách này đã bỏ bớt.

3. Từ là loại thơ làm theo các điệu hát có sẵn.

4. Cân của Trung Quốc bằng 0,5 kg.

5. Vải đoạn: loại vải bóng mượt như sa tanh.

6. Ngày thứ ba sau ngày cưới.

7. Tuân tình: chết vì yêu.